NĂM THỨ TÁM • # 86 • JUNE 1996

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

TÔI PHỎNG VẤN CỰU T.T. THIỆU

NGUYỄN KỲ PHONG

NGƯỜI VIỆT CAO NIÊN

BS TRẦN MINH TÙNG

HÀNH TRÌNH TRĂM NĂM

TIÊU DAO BẢO CỰ

BẠN ĐANG SỐNG TRONG MỘT THẾ GIỚI MỞ RỘNG, GIAO DỊCH VÀ LÀM VIỆC
VỚI NGƯỜI NGOẠI QUỐC, HỌC NGÔN NGỮ LÀ CHUYỆN CẤP THIẾT KHÔNG THỂ XAO LÃNG.

Hãy nhớ đến

ĐẠI TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ PHÁT ÂM

ĐỪNG BỎ LỠ CƠ HỘI!
Một máy bằng 3 máy
cộng lại mà chỉ tốn
nửa số tiền.

GOLDEN Thế Kỷ VEC-888

3 NGÔN NGỮ: ANH - VIỆT - HOA
5 BỘ TỪ ĐIỂN: ANH-ANH, ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ANH-HOA, HOA-ANH

CHUYỂN TỪ NGÔN NGỮ NÀY QUA NGÔN NGỮ KIA CHỈ DÙNG MỘT NÚT BẤM.

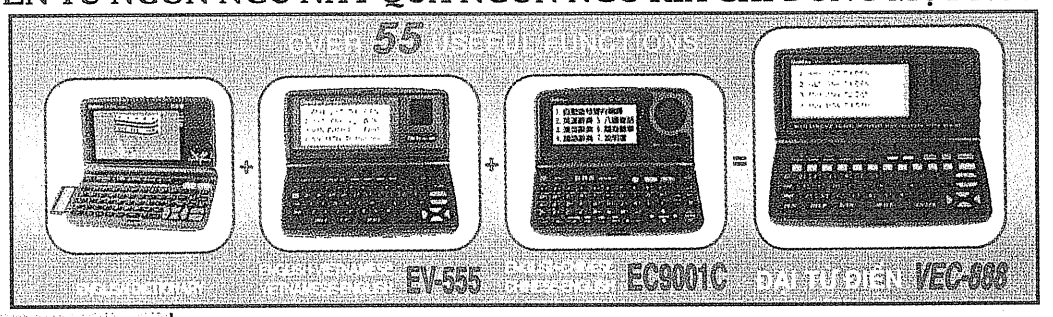

- *Anh-Anh* Từ Điển
- *Anh-Việt* Từ Điển
- *Việt-Anh* Từ Điển
- Từ điển *Đồng Nghĩa*
- Từ điển *Phản Nghĩa*
- *Đàm Thoại* thông dụng trong hàng chục lãnh vực
- *Vạn Dụng* Từ Điển để dùng riêng trong 35 lãnh vực khác nhau
- Sổ ghi *Điện Thoại*, Sổ Hẹn, *Sổ Ghi Nhớ* có sức chứa gấp đôi máy thường
- *Máy Tính:* Làm đủ các phép tính thông thường
- Đổi đơn vị đo lường
- Đổi hối suất tiền tệ quốc tế
- Xem giờ như đồng hồ biết giờ khắp năm châu
- Tra cứu thông minh chỉ cần ghi vào một phần hay một mẫu tự cái
- Tìm ngày tháng Âm Dương Lịch
- Chuông báo giờ nhắc mọi hoạt động

- Anh-Anh Từ Điển (American Heritage Concised Dictionary)
- Anh-Việt, Việt-Anh của máy Thế Kỷ EV-555
- Anh-Hoa, Hoa-Anh của máy EC-900 1C

Và 10 khả năng vô địch tất cả các máy khác hiện nay không thể có được:

1. *5 bộ từ điển ngôn ngữ Anh, Việt và Hoa trong một máy.*
2. *Màn ảnh có thể hiện lên bằng 1 trong 3 ngôn ngữ trên.*
3. *Tra cứu tuần hoàn, chuyển từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ kia ngay lập tức và không giới hạn (máy mới nhất của người Hoa chỉ cho tra 5 lần).*
4. *Có 16 bài văn phạm với đầy đủ câu ví dụ.*
5. *Trên 30,000 câu dẫn chứng cho các từ tiếng Anh.*
6. *Phát âm tiếng Anh nguyên giọng Mỹ của Đại Học Berkeley (có bản quyền).*
7. *Phát âm tiếng Hoa hai giọng Quảng Đông và Bắc Kinh, đúng giọng địa phương (có bản quyền).*
8. *Bộ nhớ của VEC-888 lớn nhất, kho chứa trữ liệu lớn nhất.*
9. *Luyện thi Nhập Tịch theo tài liệu hình thức của Sở Di Trú có phát âm.*
10. *Thay đổi màn ảnh, tra cứu các từ, đổi công dụng, chuyển ngôn ngữ, tìm câu dẫn chứng cho mỗi từ...chỉ bấm 1 nút.*

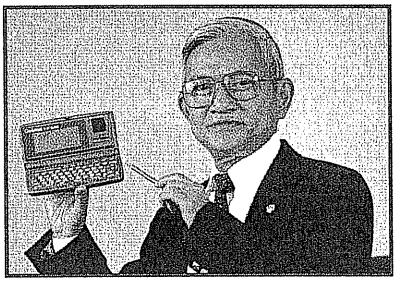

Chỉ cần Anh-Việt hãy dùng
Từ Điển Điện Tử Phát Âm Thế Kỷ EV-555
với trên 40 công dụng

Chúng tôi phân phối đi khắp thế giới

TỔNG ĐẠI LÝ TẠI HOA KỲ VÀ CANADA

GOLDEN MATE INC.

2646 DURFEE AVE., EL MONTE, CA 91732

Tel: (818) 279-9898

Fax: (818) 279-9899

Nhận Order: 1-800-248-3948

THẾ KỶ NEW YORK
36-26 145 Place, Flushing, NY 11354
Tel: (718) 353-9116 * Fax: (718) 358-0244

LITTLE SAIGON
9200 Bolsa Ave., # 226
Tel: (714) 897-9808

MONTERY PARK
127 N. Garfield Ave
Tel: (818) 571-6598

FELICITY CO.
861 N. Spring St., # 110 LA.
Tel: (213) 617-2283

NHÀ SÁCH THĂNG LONG
767 N. Hills St. # 102 LA., CA 90012
(trong khu Interstate Bank)
Tel: (213) 628-1644

CHINATOWN (LA)
727 N. Broadway # 128
Tel: (213) 625-8609

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ
EDWARD REID

CHUYÊN MÔN VỀ TAI NẠN

- BẤT CỨ TAI NẠN GÂY THƯƠNG TÍCH
- HỒ SƠ ĐƯỢC THEO DÕI THƯỜNG XUYÊN VÀ GIẢI QUYẾT NHANH CHÓNG
- CHỈ NHẬN THÙ LAO SAU KHI ĐƯỢC BỒI THƯỜNG

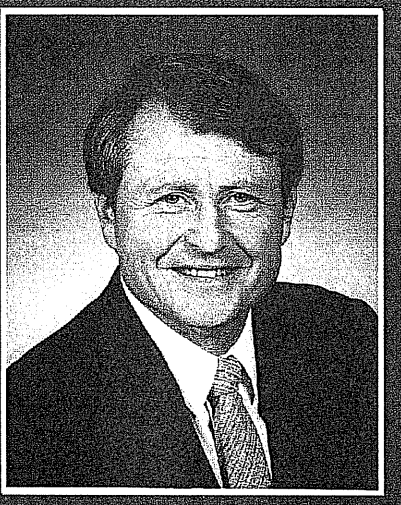

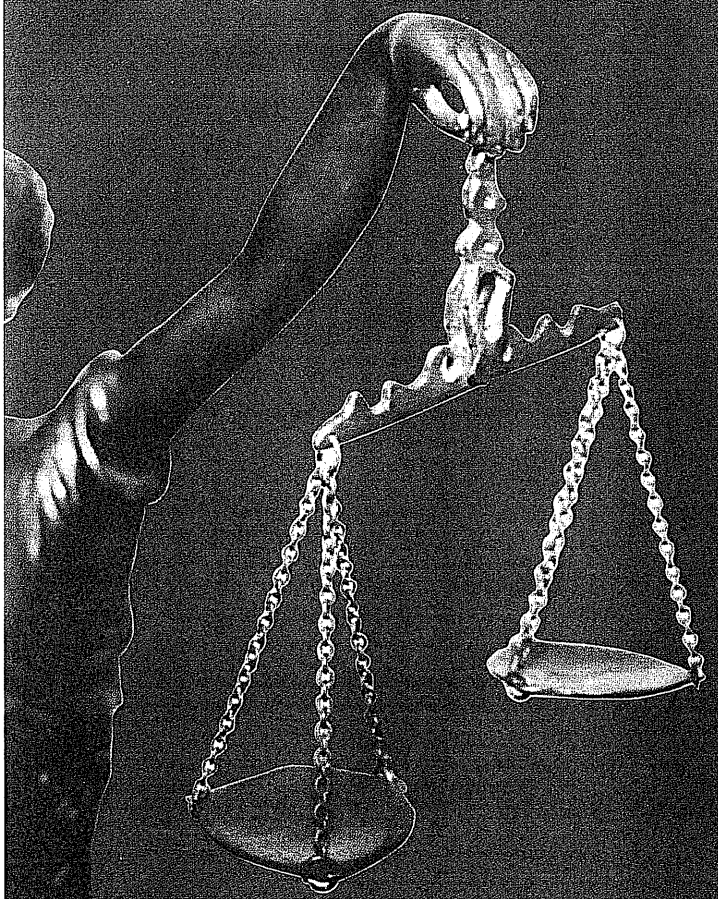

Quý vị cần có một luật sư tận tâm, uy tín. Với rất nhiều năm kinh nghiệm hùng biện trước tòa án, luật sư sẽ bảo vệ quyền lợi tối đa cho thân chủ.

Văn phòng có Cô NHƯ LAN sẽ hướng dẫn và giúp đỡ quý vị tham khảo trực tiếp với luật sư để giải quyết mọi thắc mắc và khó khăn thiệt hại đến đời sống hằng ngày của quý vị. Khi có tai nạn, xin quý vị trực tiếp liên lạc ngay với văn phòng để bảo đảm được lệ phí luật sư thấp và hợp lý.

ĐỊA ĐIỂM THUẬN LỢI

ORANGE COUNTY **(714) 379-8333**

LOS ANGELES COUNTY **(310) 434-4421**

Bạn đã đến thăm PRECISION bao giờ chưa ?

Bạn hãy tưởng tượng ra một business complex có 5 căn tiệm Việt Nam khác nhau gộp lại: một tiệm chụp hình chuyên nghiệp bên cạnh một hãng phân màu loại chiến, cộng với một Graphic Designer lừng lẫy hợp sức cùng một nhà in cấp cao. Cuối dãy lại có thêm một anh chàng chuyên in poster, loại poster to bằng bức tường. Cả 5 chàng Việt Nam này làm việc ngày đêm, coi sóc thêm 25 nhân viên, dùng chung một office có 4 cô thư ký, 10 đường giây điện thoại với 24 cái phone...

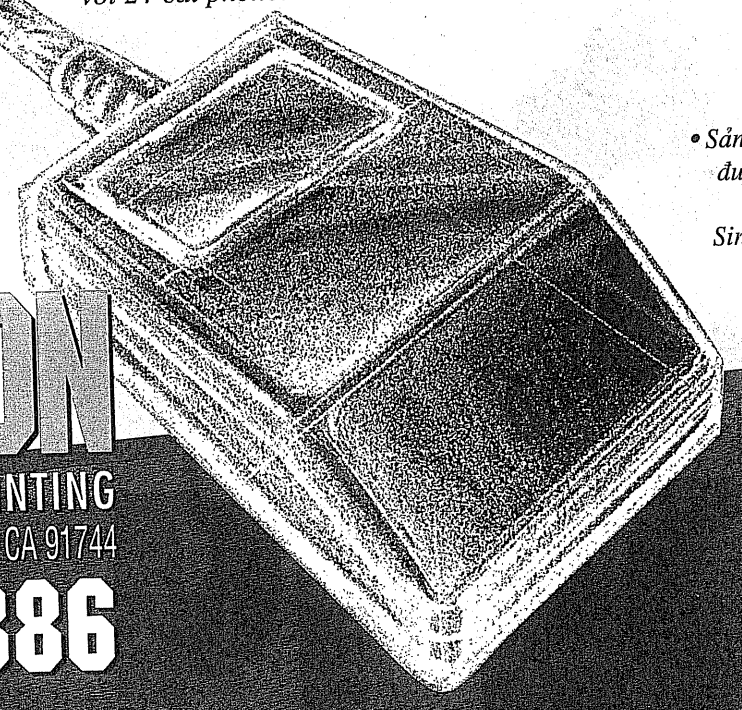

PRECISION

COLOR • GRAPHICS • PRINTING

15703 East Valley Blvd. City of Industry, CA 91744

818-937-6886

Trước 3000 khán giả say mê, theo dõi từng giây, từng phút một show ca vũ nhạc Việt Nam vĩ đại chưa từng có tại Houston (Texas), video Paris By Night 36 đã chứng minh tuyệt vời định lý:

"Xem một lần rồi sẽ yêu thích Paris by Night mải mải"

PARIS BY NIGHT 36 in HOUSTON TEXAS

VIDEO ĐẤT GIÁ NHẤT DÀI HƠN 3 GIỜ
$28.00 / BỘ

Điều khiển chương trình:
NGUYỄN NGỌC NGẠN & HỒNG ĐÀO

Từ ngạc nhiên nầy đến ngạc nhiên khác hằng ngàn khán giả đã vổ tay không ngừng trước những hoạt cảnh mới lạ đầy sáng tạo: **Bích Câu Kỳ Ngộ (Ái Vân & Thế Sơn), Chuyện Tình Romeo & Juliet (Dalena & Henry Chúc), Màn Vampire Ma Cà Rồng (Don Hồ), Màn Vũ Cowboy Texas (Lynda T. Đài) Màn SAY độc đáo (Nguyễn Hưng), Màn Cổ Nhạc (Hương Lan & Chí Tâm)...**

Một tổng hợp các nghệ sĩ hàng đầu hải ngoại:
Họa Mi - Ái Vân -Ý Lan - Hương Lan - Thanh Lan - Lê Uyên & Phương - Dalena - Thanh Hà - Phi Phi - Mỹ Huyền - Châu Ngọc - Hoàng Lan - Lynda Trang Đài - Bảo Hân - Don Hồ - Nguyễn Hưng - Thái Châu - Henry Chúc - Thế Sơn - Philip Huy - Chí Tâm - Phạm Long & các vũ công chuyên nghiệp Hollywood...

xin liên lạc: **THÚY NGA**
Mỹ & Canada:
P.O. Box 2174
Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860 - Fax (714) 891-9673
Âu Châu:
44 Ave D'Ivry - 75013 Paris - France
Tel. 45 83 34 30
Úc:
323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200
AUSTRALIA - Tel. (02) 796-7227

Sau sự thành công của các băng đọc chuyện ngắn Thúy Nga mới phát hành băng đọc chuyện dài Cõi Đêm với giọng đọc HỒNG ĐÀO & NGUYỄN NGỌC NGẠN (5 cuốn 1/bộ)

THE-KY 21

A source for Vietnamese studies

Office: 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92640 USA
Tel (714) 638-9510 • Fax (714) 638-1944 • E-mail 75504.3510@compuserve.com
E-mail theky21@ix.netcom.com • WWW page http://www.vietmedia.com/theky21

ADVERTISING RATES

I. COVER (full color):

- Back : $840.00
- Inside (front/back): $680.00

II. INSIDE GLOSS PAPER (full color):

- 1 page $680.00

† (Less than 1 page size: not available).

III. INSIDE (black and white):

- Page 1: $340.00
- 1 page: $300.00
- 1/2 page: $170.00
- 1/4 page: $90.00
- 1/8 page: $50.00
- Classified (3 lines x 11picas) $20.00

† Add-on color (red/blue) any size: $50.00

DISCOUNTS:

- 05% for 4 runnings. - 10% for 8 runnings. - 20% for 12 runnings. - 15% for paying in advance.

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PKWY SUITE A ■ GARDEN GROVE CA 92640 ■ TEL. 714-638-9510 FAX 714-638-1944

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN ■ SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full Name*: _____ Đ.T./ *Phone*: _____

Địa chỉ / *Address*: _____

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like* ***The Ky 21*** *delivered to me:*

☐ 06 số / *Issues* ☐ 12 số / *Issues* ☐ 24 số / *Issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*_____

Kèm theo đây là chi phiếu / lệnh phiếu mang số tiền / *Enclosed is check/money order of:* $_____

Gửi Bulk Rate:	☐ 6 tháng / *6 months:* $22.00	☐ 1 năm / *1 year.* $40.00	☐ 2 năm / *2 years* $ 75.00
Gửi First Class:		☐ 1 năm / *1 year:* $52.00	☐ 2 năm / *2 years* $ 96.00
Gửi ngoài nước Mỹ (chỉ nhận Air Mail)	*CANADA*	☐ 1 năm / *1 year.* $59.00	☐ 2 năm / *2 years* $113.00
	ÂU CHÂU / *EUROPE*	☐ 1 năm / *1 year.* $76.00	☐ 2 năm / *2 years* $140.00
	Á & ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	☐ 1 năm / *1 year.* $86.00	☐ 2 năm / *2 years* $160.00

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ
ANDRE LAM

Liên lạc:

DIAMOND BICH NGOC

10221 Slater Avenue, Suite 211 - Fountain Valley, CA 92708

(714) 965-9715 (trong giờ làm việc)

1-(800) 695-7144 (ngoài giờ làm việc)

(714) 663-4314 (Beeper)

CHUYÊN LO BỒI THƯỜNG TAI NẠN XE CỘ

LUẬT SƯ PHÍ CỦA VĂN PHÒNG CHÚNG TÔI

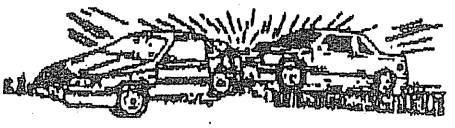

14.99%

THAY VÌ NHƯ CÁC VĂN PHÒNG LUẬT SƯ KHÁC 33.33%

Ngoài ra văn phòng còn chuyên lo về các dịch vụ: Di trú (Immigration); Khánh tận tài sản (Bankruptcy); Ly dị cấp dưỡng (Family Law); Luật thương mại (Business Litigation); Hình luật, Trộm cắp và Tội Đại hình; Tai nạn nghề nghiệp.

ĐÓN NGHE ! ĐÓN NGHE ! ĐÓN NGHE !

GIỜ HỘI LUẬN VỀ LUẬT PHÁP phổ thông do Văn Phòng Luật Sư AMDRE LAM phụ trách, và Diamond Bich Ngọc thực hiện hàng tuần mỗi chiều Thứ Ba trên đài VNCR, làn sóng 106.3 FM từ 2:15 PM đến 3:15 PM.

GIỜ HƯỚNG DẪN LUẬT PHÁP ba tuần một lần chiều Thứ Bảy trên đài Văn Nghệ Truyền Thanh, làn sóng 96.7 FM từ 2:00 PM đến 3:00 PM.

Trân trọng thông báo

THE RIGHT ACCOUNTANT MAKES A DIFFERENCE

SYED A. HYDER, C.P.A

Certified Public Accountant

Nhiều năm kinh nghiệm
Đã và đang làm việc cho
các Công Ty lớn của Hoa Kỳ

Văn Phòng Chúng Tôi Nhận:

- ☐ Khai Thuế cá nhân - Tổ Hợp - Công Ty
- ☐ Giữ sổ sách kế toán cho các cơ sở thương mại
- ☐ Cố vấn thuế vụ - Tài chánh
- ☐ Tất cả mọi dịch vụ về thuế

Tiếng Việt liên lạc Bà **Lệ Nga**
Giờ làm việc: 7 ngày 10:00 am - 6:00 pm

Chuyên Nghiệp - Tận Tâm

Phone: (714) **890-3719** * Fax: (714) **890-3792** * Pager: (714) **565-8012**
9081 Bolsa Ave., Suite 203 * Westminster, CA 92683 (Trong Khu Hòa Bình Food to Go)

ARC

KC TRAVEL & TOURS

(KIM CONTINENTAL TRAVEL)

CHUYÊN

- *Bán vé máy bay Quốc nội & Quốc ngoại*
- *Làm Công Hàm Ngoại Giao (chứng chỉ độc thân)*
- *Lo các thủ tục xuất nhập cảnh*

ĐẶC BIỆT ĐƯỜNG BAY TAM GIÁC VÀNG PHÁP, ÚC và VN

9842 Bolsa Ave., # 200A
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 839-9468
Fax: (714) 839-4283

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

¤ ***Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.***
¤ ***Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.***

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM ▫ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

▫ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

▫ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

▫ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

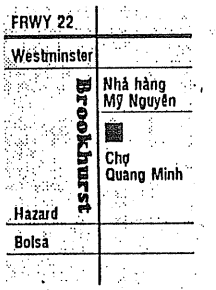

Trong khu Chợ Quang Minh

■ *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
■ *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

BÍ MẬT CỦA PHAN THIÊN ÂN NGƯỜI GIÀU NHẤT THẾ GIỚI

Hơn tám ngàn cuốn sách đã được phân phối. MỘT KỶ LỤC. Muốn chia sẻ sự kỳ diệu của một hành trình đầy ý nghĩa, và tìm cho mình một thanh bình trong tự do và thịnh vượng, hãy thư về:

PO Box 915
Los Alamitos, CA 90720, USA.

Kèm $5.00/một cuốn, hay xin biếu không nếu không đủ tài chánh.

VAALA

(714) 537-8352

Thi phẩm

MÂY BAY

của TẠ TỴ

đã có mặt

Thi phẩm MÂY BAY không bán ở tiệm sách, chỉ dành cho những người yêu Thơ.
Số lượng ấn phẩm rất hạn chế vì được in trên giấy quý, không có bản thường.

Quý vị yêu thơ, xin gửi $10.00 (ngoài nước Mỹ $12.00) bằng check hoặc money order cho:

Mr Linh Ta
11741 Old Fashion Way
Garden Grove CA 92640 USA

XIN QUÝ VỊ MUA THƠ, ĐỀ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ RÕ RÀNG, ĐỂ TRÁNH THẤT LẠC.

CD Tình Khúc Hồi Hương

phát hành 1996
Phạm Anh Dũng hát 12 bài ca trong Tập Nhạc Tình Khúc Hồi Hương.
Quốc Dũng hòa âm tài hoa, bay bướm.
Bìa Mùi Quí Bồng vẽ trang nhã.
Thu âm tại Sutton Sound Studio, Atascadero, California.

Và 2 tác phẩm đã phát hành:
TẬP NHẠC **Tình Khúc Hồi Hương** xuất bản 1991 và tái bản lần thứ nhất 1993
Phạm Duy đề tựa cho 12 tình khúc trong số đó 7 bản nhạc Phạm Anh Dũng phổ vào thơ của cố thi sĩ Phạm Thế Trường và các thi sĩ Đinh Tuấn, Trang Châu,Bích Huyền... Duy Cường soạn hòa âm Tây Ban Cầm; Mùi Quý Bồng vẽ bìa và phụ bản tuyệt vời.
CD **Đưa Người Về Phương Đông** phát hành 1993
12 tình khúc do Duy Cường hoà âm tuyệt hảo; Khánh Trường vẽ bìa CD đẹp và đặc biệt. Thu thanh tối tân 24 tracks tại Tomlinson Studio. Thơ Nguyên Sa, Du Tử Lê, Cung Vũ... Các ca sĩ Tuấn Ngọc, Duy Trác, Lệ Thu, Mai Hương, Thái Hiền... trình bầy rất điêu luyện.
GIÁ BÁN kể cả cước phí bưu điện: (Ngoài Hoa Kỳ trả bằng USD International Monney Order) CD Tình Khúc Hồi Hương. Giá 1 CD US$6.00. TẬP NHẠC Tình Khúc Hồi Hương. Giá 1 tập nhạc US$6.00 CD và TẬP NHẠC Tình Khúc Hồi Hương. Giá cả hai là US$10.00 *Vì CD Đưa Người Về Phương Đông sắp hết, một số giới hạn sau đây dành cho người đặt mua sớm: CD Đưa Người Về Phương Đông. Giá 1 CD US$12.00 CD Đưa Người Về Phương Đông và CD Tình Khúc Hồi Hương. Giá cả 2 CD là US$15.00 CD Đưa Người Về Phương Đông, CD Tình Khúc Hồi Hương và TẬP NHẠC Tình Khúc Hồi Hương. Giá cả 3 món hàng là US$18.00
Thư từ, tiền bạc, ngân phiếu, lệnh phiếu... xin đề tên và gửi đến: **Dan Pham / 4697 Stillwell Rd. / Santa Maria, CA 93455 / ĐT: (805)937-7655**

Tranh bìa: **Nguyễn Quốc Tuấn** (xem bài trang 53)
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Cao Bá Minh, Vũ Thái Hòa, Nguyễn Hữu Nhật, Đinh Cường, Ngọc Dũng**
Hí họa: **Hiếu, Fus, Babui Mamburao**
Ảnh: **Bùi Duy Thuyết, Diane Le, Đinh Cường, Hồ Đăng, Lê Tam Ca**

MỤC LỤC

Số 86 • Tháng Sáu 1996

CHÍNH TRỊ - THỜI SỰ

13. Thế nào là định hướng đúng — **Nguyễn Thanh Giang**
18. Cuộc phỏng vấn không xảy ra — **Cam Vân**
21. Tôi phỏng vấn cựu T.T. Thiệu — **Nguyễn Kỳ Phong**
36. Huyền thoại về công lao giành độc lập thống nhất... — **Nguyễn Gia Tiến**
37. Tai nạn và sự an toàn của phi cơ thương mại — **Hà Tường Cát**
100. Hanoi-Beijing rapprochement: dream or nightmare? — **Lâm Lễ Trinh**

TÀI LIỆU - LỊCH SỬ

24. Sự dính líu của Trung Quốc vào cuộc chiến Việt Nam — **Chien Gian (Cam Vũ dịch)**
29. Những bí mật của chiến tranh Triều Tiên — **D. Volkogonov (Trần Minh dịch)**
67. Sự tự do của chị nữ tu Emmanuelle — **Nguyễn Hoài Vân**

KHOA HỌC - ĐỜI SỐNG

40. Đời sống Mỹ: Cho con học đại học Mỹ. Ai dại ai khôn? — **Trần Quán Niệm**
42. Dùng máy điện toán làm máy thu thanh — **Lê Tam Ca**
43. Tìm người trong vũ trụ — **Nguyễn Viết Khánh**
46. Những nghiên cứu mới về não bộ — **Chân Văn**
49. Từ điển điện tử cầm tay — **Nguyễn Đức Quang**
50. Đi làm với công ty nước ngoài - xưa và nay — **Khuyết danh**
62. Người Việt cao niên - một bài toán ló dạng — **Trần Minh Tùng**

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

53. Tranh Nguyễn Quốc Tuấn — **Đinh Cường**
55. Chữ nghĩa và... đa nguyên — **Phố Tịnh**
68. Thi sĩ Nguyễn Bắc Sơn... — **Nguyễn Văn Hiếu**
87. Tưởng niệm nhà văn, nhà báo Chu Tử — **Nguyễn Quang An**
103. Book reviews: "Hà Nội in My Eyes" & "The Rubber Tree" — **Nguyễn Đình-Hoà**

VĂN

72. Truyện: Hành trình trăm năm — **Tiêu Dao Bảo Cự**
76. Ký: Chào đời không phải là lần đầu — **Gi Du**
78. Truyện: Đôi ba người Việt — **Lê Tất Điều**
84. Truyện: Người khách chiều hôm ấy — **Nguyễn Hiền**

THƠ

74. Mùa xuân — **Trần Thiện Hiệp. 80.** Tặng bạn về hưu - Nhớ Dalat - Tặng Nguyễn Đan Quế - Tặng Đoàn Viết Hoạt — **Đoàn Thanh Liêm. 82.** Khúc hát mùa đông — **Đỗ Thì Kênh G. 85.** Mặt trời ở lại với đại dương — **Hồ Thành Đức. 99.** Hoài niệm — **Viên Phong.**

MỤC THƯỜNG LỆ

8. Thư tòa soạn — **Thế Kỷ 21**
9. Bạn đọc viết — **Vương Hữu Bột**
11. Tòa soạn và bạn đọc — **Phạm Phú Minh.** Thư trên lưới — **Lê Đình Điểu**
12. Hộp thư trị sự — **Phan Mỹ Sương**
57. Sổ tay — **Thế Kỷ 21**
90. Vòng Chân Trời Văn Học Nghệ Thuật — **Lê Tam Ca**
94. Sách báo trong tháng — **Phạm Xuân Đài**
99. Bolsanet — **Cậu Tám Bolsa**

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • TRIẾT ÁC

Tạp chí ra hàng tháng. Cty Người Việt sáng lập (1989). Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ bảo trợ.

11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92640 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail:
75504.3510@compuserve.com
hoặc **theky21@ix.netcom.com**
WWW homepage:
http://www.vietmedia.com/theky21

Nhóm chủ trương: Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt, Tống Hoằng, Trần Đại Lộc, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Lê Định Điểu
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Tổng thư ký Tòa soạn:
Phạm Phú Minh

Bài gửi cho *Thế Kỷ 21* xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn.

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương

Ngân phiếu đề: THE KY 21.

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
1.*Lê Tất Luyện* 45 83 19 12
2.*Phạm Thị Thu Hương*
39 84 00 84
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371-439238
Úc: *Bình Anson*
(61-9) 448-0637
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529

ISSN 1056-4640

ĐÃ SANG NĂM THỨ TÁM

Sau số báo 84, *Thế kỷ 21* đã bước sang năm thứ tám. Trong bẩy năm qua chúng ta duy trì được diễn đàn chung này là nhờ sự đóng góp của tất cả quý vị độc giả, ở ngoài và ở trong nước Việt Nam.

Tháng trước, *Thế Kỷ 21* đã đăng một bài nhận xét về chính sách kinh tế trong bản dự thảo Báo Cáo Chính Trị của Đại Hội Tám đảng Cộng sản Việt Nam. Tác giả Võ Xuân Quang là một chuyên gia ở nước ngoài, thường về Việt Nam làm việc cho các cơ quan quốc tế, ông phân tích bằng con mắt thuần túy chuyên môn. Tháng này, chúng ta sẽ đọc một bài khác của Nguyễn Thanh Giang, ông sống ở trong nước với các kinh nghiệm và kiến văn phát xuất từ sự chứng kiến thực tế chung quanh.

Số lượng bài viết của quý vị cộng tác ở xa gửi về cho *Thế Kỷ 21* càng ngày càng nhiều, việc lựa chọn để đăng báo càng khó khăn, thế nào cũng có những sơ suất. Trong hoàn cảnh mà các người chủ nhiệm, chủ bút, và tổng thư ký của tờ báo đều làm việc có tính cách thiện nguyện, không có thù lao, thời giờ dành cho việc đọc, biên soạn, và chọn bài rất ít ỏi, nên càng dễ sơ sót.

Một vị độc giả đã cộng tác với *Thế Kỷ 21*, ông Nguyễn H. Vũ, ở California, đã khuyên chúng tôi nên mời một số nhà chuyên môn làm cố vấn khi chọn bài. Thí dụ một vài người đọc các bài về khoa học, một nhóm coi bài vở về kinh tế, hay văn, thơ, v.v... Chúng tôi xin vâng lời và xin quý vị độc giả cho chúng tôi biết vị nào chuyên về ngành nào sẵn sàng giúp đỡ, để chúng tôi hỏi ý kiến khi cần. Tất nhiên, nếu quý vị đều sử dụng điện thư, và nếu các bài viết đều gửi đến trong hình thức có thể chuyển qua mạng lưới điện thư, thì việc này thực hiện được dễ dàng hơn.

Ông Vũ cũng nhận xét rằng *Thế Kỷ 21* hơi nặng về chính trị quá.

Ngược lại, một người cộng tác thường xuyên với *Thế Kỷ 21* là giáo sư Tôn Thất Thiện từng nhận xét rằng tờ báo còn nhẹ về chính trị quá, nên bớt các mục khác để đăng các bài đặt những bài quan trọng đối với tương lai đất nước.

Một lý do tờ báo này hay bàn về chính trị, hay bàn chuyện Việt Nam, có lẽ là vì đa số độc giả ở trình độ có thể tiếp nhận các sách, báo với các nguồn tài liệu quốc tế về các vấn đề khác. Các chuyện về y học, thẩm mỹ, thiên văn, xã hội đa số quý vị đã đọc ở các báo chuyên môn hay phổ thông bằng ngoại ngữ. Tuy vậy, khi có các tư liệu, thông tin liên quan đến nhiều người, thí dụ về học phí các trường đại học ở Mỹ, siêu xa lộ thông tin, v.v... chúng ta vẫn trao đổi với nhau, vì không ai có thể đọc hết các sách báo. Còn chuyện tương lai dân Việt Nam, xây dựng nước Việt Nam là chuyện chỉ chúng ta thiết tha bàn với nhau, đối với báo chí ngoại quốc không mấy ai họ quan tâm.

Hy vọng rằng một ngày gần đây tạp chí *Thế Kỷ 21* sẽ phát hành tự do ở Việt Nam, nếu có thể thì in một ấn bản trong nước. Trong khi chờ đợi chúng ta vẫn không bao giờ quên LÝ DO có mặt tạp chí này là vì 74 triệu đồng bào trong nước, không phải chỉ vì hai triệu người Việt ở nước ngoài.■

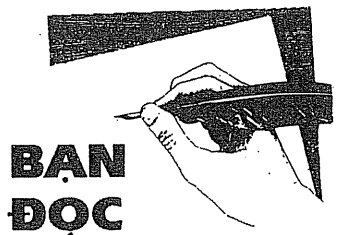

BẠN ĐỌC VIẾT

Hợp ý

Tôi mới biết *Thế Kỷ 21*, tình cờ đọc được một số (#82, Feb 96) thôi. Qua Mỹ, tôi ít đọc sách báo tiếng Việt. Lúc nầy tôi rất thích những sách báo thuộc loại tôn giáo, tinh thần, "học làm người" (self improvement). Tôi nghĩ đời mình còn quá ít thì giờ, không thể phí phạm vào những sách vở khác. Bài viết "Thành Công và Hạnh Phúc" của Chân Văn (trang 50, 51) y như viết lên điều tôi suy nghĩ bao lâu nay, cứ như tác giả viết giùm tôi vậy. Truyện "Sông Cạn Đá Mòn" của Hồ Minh Dũng, tuyệt tác! Nỗi thất vọng ê chề của những H.O. khi qua Mỹ, và cái ảo tưởng của những người còn ở Việt Nam nhìn qua Mỹ... Tuyệt bút!

Nguyễn Văn Bé *(Wheaton, MD)*

Gì cũng chưởi

Trên báo chí tiếng Việt ở Hoa Kỳ gần đây có những bài rất chống cộng, nhân tiện chụp mũ hoặc bôi nhọ những nhân vật trong các cộng đồng người Việt. Có ký giả đã sử dụng bí danh để tiện bề thêu dệt những mẩu chuyện về gia đình, từ giường chiếu đến bếp núc hoặc công ăn việc làm thường nhật. Họ tạo ra trong dĩ vãng của những nhân vật có trách nhiệm những mẩu chuyện từ thất lưng trở xuống, đem phơi bày trên các quầy báo, tiệm sách. Những nhân vật này, ngoài trách nhiệm sinh hoạt cộng đồng, còn phải lo gánh vác việc nhà, thì thay vì được sự khuyến khích giúp đỡ, công chuyện làm ăn của họ cũng đã bị những người viết mướn biến thành đề tài châm biếm! (...)

Tác giả các bài báo rất "chống cộng" nầy không bao giờ dám ký tên thật của mình. Các bài viết của họ chẳng khác gì những lá thư nặc danh.

Các ông Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế là những nhân vật hiện đang trực diện đối đầu với bạo quyền cộng sản; các ông Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu là những người vốn xưa kia là cộng sản, nhưng nay đã lột xác và đang bị bạo quyền quản thúc và đe dọa. Trong tạp chí VNTP số 480, tháng Giêng năm 1996, một ký giả dưới bút hiệu Bách Linh lại đi công bố rằng ông Võ Văn Ái cùng các hòa thượng Thích Quảng Độ, Thích Không Tánh, Thích Trí Lực chỉ là "những cán bộ tuyên vận." Những bài họ viết, kiến nghị họ xin minh oan, thông bạch họ gởi ra nước ngoài để minh chứng sự thật tại quê nhà chỉ là tác phẩm của những bồi bút của chế độ! Trong số những bồi bút nầy ký giả Bách Linh tính luôn cả Tiêu Dao Bảo Cự, Hà Sĩ Phu, Đỗ Trung Hiếu! Ông Bách Linh quả quyết rằng tất cả những vị trên đây là văn nô của chế độ cộng sản, là những người được chính quyền Hà Nội "dùng để bịp bợm đồng bào hải ngoại!"

Ông Bách Linh tuyên dương nhà thơ Nguyễn Chí Thiện là "bia miệng được ông Trời sinh ra để vạch rõ tội ác cộng sản." Ông Bách Linh đưa ngục sĩ Nguyễn Chí Thiện lên tận mây xanh và đồng thời sử dụng nhà nhơ này như một quả tạ để đập vỡ những "văn nô" trên kia. Nhưng sau khi đập đổ xong các "văn nô" nầy, nhà thơ Nguyễn Chí Thiện cũng bị ông Bách Linh gọi là "con bài Nguyễn Chí Thiện"! Bảo rằng nhà thơ Nguyễn Chí Thiện là một con bài tất nhiên đã coi nhẹ toàn bộ dĩ vãng 40 năm tù của một nhân chứng nay đã công nhiên và đương nhiên là một chất liệu sống để lịch sử kiểm chứng 40 năm điêu tàn của nước Việt Nam dưới ách thống trị cộng sản. (...)

Một ký giả dưới bút hiệu "Người Cali," trong báo *Dân Chủ Mới* (2/1996) đã thoải mái bước thêm ba bước nữa! Ông nầy mang vài chuyện lặt vặt như việc nhà thơ Nguyễn Chí Thiện tuyên bố : *Partir c'est mourir un peu dans le coeur* "để tỏ sự luyến tiếc khi rời bỏ nước Việt Nam, đồng thời cũng muốn ra điều mình thông thạo tiếng Pháp." Tôi tin rằng ông Nguyễn Chí Thiện nếu muốn tỏ rằng mình thông thạo tiếng Pháp không bao giờ lại mang dịch câu thơ này từ tiếng Việt: "Đi là chết trong lòng một ít" vì ông ấy biết rằng trong bản gốc thi sĩ Edmond Haraucourt đã viết: *Partir c'est mourir un peu, c'est mourir à ce qu'on aime.* (...)

Đến lượt một ký giả khác dưới bút hiệu Duy Xuyên, trong Bản Tin Số 4 Vạn Thắng, Tiểu Bang Virginia, lại quả quyết rằng có đến hai ông Nguyễn Chí Thiện: một ở trong nước, một được gởi ra nước ngoài! (...)

Những bài báo kiểu này khiến người ta tự hỏi có phải những bài báo trên là do đảng Cộng sản Việt Nam ở trong nước gửi bài ra, hay đặt người viết ra hay không?

Bửu Sao *(Jackson Heights, NY)*

Société Civile nên dịch là Xã Hội Công Dân

Trước năm 1975, theo một nhà chính trị học mà tôi có được tham khảo, thì trong ngành chính trị học ở miền Nam Việt Nam, chữ "société civile" thường được dịch là "xã hội dân sự," một cách máy móc. Gần đây ông Trần Thanh Hiệp (*Thế Kỷ 21* số 85) đưa ra những biện minh cho cách dịch ấy, dựa trên hai yếu tố:

1. Société civile chỉ những liên hệ giữa người dân với nhau, bên ngoài sự can thiệp của chính quyền, một định nghĩa thông dụng mà tôi hoàn toàn đồng ý.

2. Chữ "dân sự" có nghĩa là "việc của dân."

Tuy nhiên, chữ "dân sự" trong tiếng Việt cho đến nay lại thường không được hiểu theo nghĩa trên. Người mình thường hiểu "dân sự" là: "không phải quân sự," thí dụ như "chính quyền dân sự."

Dịch "société civile" là "xã hội công dân" hoàn toàn phù hợp với ý nghĩa căn bản của chữ "civile." Chữ này đến từ chữ "civis" trong tiếng La Tinh, có nghĩa là "công dân." Rồi "civis" mới cho ra civilis, chỉ những gì "liên hệ đến công dân" hay "cư xử như người công dân," và còn có nghĩa là "khả ái, lịch sự." Thêm cái đuôi "-itas" thì cho ra civilitas: "trạng thái công dân," hay "tính lịch sự nhã nhặn" (đuôi "-itas" đến từ chữ Sanskrit "-ata," kiểu như Budhata: Phật tánh, Sunhyata: tánh không v.v... sang tiếng Anh, Pháp thì thành ity hay ité...). Xã Hội Công Dân, như thế, là tất cả những sự tổ chức không lệ thuộc vào guồng máy chính quyền giữa những người Công Dân trong một xã hội. Dahrendorf (học trò của Popper) cũng nói: đó là những tổ chức và sinh hoạt lịch sự giữa những Công Dân với nhau. Cần nhấn mạnh là Công Dân hàm nghĩa "người dân tự do," đối lại với người nô lệ.

Lần đầu tiên tôi được biết học giả bên phía Cộng Sản Việt nam cũng sử dụng chữ Xã Hội Công Dân là vào tháng Năm 1993, khi một số bạn ở Đông Âu cho biết Trần Bạch Đằng có đề cập đến chữ này trong một cuộc hội thảo ở Sài Gòn do Học viện Chính trị Quốc gia và Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý bộ Tư Pháp tổ chức ngày 5 tháng Tư trước đó. (...)

Tôi không tin là chúng ta phải loại bỏ chữ "xã hội công dân" với lý do là người CSVN gọi người dân dưới quyền họ là công dân, hay với lý do là họ cũng biết học hỏi để sử dụng chữ này... Dù sao, có lẽ ông Hiệp đã nhận thấy, đây chính là một trường hợp điển hình của sự đắm chìm trong "danh sắc" (nama-rupa, nguồn gốc của chữ "name" trong Anh ngữ), một trong mười hai nhân duyên của sự đau khổ, và chắc chắn sẽ không để cho mình bị cuốn hút vào cái vòng thị phi nhiễu nhương phiền phức ấy...

Nguyễn Hoài Vân *(Vitré, Pháp Quốc)*

Thời thượng: thời xưa?

Trong *Thế Kỷ 21* số 85 (5/96) có bài *Chữ Nghĩa Thời Thượng* mà tôi đọc thấy có nghĩa là chữ nghĩa đã được dùng từ thời xa xưa, thời thập niên 50, 60.

Có dịp về thăm Việt Nam năm ngoái, nghe một vài sinh viên của Bách Khoa Phú Thọ mới ra trường dùng chữ "thời thượng" cũng có cùng ý nghĩa trên, như có anh sinh viên nói "Bây giờ học kỹ sư là *thời thượng* rồi, học kinh tế, quản trị, vi tính mới là *đúng mốt*."

Nhưng mới đây có dịp gặp ông Bùi Tín, nói chuyện chữ nghĩa,tôi có hỏi về chữ "thời thượng" thì ông ấy cho biết nó có một ý nghĩa trái với nghĩa trên. Theo ông Bùi Tín thì "thời thượng" có nghĩa là hợp thời, ăn khách chứ không như nghĩa mà chúng ta, người đã sống dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa, thường hiểu.

Chắc là có sự khác biệt. Mong được bạn đọc đóng góp thêm ý kiến.

Bùi Văn Phú *(Berkeley, CA)*

Theo chúng tôi thì nghĩa chữ thời thượng *lâu nay vẫn được mọi người Việt Nam không phân biệt Bắc Nam hiểu giống như ông Bùi Tín, chứ không có việc "người sống trong chế độ Việt Nam Cộng Hòa" hiểu chữ đó là một cái gì được dùng từ thời xa xưa. Thử xem Hán Việt Tân Từ Điển của Nguyễn Quốc Hùng do Khai Trí xuất bản ở Sài Gòn thời Việt Nam Cộng Hòa,* thời thượng *được định nghĩa:* Sự ưa chuộng ham thích trong một lúc nào đó của nhiều người.

Ngay trong bài Chữ Nghĩa Thời Thượng *trong* Thế Kỷ 21 *số 85 (trang 102) cũng không hề có nghĩa là một cái gì thuộc về thời xa xưa. Đọc dòng thứ 12, cột bên trái, từ trên xuống:* Các từ thời thượng cũ có khi sống lại *thì phải hiểu là "các từ một thời đã được ưa chuộng ham thích nay đang sống lại," chứ còn chính tiếng "thời thượng" ở đây không hề có nghĩa gì là thuộc thời xưa cả. Nên để ý chữ "cũ" dùng trong câu này.*

Còn lối nói của anh sinh viên Sài Gòn như được dẫn ở trên, theo chúng tôi, một là dùng sai, hai là nói theo lối tiếng lóng, mang một nghĩa mới, thời thượng *thì cũng gần gần như là...* thời thượng cổ *vậy!*

Bí mật vẫn còn

Tôi có đọc bài viết của ông Dương Hiếu Nghĩa về cái chết của TT Ngô Đình Diệm.

Có một chi tiết mà tôi không hiểu tại sao ông Dương Hiếu Nghĩa không nêu ra để làm sáng tỏ thêm vấn đề: đó là ai đã giết chết đại úy Nhung, người được coi như đã giết chết ông Diệm. (...)

Người ta giết ông Nhung vì hai lý do:

1. Trả thù cho ông Ngô Đình Diệm. Nhưng trả thù thì sao không giết người ra lệnh mà lại giết một sĩ quan cấp thấp?

2. Thủ tiêu nhân chứng quan trọng nhất trong vụ này.

Bây giờ thì các ông Mai Hữu Xuân, Dương Ngọc Lắm và đại úy Nhung đã chết. Chỉ còn mình ông Dương Hiếu Nghĩa là người sĩ quan trong đoàn xe rước ông Diệm là còn sống và đã tham gia cả hai cuộc đảo chính (1 tháng Mười Một 1963 và cuộc chỉnh lý của Nguyễn Khánh tháng Giêng 1964 - LTS). Mong ông Nghĩa nói rõ thêm sự thật về việc ai đã bắt, đã giết ông Nhung. Có phải là chính tướng Nguyễn Khánh đã làm điều đó để lập công với vong hồn TT Diệm hay không? Xin ông Nghĩa xác nhận để tướng Nguyễn Khánh có dịp trả lời, vì ông này còn sống.

Bà **Nguyễn Ngọc Anh** *(Saint Laurent, Canada)*

Nhận biết nhau

Xin cám ơn quý báo đã cho đăng bài PGvNQ của tôi vào số 84. *Thế Kỷ 21* bây giờ vững mạnh. Nhận được các số báo do các anh gửi tặng, tôi chuyên chú đọc mấy hôm nay, rất thích thú. Cộng

tác với *Thế Kỷ 21* là một điều sung sướng lớn cho tôi.

Nguyễn Phúc Bửu Tập *(Wilmette, ILL)*

Thế Kỷ 21 rất vui mừng được sự cộng tác của giáo sư. Về loạt bài mà giáo sư nói, chúng tôi cũng nghĩ đó là các vấn đề quan yếu hiện tại. Xin giáo sư gửi dần về Tòa soạn, kể cả bài về Alexis Carrel, để chúng tôi chọn đăng khi thích hợp. Chúng tôi rất tiếc đã có sự sơ sót trong Mục lục của số 84, xin giáo sư tha lỗi. Kính chúc giáo sư nhiều sức khỏe, thân tâm an lạc.

Liên tục được sửa sai

Tôi vừa nhận được báo *Thế Kỷ 21* số tháng Năm, đọc ngay mấy trang "Bạn Đọc Viết" đã thấy quý anh bị rầy rà ỏm tỏi, sau đó tới học giả Chân Quỳnh sửa sai các anh, nên thương các anh quá rất muốn an ủi quý anh đôi lời. Nhưng tới khi đọc xong cả cuốn thì thấy phải gởi quý anh mấy chữ... tiếp tục sửa sai nữa.

1. Bài của Đại Tá Dương Hiếu Nghĩa từ trang 29 tới 35 là một chứng liệu lịch sử nên ông có lặp lại nhiều lần một số chi tiết thì cũng được. Chỉ có cái "Lời Tòa Soạn" ... "hai người trong cuộc *hiện nay* vẫn chưa lên tiếng là Đại tướng Dương Văn Minh và Trung tướng Mai Hữu Xuân..." ở cuối bài là đáng mở một dấu ngoặc để nhắc quý anh là tới Tết Congo mới có chuyện Trung tướng Mai Hữu Xuân lên tiếng. Năm 1984 Trung tướng Xuân ở trong cao ốc dành cho người già ở Arlington (Virginia), nhưng sau đó vài năm thì ông mất (tôi quên năm nào). Chuyện đối với ông coi như dứt. Sức mấy mà có chuyện *hiện nay vẫn chưa lên tiếng* gì nữa.

2. Trong "Sổ Tay" (trang 62) về chuyện nhà văn Amy Tan không được nói chuyện ở Bắc Kinh, người viết dịch "Joy Luck Club" là "Lạc Phúc Hội" không biết có đúng không. Có bạn Tàu ở đây bảo đó là "Hỉ Phúc Hội." Lúc nào rảnh quý anh hỏi lại bà Tan xem. Bà này thì nhất định còn lên tiếng được.

Nguyễn Thiên Ân *Washington D.C.)*

(Vì mục đã quá dài, xin tạm gác hai số 3 và 4, tiện thể tham khảo thêm với các đương sự liên hệ, sẽ cho xuất hiện sau. Rất đa tạ các ý kiến của anh).

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Nguyễn Văn Trung, Trần Thiện Hiệp, Nguyễn Hoài Vân, Phan Tân Mỹ, Nguyễn Trần, Bửu Sao, Trần Long Hồ, Trần Hồng Châu, Đinh Cường, Lâm Lễ Trinh, Tam Tran, Trần Văn Kha, Đoàn Xuân Kiên, Trần Quán Niệm, Lê Tất Điều, Minh Hân, Thủy Tiên Duflot, Cao Thanh, Hiếu Đệ, Lê Việt Điểu, Fus, Trần Minh Hiền, Đông Phương, Hồ Thành Đức, Nguyễn Văn Cường, Đỗ Thì Kênh G, Hồng Khắc Kim Mai, Lý Không Minh, Sông Lô, Dương Như Nguyện.

Bài sẽ đăng trong các số tới: Ngày mai trời lại sáng của Thanh Trúc; Từ láy trong phương ngữ Lục tỉnh và Khi con dế hát rong... của Đoàn Xuân Kiên; Vết Sẹo 2 của Trần Long Hồ; Hội Viên của Võ Tài.

Nếu qua hai số báo kể từ khi gửi bài mà không thấy "tin tức" gì nhắn ở mục này thì có nghĩa là Tòa soạn rất tiếc không đăng tải bài đó được.

Nguyễn H. Vũ: Câu trích dẫn của Karl, xin ông cho biết nằm trong bài/sách nào để chúng tôi tìm hiểu. Về cuốn sách của tác giả viết bằng tiếng Việt mà đọc khó hiểu như chữ Phạn thì chúng tôi cũng không biết tại sao. Mark Twain có lần viết thư cho bạn rồi.

Tái bút: Xin lỗi tôi không đủ thời giờ để viết ngắn hơn. Có lẽ nhiều tác giả cũng ít thì giờ quá nên không thể viết dễ hiểu hơn. Cảm ơn các ý kiến của ông trong thư. (VHB)

Dương Như Nguyện *(Singapore)*: Đã nhận được đầy đủ các thứ. Đang đọc. Sẽ hỏi về việc in ấn và thông báo sau. Thân.

Thái Việt *(Montreal, Canada)*: Cái mà anh gọi là "thi trường ba" đó rất tiếc chưa có kết quả ngay được, không phải vì càng vào sâu sự khảo hạch càng trở nên khó hơn, mà chỉ vì vấn đề cần phải xem xét kỹ một chút thôi. Tòa soạn rất mừng vì tin về phát hành mà anh cho biết, mong nơi nào cũng được như thế. Mà có được như thế hay không là cũng nhờ sự góp sức của tất cả bạn đọc cùng văn hữu, trong đó có anh. Do đó xin gửi đến anh lời cám ơn và chúc sáng tác đều đặn.

Đỗ Thì Kênh G. *(Burbank, CA)*: Hoàn toàn đồng ý với anh là không nên nghiêm trang quá. Nghiêm quá mất vui. Do đó rất hoan nghênh những cái cười, dĩ nhiên là "cười đắt tiền," như anh nói. Anh có nghĩ Bolsa Net sẽ là một mảnh đất chung để chúng ta cười cợt tí chút không?

Nguyễn Hoài Vân *(Vitré, Pháp Quốc)*: Nhạc sĩ Lê Văn Khoa gởi lời cám ơn anh về những góp ý cho bài Dân nhạc Việt và Mỹ , và hẹn góp ý với anh trong một số tới. Chúc vui.

Thư trên lưới

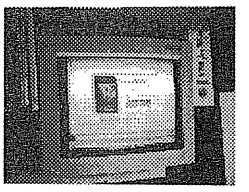

Binh L. Nguyen — bnguyen@sun004.atm...: Đã gửi báo ngay khi nhận được thư trên lưới. Xin giới thiệu thêm độc giả mới cho TK. Cám ơn nhiều. Chúc vui luôn.

Pham Minh Nhat — 05421...@-online.de: Cám ơn anh đã tin cậy ở TK. Nếu giúp được, trong

khả năng của tờ báo, chúng tôi luôn sẵn sàng. Thân chào.

David Saib — d-saib@dir.co.jp: Đã gửi địa chỉ của bạn tới VNI để xem ở đó có nhu liệu mà bạn cần hay không. Chúc bạn may mắn. Cám ơn đã liên lạc với TK 21.

Lê TL — letat@club-internet.fr...: Vẫn chưa nhận được bài và tranh mà anh nói trong thư. Cám ơn anh đã lưu ý về địa chỉ mới ở sở. Anh thử gắn *sound card* để nghe VNCR xem sao. Thân ái.

T. Trang — TTRNG75@aol.com: Đã gửi báo từ đầu tháng, nhưng báo *bulk rate* thỉnh thoảng bị thất lạc (và một đi không trở lại, nên không biết là lạc!). Gửi thêm số khác ngay rồi. Chúc vui.

Binh Anson — anson@central.murdoch.edu.au: Đã nhận đủ các "thông điệp." Mong gặp ở Cali. Chắc sẽ bàn thêm về "network," khi Binh toi đây. Chúc vui.

Ly Hoang — lyh@onthejob.Ebay...: Hy vọng khi thư này đến thì anh đã nhận được sách. Cám ơn nhiều lắm. Thân chào.

Huyen Tran — htran@net.saddleback.cc...: Đã gửi báo và sách theo "đơn đặt hàng trên lưới." Rất tiếc, dịch vụ phát hành này còn ít quá nên không thể đài thọ chi phí dùng thẻ tín dụng được. Rất mong một ngày gần đây có thể thực hiện việc này — nếu có nhiều "khách hàng" như cô. Thân chào.

Hai Duong — hokkajap@cad.com: Chắc bạn đã nhận được báo? Nếu trả bằng tiền Canada, xin liên lạc với Hoàng Chiều Nhân ở Québec (địa chỉ ghi trên báo). Cám ơn nhiều.

Ryan Black — SLOFC@cc.usu.edu: Đã chuyển "thông điệp" của bạn sang AV Travel nhờ giải quyết. Các khoản sau trong thư cũng có thể nhờ AV Travel luôn. Chúc thành công. Thân chào.

Hộp thư tri sự

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Nhan Minh Trang (Houston TX), Trầm Trọng Tài (Honolulu HW), Lê Đình Long (Okemos MI), Bùi Trọng Cường (AUSTRALIA), Nguyễn Qui Nhơn (FRANCE), Vanessa Nguyễn (Rosemead CA), Nguyễn Đình Khanh (Wichita KS), Đinh Xuân Anh Tuấn (FRANCE), Vương Thế Anh (GERMANY), Đinh Thế Dzung (AUSTRALIA), Lý Thu Thương (UNITED ARAP EMIRATES), Lê Duy Chánh (San Jose CA), Vĩnh Trương (Phila PA), Đan Đình Cận (Winnetka CA), Yến Hoàng (Los Angeles CA), Phung H. Lê (Allston MA), Mai Thị Quỳnh Nguyễn (Colosprings CO), Tuấn Huy (Westminster CA), Olivier Bích Xuân (FRANCE), Huỳnh Văn Tịnh (Harris Burg PA), Từ Doanh (Burke VA), Nguyễn Văn Khoa (Phoenix AZ), Vũ Hữu Kiểm (Santa Ana CA), Bùi Minh Đức (BELGIUM), Juliette Lecornet (BPT CT), Đức Mỹ Trần Lawrence MA), Nguyễn Đình Cường (Cerritos CA), Trần Diễm Khanh (Garden Grove CA), West Valley Branch Library (San Jose CA), Đoàn Nhật (Springfield VA), Hải Dương (Calgary Alberta CANADA), Đặng Quốc Chiến (Honolulu HI), Nguyễn Đình Lê (Westminster CA), Tô Sơn (Santa Ana CA), Dau T. Le (Virginia Beach VA), Võ Văn Tới (Lexington MA), Mai Xuân Trần (Baton Rouge LA), Oslo Kretsfengsel Biblioteket (NORWAY), Tha Nguyễn (San Diego CA), Bình L. Nguyễn (Plano TX), Glenroy Public Library (AUSTRALIA), MN San Jose Public Library (San Jose CA), EV Evergreen Branch (San Jose CA), EK Educational Park Branch (San Jose CA), ST Seventrees Branch Library (San Jose CA), Trần Thị Ngọc Giao (Houston TX), Lê Quang Trung (San Diego CA), Phan Minh (Denver CO), Nguyễn Bằng Giao (Dallas TX), Lê Trung Nghĩa (Los Angeles CA), Đỗ Văn Tịnh (JAPAN), Trịnh Xuân Huy (Portland OR), Nguyễn Văn Quang (Garden Grove CA), Lý Hoàng Diệu (Tustin CA).

Đoàn Nhật *(Springfield VA)*: Toà soạn đã nhận được thư và chi phiếu gia hạn báo đến số 111. #99 là số dành cho văn hữu, chúng tôi sẽ sửa lại mã số này để khỏi nhầm lẫn với độc giả mua báo dài hạn. Cám ơn ông đã ủng hộ TK 21 trong những năm qua. Anh PPM đã gởi thư riêng đến ông. Kính.

Mai Thị Quỳnh Nguyễn *(Colosprings CO)*: Đã gởi đến chị phiếu gia nhập hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ. Hy vọng sẽ được gặp chị trong bữa tiệc Tất Niên của Hội vào cuối năm nay. Bài vở gởi về TK 21, xin đề tên anh PPM. Cám ơn lời khen tặng của chị. Thân mến.

Kiệt Trang *(San Diego CA)*: Toà báo đã gởi đến ông số Tháng Năm (#85). Kính.

Vi Nguyễn *(Switzerland)*: Đã gởi TK 21 đến ông BMĐ (BELGIUM) từ #86. Số cuối của thời hạn sẽ là # 109. Kính.

Trần Nguyên *(Úc)*: Bên *Vietmedia* cho biết, ngay trên đầu trang Web-page của TK 21, bạn đọc được hàng chữ: *Hung Ho for Vietnamese fonts*. Bạn chỉ cần đem *cursor* đến chữ **Hung Ho** và bấm một cái, sẽ có chỉ dẫn cách đem phông tiếng Việt xuống. Tuy nhiên, hiện nay một vài Web browsers như *America On Line*, chưa nhận phông tiếng Việt. Đã gửi báo đến bạn, và thân hữu theo yêu cầu trong thư. Thân chào.

Vương Huyên *(Minnesota)*: Vùng đó cứ bị mất báo hoài, chúng tôi đã khiếu nại với bưu điện, nhưng họ cứ lờ đi. Đề nghị cô chuyển sang lối gửi "hạng tư," tốn thêm $8.00 một năm, báo sẽ bỏ trong bao thư và nếu sai địa chỉ cũng được trả về. Cám ơn cô đã gửi lời chúc tới TK 21. Thân ái.

Trương Du *(Boston, MA)*: Cám ơn ông đã chỉ cho cách xin *second class*. Tuy nhiên, đã nhờ một "chuyên viên" nghiên cứu lại, hy vọng ít lâu nữa có thể chuyển được. Kính chúc vạn an.■

THẾ NÀO LÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐÚNG?

Phê bình chủ trương kinh tế của Bản Dự Thảo Báo Cáo Chính Trị Đại Hội 8 CSVN.

NGUYỄN THANH GIANG

LTS. *Chúng tôi xin giới thiệu cùng bạn đọc bài sau đây của Tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang từ trong nước chuyển ra, như là một tiếng nói chống đối đường lối đổi mới mập mờ của đảng Cộng sản, nhân dịp góp ý vào bản Dự Thảo Báo Cáo Chính Trị chuẩn bị cho Đại Hội VIII đảng CSVN.*

Tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang là chuyên viên Địa vật lý, hiện làm việc tại Hà Nội trong Cục địa chất Việt Nam, trước đây từng có bài đăng tải trên báo chí hải ngoại, trong đó có Thế Kỷ 21.

Trong năm thành tựu lớn ghi trong dự thảo báo cáo chính trị của ban chấp hành trung ương đảng Cộng Sản Việt Nam khoá VII thì hai thành tựu nổi bật có thể biểu diễn bằng những số liệu cụ thể. Một là: *"Đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội, lần đầu tiên hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm"* (1). Hai là: *"Phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây, cô lập, tham gia tích cực vào đời sống của cộng đồng quốc tế"* (1).

Chưa bao giờ trên đất nước ta niềm mơ ước "tứ hải giai huynh đệ" lại được hiện thực hóa tích cực như những ngày gần đây. Trước kia, dưới khẩu hiệu "Vô sản toàn thế giới liên hiệp lại," vòng tay hữu ái giai cấp của ta dẫu giang rộng đến mấy cũng không vượt nổi kích cỡ của con số 81. Vậy mà, *"Đến nay nước ta có quan hệ ngoại giao với 160 nước, có quan hệ buôn bán với trên 100 nước. Hơn 50 nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư trực tiếp vào nước ta. Nhiều chính phủ và tổ chức quốc tế dành cho ta viện trợ không hoàn lại hoặc cho vay để phát triển..."* (1).

Nhờ vậy, vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) tăng khá nhanh. Vốn đăng ký của các dự án được cấp giấy phép đã ở con số 18 tỷ USD.

Cho đến 1986 nếu kim ngạch xuất khẩu mới ở mức 439 triệu rúp + 350 triệu USD, thì năm 1995 đã tăng lên 4,7 tỉ USD, làm cho tổng kim ngạch 5 năm (1991-1995) đạt trên 6 tỉ USD, vượt chừng 20% so với kế hoạch.

Đúng như lời thủ tướng Võ Văn Kiệt: *"Việt Nam đơm hoa kết trái trên mặt trận đối ngoại tích tụ từ sự phát triển kinh tế năng động và sự ổn định của đất nước..."* (2)

Được vậy là nhờ đổi mới đường lối đối ngoại của đảng, từ: *"tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc..."* (3), sang: *"đa dạng hóa và đa phương hóa, tranh thủ tối đa mặt đồng, hạn chế mặt bất đồng... Mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước theo nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi..."* (4), và: *"Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển."*

Thế giới quan của chúng ta đã được cải tạo để không chỉ nhìn thấy đen trắng mà vươn tới khả năng nhìn được bảy màu của quang phổ chính trị quốc tế.

Khối lượng và mật độ thành tựu trên lãnh vực ngoại giao của ta trong mấy năm gần đây lớn hơn toàn bộ các thời kỳ trước của đảng CSVN, Chỉ riêng việc liệt kê các thành tựu chính trong lĩnh vực này đã thấy ngổn ngang: *"khôi phục quan hệ bình thường và phát triển sự hợp tác nhiều mặt với Trung Quốc; tăng cường quan hệ và đoàn kết hữu nghị đặc biệt với Lào; phát triển quan hệ với các nước láng giềng khác, các nước trong khu vực, trở thành thành viên đầy đủ của tổ chức ASEAN; củng cố quan hệ hữu nghị truyền thống với nhiều nước, từng bước đổi mới quan hệ với các nước thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) và Đông Âu; mở rộng quan hệ với các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và khu vực; bình thường hóa quan hệ Việt-Mỹ; thiết lập và mở rộng quan hệ với nhiều nước Nam Á, Trung Đông, châu Phi, châu Mỹ La Tinh."* (1)

Phải chăng vì ngổn ngang như vậy mà cách sắp xếp của phần này trong dự thảo chưa hợp lý và có chỗ hơi ngược. Tuy còn phải bàn thêm, nhưng ít ra cacch sắp xếp của thủ tướng Võ Văn Kiệt có phần hợp lý hơn khi ông nói: *"Các sự kiện mới là Việt Nam trở thành thành viên đầy đủ của ASEAN, ký kết hiệp định khung với Liên minh châu Âu (EU), bình thường hóa quan hệ với Mỹ..."* (2).

Dẫu vậy ngoại giao trong thời kỳ này có hạn chế rất cơ bản là chúng ta mới chỉ chủ yếu mở ra mối quan hệ về kinh tế trong khi những đòi hỏi hội nhập với cộng đồng quốc tế lại bao gồm rất nhiều lãnh vực khác rất quan trọng như: thông tin, khoa

học - công nghệ, chính trị, tư tưởng, giáo dục và đào tạo...

Để có thể hội nhập tốt hơn vào cộng đồng thế giới đặng *"tiếp tục tiến lên trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng phức tạp và chứa đựng nhiều yếu tố khó lường hết được"* (1), cần nhìn các vấn đề quốc tế xác thực.

Không được minh bạch lắm khi Dự thảo viết: *"Các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng Cộng Sản và công nhân, các lực lượng cách mạng tiến bộ trên thế giới kiên trì đấu tranh vì hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội" (1).*

Các nước gọi là xã hội chủ nghĩa hiện nay đếm không hết mấy ngón tay trên một bàn tay. Lực lượng đã nhỏ nhoi vậy lại không thống nhất được như một lực lượng chính trị - kinh tế. Mấy thập kỷ gần đây, chính các lực lượng này lại thường gây chiến tranh, quấy động hòa bình thế giới: chiến tranh Trung-Xô, chiến tranh Trung-Việt, chiến tranh Việt Nam-Kampuchia, chiến tranh Nga-Tsesnưi, nội chiến giữa các cộng đồng trong Liên bang Nam Tư cũ... Hiện giờ eo biển Trung Quốc - Đài Loan, biên giới Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Triều Tiên, đảo nhỏ Cuba đều là những điểm nóng nhức nhối của địa cầu.

Có thể cái điệp khúc "hoàn thành và hoàn thành vượt mức" đã từng được tung hô nhiều lần trong các báo cáo rất quan trọng của ta, nhưng lần này lời tuyên bố: *"lần đầu tiên hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu chủ yếu* (về kinh tế) *của kế hoạch 5 năm"* trong báo cáo chính trị của ban chấp hành trung ương Cộng Sản Việt Nam khóa VII là một thực tế có tiếng reo vang của những con số chứng minh.

Trước đây, trong sự đùm bọc yêu thương và giúp đỡ tận tình của cả phe XHCN, đứng đầu là Liên Xô vĩ đại, tốc độ tăng trưởng bình quân của các kế hoạch 5 năm trong điều kiện xây dựng hòa bình cũng chỉ đạt cao nhất là 6,4% ở thời kỳ 1981-1985. Thời kỳ 1986-1990 là 3,9%. Thời kỳ 1976-1980 chỉ có 0,4%.

Với kinh nghiệm truyền thống ấy, việc đặt chỉ tiêu 5,5 - 6,5% cho mức tăng bình quân hằng năm về sản phẩm quốc nội (GDP) trong 5 năm 1991-1995 đã là táo bạo. Vậy mà năm năm liền, nền kinh tế nước ta đã liên tục tăng trưởng với tốc độ ngày càng cao để đạt được con số bình quân kỳ diệu: 8,2%.

Các bà đều muốn chồng mình giống như Thánh Gandhi : mảnh mai, da nâu xạm nắng, và không bao giờ lăng nhăng.

Tại sao nhiều phụ nữ đòi ngang hàng với nam giới? Hoặc vì họ quá khiêm tốn, hoặc không có tham vọng.

Chính ông Risot Enso, Giám đốc điều hành của Tổ chức tiền tệ Châu Âu cũng từng xác nhận "Việt Nam đã đạt được thành tựu kinh tế ngoạn mục với mức tăng trưởng kinh tế cao và hạ thấp tỉ lệ lạm phát ở con số mà nhiều nước đang phát triển mơ ước," và ông đã trao tặng chúng ta danh hiệu "Nước quản lý kinh tế tốt nhất Châu Á năm 1992."

Sau khi nêu thành tựu cùng các khuyết điểm yếu kém, bản báo cáo đánh giá tổng quát tình hình bằng hàng chữ đậm: *"Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng XHCN, tuy trong quá trình thực hiện có một số khuyết điểm, lệch lạc lớn và kéo dài dẫn đến chệch hướng ở mức độ này hay mức độ khác, ở nơi này hay nơi khác"* (1).

Những mệnh đề này rất quan trọng vì không chỉ được sử dụng để biểu dương những con người, những hành động đúng, mà còn nhằm điều chỉnh các hoạt động chính trị, kinh tế - xã hội trong nhiệm kỳ tới.

Đáng tiếc rằng chính tại đây lại biểu hiện sự mập mờ rất lộ liễu. Điều này nguy hiểm ở chỗ nó sẽ tạo thời cơ cho những kẻ cơ hội, bọn gian hùng lợi dụng để khuynh đảo. Chúng thả sức truy chụp trù diệt hay tâng bốc bất cứ một việc làm nào, bất cứ một con người nào một cách hoàn toàn vô căn cứ. Bằng lòng, cùng phe cùng cánh thì chúng bảo "đúng định hướng xã hội chủ nghĩa." Trái lại, chúng quy kết ngay là tư bản, là kẻ thù. Thực tế đau lòng này đã từng dẫn đến cái chết của hàng chục, hàng trăm, thậm chí hàng ngàn không chỉ đồng bào mà cả đồng chí của những người Cộng Sản ở nhiều nước XHCN, trong đó có nước ta.

Thật vậy, bản dự thảo báo cáo chưa nêu lên được, dù rất khái quát, những gì là đúng "định hướng xã hội chủ nghĩa;" những nơi nào, như thế nào là lệch lạc hay chệch hướng đến mức độ nào?

Phải chăng những thành tựu là kết quả của việc thực hiện "đúng định hướng xã hội chủ nghĩa"?

Vậy thì tại sao trước kia chúng ta không những chỉ định hướng mà đã từng giương cao ngọn cờ Mác-Lênin để "tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội" mà chưa bao giờ có được những thành tựu lớn lao đến thế. Trong khi đó, nhiều nước khác, cụ thể là các con rồng Châu Á thì định hướng khác hoàn toàn nhưng lại đã đạt được những thành tích tích cực rực rỡ hơn thế từ lâu rồi!

Trong các *"Khuyết điểm và yếu kém"* có lẽ khuyết điểm *"Trong phát triển kinh tế nhiều thành phần, việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng vừa buông lỏng"* (1) dễ liên hệ hơn cả với sự qui kết về chệch hướng XHCN.

Ở đây, đối với kinh tế tư nhân, dự thảo báo cáo nêu lên hai mặt. Một mặt là chưa giải quyết tốt một số chính sách để khuyến khích kinh tế tư nhân phát huy tiềm năng. Mặt khác, chưa quản lý tốt thành phần kinh tế này.

Đối với quốc doanh, chỉ thấy kiểm điểm

"Chậm tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách để tạo động lực và điều kiện cho doanh nghiệp nhà nước nâng cao hiệu quả hoạt động, phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân" (1).

Kiểm điểm như vậy rõ ràng thiên lệch và từ đây không định ra được phương thức chỉ đạo nền kinh tế quốc dân phát triển tốt hơn.

Đúng là trong thời gian qua do luật pháp chưa hình thành đầy đủ và chưa được thực thi nghiêm túc nên kinh tế tư nhân lợi dụng luồn lách buôn lậu, trốn thuế... làm cho có lúc, có nơi thị trường bị quấy đảo. Tuy nhiên, vừa mới được vực dậy sau những trận càn quyết liệt của các chiến dịch hợp tác hóa, cải tạo công thương..., lại bị đối xử chưa được bình đẳng lắm mà các doanh nghiệp tư nhân vẫn mọc lên như nấm. Dẫu còn sơ khai, manh mún, nhưng cho đến nay, trong nông nghiệp, kinh tế hộ giữa vai trò chủ yếu, và lực lượng kinh tế các thành phần ngoài quốc doanh đã chiếm tới 60% sản phẩm quốc nội (GDP).

Điều đó chứng tỏ sức sống của kinh tế tư nhân mãnh liệt chừng nào, tiềm năng kinh tế tư nhân lớn lao biết bao nhiêu!

Buôn lậu, trốn thuế... đâu chỉ là khuyết tật của kinh tế tư nhân. Nhiều lúc, nhiều nơi các thành phần kinh tế nhà nước còn phạm các tội này lớn hơn, nguy hiểm hơn.

Trong khi các mặt hàng khác được thị trường điều tiết thích ứng với yêu cầu của xã hội, thì bảy mặt hàng (sắt, thép, xi măng, lương thực, xăng dầu, phân bón, điện) do nhà nước độc quyền quản lý thông qua các doanh nghiệp nhà nước lại chập chờn ngấp nghé khủng hoảng và liên tục "sốt."

Tháng Ba 1995 miền Bắc chịu áp lực cơn sốt gạo. Giá gạo tăng vọt từ 2,800đ/kg lên 3,800đ/kg trong vài ngày. Chính phủ đã khẩn cấp điều động 700,000 tấn gạo từ miền Nam ra. Cuối tháng Tư 1995 giá xi măng tăng đột biến từ 900,000đ/tấn lên 1,400,000đ/tấn. Lúc ấy là sốt nóng. Hiện nay xi măng đang sốt rét do nhập ngoại quá nhiều. Điện tăng giá liên tục. Giấy cũng đã từng sốt cao vào cuối năm 1994.

Để xác định hiệu quả kinh tế, xin hãy nghe Phó tiến sĩ Nguyễn Văn Trí, Trưởng ban kinh tế tỉnh ủy Thanh Hóa, phát biểu: *"Luật doanh nghiệp nhà nước qui định doanh nghiệp nhà nước là tổ chức kinh tế do nhà nước đầu tư vốn, thành lập và tổ chức quản lý..." Đúng ra, khi mới thành lập trước đây, nhà nước đã cấp 100% vốn cố định, 30% vốn lưu động cho mức vốn điều lệ doanh nghiệp. Trong quá trình hoạt động, nói chung doanh nghiệp không được cấp vốn bổ sung (trừ một vài ngoại lệ vì lý do đặc biệt). Phần lớn các doanh nghiệp nhà nước không những không bổ sung được vốn kinh doanh mà vốn ban đầu bị cạn kiệt dần do kinh doanh thua lỗ. Doanh nghiệp vẫn hoạt động doanh số vẫn tăng, nhưng tỉ trọng vốn của nhà nước tham gia ngày càng thấp, vốn vay ngày càng nhiều. Khi ngân hàng chuyển đổi phương thức tín dụng yêu cầu cho vay có phương án khả thi, có thế chấp, nhiều doanh nghiệp chuyển sang vay tư nhân, tất nhiên với lãi suất cao hơn nhiều. "Phi vụ" nào thành công thì hiệu quả thuộc về "chủ vay" và "chủ nợ." Trường hợp thất bại thì chủ sở hữu, tức nhà nước phải gánh chịu. Tình trạng đó đang là nguy cơ làm cho năng lực tài chính của nhà nước vốn dĩ nghèo nàn càng trở nên cạn kiệt" (2).*

Tại các doanh nghiệp nhà nước, người ta đem tài sản quốc gia và của cải nhân dân ra bán đi hoặc cho vay lòng vòng, thậm chí vay của nước ngoài để chia chác, làm giàu cá nhân hoặc tiêu xài phung phí.

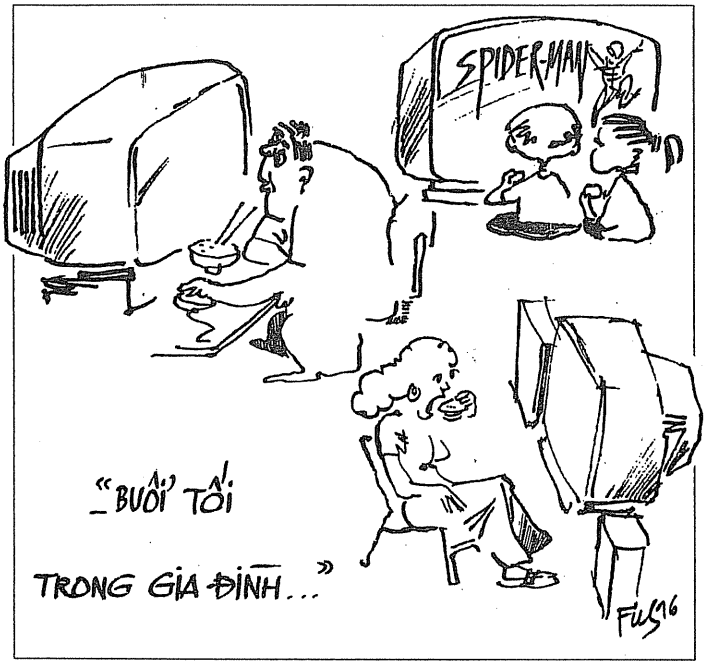

Bộ trưởng Hồ Tế đã phải giải trình trước kỳ họp Quốc Hội tháng Mười năm 1995 như sau: *"Nợ lẫn nhau giữa các doanh nghiệp đã ngừng hoạt động giải thể, mất khả năng thanh toán với số tiền là 1,476 tỉ đồng. Toàn bộ hệ thống hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán tan rã không có khả năng thanh toán lên đến 1,245 tỉ đồng. Những người gây ra nợ hầu như không còn làm việc nữa hoặc đã nghỉ hưu."*

Năm 1995 Chính phủ phải è cổ ra để trả khoản nợ lớn đến 600 triệu USD do các doanh nghiệp vay của nước ngoài nhưng làm ăn thua lỗ, phá sản.

Nho nhỏ như công ty Sản xuất Dịch Vụ Thương Mại Quận 3 Sàigòn (GESELCO) sau vài năm hoạt động, cũng làm lỗ 18 tỉ đồng, và ông quyền giám đốc 36 tuổi ở đây đã chiếm công vi tư khoảng 100 triệu đồng.

Tính đến 31-5-1995, công ty IMEXCO Sài Gòn đã tạo ra món nợ phải trả nước ngoài là 59

triệu 328 ngàn 219 USD. Trong đó, nợ gốc là 48,7 triệu USD, nợ lãi là 10,5 triệu USD, nợ quá hạn trên 37 triệu USD.

Cũng đến ngày đó, Công ty Lương Thực Thành Phố nợ 31 triệu 584 ngàn 317 USD. Trong đó, nợ gốc là 27,3 triệu USD, nợ lãi lên đến 4 triệu USD.

Sau khi tốn hàng trăm tỉ đồng của nhà nước, ngành dệt may vẫn phải bồi thêm 70 tỉ đồng nữa để cứu Liên hiệp dệt Nam Định khỏi sụp đổ thảm hại trong năm 1995. Hơn 300 hộ công nhân viên chức ở đây thường xuyên cơm cháo dứt bữa, làm cho cái thành phố *"có bến đò Chè, có nhà máy dệt, có nghề ươm tơ"* ấy cũng trở nên tiêu điều, buồn bã.

Trong khi lực lượng kinh tế các thành phần ngoài quốc doanh tạo ra với 60% GDP thì kinh tế quốc doanh chỉ đóng góp được khoảng hơn một nửa con số đó. Đã vậy, các con số thống kê doanh nghiệp nhà nước lại rất khó xác định là đúng đắn, tình trạng lãi giả, lỗ thật rất phổ biến. Một công ty thuốc lá địa phương có năm nộp ngân sách được 52 tỉ đồng nhưng chính năm đó lại lỗ 3,5 tỉ và lỗ lũy kế là 7,7 tỉ đồng. Một nhà máy Bia nộp ngân sách 18,8 tỉ đồng nhưng lỗ trong năm là 3,1 tỉ đồng...

Nhiều doanh nghiệp nhà nước đang là các bầu sữa tong teo của nhân dân bị vắt ra đau đớn để nuôi béo một bọn người vừa bất bài, vừa vô trách nhiệm, vừa phi nhân bản.

Giám đốc một công ty Khách sạn - Du lịch hạng xoàng doanh thu chỉ 1,8 tỉ đồng/năm nhưng chỉ riêng tiền chi cho hấn tiếp khách mỗi tháng mất khoảng 17 triệu đồng, trong khi lương bình quân của cán bộ công nhân viên làm việc cho hấn chỉ được 166 ngàn đồng/tháng.

Thu nhập của người lao động trong khu vực doanh nghiệp nhà nước nói chung vừa thấp, vừa không công bằng giữa các đơn vị, giữa các lĩnh vực. Ngay trong từng đơn vị, việc phân phối cũng chưa gắn bó với năng suất lao động, nhất là ở các đơn vị gặp khó khăn. Trong khi công nhân phải nghỉ việc không có lương hoặc chỉ nhận được đồng lương chết đói thì người có chức, có quyền vẫn chi tiêu xa hoa, lãng phí.

Vậy mà, sao vẫn phải *"tập trung nguồn lực để phát triển kinh tế nhà nước"* và gán ghép cho nó cái chỉ tiêu chiếm tỉ trọng 60% GDP?

Liệu có làm thế nào trong dăm năm tới đạt được chỉ tiêu đó không? Hay là nó chỉ đạt được tỉ trọng đó khi GDP phải teo lại?

■ Tại sao người Trung Hoa hay trang hoàng nhà cửa bằng hình con dơi? Vì con dơi đọc là Phúc, như chữ Phúc.

■ Danh ngôn: Đừng bao giờ để việc gì đến ngày mai sẽ làm, nếu chúng ta có thể làm vào tuần tới cũng được.

Liệu có ai thích cái cơ chế đó chỉ vì còn muốn lợi dụng nó để biến một số phần tử trong "giai cấp" mình thành những tên tư bản đỏ - những tên tư bản được đề bạt, được chỉ định, được bao cấp, được bảo vệ bằng chuyên chính vô sản? Chính những tên này không chỉ bóc lột dã man hơn mà còn đục ruỗng nền kinh tế tàn tệ hơn bất cứ loại tư sản nào!

Phải chăng chính vì vậy mà người ta nguỵ tạo ra đủ thứ: kinh tế dân sự, kinh tế đoàn thể, kinh tế đảng, kinh tế lực lượng vũ trang... nhằm khuấy đục cả xã hội lên đến nuôi béo những con cò?

Không hiểu vì sao chúng ta lại cứ phải luẩn quẩn, tơ vương mãi với cái định đề rất mập mờ chất chứa trong bản thân nó đầy những mâu thuẫn không giải quyết được: *"Xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định xướng XHCN."*

Nhiều người khuyên can rằng không nên duy danh định nghĩa làm gì. Các cụ nói "dzậy" mà không phải "dzậy" đâu. Thấy thế nào đúng thì cứ tự ý mà làm, đừng có bàn cãi rồi mang vạ vào thân.

Không thể như vậy được, vì đã danh không chính thì ngôn không thuận, ngôn không thuận thì hành không thể thông được.

Nhơn tiền đã thấy rõ đấy. Sở dĩ ta cứ phải ép buộc phát triển kinh tế quốc doanh vì phải định hướng XHCN. Mặc dù để cứu vớt sự sống còn, tình hình quá bức bách buộc phải thay đổi rất nhiều điều cơ bản và phải biến hóa gần như hoàn toàn khác rồi, nhưng ai đó vẫn ngoan cố không dám phủ định chính mình khi hơn một lần đã khẳng định: *"Công cuộc Cách Mạng XHCN* **phải là** một quá trình cải biến Cách Mạng về mọi mặt nhằm đưa nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế XHCN dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể" (6).

Thế vậy rồi cứ phải quanh quanh co co. Từ chỗ coi đặc trưng cơ bản của nhà nước XHCN là thủ tiêu phát triển kinh tế hàng hóa, đến chỗ phải thừa nhận kinh tế thị trường. (Mà, kinh tế thị trường là kinh tế hàng hóa phát triển ở trình độ cao). Buộc phải thừa nhận sản xuất hàng hóa và lưu thông hàng hóa nhưng lại vẫn cứ rào trước đón sau rằng: đất đai, nhà xưởng, hầm mỏ, cầu cống, sức lao động, chất xám không phải là hàng hóa, chúng không thể được sử dụng làm đối tượng mua bán tự do!

Sự lập lờ không rõ trắng đen, không ra tiến chẳng ra thoái đã trở nên rất nguy hiểm.

Nào phải chỉ trong lãnh vực đấu tranh chính trị, tư tưởng văn hóa, mà ngay trong lãnh vực kinh tế cũng có bao nhiêu bậc tài trí đã chết một cách oan uổng, tức tưởi. Điển hình là bí thư tỉnh ủy Vĩnh Phú Kim Ngọc!

Đã nói rằng *"kinh tế thị trường có nhiều mặt mâu thuẫn với bản chất của XHCN"* (1), mà mâu thuẫn về bản chất tức là mâu thuẫn đối kháng rồi thì làm sao có thể hợp sức để xây dựng nên một cái gì lành mạnh, tốt đẹp.

Sự lập lờ phải chăng là cần thiết để tạo cơ sở cho thói ngụy biện. Cứ hễ những gì xấu, những gì sai thì đổ tội cho kinh tế thị trường, những gì làm đẹp lòng mọi người thì bảo là do định hướng đúng XHCN? Phép bùa này đã từng đi vào dân ca: "Mất mùa là tại thiên tai, được mùa bởi có thiên tài đảng ta"!

Ông Đặng Tiểu Bình đã cứu xã hội Trung Quốc khỏng lồ đang ì ạch suy thoái ra khỏi khủng hoảng với nguy cơ sụp đổ nhờ câu thần chú *"mèo trắng, mèo đen miễn bắt được chuột."* Ta vốn sính học tập Trung Quốc, nhưng ý chừng lần này lại muốn cải biên thành *"bắt được chuột phải gọi là mèo trắng, vô dụng thì trắng, vàng, tam thể đều phải gọi là mèo đen."*

Như vậy thì thật là nguy hiểm. Có thể sau một vài thành quả ban đầu, "kinh tế ngầm" sẽ nổi lên, mafia đủ loại sẽ khống chế nền kinh tế và nguy hiểm hơn, xã hội mắc chứng loạn thị, trắng đen, phải trái bị lộn sòng, nền văn hóa cũng không còn là văn hóa.

Hãy nghe Khổng Tử nói: *"Chính giả chính dã, tử suất dĩ chính, thực cảm bất chính?... Kỳ thân chính, bất lệnh như hành; kỳ thân bất chính, tuy lệnh bất tòng"* (Chính trị là làm mọi việc cho ngay thẳng, lấy ngay thẳng mà khiến người thì ai dám không ngay thẳng?... Mình ngay thẳng thì không sai khiến người ta cũng làm; mình không ngay thẳng thì có sai khiến cũng không ai làm theo).

Nên chăng chỉ cần xác định đơn giản, rõ ràng, hợp lý hơn: "Phát triển kinh tế nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước" với những định hướng cụ thể, thiết thực như sau:

- Dân giàu, nước mạnh, bảo đảm công bằng xã hội, tôn trọng tự do, dân chủ.

- Nhà nước pháp quyền, xã hội dân sự, bảo đảm chính quyền thực sự của dân, do dân và vì dân.

- Chấp nhận và phát huy những giá trị của thế giới văn minh trên cơ sở bảo vệ độc lập chủ quyền và bản sắc văn hóa của dân tộc...

- Văn minh hiện đại gắn liền với bảo vệ môi trường thiên nhiên và cảnh quan lịch sử của đất nước.

Ngày 1 tháng Năm 1996

Chú thích:

1. Dự thảo Báo Cáo Chính Trị của BCHTƯ Đảng khóa VII trình Đại hội lần thứ VII của Đảng Cộng Sản Việt Nam.
2. Báo cáo của Chính phủ do thủ tướng Võ Văn Kiệt trình bày tại kỳ họp lần thứ 8 Quốc hội khóa IX.
3. Báo cáo chính trị trình bày tại đại hội lần thứ VI đảng CSVN.
5. Nguyễn Văn Trí, Tạp chí Thông Tin Lý Luận tháng 1 năm 1996.
6. Nghị quyết của đại hội lần thứ III đảng CSVN.

VNCR là đài phát thanh đầu tiên phát thanh trên lưới điện toán toàn cầu Internet

Bắt đầu thử nghiệm từ ngày 24 tháng Tư 1996, công ty điện toán *Kí Con*, do kỹ sư Lê Cẩm Thạch làm Giám đốc, đã đưa được chương trình phát thanh của VNCR lên lưới điện toán toàn cầu Internet.

Ông Lê Cẩm Thạch cho biết: "Từ trước, chúng ta đã có chữ viết và hình ảnh trên lưới điện toán. Bây giờ, chúng ta có cả âm thanh."

Ông Thạch nhấn mạnh: "Điều đáng kể, không phải chỉ là âm thanh trên máy điện toán, mà là âm thanh tức thời, là tiếng nói, tiếng động và âm nhạc, vân vân, phát ra trên máy điện toán của bạn cùng lúc với nơi phát. Nói cách khác, đó là đài phát thanh trên lưới điện toán."

Nêu thí dụ cho dễ hiểu, ông Thạch nói rằng, nếu bạn đang ở Paris, bây giờ là 9 giờ tối, bạn mở máy điện toán, đánh địa chỉ điện thư của VNCR, bạn sẽ nghe được chương trình phát thanh của VNCR cùng lúc với đồng bào Việt Nam ở quận Cam và Los Angeles.

Địa chỉ điện thư của VNCR trên Internet là http://kicon.com/VNCR. Tuy nhiên, để "nghe" được VNCR, máy điện toán của quý thính giả phải gắn thêm nhu liệu "Web browsers," và "sound card" (bộ phận phát âm). "Sound card" và loa phóng thanh hiện nay rất rẻ và dễ mua, dễ gắn. Còn "Web browsers" là những công ty cung cấp dịch vụ Internet, như Netscape, Mosaic, Cello, vân vân, trong đó lớn nhất là Netscape. Netscape hiện chiếm tới 70 phần trăm thị trường. Quý vị phải ghi tên với một trong những công ty này, và lệ phí hàng tháng (ở Mỹ) khoảng 20 mỹ kim.

Một khi vào được trang VNCR trên Internet, quý vị sẽ thấy những chỉ dẫn cho bước tiếp theo, chẳng hạn phải nhấn nút vào hàng chữ "Real Audio Player" để nạp nhu liệu này, do Kí Con cài sẵn.

Hiện nay, trên trang "Web page" của VNCR, đã có những bài phỏng vấn do Đinh Quang Anh Thái thực hiện với Hà Sĩ Phu, Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Chí Thiện, vân vân..., cùng một số chương trình tuyển lựa từ các buổi phát thanh hàng ngày.

Việc trực tiếp truyền đi các chương trình phát thanh hàng ngày sẽ được thực hiện trong vài tuần tới, sau khi VNCR thông báo tin này tới đông đảo thính giả và sau một số buổi hội thoại hướng dẫn về Internet do các chuyên viên điện toán phụ trách.■

CUỘC PHỎNG VẤN KHÔNG XẢY RA VẪN LÀM BOLSA SÓNG GIÓ

CAM VÂN tường thuật

Giữa tháng Năm, 1996 dư luận người Việt ở hải ngoại, nhất là ở Quận Cam và Hoa Kỳ sôi nổi vì một "cuộc phỏng vấn không xẩy ra" trên hệ thống Internet. Người đặt câu hỏi là Nguyễn Kỳ Phong, một chuyên viên trẻ tuổi làm việc ở Washinton D.C., và những câu trả lời mạo danh Nguyễn văn Thiệu, cựu tổng thống Việt Nam Cộng Hòa. Cuộc "đối thoại" diễn ra vào cuối tháng Tư, và suốt hai tuần lễ giới truyền thông Việt Nam hải ngoại không nhắc nhở tới. Cho đến khi đài phát thanh VNCR và nhật báo *Người Việt* ở California loan tin sóng gió mới bắt đầu.

Khoảng cách giữa hai thế hệ về truyền thông

Khi cựu tổng thống Thiệu chính thức lên tiếng, nói ông không hề dùng điện thư và Internet, người ta nhìn thấy một khoảng cách về truyền thông giữa hai thế hệ. Nhiều người thuộc thế hệ 50 tuổi trở lên không quan tâm những chuyện gì diễn ra trên hệ thống Internet, tức là mạng lưới thông tin đang được hàng trăm triệu người khắp thế giới sử dụng, trong đó có ít nhất 15 ngàn người Việt Nam ở Mỹ.

Những người Việt sử dụng Internet thường thuộc giới trẻ, lứa tuổi 30 hay 40, chỉ có một số ít người 50 và trên 60.

Internet là một loại báo của thời đại truyền thông điện tử

Đối với cộng đồng người Việt Nam, có các nhóm sử dụng Internet đã xuất hiện hàng chục năm nay như VietNet, hay gần đây như Vietmedia, Social Cultural Vietnamese, Kicon, v.v... Trên các "mạng lưới" này người ta truyện trò, trao đổi tin tức, tranh luận, và nhiều khi "cãi nhau như mổ bò." Các trao đổi của người Việt trên Internet thường khi viết bằng tiếng Anh, và hay trích dẫn sách của người Mỹ viết về chiến tranh Việt Nam, lấy đó làm căn bản cho việc bàn luận.

Các nhật báo lớn Hoa Kỳ đầu đã lần lượt "lên lưới." Trong số các cơ quan truyền thông của người Việt Nam, tạp chí *Người Dân, Thế Kỷ 21,* tuần báo *Sàigòn Nhỏ*, nhật báo *Người Việt*, nội san *Giao Điểm* của Hội Chuyên Gia Việt Nam là các tờ báo gia nhập vào mạng lưới thông tin này sớm nhất.

Khi các tờ báo trên "lên lưới," họ không nhận được thêm lợi tức nào, vì Internet giống như một "bảng thông tin" dựng lên ở nơi công cộng, ai cũng có thể đọc miễn phí. Nhưng những bài phóng lên lưới sẽ đi tới hàng ngàn, hàng vạn độc giả mới, những người ở xa không biết mua báo ở đâu để đọc, nhất là những người trẻ, thường không đọc sách báo tiếng Việt.

Báo trên Internet bị mọi người bỏ quên

Sinh hoạt trên mạng lưới Internet vô cùng sôi nổi. Trong những năm qua trên Vietnet đã có những cuộc tranh luận (nhiều khi trở thành tục tĩu) về các vấn đề như "hòa hợp hòa giải," hay "giao lưu văn hóa" giữa người Việt hải ngoại và trong nước. Trong cuộc thảo luận này, các ý kiến đối cực nhau đã được tung lên lưới, có khi dùng lý luận bình tĩnh, có khi lọt vào các lời thóa mạ. Hai cuộc tranh luận làm "chẩy điện" (thay vì chẩy mực) nhiều nhất trên mạng lưới này có lẽ là những bài phê phán và bênh vực "Mặt Trận Kháng Chiến Hoàng Cơ Minh" và các bài về "Thanh Hải Vô Thượng Sư." Sự kiện các lời bênh vực Mặt Trận Hoàng Cơ Minh hay cô Thanh Hải xuất hiện trên mạng lưới chứng tỏ hai tổ chức đó đã "hiện đại hóa" về mặt truyền thông sớm hơn nhiều tổ chức khác của người Việt Nam về chính trị và tôn giáo. Điều đó cũng chứng tỏ hai tổ chức trên có nhắm đối tượng người trẻ tuổi.

Bên ngoài mạng lưới Internet, nhiều người đã dùng điện thư (*E-mail*) gửi tin tức hay bài vở về Việt Nam, ở đó nhiều công ty quốc tế và cơ quan nhà nước đã dùng điện thư. Nhưng Trung Cộng và Việt Nam hiện vẫn ngăn cản việc thiết lập hệ thống Internet.

Cuộc tranh luận tháng Tư

Trong khi các cuộc "đấu khẩu" về "Mặt Trận" hay "Vô Thượng Sư" diễn ra trên mạng lưới điện tử, chúng ta thấy có các cuộc tranh luận tương tự cũng xuất hiện trên báo in và đài phát thanh trong cộng đồng Việt Nam ở khắp thế giới, vì vậy không có gì đáng để ý. Sự kiện mới trong tháng Tư vừa qua là cuộc trao đổi giữa Nguyễn Kỳ Phong và (những) người tự nhận là Nguyễn văn Thiệu, hay thay mặt ông Thiệu, đã diễn ra trong hai tuần lễ, trước và sau ngày 30 tháng Tư, với nội dung rất "nổ," mà không có một tờ báo in hay đài phát thanh nào "ở ngoài lưới" nhắc nhở đến.

Để quí vị độc giả "ở ngoài lưới" có thể "nếm" thử hương vị của các trao đổi trên Internet, chúng tôi trích mấy câu "đối đáp" trên mạng lưới Social Culture Vietnamese gần đây.

Một điện thư viết ngày 2 tháng Năm: *"Bác Thiệu à. Trước khi bác "đi," chúng cháu nghĩ*

không có gì quý hơn ... cái gia sản lịch sử về chiến tranh Việt Nam mà bác sẽ để (kể) lại cho thế hệ chúng cháu. Nếu đọc được những gì bác viết thì thật là thú vị hơn những gì "bác" Hồ viết, "bác" Hồ viết sạo bỏ mẹ." — gửi từ Đại học Minnesota.

Một điện thư ký tên Võ Trường Giang, gửi từ cơ quan NASA: "*Subject: Re: Hỏi về việc đầu hàng của Dương Văn Minh.*" Điện thư này viết nửa tiếng Anh, nửa tiếng Việt, nhắc đến bức điện thư trước đó của BXD để hỏi *"Mỹ sợ Nguyễn Chánh Thi(hay sao)?" ...Anh có phải là sĩ quan cũ không vậy? Nếu phải thì tôi có thể hiểu được phần nào chúng ta thua."*

Một điện thư khác với đề tài "CTN đi lính cho Pháp ra sao?" đã được người ký tên CTN trả lời rằng việc động viên năm 1953 không có nghĩa là ông đã đi lính cho Pháp. Vì đây là vấn đề cá nhân nên đã có những câu nóng hổi như *"Bởi vậy nên cái nhìn của ông (...) không quá một foot mà tuy còn trẻ nhưng óc ông ấy đã bị hao hụt khá nhiều neurons rồi."* Người trả lời này, nếu động viên năm 1953 chắc gần bằng tuổi các tướng Nguyễn Cao Kỳ, Lê Nguyên Khang. Thông điệp này kết thúc bằng câu"Đả đảo Cộng sản Việt Nam vô nhân!"

Một thông điệp gửi ngày 1 tháng Năm 1996 từ một đại học ở Rochester (RIT) do TDT góp ý về vấn đề *Re: Bạn trẻ muốn biết về 30/4/75*. Đề tài này do TNK nêu lên trong một thông điệp trước đó *"Tâm tình cùng bạn trẻ hải ngoại về 30/4/75."*. Trong thông điệp của TNK có cuộc đối thoại, BTHN nêu ra nhiều câu hỏi và TNK trả lời. Các câu hỏi như *"Vì sao Việt Nam Cộng Hòa thua quá lẹ vậy?... Thời đó phe nào mạnh hơn?... Sao QLVNCH không đánh ra bắc?... Tại sao VNCH không trường kỳ kháng chiến sau 30/4/75?... Sao VNCH không cử người ra để giết VC về đêm? VC về đông lắm sao?"* Thông điệp này gửi đi từ đại học Yale cho thấy người thắc mắc và người trả lời tiêu biểu cho một thế hệ trên dưới 30 tuổi không biết rõ về cuộc chiến tranh mà cha anh họ đã tham dự.

Tờ báo có 15 ngàn độc giả

Khi các người trẻ đọc sách báo tiếng Anh rồi tự đặt các câu hỏi, tự trả lời cho nhau thì ta hiểu lòng họ còn thiết tha đến đất nước. Nhưng hiểu biết của họ thì thật là hạn hẹp. Nếu chúng ta biết con số 15 ngàn người trên mạng lưới, mỗi ngày có 3 tới 4 ngàn người lên lưới, và họ có thể đọc lại các bài lên lưới trước đó, thì chúng ta biết mạng lưới thông tin này quan trọng như thế nào. Có bao nhiêu tờ báo hay đài phát thanh của người Việt ở nước ngoài đang phổ cập đến con số 15 ngàn người khắp nước Mỹ? Chắc chỉ có nhật báo *Người Việt*, nhưng đa số độc giả của báo này hiện quy tụ ở vùng Nam California mà thôi.

Nếu BTHN và TNK đọc bài về "Trung Cộng với Chiến tranh Việt Nam," của Chen Gian trên tạp chí *China Quarterly* (1995) (*Thế Kỷ 21* đã dịch đăng trong số 84, 85, 86) thì biết, sở dĩ từ 1965 QLVNCH không tấn công ra bắc được, lý do chính yếu là Trung Cộng đã thỏa hiệp ngầm với Mỹ. Chu Ân Lai đã nhắn Mỹ là nếu việc đó xảy ra quân đội

Dù ở bất cứ nơi đâu trên thế giới, bạn cũng có thể dùng máy điện toán (có gắn sound card, modem) để nghe các chương trình phát thanh của VNCR từ Nam California, Mỹ quốc.
— Mở máy điện toán
— Vào một Web-browser (thí dụ Netscape, Cello, Mosaic,...)
— Bấm **http://kicon.com/VNCR** —
(Chú ý: xin đánh đúng chữ thường và chữ hoa, đúng khoảng cách của mã số trên).

Các chương trình sau đây hiện vẫn còn lưu trong bộ nhớ của Web-page VNCR, bạn có thể nghe bất cứ lúc nào:
24-5: Tin tức - Nhìn về cố quốc (Vũ Huy Thục).
23-5: Tin tức (Đinh Quang Anh Thái, Hồng Nga và Hoàng Trọng Thụy).
22-5: Thời sự kinh tế (Ngô Nhân Dụng).
20-5: Chúng ta đi mang theo quê hương (Ngô Mạnh Thu).
16-5: Thơ ca cho tình yêu (Phạm Xuân Đài).
13-5: Điểm báo và nhận định (Lê Đình Điểu).
8-5: Phóng sự truyền thanh: Tưởng niệm Chu Tử (Lê Tam Ca).
7-5: Thế giới dưới mắt người Việt (Vũ Huy Thục).
1-5: Mùa xuân và du lịch (Simone Nga).
30-4: Câu chuyện âm nhạc: Phan Văn Hưng (Hoàng Trọng Thụy).
24-4: Đọc truyện: "Vài chuyện rất thường" của Lê Xuân Nhị và Lê Tất Điều (Lê Tam Ca, Hoàng Trọng Thụy).

Ngoài ra, còn có đủ những bài phỏng vấn trực tiếp bằng điện thoại từ Việt Nam: Hà Sĩ Phu (trước khi bị bắt), Nguyễn Ngọc Lan, LM Chân Tín, Tiêu Dao Bảo Cự, và Tưởng niệm Trần Văn Bá.

Ghi chú: Bạn chỉ NGHE được các bài trên chứ KHÔNG ĐỌC được, vì đó là những bài PHÁT THANH. Sắp tới, quý bạn sẽ có thể nghe chương trình phát thanh VNCR ngay trong lúc đang phát thanh!

Trung Cộng sẽ kéo qua Bắc Việt. Bắc Việt được Trung Cộng báo cho biết điều đó nên thả sức tấn công vào Nam, đã có 200 ngàn quân Trung cộng sang Bắc Việt xây dựng và bảo vệ hệ thống giao thông và điều khiển việc phòng không. Các nhà lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa có biết thỏa hiệp ngầm đó chăng? Chắc chỉ những người như cựu tổng thống Thiệu có thể trả lời câu hỏi đó.

Những câu hỏi chưa có câu trả lời

Những lá thư của Nguyễn Kỳ Phong gửi cựu TT Nguyễn văn Thiệu xuất hiện trong số hơn 400 thông điệp vào khoảng thời gian hai tuần lễ đó, tất cả mọi người sử dụng Internet đều có thể đọc. Trong một thông điệp, ông Phong viết một câu bằng tiếng Anh, đại ý *"Tác giả thành thật biết ơn "The Honorable Nguyễn văn Thiệu, former President of RVN" (Ngài cựu TT VNCH Nguyễn Văn Thiệu) đã giúp cho cuộc đối thoại được thực hiện."*

Có những đoạn thư mạo danh cựu tổng thống Thiệu viết *"Tôi không có tham vọng viết sách vì lý do sẽ đụng chạm các thuộc cấp cũ! Họ cũng đã trả cái giá và tôi phải trả rồi. Đào bới lên đống tro tàn làm gì?"* Một người mạo xưng như làm việc cho cựu TT Thiệu, viết: *"Chào BG, tôi sẽ trình lại cựu tổng thống Nguyễn Văn Thiệu những điều anh viết. Hiện nay thì bạn có thể đọc Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập (của Nguyễn Tiến Hưng)... ông Thiệu đã đưa hết cho Nguyễn Tiến Hưng rồi... chúc anh mạnh giỏi."* Sau đó còn thông điệp của "Quách Tĩnh Tân Thời" viết: *"P.S. bài học lớn nhất trong đời của ông Thiệu là "đừng tin những gì cộng sản nói, mà hãy nhìn những gì cộng sản làm."* Vì thông điệp xuất phát từ một đại học ở gần Boston, nơi ông Thiệu cư ngụ, có lẽ đó là một lý do nhiều người nghĩ là họ đang đọc chính ý kiến xuất phát từ vị cựu tổng thống.

Khi các thông điệp sau cùng mạo danh TT Nguyễn văn Thiệu xuất hiện, người viết các câu đó đã cố ý bắt chước lối nói rất "kẻ cả, trịch thượng" của cựu TT Thiệu khiến cho người đọc càng dễ ngộ nhận. Trong những câu đó, người mạo danh ông Nguyễn Văn Thiệu đã mạt sát các tướng lãnh quân lực Việt Nam Cộng Hòa, trừ một vài người như Hoàng Cơ Minh, Lê Minh Đảo trong số các vị được nhắc đến. Mục đích các câu trả lời là đổ lỗi làm miền Nam sụp đổ lên một số tướng lãnh và người Mỹ, trong khi cũng trình bầy kế hoạch "dụ cọp ra khỏi núi" của "tổng thống Thiệu" mà các vị tướng vùng và bộ Tổng Tham Mưu đã làm hỏng.

Những thư trên xuất hiện ngày 26 tháng Tư 1996, đến ngày 7 tháng Năm đài phát thanh VNCR mới loan tin, và nhật báo *Người Việt* đã thuật lại trong số báo ra ngày hôm sau. Tối ngày 8 tháng Năm, có lời minh xác của cựu TT Thiệu trên đài truyền hình và đài phát thanh Little Saigon. Vì VNCR chỉ phát thanh vào buổi chiều nên sáng hôm sau mới nhận được bản minh xác của ông Võ Duy Thưởng, phát ngôn viên của Tổ chức Vận động Yểm Trợ Dân Chủ và Tái Thiết Việt Nam, nhắc lại các lời minh xác của cựu TT Thiệu. Nhưng buổi trưa hôm đó, đài Little Saigon đã phỏng vấn và được cựu TT Thiệu trả lời trực tiếp. Ông Thiệu cho biết ông không hề dùng Internet cũng như không cho phỏng vấn từ hai năm qua. Ông chỉ gửi các thông điệp chính thức vào ngày tết nguyên đán và ngày 30 tháng Tư. Ông nói chỉ trả lời phỏng vấn cho các đài phát thanh bạn và báo chí bạn, còn người ngoài muốn phỏng vấn ông phải đưa câu hỏi trước ít nhất cả tuần lễ.

Trong mấy ngày liền ở khu Bolsa đi đâu người ta cũng nói chuyện về "cuộc phỏng vấn không xẩy ra" và các báo chí địa phương đều tường thuật và bình luận. Một cuộc hội luận (*talk show*, có thính giả gọi vào góp ý) trên đài VNCR đã có đến 15 thính giả bàn cãi trong vòng một giờ, và nếu còn giờ chắc sẽ kéo dài thêm nhiều tiếng nữa. Đa số người tham dự tỏ ý rằng nếu cựu tổng thống Nguyễn Văn Thiệu không có dịp dùng Internet để trả lời Nguyễn Kỳ Phong thì ông nên nhân dịp này trả lời trên báo in hoặc báo nói.

Trong số này, ngoài phần tường thuật trên đây, *Thế Kỷ 21* xin đăng một bài ngắn của Nguyễn Kỳ Phong kể lại đầu đuôi cuộc phỏng vấn... chưa thành, và rất hân hạnh đăng những câu trả lời của cựu Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu (nếu có). ■

ĐÃ BÀY BÁN
TẠI CÁC TIỆM SÁCH

SONG THAO
ĐỒNG ĐƯA CUỘC TÌNH

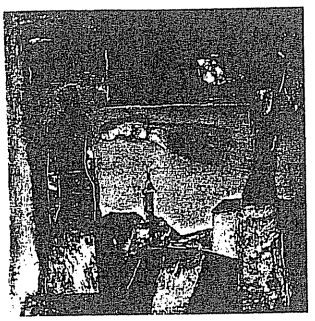

Đong Đưa Cuộc Tình

Tập Truyện của Song Thao

♦ Gồm 10 truyện ngắn, dầy 250 trang.
♦ Bìa Đinh Cường, phụ bản của Thái Tuấn và Đinh Cường.

Giá 12 Mỹ kim.

Ngày Nay xuất bản: 8200 Wilcrest #5, Houston, TX 77072

TÔI PHỎNG VẤN CỰU T.T. NGUYỄN VĂN THIỆU

NGUYỄN KỲ PHONG

Sơ lược về nguyên nhân đưa đến cuộc đối thoại giữa cựu tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và người viết: Vào khoảng ba giờ sáng ngày 8 tháng Tư 1996, người viết tình cờ đọc một bài viết ký tên cựu tổng thống Nguyễn Văn Thiệu (NVT), đăng trên bản tin Social.Culture.Vietnamese Newsgroup của hệ thống Internet. Đây là lần thứ hai trong vòng một tháng, bài viết ký tên NVT xuất hiện trên mạng lưới tin tức Internet (1). Bài viết lần đầu tiên có tựa là "Thông Điệp Của Cựu Tổng Thống NVT Gởi Quốc Dân Nhân Dịp Tết," và bài viết thứ nhì cũng có một nội dung tương tự, nhưng thiên nhiều về ý thức chính trị, hô hào dân chủ (2).

Khi đọc bài viết của ông NVT lần thứ nhì, người viết không dằn được xúc động và bình tĩnh, viết trả lời một bài viết trong đó có nhiều hoài nghi, oán thù và hằn học về người cựu tổng thống.

Bài viết thách thức ông NVT lên tiếng về một số nghi vấn người viết có, về tư cách đạo đức và trách nhiệm của NVT trong suốt thời gian lãnh đạo quốc gia như một vị tổng thống, và trong hơn 21 năm qua từ khi Miền Nam thất thủ. Khi bài viết của tác giả được gởi đi, hai ngày sau bài viết của ông NVT được thâu hồi trên Internet chuyện này xảy ra giống như lần đầu tiên khi bài Thông Điệp bị các tác giả khác chỉ trích.

Nhưng năm ngày sau, ông NVT trả lời tác giả. Với chủ đề "Cựu Tổng Thống NVT trả lời Kỳ Phong," ông Thiệu trả lời một số nghi vấn mà người viết đã đưa ra.

Khi đọc những câu trả lời, người viết rất hoang mang và lo lắng: Hoang mang vì không biết NVT này là NVT cựu nguyên thủ quốc gia, hay chỉ là một tác giả nào đó muốn chọc phá người viết; lo lắng vì trong bài trả lời đầu tiên của người viết có chứa nhiều sự oán giận vô lý và thiếu lễ phép xã giao. Để xác định danh tánh và xuất xứ của tác giả NVT, người viết bài thảo ra một số câu hỏi tiếp theo, cùng lúc, dọ hỏi, tìm hiểu về những hoạt động của cựu tổng thống NVT trong những năm gần đây.

Theo sự hiểu biết của tác giả, ông cựu tổng thống đang sống ở Boston với con. Trong những tháng gần đây, ông đã đến dự tiệc cưới con của tướng VTC ở Houston. Vào tháng Giêng vừa qua, ông nhờ người thân tín ở Houston in 300 tấm thiệp cho đám cưới con trai của ông lấy vợ ở California (in ở nhà in của ông NTL, Houston, Teaxs).

Sau khi số câu hỏi thứ nhì được đăng tải, người viết bài nhận được một số điện thư của bạn hữu trên Internet. Trong đó, một số nghi ngờ người đang đối thoại là NVT thật; một số yêu cầu tác giả tiếp tục đối thoại với "NVT" đang hiện diện trên Internet.

Vào ngày 5 tháng 5, khi NVT viết lại chi tiết chung quanh cái chết của hai ông Diệm Nhu, người viết kết thúc cuộc đối thoại và thẩm định lại sự xác thực của người đối thoại.

Nhìn chung, giọng văn, câu trả lời, những chi tiết liên hệ về binh nghiệp và cá nhân đều cho thấy người trả lời nếu không phải là chính ông NVT thì phải là một người biết chuyện, có nghiên cứu hay để ý về cuộc đời của người cựu tổng thống.

(Ở đây, người viết xin được nói về cách chọn những câu hỏi của tác giả gởi cho NVT: Những câu hỏi đến từ bộ tài liệu *The Bunker's Papers*, gồm tất cả tường trình do cố đại sứ Bunker gởi về hàng tuần cho hai tổng thống Johnson và Nixon. Số còn lại đến từ những hồi ký của những quân nhân, chính trị gia Mỹ có liên hệ mật thiết đến Việt Nam. Câu hỏi sau cùng, "Ai Ra Lệnh Giết Hai Ông Diệm và Nhu?" có đăng một đoạn trong bản thảo về liên hệ Mỹ-Việt của tác giả. Phần lớn sử liệu đến từ sử gia Mỹ.)

Ngày 6 tháng Năm, người viết gởi cho tạp chí Thế Kỷ 21, loan báo những sự kiện đã xảy ra. Hôm sau, trước ngày người viết đi Houston thăm người thân, đồng thời để gặp một vài người hiểu biết về cá nhân của ông cựu tổng thống, thì tòa soạn TK 21 gọi, cho biết ban chủ biên đã phối kiểm với những nguồn tin thân cận cựu tổng thống NVT, được biết ông NVT không hề sử dụng e-mail hay viết bài trên Internet.

Người viết nghĩ rằng các câu hỏi gửi cho cựu tổng thống vẫn còn là những câu hỏi, và vẫn cần được cựu tổng thống trả lời, nên yêu cầu ban chủ biên Thế Kỷ 21 cứ "leak" cả câu hỏi lẫn câu trả lời, để nếu "ông NVT thật" đọc được thì lên tiếng.

Khi bước xuống phi trường Houston International vào chiều ngày 8 tháng Năm, người viết nhận được tin nhật báo Người Việt đã đăng tải nội dung cuộc đối thoại, và đài phát thanh Little Saigon đã loan tin tương tự (theo những gì người viết biết được từ Houston, Texas). Trong buổi phát thanh, đài Little Saigon trực tiếp truyền thanh lời của cựu tổng thống Thiệu trên điện thoại, phủ nhận là ông đã nói chuyện, hay trả lời bất cứ ai trên Internet.

Trong khi đó, trên mạng lưới Internet, nhiều tác giả lên tiếng yêu cầu ông Trần Đình Thiên (người đăng dùm những bài trả lời của NVT) lên

tiếng về nguồn gốc chính xác của những bài trả lời có chữ ký của Nguyễn Văn Thiệu.

Bốn giờ sáng ngày thứ Hai, 13 tháng Năm 1996, ông Thiên lên tiếng trên mạng lưới Internet. Trong bài viết, ông Thiên không công nhận, cũng không phủ nhận nguồn gốc chính xác về tác giả NVT.

Ông chỉ nói: (1) Ông là người trung gian của cuộc đối thoại. (2) Ông NVT bị hăm dọa và chỉ trích nặng từ phía quân nhân về những gì ông Thiệu đã nói, và (3) tin hay là không tin về nguồn gốc của bài viết là quyền thẩm định của từng độc giả, nhất là những người có làm việc chung và quen thuộc với văn phong của ông NVT.

Khi trở lại Virginia vào Chủ Nhật 19 tháng Năm, người viết nhận được khoảng 60 bức điện thư với nội dung liên quan đến tác giả NVT. Một lá thư lưu ý người viết về sự một sự kiện đáng để ý: Đây là lần đầu tiên trong 21 năm, rất đông các tướng lãnh và ông NVT đều có những cuộc phỏng vấn trên các đài truyền thanh. Tại sao có sự trùng hợp này? Và ai là tác giả hai bài Hiệu Triệu của Tổng Thống đầu tiên? Vì tính cách thời gian tính của sự kiện, người viết sẽ bắt đầu một loạt bài về vấn đề này trong những ngày sắp đến. Sau đây là một phần của cuộc đối thoại với NVT.

Những câu hỏi đầu tiên của người viết có nội dung như sau:

1.- Tại sao hơn 21 năm rồi ông mới lên tiếng? Trong những năm đầu tiên qua đây, đời sống của chúng tôi rất cực khổ, trong khi đó ông sống trên nhung lụa và từ chối sự hiện diện của tập thể người tị nạn qua câu tuyên bố: "Tôi không có dính dáng gì đến những người tị nạn." Đó là một nhục nhã cho thế hệ của chúng tôi nói riêng, và cộng đồng tị nạn nói chung.

2.- (...)

3.- Trong những ngày cuối cùng của VNCH, ông không muốn chia sẻ quyền bính, và khi "ăn không được," thì ông phá trước khi ra đi. Có đúng không?

4.- Ông có cho tiền, mua chuộc và trao tài liệu mật cho tác giả Nguyễn Tiến Hưng, để ông này viết sách chạy tội cho ông không?

[Bài trả lời đăng trên Internet ngày 24-4-96]

Câu 1: Về việc tuyên bố "tôi không biết gì về thuyền nhân Việt Nam." Đây là sự xuyên tạc vu khống của chính quyền CS nhằm vào tôi.

Sự thật xảy ra như sau: Bộ trưởng Việt Cộng Phan Hiền đã tuyên bố với đài BBC là bọn người Việt di tản, vượt biên toàn là lũ đĩ điếm, đầu trộm đuôi cướp không thích ứng với xã hội mới nên đã tìm đường vượt biển! Kết quả là hoàn toàn thất lợi cho việc tuyên truyền cho Việt Cộng và gây bất mãn khắp nơi.

Do đó để xì hơi quả bong bóng độc hại này Việt Cộng đã cho hệ thống tình báo tìm cách bôi nhọ các lãnh đạo cũ của VNCH. Người đầu tiên là tôi (người thứ nhì là phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ). Họ cho người giả dạng nhà báo đến tư gia tôi tại Luân Đôn để phỏng vấn. Trong cuộc phỏng vấn có đề cập đến vấn đề thuyền nhân VN và lời tuyên bố của Phan Hiền. Thú thật tôi ít đọc báo từ ngày ra ngoại quốc nên tôi đã nói: "I don't know anything about Viet refugees. Could you give me more details on that matter." Thế là tôi lọt vào bẫy của bọn Việt Cộng. Chúng nó la rùm lên là tôi "don't care anything about Viet refugees." Chúng nó muốn trút quả bóng độc hại vào người tôi. Oan cho tôi quá!

Nạn nhân thứ hai là Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ: Tướng Kỳ đã bị tố cáo còn ác liệt hơn tôi nữa. Bọn Việt Cộng mướn người làm chứng gian với FBI để "tố cáo" tướng Kỳ là trùm mafia, cướp bóc, tống tiền của người Việt di tản. Tướng Kỳ là trùm 25 băng đảng gộc ở California. Oan cho tướng Kỳ quá! Chúng

Nhà xuất bản
VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone: (714) 527-5761

Sách Mới 1996

- ***Viết Cho Mẹ và Quốc Hội*** — *20MK*
  Hồi ký chính trị của Nguyễn Văn Trấn
  Đã tái bản
- ***Thư Gửi Bạn Ta, tập I*** — *16MK*
  Bùi Bảo Trúc, *đã tái bản*
- ***Thư Gửi Bạn Ta, tập II*** — *16MK*
  Bùi Bảo Trúc
- ***Lý Luận và Phê Bình*** — *27MK*
  Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước (75-95)
  Bùi Vĩnh Phúc
- ***Cấu Trúc Thơ*** — *13MK*
  Thụy Khuê
- ***Lịch Sử Thế Giới*** — *25MK*
  Nguyễn Hiến Lê — Thiên Giang
- ***Về Vùng Chiến Tuyến*** — *15MK*
  Hồi ký Lê Xuân Nhuận
- ***Thơ V.V... và V.V...*** — *16MK*
  Nguyễn Hưng Quốc

Sách Phát Hành

- ***Lòng Tin Âu Mỹ Đấy!*** — *16MK*
  Trần Quý
- ***Việt Nam Văn Học Sử*** — *28MK*
  Đỗ Văn Gia
- ***Bước Mở Đầu Của Sự Thiết Lập Hệ Thống Thuộc Địa Pháp ở Việt Nam*** — *20MK*
  Nguyễn Xuân Thọ
- ***Marie Sến*** — *10MK*
  Phạm Thị Hoài

Liên lạc Văn Nghệ để nhận thư mục đầy đủ, với 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản.

nó muốn làm nhục phó tổng thống VNCH phải ra hầu tòa nhục nhã về tội "cướp bóc, tống tiền." Những tội danh được định đoạt từ "Bắc Bộ Phủ." Sau đó, Việt Cộng xoay qua các cấp thấp hơn. Việt Cộng muốn rằng khi tội đi đâu thì cũng bị cộng đồng la ó (giùm cho Việt Cộng.) Đó là chiến thuật mạ lỵ và vu khống có bài bản của Việt Cộng. Kỳ Phong, you believe it or not? It's up to you.

Câu 2: (...)

Câu 3: Chia sẻ quyền bính: Xin lỗi! tôi đã tự ý từ chức cách đây đúng 21 năm rồi! Ai muốn lên nắm quyền lèo lái là tùy ý người đó (Trần Văn Hương, Dương Văn Minh). Sau khi tôi từ chức thì tân Tổng thống Hương đã ép buộc tôi phải rời Sàigon vì cụ không muốn có mặt tôi ở Saigon khiến cụ khó ăn nói với Việt Cộng trong việc thành lập chính phủ ba thành phần. Tôi đã tận sức cứu cho VNCH khỏi rơi vào tay CS nhưng đã bất thành vì lý do Mỹ đã bắt tay với cộng sản Tàu vào năm 1972. Do đó không có lý gì mà phải chi tiền đánh nhau nhằm ngăn chận làn sóng đỏ. Chú Sam đã bế được tiểu thư Tàu rồi thì sá gì mụ vợ già Việt Nam. Mỹ càng chạy làng càng đỡ trách nhiệm. Hiệp Định bức tử Paris 1973 chỉ có phe VNCH là phản đối còn lại Nga Sô, Tàu Cộng, Mỹ, Việt Cộng, MTGPMNVN đều đồng ý. Ký hay không thì sự đã rồi.

Sau đó, tôi đã tìm mọi cách để tranh thủ World Bank cho vay tiền 300 triệu dollars. Nhưng họ đã giả lơ. Tôi cử người qua Vatican thì Vatican cũng đã giả lơ! Giáo Hoàng chỉ tiếp Xuân Thủy và Nguyễn Thị Bình mà thôi! Tôi cho ngoại trưởng Vương Văn Bắc tiếp xúc với Trung Cộng. Nhưng Trung Cộng cũng giả lơ tuốt! Tôi cũng cho người qua Saudi Arabia để vay tiền của quốc vương Faisal. Nhưng số phận hẩm hiu đã vây chặt lấy VNCH: Faisal bị ám sát ngày 25 tháng Ba 1975. Giấc mơ mượn tiền tiêu tan. Sau đó, tôi cử Trần Văn Lắm qua Mỹ để vận động nhưng ông Lắm cũng đành nuốt lệ về tay không! Thất bại của VNCH chỉ còn xảy ra theo theo thời gian mà thôi.

Không ai ủng hộ, không tiền trả lương lính! Các mỏ dầu ở gần Côn Lôn (Rose 9, Coconut 11) đều chưa khai thác được vì Mỹ rút viện trợ kỹ thuật. Ngoài ra còn bị đồng minh chơi xấu đánh sau lưng cho mau quỵ! Kho xăng Nhà Bè do "tay trong" đốt cháy tan tành vào cuối năm 1974. Các đài BBC, VOA đều đưa tin thất trận gây hoang mang cho người dân. Viện trợ thì cắt đứt, chỉ viện trợ mũ sắt để đánh nhau với Việt Cộng. Kết quả là chúng ta đã bị thua! Ngày cuối cùng của tôi ở Phủ Tổng Thống, đại tướng Cao Văn Viên đã ôm tôi khóc ròng! Cả hai chúng tôi đều không ngờ có ngày lại là người bại trận!

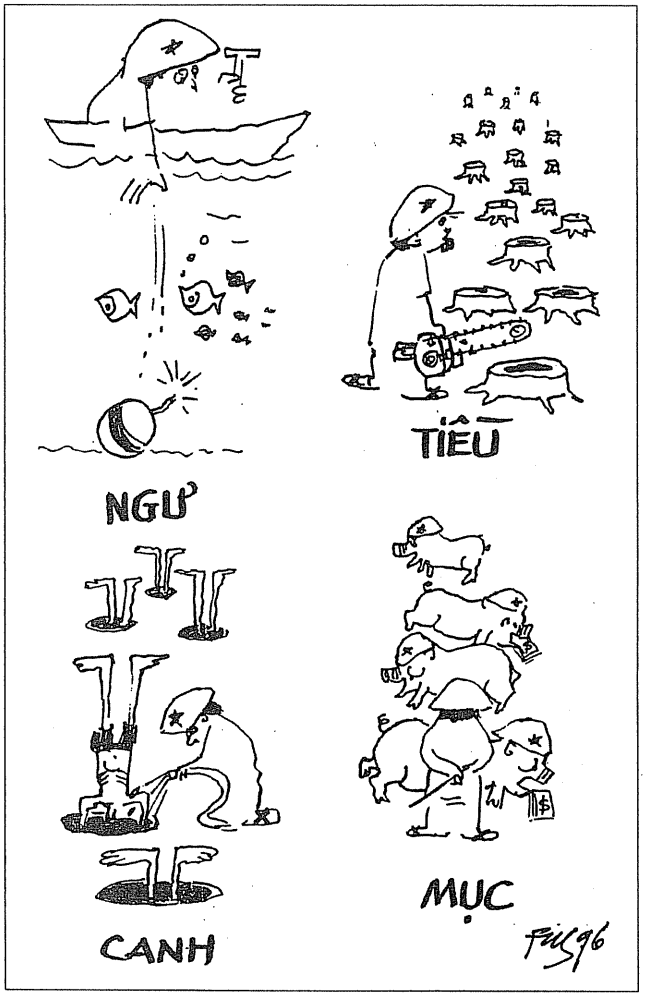

Câu 4: Ông đã vu cáo một cách trắng trợn là tôi mướn người viết sách. Xin lỗi! đó là vu cáo! Tôi không hề chi tiền cho ai để viết sách cả! Xin đưa ra bằng chứng. Ở Mỹ đã lâu mà vẫn còn hàm hồ như vậy sao? Không bằng chứng, không proof mà vẫn viết bừa sao? Tôi biết ông đã ám chỉ cuốn sách và cả người viết là cuốn Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập của Tiến Sĩ Nguyễn Tiến Hưng. Đó là trách nhiệm của một người tôn trọng sự thật. Còn những người không tôn trọng sự thật mà chỉ vu cáo ẩu tả thì miễn bàn.

Thư đã dài, xin dừng bút nơi đây.

Nguyễn Văn Thiệu

viết tại Boston ngày 21/4/96.

Đăng giùm, đăng giúp by QTTT.

(1) Nếu muốn biết thêm về nhưng nhóm hội thảo trên Internet, xin đọc một bài viết của Phùng Nguyễn trên tạp chí *Văn Học* [Nguyễn Mộng Giác, editor].

(2) Bài Hiệu Triệu đầu tiên của NVT có địa chỉ e-mail là binhthuan@xxxx [Bình Thuận]. Bài thứ nhì có địa chỉ là nvt@xxxx [Nguyễn Văn Thiệu ?]. Những bài viết sau đều dùng địa chỉ của một người khác.■

SỰ DÍNH LÍU CỦA TRUNG QUỐC VÀO CUỘC CHIẾN VIỆT NAM TỪ 1964 ĐẾN 1969 *

CHEN GIAN
CAM VŨ chuyển sang Việt ngữ

(tiếp theo và hết)

Viện trợ quân sự và vật liệu khác cho Việt Nam.

Khi quân Trung Quốc vào Việt Nam, viện trợ quân sự và những loại khác tăng lên đột ngột. Mao chỉ thị dứt khoát giúp đỡ cho Việt Nam phải là ưu tiên cao nhất. Vào ngày 16 tháng Sáu 1965, Mao nói rõ hơn rằng cấu trúc kinh tế của Trung Quốc rồi sẽ phải sửa đổi cho thích hợp với nhu cầu "chuẩn bị cho tình trạng chiến tranh đang tới." Vào cuối tháng kế đó, với tình hình chiến sự leo thang tại Việt Nam, Hội đồng Kế hoạch Nhà nước Trung Quốc quyết định rằng tăng cường thêm nữa về quốc phòng và "chuẩn bị một cuộc chiến tranh to lớn gần kề với đế quốc" sẽ là công tác trọng tâm của Kế hoạch Năm năm lần thứ Ba. Hội đồng cũng quyết định tuyến đường xe lửa Thành Đô - Côn Minh, dự trù dùng để tăng cường liên lạc giữa Trung Quốc với Việt Nam, phải được hoàn tất trước năm 1969.

Một nguồn tài liệu Trung Quốc cho thấy nội dung của một thỏa hiệp được ký ngày 11 tháng Sáu 1967 giữa Liao Kaifen, phó giám đốc Cục Tiếp liệu Quân khu Côn Minh với đối tác của ông ta, phó phòng tiếp liệu Quân khu Tây Bắc của Việt Nam, theo đó Trung Quốc cung cấp viện trợ cho quân Việt Nam đóng tại Thượng Lào năm 1967. Tổng số quân Việt Nam tại đó, theo như phía Việt Nam cho biết, là 1,870 người. Thêm vào vũ khí và các khí tài quân sự khác, Trung Quốc còn hứa sẽ cung cấp cả cho các nhu cầu đời sống của binh sĩ: 5,500 bộ quân phục, 5,500 đôi dày, 550 tấn gạo (0.8 kí lô/người/ngày), 55 tấn thịt heo (2.4 kí lô/người/tháng), 20 tấn muối, 20 tấn cá, 20 tấn mè và đậu phộng, 20 tấn đường trắng, 6.5 tấn nước tương, 8,000 cái bàn chải răng, 11,000 ống kem đánh răng, 24,000 cục xà phòng thường, 10,600 cục xà phòng thơm, và 74,000 gói thuốc lá. Tính chung, bản thỏa ước bao gồm 687 vật hạng khác nhau, gồm cả những thứ như bóng bàn, bóng chuyền, bút, kèn ac-mô-ni-ca, và kim may. Nó cho thấy mức độ lớn lao của viện trợ của Trung Quốc cho Việt Nam.

Bảng 1 cho thấy khuynh hướng viện trợ quân sự của Trung Quốc cho Việt Nam. Viện trợ vũ khí và các loại khí tài quân sự khác tăng vọt vào năm 1965. So với năm 1964, súng tăng 1.8 lần, từ 80,500 lên 220,767; đạn tăng gần 5 lần, từ 25.2 triệu lên 114 triệu; súng pháo binh các loại tăng hơn 3 lần, từ 1,205 lên 4,439; và đạn pháo tăng gần 6 lần, từ 335,000 lên 1.8 triệu. Con số viện trợ quân sự của Trung Quốc giao động giữa 1965 và 1968, mặc dù tổng giá trị các loại viện trợ khác thì đại khái vẫn giữ nguyên mức độ. Nhưng rồi đến 1969 - 70, mức độ sút giảm hẳn, cùng lúc với tất cả quân Trung Quốc rút về nước. Đến 1972 thì mới lại có sự tăng vọt đáng kể trong việc cung cấp viện trợ quân sự của Trung Quốc cho Việt Nam, nhưng lý do thì rất khác với các yếu tố đàng sau công cuộc viện trợ từ năm 1965 đến 1969.

Tóm tắt, cho dù quyết định viện trợ của Bắc Kinh cho Việt Nam có lý lẽ và duyên cớ riêng của nó, sự giúp đỡ ấy trong khoảng thời gian 1965 - 69 thực sự rất lớn lao. Bắc Kinh đã cung cấp cho Việt Nam các trợ giúp khổng lồ về quân sự và các loại vật dụng khác. Trên 320,000 lính công binh và lực lượng phòng không (đỉnh cao là vào năm 1967, khi 170,000 quân Trung Quốc hiện diện tại Việt Nam) đã trực tiếp tham gia vào việc xây dựng, bảo trì và bảo vệ hệ thống giao thông và các mục tiêu chiến lược quan trọng cho Bắc Việt Nam, nhất là trong vùng phía bắc vĩ tuyến 21 (12). Sự yểm trợ ấy cho phép Hà Nội dùng nhân lực của họ cho các công tác cơ bản hơn, như là tham gia vào chiến trường miền Nam và duy trì tiếp vận và liên lạc giữa miền Bắc và miền Nam. Hơn nữa, sự chi viện của Bắc Kinh, như cả Allen Whiting và John Garver đã chỉ ra, đóng vai trò kềm chế sự bành trướng chiến tranh ra miền Bắc của Hoa Kỳ. Công bằng mà nói, tuy viện trợ của Bắc Kinh không đầy đủ như Hà Nội mong muốn, nhưng nếu không có sự viện trợ ấy thì lịch sử, và ngay cả kết quả của cuộc Chiến tranh Việt Nam, có thể đã đổi khác.

Hố chia cách giữa Bắc Kinh và Hà Nội, 1966-69

Bất cứ nghiên cứu nào về việc tham dự của Trung Quốc vào cuộc chiến Việt Nam cuối cùng cũng phải nêu lên câu hỏi chủ yếu và duy nhất: tại sao Bắc Kinh và Hà Nội đã đi vào cuộc chiến như những đồng minh thân thiết — "đồng chí anh em", như lời Hồ Chí Minh thường nói — lại trở thành những đối thủ ác liệt của nhau chỉ mấy năm sau khi cuộc chiến chấm dứt?

Nhìn lại thì thấy nền tảng của sự hợp tác giữa Bắc Kinh và Hà Nội trong những năm 60 thực ra là mong manh, vì sự quan tâm trong chính sách riêng của mỗi bên được điều hướng bởi các ưu tiên

khác biệt nhau. Trong khi đối với người Việt Nam thì thắng trận để thống nhất đất nước là mục tiêu chính yếu, thì khuynh hướng của Trung Quốc trong chiến lược về Việt Nam, như đã bàn ở trên, bao gồm nhiều yếu tố phức tạp khi Mao mong muốn dùng cuộc xung đột tại Việt Nam để khích động "cuộc cách mạng thường trực" tại Trung Quốc. Cũng chẳng lạ, khi những toán công binh và phòng không đông đảo của Trung Quốc vào Việt Nam vào cuối năm 1965 thì những vấn đề giữa hai nước cũng bắt đầu bộc phát. Cuộc chiến Việt Nam càng phát triển thì các khác biệt về ý kiến bắt đầu va chạm, đôi khi đến chỗ đối đầu nhau. Những xung đột giữa các người láng giềng cộng sản tiếp tục leo thang cho đến khi Bắc Kinh rút hẳn quân ra khỏi Việt Nam, vì cảm thấy bị xúc phạm trước quyết định của Hà Nội bắt đầu thương thuyết với Hoa Kỳ tại Paris.

Dấu hiệu bất hòa đầu tiên xuất hiện do những khác biệt trong quan niệm vai trò của lính Trung Quốc tại Việt Nam và do thực chất quan hệ giữa quân lính Trung Quốc và người bản xứ. Khi quân Trung Quốc vào Việt Nam, họ được cổ vũ "dùng mọi cơ hội để phục vụ cho nhân dân Việt Nam." Ý nghĩa thực sự của việc Trung Quốc trợ giúp cho Việt Nam không phải chỉ nằm ở hoạt động quân sự, mà còn là một công tác chính trị. Vì thế điều quan trọng là người lính Trung Quốc phải đóng một vai trò mẫu mực khi có mặt tại Việt Nam, nhằm quảng cáo cho hình ảnh nước Trung Hoa như là một tấm gương vĩ đại của chủ nghĩa vô sản toàn thế giới. Tuy nhiên, các cố gắng để đưa những nguyên tắc như thế vào thực tế thì lại hay bị chính quyền Việt Nam làm trở ngại. Các đơn vị Trung Quốc nhận ra rằng loại công tác họ có ý định mang lại cho người dân Việt Nam, đặc biệt là các toán y tế Trung Quốc, thì đều bị giới chức Việt Nam cố tình ngăn chận. Một số vụ như thế đã được báo cáo về cho Mao vào cuối tháng Tám 1965, mới chỉ hai tháng sau khi các đơn vị Trung Quốc đầu tiên vào Việt Nam. Sau đó Mao chỉ thị binh sĩ Trung Quốc tại Việt Nam "không nên quá nhiệt tình [trong việc phục vụ người Việt Nam]."

Nhưng cẩn thận như thế cũng chẳng cải thiện tình hình là bao. Tình cảm đoàn kết giữa Bắc Kinh và Hà Nội phai nhạt đi nhanh chóng. Sự thay đổi thái độ tế nhị này đã được minh họa bởi kinh nghiệm của các sĩ quan chỉ huy thuộc sư đoàn LCTNT thứ hai. Vào tháng Sáu 1965, khi sư đoàn này vào Việt Nam, các sĩ quan chỉ huy được mời đến Hà Nội, tại đây họ được Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp tiếp đón nồng hậu. Nhưng khi sư đoàn rời Việt Nam vào tháng Mười 1966, các đại diện của sư đoàn nhận thấy bầu không khí đã trở nên lạnh nhạt một cách rõ rệt tại Hà Nội. Họ cảm thấy rằng "đã có điều gì không ổn trong quan hệ Việt-Trung."

Quan hệ xấu đi giữa Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa, cùng với cuộc Cách Mạng Văn Hóa vừa mới mở màn tại Trung Quốc, đã gây nên căng thẳng và bất hòa giữa Bắc Kinh và Hà Nội. Cho đến giữa thập niên 60, Bắc Kinh vẫn cho rằng Đảng Lao Động Việt Nam đứng về phía Trung Quốc trong cuộc đấu tranh chống "chủ nghĩa xét lại Xô Viết." Nhưng các liên hệ giữa Hà Nội và Mạc Tư Khoa lại tăng cường cùng với cuộc chiến tiến triển ở Việt Nam. Sau khi Khrushchev đã bị truất phế bởi các đồng chí của ông ta vào tháng Mười 1964, Mạc Tư Khoa bắt đầu cung cấp nhiều viện trợ cho Hà Nội, đồng thời kêu gọi các nước xã hội chủ nghĩa cùng thống nhất lập trường ủng hộ Việt Nam (13). Ngày 11 tháng Hai 1965, Thủ tướng Xô Viết A.N. Kosygin dừng lại Bắc Kinh trên đường từ Việt Nam về để gặp Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai. Ông ta đề nghị Trung Quốc và Liên Bang Xô Viết hãy ngưng cuộc luận chiến bấy lâu, để có thể cùng hợp tác yểm trợ cho công cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam. Mao từ chối đề nghị ấy của Kosygin, tuyên bố rằng cuộc tranh luận giữa ông ta với những người Xô Viết sẽ còn kéo dài 9,000 năm nữa. Từ đó Hà Nội trở nên im lặng, không còn chỉ trích "chủ nghĩa xét lại" nữa.

Việc Mao nối kết cuộc luận chiến chống Mạc Tư Khoa với các tranh chấp nội bộ Đảng của Trung Quốc đã làm tình hình rắc rối thêm. Vào tháng Hai và tháng Ba 1966, một phái đoàn cao cấp của Đảng Cộng sản Nhật dẫn đầu bởi Miyamoto Kenji, Tổng Bí thư ĐCS Nhật, đã đi thăm Trung Quốc và Bắc Việt Nam, có ý định vận động cho một "mặt trận quốc tế đoàn kết chống đế quốc," trong đó gồm cả Trung Quốc và Liên Xô. Biết được rằng Hà Nội tỏ ra rất quan tâm với ý tưởng này, phái đoàn của Đảng Trung Quốc cầm đầu bởi Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình đã dàn xếp ký với Miyamoto một bản thỏa ước, theo đó Trung Quốc sẽ thực sự tham gia vào "mặt trận đoàn kết quốc tế" này. Tuy nhiên vào phút chót Mao đã đột ngột can thiệp vào, tuyên bố rằng cả Lưu lẫn Đặng không ai được quyền đại diện cho Đảng Trung Quốc. Ông ta nhấn mạnh rằng Liên Bang Xô Viết đã trở thành kẻ thù nguy hiểm nhất cho các dân tộc trên thế giới và kêu gọi thành lập một "mặt trận đoàn kết quốc tế chống đế quốc và chống bọn xét lại." Sau này Mao sẽ liên hệ sự kiện này với sự chỉ trích trước đây của ông ta đối với Hoàng Gia Hương, để cho rằng cả Lưu và Đặng đều đã trở thành "những tên xét lại" của Trung Quốc. Chỉ trích của Mao đối với việc Lưu và Đặng trong vụ Miyamoto là dấu hiệu đầu tiên lộ ra cho thế giới

Khi nghe tin Ronald Reagan (một tài tử chiếu bóng không xuất sắc) đắc cử thống đốc tiểu bang California, một nhà đạo diễn rất ân hận: "Lỗi tại tôi. Đáng lẽ phải cho hắn đóng vai khá khá hơn." Sau này Reagan đóng vai tổng thống Mỹ thực thụ.

bên ngoài biết có sự chia rẽ sâu xa giữa các lãnh tụ hàng đầu của ĐCS TQ. Không lâu sau đó thì xảy ra việc Lưu và Đặng trở thành mục tiêu chính của cuộc Cách Mạng Văn Hóa.

Nghiên cứu về sự va chạm trong mối quan hệ Việt - Trung, có thể thấy rằng sự thất bại trong công tác của Miyamoto đã làm tăng thêm khoảng cách giữa Hà Nội và Bắc Kinh. Giới lãnh đạo Bắc Kinh, trong khi ngày càng thấy khó chịu về việc Hà Nội tỏ ra không quan tâm trong việc phải giữ một khoảng cách đối với Mạc Tư Khoa, đã ngạc nhiên mà ghi nhận rằng giới truyền thông của Việt Nam bắt đầu dùng các cuộc xâm lăng của Trung Hoa vào Việt Nam trong quá khứ để quấy động lòng yêu nước của thường dân Việt Nam. Tin rằng Việt Nam trong thực tế đã nghiêng hẳn về phía Mạc Tư Khoa, lãnh đạo Bắc Kinh thấy bị tổn thương thực sự (14).

Giữa những nguồn tài liệu hiện có được của Trung Quốc, có hai trường hợp cho biết đã có sự khác biệt sâu sắc vào năm 1966 giữa Bắc Kinh và Hà Nội, do việc Hà Nội cải thiện quan hệ với Mạc Tư Khoa. Trường hợp thứ nhất là phản ứng của Trung Quốc về cử chỉ thân thiện của Hà Nội đối với Mạc Tư Khoa. Vào tháng Ba 1966, Lê Duẩn dẫn một phái đoàn Đảng Việt Nam dự Đại hội Đảng lần thứ 23 của Liên Xô. Có một lần Duẩn đã mô tả Liên Xô như là "tổ quốc thứ hai" của ông ta. Khi các lãnh tụ Bắc Kinh biết việc này, họ đã "bị kích động một cách giận dữ." Mấy tháng sau đó, Việt Nam yêu cầu sư đoàn thứ hai của LCTNT ở lại Việt Nam thêm một thời gian nữa sau khi công tác giao phó ban đầu đã hoàn tất, nhưng Trung Quốc không chấp nhận lời yêu cầu và rút sư đoàn hai về Trung Quốc vào tháng Bảy 1966. Một nguồn tài liệu của Trung Quốc cho biết rằng hành động này là để chứng tỏ sự giận dữ của Bắc Kinh vì những lời ca ngợi Liên Xô của Lê Duẩn tại Mạc Tư Khoa.

Trường hợp thứ hai trực tiếp hơn, cho thấy sự bất bình của Trung Quốc về việc Hà Nội dành mọi ưu tiên cho Liên Xô. Vào đầu năm 1966, chiếc tàu chở hàng *Hồng Kỳ* của Trung Quốc được giao nhiệm vụ chở hàng tiếp tế cho Việt Nam. Khi chiếc tàu này đến gần cảng Hải Phòng, nó bị chận lại để cho một chiếc tàu hàng của Liên Xô, đến sau nó, được vào cảng trước. Vì bị chậm trễ như thế, chiếc *Hồng Kỳ* đã nằm phơi mình cho máy bay Mỹ oanh tạc, và đã bị thiệt hại nặng nề. Trong chuyến đi thăm Trung Quốc vào tháng Tư, Lê Duẩn mới được biết đây là vấn đề đầu tiên trong lịch trình làm việc của Chu Ân Lai với ông ta. Chu buộc Duẩn phải giải thích tại sao Việt Nam lại dành cho chiếc tàu Liên Xô một ưu tiên vô lý như vậy. Theo các nguồn tin Trung Quốc thì Duẩn đã rất bối rối. Ông ta đã phải xin hứa rằng Việt Nam sẽ không để cho những việc tương tự xảy ra nữa, đồng thời hết lời ca ngợi tầm mức quan trọng của viện trợ Trung Quốc, sau đó Chu mới chuyển sang các đề tài khác.

Hố ngăn cách giữa Bắc Kinh và Hà Nội càng rộng thêm khi Bắc Việt Nam nhận thêm viện trợ từ Mạc Tư Khoa. Bắc Kinh đã không đồng ý hợp tác với Liên Xô để thiết lập một hệ thống vận chuyển duy nhất, như Mạc Tư Khoa đề nghị, để đưa hàng hóa của Liên Xô đi xuyên qua đất Trung Quốc (15). Trung Quốc đồng ý giao giúp hàng hóa vật liệu của Liên Xô cho Việt Nam, chỉ với một điều kiện là công tác phải được đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp của Bắc Kinh, và được xem như là một ân huệ của Bắc Kinh đối với Hà Nội (16). Việt Nam lộ rõ là không thích một thái độ như thế. Năm 1968 thì Trung Quốc đã thấy rõ là Hà Nội nghiêng hẳn về phía Mạc Tư Khoa hơn là Bắc Kinh. Khi một loạt những đụng chạm xảy ra giữa lính Trung Quốc và nhân viên quân sự Xô Viết tại Việt Nam, nhà cầm quyền Việt Nam đứng về phía Liên Xô, và nói rằng người Tàu "đã vi phạm chủ quyền Việt Nam." (17)

Việc Hà Nội dính líu sâu vào các phần đất khác của Đông Dương, đặc biệt tại Lào, là một nguyên do khác gây sự nghi kỵ và đụng chạm giữa Trung Quốc và Việt Nam. Quan hệ lịch sử giữa những người Cộng sản Việt Nam, Lào và Cam Bốt rất chặt chẽ (một thời họ đều thuộc về đảng Cộng Sản Đông Dương). Đây không phải là vấn đề đối với Trung Quốc trong trận chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất. Nhưng tình thế trở nên khác hẳn trong trận chiến thứ hai. Khi một toán công tác Trung Quốc đến Lào đầu năm 1965, họ báo cáo về Bắc Kinh rằng người Việt Nam đã thực sự kiểm soát đảng Nhân Dân Cách Mạng Lào, và nhìn toán người Trung Quốc như là một đe dọa cho quyền lợi của Hà Nội tại đó. Cuối cùng, vào tháng Chín 1968, rõ ràng là dưới áp lực của Hà Nội, Cay Xỏn Phom Vi Hản đề nghị Li Wenzhen, trưởng toán Trung Quốc lúc bấy giờ, nên trở về Trung Quốc nghỉ phép. Bắc Kinh diễn dịch đề nghị này như một chỉ dấu cho thấy sự tiếp tục có mặt của toán Trung Quốc là không cần thiết nữa và ra lệnh rút toán công tác trở về. Hậu quả của việc đó là Bắc Kinh và Hà Nội càng mất tin cậy nhau sâu sắc hơn nữa.

Tình thế thay đổi tại Trung Quốc vào 1968-69, cũng như mối liên hệ mới của Trung Quốc với hai siêu cường, làm cho giới lãnh đạo Bắc Kinh cảm thấy ít bị ràng buộc hơn trong việc tiếp tục giữ mãi một mức độ viện trợ cho Việt Nam. Như đã đề cập ở trên, khi Mao quyết định cam kết dành một phần lớn viện trợ quân sự và các nguồn phẩm vật khác của Trung Quốc để hậu thuẫn cho Cộng sản Việt Nam vào năm 1964 và 1965, ông ta đang chuẩn bị phát động cuộc Cách Mạng Văn Hóa, sẽ bắt đầu quét qua Trung Quốc trong mùa hè và mùa thu năm 1966. Nhưng tình hình trong nước Trung Quốc và những nhu cầu của Mao đã thay đổi trong những năm 1968 và 1969. Cuộc Cách Mạng Văn Hóa đang tiến hành đã tiêu diệt các đối thủ nhận diện được của Mao trong giới lãnh đạo Đảng. Tuy nhiên cùng lúc nó lại mang xã hội Trung Quốc cũng như nhà nước Cộng sản và bộ máy đảng đến bờ vực của sự phân hóa. Vì thế Mao cần phải đem xứ sở

vào trật tự trở lại. Cùng thời gian đó, quan hệ giữa Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa ngày càng xấu đi, cuối cùng đã dẫn tới việc đụng chạm trên biên giới của hai nước vào tháng Ba 1969. Nhận thức rằng Liên Bang Xô Viết là kẻ thù nguy hiểm nhất của Trung Quốc dần dần chiếm lĩnh sự suy nghĩ chiến lược của Bắc Kinh. Bắt đầu vào cuối năm 1968, các lãnh đạo hàng đầu của Bắc Kinh, đặc biệt là Mao và Chu Ân Lai, bắt đầu xem xét vai trò Hoa Kỳ có thể đóng trong các nhu cầu an ninh của Trung Quốc. Những điều kiện quốc nội và quốc tế biến chuyển như thế đã làm thay đổi một cách có ý nghĩa quan niệm căn bản về chính sách của Bắc Kinh đối với cuộc chiến Việt Nam, biến một sự thân cận có gốc rễ sâu xa thành lỗi thời.

Các căng thẳng tích tụ giữa Bắc Kinh và Hà Nội cuối cùng được gom lại trong một câu hỏi chủ yếu: Hà Nội có sẽ tham dự đàm phán với Hoa Kỳ để tìm một giải pháp hòa bình cho cuộc chiến hay không? Ngay từ lúc Hà Nội mới chứng tỏ là quan tâm đến việc đàm phán với Hoa Kỳ thì Bắc Kinh đã đưa ra phản đối mạnh mẽ. Trong một số buổi nói chuyện với các lãnh tụ Việt Nam vào cuối năm 1967 và đầu năm 1968, giới chóp bu của Bắc Kinh đã khuyên Hà Nội nên kiên trì con đường đấu tranh vũ trang. Ví dụ khi Phạm Văn Đồng thăm Bắc Kinh vào tháng Tư 1968, Mao và các lãnh tụ khác của Trung Quốc đã liên tục nhấn mạnh với ông ta rằng "những gì chưa hoàn tất trên chiến trường thì cũng không thể hoàn tất trên bàn đàm phán." Nhưng giờ đây Bắc Kinh đã nhận ra rằng ảnh hưởng của họ đối với quyết định chính sách của Hà Nội đã trở thành rất hạn chế, và Hà Nội sẽ đi theo con đường riêng của họ. Chu Ân Lai đã bình luận trong một buổi nói chuyện với phái đoàn Việt Nam do Xuân Thủy dẫn đầu vào đầu tháng Năm rằng sự đồng ý khởi sự hòa đàm với Hoa Kỳ của Hà Nội là "quá gấp bách và quá vội vã." Không gì đáng ngạc nhiên khi Bắc Kinh giữ một thái độ yên lặng khó chịu đối với các trao đổi sơ khởi giữa Hà Nội và Hoa Thịnh Đốn vào đầu năm 1968. Vào cùng thời điểm đó, lính công binh và các đơn vị pháo phòng không Trung Quốc bắt đầu rời Việt Nam.

Sự sụp đổ của "Liên minh giữa những Đồng Chí Anh Em"

Cuối năm 1969, trừ một số nhỏ các đơn vị tạo tác đang thi công giai đoạn chót các dự án xây dựng đã kéo dài hàng mấy năm, tất cả lính công binh và pháo phòng không Trung Quốc rời Việt Nam. Tháng Bảy 1970, đơn vị Trung Quốc cuối cùng trở về nước. Viện trợ quân sự và vật liệu cho Việt Nam vẫn tiếp tục, nhưng số lượng từ đỉnh cao nhất vào năm 1968 đã bắt đầu giảm sút vào các năm 1969 và 1970 (xem Bảng 1). Bộ máy tuyên truyền công khai của Bắc Kinh và Hà Nội vẫn thỉnh thoảng còn khẳng định Trung Quốc và Việt Nam là những "đồng chí anh em," nhưng cái hăng hái nhiệt tình của loại lời lẽ đó đã biến mất.

Trước khi Thỏa hiệp Hòa bình Paris cuối cùng được ký kết vào tháng Giêng 1973, có một đợt viện trợ khác của Bắc Kinh cho Hà Nội. Vào tháng Năm 1972, Bắc Kinh đáp ứng tích cực cho yêu cầu của Hà Nội xin thêm viện trợ quân sự khi chính quyền Nixon bắt đầu một đợt dội bom mới vào các mục tiêu trọng yếu của miền Bắc Việt Nam, đồng thời thả mìn phong tỏa cảng Hải Phòng. Nhưng giai đoạn này chỉ diễn ra ngắn ngủi. Quan hệ Việt-Trung lại trở nên lạnh nhạt sau khi hòa ước Paris được ký kết, và rơi ngay vào hàng loạt khủng hoảng sau khi Cộng sản Việt Nam chiến thắng và thống nhất đất nước năm 1975. Bốn năm sau, khi quân Việt Nam xâm lăng Cam bốt, Bắc Kinh trả đũa bằng cách dùng lực lượng quân sự tấn công Việt Nam để "dạy cho Hà Nội một bài học." Thế là, sau khi đã cung cấp cho Cộng sản Việt Nam không biết bao nhiêu là tài nguyên của Trung Quốc, Bắc Kinh đã tìm được cho mình một kẻ thù mới, và một cuộc đối đầu toàn diện là nét nổi bật nhất của quan hệ Bắc Kinh-Hà Nội trong thập niên 80. Như thế, chiến tranh Việt Nam cũng là một "chiến bại" đối với Bắc Kinh.

Nguyên do từ đâu? Người ta có thể lý luận rằng quan hệ Việt-Trung đã nằm dưới cái bóng nặng nề của lịch sử luôn đối đầu nhau giữa hai xứ. Người ta có thể nhìn theo góc độ địa lý chính trị để thấy rằng một cuộc tranh chấp quyền lợi trong vùng Đông Nam Á vẫn tiềm tàng giữa Bắc Kinh và Hà Nội. Người ta cũng có thể viện dẫn cuộc đối đầu leo thang Trung-Xô đã khiến cho tình đoàn kết giữa Bắc Kinh và Hà Nội thành một mục tiêu rất khó đạt tới. Người ta còn có thể thấy ngay chính "tình đồng chí anh em" là đầu mối của đối đầu: nếu Bắc Kinh và Hà Nội đã không thân với nhau đến thế, họ sẽ ít có cơ hội để hiểu biết nhiều về những khác biệt giữa họ với nhau; mối ràng buộc càng thân thiết thì càng có nhiều cơ hội cho xung khắc và đối đầu.

Tuy nhiên, có một nguyên do căn bản hơn nằm trong những động lực làm nền tảng cho chính sách đối ngoại và chiến lược an ninh của Trung Quốc. Như đã bàn tới trong bài này, chính sách đối ngoại của Mao luôn luôn là một phần của toàn bộ lý thuyết và thực hành của ông ta về một cuộc "cách mạng thường trực," nhằm đẩy mạnh công cuộc chuyển biến cách mạng cho đất nước và xã hội của nước Tàu "cũ", và mưu cầu một vị trí *trung tâm* (nhưng không *thống trị*) cho Trung Quốc trong cộng đồng quốc tế. Viện trợ của Bắc Kinh cho Hà Nội có liên quan sâu xa với ý đồ của Mao muốn

- Trong hai mươi năm nhà tôi và tôi sống cuộc đời rất hạnh phúc — cho đến khi chúng tôi gặp nhau.
- Một người đàn bà không thể nào cảm thấy hạnh phúc khi bà ta có một chuyện bí mật mà không ai muốn biết cả.

dùng những căng thẳng do khủng hoảng tại Việt Nam để kích động khối quần chúng làm nòng cốt cho cuộc Cách Mạng Văn Hóa, đồng thời củng cố ảnh hưởng và uy tín của Trung Quốc trong vùng Đông Nam Á và các vùng đất khác trên thế giới. Khi Bắc Kinh cố gắng thực hiện một chính sách về Việt Nam nhằm vào các mục tiêu này, họ phải chạm trán với các diễn biến đầy mâu thuẫn. Một mặt, nhằm tạo ra một động lực để tiến hành "cuộc cách mạng thường trực," cũng như xây dựng Bắc Kinh thành một kiểu mẫu cho các cuộc đấu tranh chống đế quốc trên thế giới, giới lãnh đạo Bắc Kinh đã nhấn mạnh đến nguy cơ một cuộc chiến tranh với Hoa Kỳ và lòng quyết tâm chiến đấu của họ trong cuộc chiến ấy, không ngừng tuyên bố rằng Trung Quốc sẽ giúp đỡ Việt Nam bằng bất cứ phương tiện nào, "ngay cả cho đất nước phải chịu những hy sinh nặng nề." Tuy nhiên, trên một mặt khác, những lựa chọn cho một chính sách thực tế thì lại bị giới hạn: trong một thời điểm khi cuộc Cách Mạng Văn Hóa đưa nước Tàu vào rối loạn thì Mao và các đồng chí của ông không thể nào đẩy Trung Quốc vào cuộc chạm trán trực tiếp với Hoa Kỳ (trừ khi bộ binh Hoa Kỳ tiến vào lãnh thổ Bắc Việt Nam hoặc Trung Quốc), và cái chủ nghĩa lý tưởng của Mao phải đương đầu với thực tế. Và, theo một cách nhìn của phía Việt Nam, thì giữa lời nói và hành động của Bắc Kinh (cho dù nguồn viện trợ quân sự và vật liệu khổng lồ của Trung Quốc) có một hố cách biệt rất lớn, và ngày càng lớn thêm theo với đà phát triển của cuộc chiến Việt Nam.

Trong một viễn cảnh lịch sử văn hóa, thì cái có vẻ như là chính sách lý tưởng và cách mạng của Trung Quốc đối với Việt Nam, oái ăm thay, lại nhuốm màu chủ nghĩa vị chủng và thuyết phổ biến của nước Tàu ngày xưa. Trong khi các lãnh tụ Bắc Kinh, đặc biệt là Mao, luôn luôn nhấn mạnh rằng Việt Nam phải được xem như "ngang hàng," lời tuyên bố đó tự nó để lộ vẻ trịch thượng rõ rệt về phía cách mạng Trung Quốc, ngụ ý rằng họ đang đứng ở vị trí đưa ra các các giá trị và quy tắc đạo lý làm mẫu mực cho các mối liên hệ với các người láng giềng của họ. Trong lãnh vực liên hệ Việt-Trung, mặc dù Bắc Kinh không bao giờ mưu đồ kiểm soát Việt Nam về chính trị và kinh tế (đối với người Trung Quốc mục tiêu đó xoàng quá), và viện trợ quân sự và vật liệu to lớn của họ ít khi có các điều kiện hình thức đi kèm theo, nhưng Bắc Kinh lại đòi hỏi một cái gì cao hơn, là Việt Nam phải thừa nhận vị trí lãnh đạo tinh thần của Trung Quốc. Nói một cách khác, những gì Bắc Kinh định thực hiện là một quan hệ kiểu mới giữa "Vương Quốc Trung Tâm" (Trung Quốc) với những người láng giềng lệ thuộc vào họ. Điều này khiến người Việt Nam dễ nhớ lại cái quá khứ nhiều vấn đề giữa họ với Trung Quốc. Khi Bắc Kinh giảm bớt viện trợ cho Hà Nội theo sau những thay đổi trong tình hình quốc nội và quốc tế của Trung Quốc, thì sự nghi ngờ của Trung Quốc đối với Việt Nam dần phát triển thành mối ác cảm. Và khi công cuộc thống nhất Việt Nam đã cho phép chế độ Hà Nội đương đầu chống lại các ảnh hưởng của Trung Quốc, thì mối ác cảm biến thành thù hận. Mặt khác, Trung Quốc cũng thấy cần phải "trừng trị" những người đồng chí cũ để bảo vệ cái tình cảm tự tôn đã bị thương tổn nặng nề của họ. Kết quả là cuối cùng, đã đưa đến sự sụp đổ của "liên minh giữa những người đồng chí anh em."■

Chú thích:

* Dịch từ nguyên bản đăng trong *China Quarterly* số 144, 1995.

12. Trong nghiên cứu của ông, Whiting cho rằng tổng cộng có 50,000 quân Trung Quốc đã được gửi sang Việt Nam, nhưng những nguồn tin Việt Nam nói chỉ có 20,000 [xem Whiting, "Vai trò của Trung Quốc trong trận chiến Việt Nam" ("China's role in the Vietnam War," p.74)].

13. Vừa qua các nhà nghiên cứu Nga khẳng định rằng sau 1965, viện trợ quân sự và kinh tế của Liên Xô cho Việt Nam tăng lên đáng kể, và do đó, tự nhiên là mối liên hệ Việt-Xô trở nên gần gũi hơn. Xem Ilya V. Gaiduk và Oganez V. Marinin, "Chiến tranh Việt Nam và mối liên hệ Xô-Mỹ," tài liệu trình bày trong cuộc hội thảo quốc tế Các Nguồn Tài Liệu Mới trong Chiến Tranh Lạnh, Moscow, Tháng Giêng 1993.

14. Trong buổi gặp gỡ Lê Duẩn vào tháng Tư 1966, Chu Ân Lai cho biết Trung Quốc đã ghi nhận rằng giới truyền thông Việt Nam vừa qua đã chú trọng vào việc dùng các cuộc xâm lăng của Trung Quốc vào Việt Nam ngày xưa làm tài liệu tuyên truyền. Chu cảnh cáo rằng lối tuyên truyền như thế đã xúc phạm vào quyết tâm của nhân dân Việt Nam và nhân dân Trung Quốc trong cuộc đấu tranh chung chống đế quốc Mỹ.

15. Chu Ân Lai nói rõ trong buổi họp với Lê Duẩn vào tháng Tư 1966 rằng hệ thống đường sắt của Trung Quốc đã quá tải nên Trung Quốc không thể đứng ra thiết lập một hệ thống vận chuyển thống nhất với Liên Xô để đưa hàng hóa của Liên Xô xuyên qua lãnh thổ Trung Quốc.

16. Theo nguồn tài liệu chính thức của Trung Quốc, suốt cả thời kỳ chiến tranh Việt Nam, Trung Quốc đã "giúp chuyển vận 5,750 chuyến tàu hàng hóa viện trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa gửi cho Việt Nam, kể cả hàng hóa của Liên Xô."

17. Đây là một ví dụ: vào tháng Tư 1968, một đơn vị Trung Quốc đóng ở vùng Điện Biên Phủ có xích mích với một nhóm sĩ quan Liên Xô cũng ở tại đó. Lính Trung Quốc tạm thời bắt giữ các người Liên Xô, và, theo cung cách của Cách Mạng Văn Hóa, tổ chức một cuộc đấu tố lên án họ là "tụi xét lại Xô viết." Chính quyền Việt Nam tại địa phương rất bất bình, mạnh mẽ phản đối người Trung Quốc, kể cả với luận điệu "người Trung Quốc đã vi phạm chủ quyền của Việt Nam." Phía những người Trung Quốc lập tức phủ nhận luận điệu này.■

Đọc THẾ KỶ 21 trên lưới Internet:
http://www.vietmedia.com/theky21

NHỮNG BÍ MẬT CỦA CUỘC CHIẾN TRANH TRIỀU TIÊN

D. VOLKOGONOV
TRẦN MINH dịch

(tiếp theo)

Sáng sớm ngày 25 tháng Sáu, đài phát thanh Bình Nhưỡng đưa tin đã được chuẩn bị từ lâu: "Sáng hôm nay, quân đội của chính phủ bù nhìn Nam Triều Tiên đã bắt đầu tấn công bất ngờ vào lãnh thổ Bắc Triều Tiên trên toàn bộ đường vĩ tuyến 38. Kẻ thù đã thâm nhập sâu từ một đến hai kilomet..."

Kịch bản của Stalin được tuân thủ rất nghiêm ngặt. Chắc các bạn còn nhớ chỉ thị "láu cá" của ông ta cho Kim Nhật Thành: "Không nên tấn công miền Nam; nhưng trong trường hợp quân đội của Lý Thừa Văn tấn công lên miền Bắc thì có thể chuyển sang phản công xuống miền Nam Triều Tiên...."

Tuy nhiên, Hội đồng Bảo an (Liên Hiệp Quốc - ND) trong phiên họp thứ 473 ngày 25 tháng Sáu năm 1950 đã xác nhận hoàn toàn chính xác "cuộc tấn công vũ trang của quân Bắc Triều Tiên vào Cộng hòa Hàn quốc."

Ngay từ lúc khởi đầu chiến sự, khi quân Bắc Triều Tiên đột nhập vào Nam Triều Tiên, Kim Nhật Thành lại xin phái các cố vấn Liên Xô trực tiếp đến các đơn vị đang chiến đấu ở tiền tuyến. Shtykov, khi nói chuyện với lãnh tụ Triều Tiên đã hứa sẽ thuyết phục Mạc Tư Khoa đồng ý điều đó. Nhưng ngay tức thời một tiếng quát dữ dội từ điện Cẩm Linh đã đáp lại liền. Lời văn đặc sệt Stalin.

"Bình Nhưỡng. Đại sứ Liên Sô.

Rõ ràng là anh xử sự không đúng, vì đã hứa với những người Triều Tiên cho cố vấn, thế mà không hỏi chúng tôi. Anh phải nhớ rằng anh là đại diện Liên Xô chứ không phải Triều Tiên.

Hãy để cho các cố vấn của chúng ta đến bộ tham mưu và các tập đoàn quân trong y phục dân sự với tư cách các phóng viên "Pravda" *(Báo "Sự Thật", tờ báo của ĐCSLX-ND)* với số lượng được yêu cầu. Anh phải chịu trách nhiệm cá nhân trước chính phủ Liên Xô nếu họ bị bắt làm tù binh.

Fyn Si" *(APRF. như trên. L.145-147)*

Lần đầu tiên trong bức điện mật mã, Stalin ký một tên Trung Quốc bí ẩn. Nhưng, như kinh nghiệm lịch sử đã chứng tỏ, sự thật thì không bao giờ có thể giam giữ mãi suốt đời. Sớm hay muộn thì bí mật cũng sẽ lộ ra hiển nhiên và mọi người đều biết. Bây giờ cũng thế, khi đọc quyển sách này, độc giả có thể thêm vào danh mục các bí danh của Stlain một chữ phương Đông nữa là Fyn Si. Ngay từ trong chiến tranh Liên Xô-Phần Lan, Stalin đã bắt đầu "ngụy trang". Hồi đó, tại phiên họp Hội đồng Quân sự, chính ông đề nghị trên giấy tờ gọi ông là "Starostin", Voroshilov là "Voloshin", Mekhlis là "Mekhov",... *(APRF. Như trên. D.28, L.35)*

Ngay sau khi quân Bắc Triều Tiên chiếm được Hán Thành (Seoul) trong những ngày đầu chiến sự và cảm thấy dường như là thắng lợi chung đã gần kề, chỉ cần cố gắng thêm một tí nữa là lời hứa của Kim Nhật Thành sẽ thành sự thật, thế mà Stalin vẫn không cho phép tướng Vassiliev đến thành phố đã chiếm được để giúp bộ chỉ huy quân sự lãnh đạo quân đội ở sát mặt trận. Fyn Si hoàn toàn không muốn Hoa Kỳ, Liên Hiệp Quốc (LHQ), công luận thế giới vạch mặt ông đã trực tiếp tham gia. Mặc dù lúc đó thì không ai nghi ngờ gì nữa về mức độ và tính chất dính dấp của Mạc Tư Khoa vào cuộc chiến tranh này. Đối với Stalin, điều quan trọng là phải giữ cho được cái "thuyết" nói về không những tính chất "phòng ngự" của cuộc chiến tranh đối với Bắc Triều Tiên mà còn về sự tham gia thuần túy "kỹ thuật" của Liên Xô trong cuộc chiến tranh đó nữa. Dù sao chăng nữa thì đồng bào của ông ta ở Liên Xô trong hàng mấy chục năm trường đã đinh ninh tin tưởng như thế.

Trong bộ *"Bách khoa toàn thư quân sự của Liên Sô"* có viết: cuộc chiến tranh Triều Tiên những năm 1950-1953 là *"do giới quân phiệt Nam Triều Tiên và các giới cầm quyền Mỹ gây ra* nhằm mục đích tiêu diệt nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên và biến Triều Tiên thành bàn đạp để tấn công Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (CHNDTH) và Liên Xô.

Kế hoạch tấn công do phái đoàn quân sự Mỹ và bộ chỉ huy quân sự Nam Triều Tiên vạch ra hồi tháng Năm năm 1949... Đến đầu mùa hè năm 1950, chế độ bù nhìn do Lý Thừa Văn cầm đầu nhờ sự viện trợ của Hoa Kỳ đã chuẩn bị được một đội quân đông trên 100 ngàn được vũ trang bằng vũ khí và máy móc kỹ thuật chiến đấu Mỹ." *(Bách khoa toàn thư quân sự của Liên Sô. T.4, tr.35).* "Chế độ bù nhìn do Lý Thừa Văn cầm đầu chuẩn bị" như thế nào thì tác giả biết ít, nhưng lại biết rất rõ ràng và chính xác việc chế độ Bình Nhưỡng đã chuẩn bị như thế nào và vai trò quyết định của Mạc Tư Khoa trong việc gây ra cuộc chiến tranh trên bán đảo Triều Tiên.

Theo lối đưa tin chính thức của Liên Xô và Bắc Triều Tiên thì "ngày 25 tháng Sáu, quân Nam

Triều Tiên chuyển sang tấn công. Chúng nó đã dồn ép được các đội quân bảo vệ và thâm nhập sâu vào lãnh thổ CHDCNDTT từ một đến hai kilomet. Chính phủ CHDCNDTT ra lệnh đánh trả quân thù và đánh tan chủ lực của chúng." *(Sách đã dẫn, tr.35).* Có thể là... vì quân Nam Triều Tiên đã chuẩn bị "xâm lược", nên chỉ ba ngày say khi chiến tranh bắt đầu họ đã phải bỏ thủ đô Hán Thành của họ chăng?

Điều dối trá của Stalin trong hàng mấy thập niên ròng rã đã độc quyền thống trị trong khoa sử học Xô Viết. Phải đợi hàng mấy chục năm sau mới có thể nói sự thật về nguồn gốc và tính chất những sự kiện hồi đó.

Bắt đầu cuộc chiến một cách thắng lợi, Kim Nhật Thành vô cùng phấn khởi. Trong các vùng "giải phóng", những "ủy ban nhân dân" được thành lập. Toàn thắng hình như đã ở trong tầm tay rồi... Các cố vấn đòi phải nhanh chóng khuếch trương thắng lợi, động viên toàn lực để giành lấy toàn thắng về mặt quân sự. Vì người ta đã hứa với Stalin bảo đảm thắng lợi cơ mà... Thực ra, để làm được việc đó thì Liên Xô còn phải gửi thêm viện trợ càng ngày càng nhiều. Ngày 30 tháng Sáu, Shtykov gửi một bức điện văn nữa:

"Tối mật.

Tối khẩn.

Kính gửi đồng chí Stalin.

Kim Nhật Thành yêu cầu trong tháng Sáu gửi đến CHDCNDTT khối lượng đạn dược, phương tiện thông tin liên lạc và các loại tài sản khác sau đây:

1. Đạn dược:

Đạn súng trường trong băng: 15 triệu

Đạn súng lục "TT": 21.5 triệu

Đạn súng lục ổ quay "Nagan": 43 ngàn

Đạn súng trường loại nhẹ không băng: 15.2 triệu

Đạn súng trường loại nặng: 15,5 triệu

Đạn cho cao xạ pháo: 38 ngàn

Đạn cho pháo chống tăng loại 45 ly: 100 ngàn

Đạn cho trọng pháo dã chiến 76 ly: 48 ngàn

Đạn cho trọng pháo "ZIS" 76 ly: 100 ngàn

Đạn cho "pháo tự hành-76": 23 ngàn

Đạn cho súng cối 88 ly: 200 ngàn

Đạn cho cao xạ pháo 85 ly: 8 ngàn

Đạn cho pháo tăng 85 ly: 68 ngàn

Đạn súng cối 120 ly: 41 ngàn

Đạn cho lựu pháo 122 ly: 31 ngàn

Đạn cho đại bác 122 ly: 5.7 ngàn

Thủ pháo: 400 ngàn..."

Cứ thế kéo dài ba trang. Phương tiện thông tin liên lạc, phụ tùng cho máy bay, nhiên liệu, dầu bôi trơn, quân trang... Đoạn cuối ngắn gọn: "Tôi ủng hộ yêu cầu của Kim Nhật Thành. Xin đồng chí cho chỉ thị về việc cung cấp, cùng lắm thì 50% số lượng nói trên trước ngày 10 tháng Bảy năm 1950. Shtykov" *(APRF. Op.1, D.436, L.100-103).*

Ở bức điện có mấy chữ viết tháu của Stalin bằng bút chì xanh nước biển. "Cung cấp đủ". Kẻ độc tài thường chẳng cần hỏi ý kiến ai cả. Y biết khả năng của đất nước. Cái gì chứ tiềm lực quân sự của đất nước thì rất lớn. Chiến tranh Vệ quốc mới xong, còn lại biết bao nhiêu là vũ khí và máy móc kỹ thuật quân sự... Nhiều việc y tự ý giải quyết một cách độc đoán. Vì y là thánh sống cơ mà... Thực ra, trong cuộc chiến tranh này Stalin cũng muốn chia phần gánh nặng với Trung Quốc. Vì thế, do sự đòi hỏi của ông mà CHNDTH đã được chuyển giao máy móc kỹ thuật quân sự đủ cho hai sư đoàn không quân để họ yểm trợ cho việc vận chuyển đến Triều Tiên *(APRF. Như trên. D.334, L.88-89).*

Như mọi người đều biết, chiến tranh nhiều lần chao đảo giống như một quả lắc đẫm máu, khi nghiêng về phía nọ, khi nghiêng về phía kia. Trong thời gian đầu cho đến giữa tháng Chín, quân Bắc Triều Tiên lợi dụng được yếu tố bất ngờ, đã giành được những thắng lợi chiến dịch lớn. Ngoài Hán Thành ra, các thành phố Chunchon, Kannyn, Phentheck, Okson, Inchon, Vondju, Chundju, Samchon... đã lọt vào tay họ. Tưởng chừng như kết cục của cuộc chiến tranh đã định trước rồi. Stalin đã chúc mừng Kim Nhật Thành. Lãnh tụ tự tay viết bức điện mật mã với lời văn đặc biệt riêng của ông.

"Tối mật.

Bình Nhưỡng. Đại sứ Liên Sô.

Hãy truyền đạt miệng cho Kim nhật Thành điều dưới đây. Nếu ông ta đòi văn bản thì đưa cho ông ta dưới dạng văn bản, nhưng không có chữ ký của tôi.

TƯ DCSLX(b) *(Trung ương Đảng cộng sản Liên Sô (Bolchevik) - ND)* chào mừng đ/c. Kim Nhật Thành và các bạn của đ/c. Vì cuộc chiến đấu giải phóng vĩ đại của nhân dân Triều Tiên mà đ/c. Kim Nhật Thành đang tiến hành với thắng lợi huy hoàng. TƯ ĐCSLX (b) không chút nghi ngờ gì về điều chẳng bao lâu nữa bọn can thiệp sẽ bị đuổi khỏi Triều Tiên một cách nhục nhã...

28 tháng Tám năm 1950 Fyn Si" *(APRF. Như trên. D.347. L.5-8).*

Điện văn phúc đáp của Kim Nhật Thành đến khá nhanh:

"Kính gửi đồng chí Stalin I.V. quý mến.

Chúng tôi hết sức cảm động vì sự quan tâm của đồng chí. Chúng tôi xin kính gửi đồng chí, vị thầy yêu quý của chúng tôi, lòng biết ơn về sự thông cảm nồng nhiệt và lời khuyên.... Chúng tôi lòng tràn đầy quyết tâm giành thắng lợi cuối cùng chống bọn can thiệp Mỹ lại âm mưu nô dịch Triền Tiên...

Chúng tôi xin kính chúc đồng chí sống lâu và sức khỏe dồi dào.

Trung thành với đồng chí - Kim Nhật Thành.

(Theo sự ủy nhiệm của Hội đồng Chính trị TƯ Đảng Lao Động Triều Tiên).

31 tháng Tám năm 1950" *(APRF. Như trên. L.14-15).*

Nhưng chẳng bao lâu Stalin phải "nghi ngờ", bất chấp lòng tin tưởng mà ông ta đã nói trong bức điện gửi Kim Nhật Thành. Ngày 16 tháng Chín,

"quân miền Nam" cùng với Mỹ đã giáng một đòn phản công mãnh liệt. Chiến dịch đó gồm có việc đưa đội quân đổ bộ hải quân lớn thuộc quân đoàn 10 của Mỹ vào vùng Inchon. Đồng thời bắt đầu tấn công cả từ căn cứ Pusan (Phú Sơn). Quân Nam Triều Tiên và quân Mỹ ồ ạt tiến lên miền Bắc. Quân của Kim Nhật Thành bị thất bại nặng nề, số quân bị chết và bị bắt làm tù binh rất nhiều, phần lớn pháo binh và xe tăng bị mất. Không quân của Mỹ làm chủ trên không trung, tiêu diệt tất cả những gì di động, những gì tỏ ra còn sống trong khu vực đối phương. Niềm hy vọng tươi vui vào chiến thắng nhanh chóng đã tan biến. Bây giờ thì đã rõ ràng là nếu không có viện trợ trực tiếp của quân Trung Quốc hay Liên Xô thì miền Bắc không thể nào đứng vững được. Tất cả đều treo trên đầu sợi tóc.

Bốn ngày sau, khi đã đọc kỹ trong thư phòng của mình bản báo cáo của các tướng tá, Stalin đã thấy sự nghiêm trọng, nhưng vẫn chưa nắm được tính chất nguy ngập của tình hình. Ông bèn thông báo cho Bắc Kinh quyết định của mình: "Thanh toán mối nguy hiểm hiện nay chỉ có thể bằng cách rút ngay phần lớn lực lượng của mặt trận chính đến khu vực Hán Thành và xây dựng mặt trận vững mạnh ở khu vực Hán Thành, về phía bắc và phía nam của nó... *(APRF. Như trên, L.24).*

Nhưng tình hình không chỉ có tính chất đe dọa mà thực sự nguy kịch, cho nên những chỉ thị của Stalin hoàn toàn không thực tế. "Vị tướng lãnh" lại đánh giá mình quá cao.

Ngày 1 tháng Mười, Bộ trưởng Ngoại giao CHDCNDTT Pak Hen En trao cho Shtykov bức thư hỏa tốc của Kim Nhật Thành để chuyển cho Stalin. Trong bức thư dài mà các cố vấn Liên Xô đã soạn thảo giúp, thủ lĩnh Bắc Triều Tiên mô tả sự tiến triển chiến sự trên mặt trận. "Quân địch thua hết trận này đến trận khác, bị dồn vào một vùng lãnh thổ không lớn ở tận cùng Nam Triều Tiên, và chúng ta đã có cơ may giành được thắng lợi trong những trận chiến đấu quyết định cuối cùng... Nhưng Hoa Kỳ động viên hầu như mọi lực lượng lục quân, hải quân và không quân ở Thái Bình Dương, ngày 16 tháng Chín năm 1950 đã thực hiện chiến dịch đổ bộ ở khu vực Inchon. Sau khi chiếm được Inchon, bọn địch đã tiến hành chiến đấu đường phố tại Hán Thành... Không gặp sự kháng cự nào của chúng ta, không quân địch đang làm chủ hoàn toàn trên không trung. Một vài đơn vị của chúng ta đã bị quân địch bao vây....

Đồng chí Stalin quý mến! Nếu quân địch sẽ đẩy mạnh chiến dịch tấn công Bắc Triều Tiên thì với lực lượng riêng một mình chúng tôi không thể nào chận đứng chúng lại được. Vì thế, kính thưa đồng chí Stalin quý mến, chúng tôi không thể không xin đồng chí viện trợ đặc biệt. Nói một cách khác, khi quân địch tràn qua vĩ tuyến 38, chúng tôi rất cần viện trợ quân sự trực tiếp từ phía Liên Xô.

Nếu như vì nguyên nhân nào đó mà không thể làm như thế được thì xin đồng chí giúp đỡ chúng tôi thành lập các đơn vị tình nguyện quốc tế ở Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân để viện trợ quân sự cho cuộc chiến đấu của chúng tôi.

Kính thư TƯ Đảng Lao Động Triều Tiên,
Kim Nhật Thành, Pak Hen En.
29 tháng Chín năm 1950" *(APRF. Như trên. L.41-45)*

Stalin đang nghỉ ở một trong nhiều biệt thự của ông ta tại bờ biển Hắc Hải. Người ta báo cáo cho ông về bức điện hốt hoảng của Kim Nhật Thành lúc hai giờ đêm ngày 1 tháng Mười năm 1950. Một giờ sau, ông ký tên "Filipov" của mình dưới bức điện mật mã với nội dung sau:

"Bắc Kinh, Đại sứ Liên Sô. Để chuyển ngay cho Mao Trạch Đông hay Chu Ân Lai.

Tôi đang nghỉ ở xa Mạc Tư Khoa và hơi bị cách biệt với các sự kiện ở Triều Tiên. Nhưng, theo tin tức mà hôm nay tôi nhận được từ Mạc Tư Khoa, tôi thấy rằng tình hình của các đồng chí Triều Tiên trở nên tuyệt vọng...

Cần phải đưa ngay đến vĩ tuyến 38 ít nhất năm, sáu sư đoàn. Các sư đoàn Trung Quốc có thể làm như là tình nguyện quân..." *(APRF. Như trên. D.334, L. 97).*

Trong các điện văn gửi đến Bình Nhưỡng cho Matvêev và Shtykov, Stalin đã khiển trách dữ dội về "những sai lầm to lớn" trong việc chỉ huy quân đội. Lãnh tụ đang ngồi ở biệt thự ngắm nhìn biển qua rặng cây trắc bá diệp duyên dáng, viết một trang đầy những lời khuyên, hậu quân phải hành động như thế nào, sử dụng xe tăng ở đâu và trong lúc đó thì không được "để cho dù chỉ một cố vấn quân sự bị bắt làm tù binh."

Quả lắc chiến tranh nghiêng hẳn lên phía bắc. Bây giờ thì tham vọng chẳng những của Kim Nhật Thành muốn làm "vị thống soái giải phóng" mà cả của Stalin cùng với Mao Trạch Đông nữa, là những kẻ đã tán thành cho lãnh tụ Triều Tiên tiến hành cuộc chiến tranh này, đã bị đặt lên bàn cân uy tín chính trị. Kẻ độc tài Liên Xô thảo một bức thư nữa cho Mao Trạch Đông với giọng văn mạnh mẽ. Trong thư đó, chẳng hạn, có những dòng chữ mà ngay cả bây giờ đọc lên vẫn thấy phảng phất khí lạnh ghê rợn chết người. Về thực chất, khả năng và xác xuất của cuộc thế chiến thứ ba đã được xét đến. Stalin viết cho Bắc Kinh:

"... Vì uy tín, Mỹ có thể lao vào cuộc đại chiến; như vậy thì Trung Quốc bị lôi cuốn vào chiến tranh, và đồng thời cả Liên Xô cũng bị cuốn hút vào chiến tranh vì Liên Xô gắn bó với Trung

■ "Anh có nhớ lúc anh ngỏ lời cầu hôn em không? Em xúc động đến nỗi lặng thinh cả giờ không nói được một lời nào."
"Đúng thế, cưng ạ. Và đó là cái giờ hạnh phúc nhất đời anh!"

■ "Anh và vợ anh sống hạnh phúc chứ?"
"Ồ, rất là hạnh phúc. Nhưng chúng ta hãy nói việc gì vui vui một tí đi anh!"

Quốc bởi hiệp ước tương trợ *(Ký tháng Hai năm 1950 - ND)*. Có đáng sợ điều đó hay không? Theo tôi, không đáng sợ, vì chúng ta cùng với nhau thì sẽ mạnh hơn Mỹ và Anh, còn các nước tư bản khác ở Châu Âu, không có Đức là nước hiện nay không thể nào giúp đỡ được gì cho Mỹ, thì chẳng có lực lượng quân sự gì đáng kể. Nếu chiến tranh không tránh khỏi, thì tốt hơn là nó xảy ra lúc này, chứ không phải vài năm nữa, khi chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản được khôi phục, với tư cách là đồng minh của Mỹ..." *(APRF. như trên. L.110-111)*

Thật là dễ sợ, khi ý thức được rằng cuộc thế chiến thứ ba gần như là một hiện thực trong trận đối đầu giữa hai khối ở Triều Tiên (tình huống bên miệng hố chiến tranh hạt nhân thế giới cũng đã lặp lại trong cuộc khủng hoảng Caribean). Và cuộc chiến tranh này đã có thể "tổ chức" bởi những kẻ vẫn như trước tư duy theo kiểu Quốc tế Cộng sản: những lãnh tụ cộng sản. Như đã biết, trong thời điểm nguy kịch nhất của cuộc chiến tranh đối với quân đội Mỹ, Hoa Thịnh Đốn đã thực sự xem xét đến khả năng tiếp tục tiến hành chiến tranh với việc sử dụng vũ khí hạt nhân. Báo chí Mỹ đã viết về điều đó.

Mao trả lời khá nhanh: "Tôi rất mừng là trong thư trả lời của đồng chí có nói đến cuộc đấu tranh chung của Trung Quốc và Liên Xô chống bọn Mỹ... Cố nhiên, nếu chiến đấu thì chiến đấu bây giờ... Tốt hơn là đưa không phải năm, sáu sư đoàn, mà đưa ít nhất chín sư đoàn..." *(APRF. như trên. L.126)*.

Nhưng sau khi nhận được bức thư đó thì có thêm những báo cáo mới cho biết rằng ở Bắc Kinh người ta vẫn còn đang bàn đi bàn lại không những về các chi tiết mà ngay cả cái khả năng can thiệp quân sự của Trung Quốc nữa. Stalin lo lắng thật sự, nhất là khi một bức điện nữa từ Bắc Kinh đã đánh tới, trong đó có nói đến sự lo ngại về khả năng "xung đột công khai với Mỹ". Mao Trạch Đông cho rằng "thậm chí nếu Triều Tiên bị thất bại, nó sẽ thay đổi hình thức đấu tranh thành chiến tranh du kích." Mao báo tin rằng sẽ phái Chu Ân Lai và Lâm Bưu đến gặp Stalin để bàn bạc tình hình *(APRF. như trên. L.105-106)*

Trong lúc đó thì ở Bắc Kinh vẫn tiếp tục cân nhắc "nên" hay "không nên" sử dụng trực tiếp quân đội của mình. Stalin lo lắng chờ tin của Mao Trạch Đông. Người Trung Quốc có thể cứu vãn được tình thế. Kẻ độc tài đã tính thầm trong bụng: quân của mình thì y ném vào đĩa cân chỉ vào thời điểm cuối cùng, trong trường hợp cuối cùng nhất. Mặc dù y đã quyết định "nghiên cứu" vấn đề sử dụng không quân Liên Xô từ các sân bay Trung Quốc. Cuối cùng thì bức điện văn bấy lâu chờ đợi đã tới. Mao Trạch Đông đồng ý trực tiếp ủng hộ quân sự cho Bắc Triều Tiên và báo tin đó cho thủ lĩnh Liên Xô. Stalin đọc nhanh để gửi bức điện:

"Bình Nhưỡng. Gửi Shtykov để chuyển Kim Nhật Thành.

Vừa mới nhận được điện của Mao Trạch Đông, trong đó báo tin rằng TƯĐCSTQ lại thảo luận tình hình và quyết định dù sao thì cũng viện trợ quân sự cho các đồng chí Triều Tiên bất chấp tình hình quân Trung Quốc còn thiếu vũ khí. Tôi đang chờ thông báo cụ thể của Mao Trạch Đông...

13 tháng Mười năm 1950

Fyn Si" *(APRF. Như trên. D.347, L.4.)*.

Ngày hôm sau, mọi sự đã hoàn toàn rõ ràng và Fyn Si lại gửi điện một lần nữa đến Bình Nhưỡng: "Truyền đạt cho Kim Nhật Thành điều sau đây. Sau những lần do dự và những giải pháp tạm thời, cuối cùng các đồng chí Trung Quốc đã quyết định dứt khoát về việc viện trợ quân đội cho Triều Tiên. Tôi rất mừng là rốt cuộc đã có quyết định cuối cùng và thuận lợi cho Triều Tiên... Những vấn đề cụ thể liên quan tới việc xuất quân của quân đội Trung Quốc, đồng chí phải giải quyết cùng với các đồng chí Trung Quốc. Kỹ thuật cần thiết cho quân Trung Quốc thì Liên Xô sẽ cung cấp.

Chúc đồng chí thắng lợi.

Fyn Si" *(APRF. Như trên. L.77)*

Những đoàn quân Trung Quốc dài vô tận rầm rập tiến đến biên giới Triều Tiên và đi tiếp ra mặt trận. Từ Bắc Kinh người báo tin rằng trong thê đội thứ nhất xuất quân 12 sư đoàn (chẳng bao lâu nữa sẽ tới Triều Tiên). Thê đội thứ hai, cũng 12 sư đoàn đang được chuẩn bị ở Trung Quốc. Đã có quân cho thê đội thứ ba nữa. Những người đồng minh của Stalin có thể sử dụng chín tập đoàn quân (đến 30 sư đoàn).

Trong điện văn, Chu Ân Lai xin 10 ngàn tấn xăng máy bay. Stalin lệnh trả lời ngay: "Sẽ cung cấp 17 ngàn tấn nhiên liệu..."

Tôi nghĩ rằng Stalin đã thở phào nhẹ nhõm. Cuộc chiến tranh dễ dàng đã không xong rồi. Đối với ông thì bây giờ đã rõ: sẽ không có chiến thắng cho ai cả. Nhưng ông ta đã thoát khỏi trận thất bại. Gánh nặng chiến tranh bây giờ trút lên vai người Trung Quốc mà ông sẽ cố giúp đỡ bằng mọi cách: yểm trợ bằng không quân, vũ khí, máy móc kỹ thuật, nhiên liệu, đạn dược, nhưng không phải là người. Không, ông ta không phải vì thương xót con người đâu, mà vì người Mỹ có thể "vạch mặt chỉ trán" ông đã trực tiếp tham gia chiến tranh. Mặc dù nói là sẵn sàng làm cuộc đại chiến, Stalin vẫn còn phân vân... Bom nguyên tử chỉ mới bắt đầu sản xuất thôi. Mà làm thế nào đưa chúng qua đại dương được? Về loại vũ khí này thì vào thời điểm đó người Mỹ chiếm ưu thế. Vào cuối đời, kẻ độc

- Tổng thống Reagan, khi còn tại chức cho biết "Tôi đã yêu cầu nhân viên, khi tôi ngủ đánh thức tôi dậy bất cứ lúc nào nếu có trường hợp khẩn cấp về an ninh quốc gia, dù cho lúc đó tôi đang họp hội đồng nội các."

- "Không tình yêu nào chân thành hơn lòng yêu thực phẩm" Gheorge Bernard Shaw (1856-1950)

tài ngày càng bị thường hơn những cơn chóng mặt và lả người khó chịu, y không còn sức chiến đấu...

Ngày 25 tháng Mười năm 1950, khi quân Trung Quốc bắt đầu cuộc phản công mạnh mẽ và rộng lớn trên toàn mặt trận, Stalin đã hiểu rằng ít nhất thì "ván cờ hòa" danh dự trong chiến tranh đã được đảm bảo. Cuộc tấn công của những khối binh lính khổng lồ của quân đội Trung Quốc — mà trên báo chí xã hội chủ nghĩa gọi là "chí nguyện quân" — thật lâu dài, khó khăn, hết sức vất vả *(Chắc bạn đọc đã biết chiến thuật "biển người" của Trung Quốc, một lối thí quân kiểu dùng "bia thịt đỡ đạn" cực kỳ tàn ác - ND).* Đối phó với tình trạng đối phương thống trị trên không trung thì "chí nguyện quân" dùng cách chiến đấu bằng chiến hào, địa đạo và hầm ngầm, có khi cả những đại đội, những tiểu đoàn và những trung đoàn náu mình dưới đất làm cho cả bom, cả napalm cũng không thể tác hại lớn như hồi đầu chiến tranh. Bình Nhưỡng được giải phóng, lại chiếm được Hán Thành, Inchon, Vokdju và một số thành phố khác. Quả lắc chiến tranh lại nghiêng về phía miền Nam. Tuy nhiên, sau đó thì quân miền Nam lại tấn công mãnh liệt và "hoành cách" của trận tuyến hầu như đứng yên, căng thẳng, co giãn vẫn ở vĩ tuyết 38 như trước...

Stalin đã học được nhiều trong cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại nên hiểu rằng dù có ưu thế lớn lao về số lượng của "chí nguyện quân Trung Quốc" mà không có sự yểm trợ từ không trung thì không thể đảm bảo thắng lợi được. Sau nhiều lần suy tính và thảo luận với các tướng tá, ngày 14 tháng Mười Một năm 1950, ông ra lệnh thành lập một quân đoàn đặc biệt để yểm trợ cho quân Trung Quốc và Bắc Triều Tiên. Số hiệu của nó là: quân đoàn không quân tiêm kích số 64. Thành phần của nó không bình thường: hai sư đoàn không quân tiêm kích, hai sư đoàn pháo binh cao xạ và một sư đoàn kỹ thuật không quân.

Thành phần của quân đoàn luôn luôn đổi mới; các sư đoàn tham chiến trong tám - mười tháng, một số đến một năm nhưng có những kỳ nghỉ. Trong suốt thời gian chiến tranh Triều Tiên đã có thảy 15 sư đoàn không quân và một số sư đoàn pháo binh cao xạ Liên Xô đã trải qua thực tập chiến đấu ở Triều Tiên.

Vị trí đóng quân của quân đoàn thật tiện lợi — các sân bay ở Hoa Bắc. Khi được tín hiệu là máy bay ném bom và máy bay cường kích của Mỹ xuất hiện trên bầu trời Bắc Triều Tiên thì quân đoàn không quân tiêm kích giáng những đòn bất ngờ và dữ dội vào những máy bay kia. Nhiều khi máy bay Mỹ đuổi theo những chiếc máy bay tiêm kích Liên Xô đã dùng hết xăng ngay trên lãnh thổ Trung Quốc. Hơn nữa, các phi công Liên Xô có những điều lệnh hạn chế quan trọng: thậm chí họ không được bay đến gần trận tuyến và hơn nữa không được sang phía "bên kia", không được bay trên biển. Phải thi hành nghiêm lệnh của Stalin: không một cố vấn hay phi công nào bị bắt làm tù binh. Tôi xin nhắc lại, không phải vì quan tâm đến con người mà Stalin ra lệnh đó, mà vì không muốn để cho người Mỹ có chứng cớ rõ ràng về việc quân đội Liên Xô trực tiếp tham chiến. Phiên hiệu trên các máy bay MIG-156 là Trung Quốc, quân phục phi công là Trung Quốc hoặc Triều Tiên. Thậm chí họ đeo huy hiệu có hình Mao... Dù sao đi nữa thì không có một trường hợp nào quân nhân Liên Xô bị Mỹ bắt làm tù binh. Vài chiếc máy bay Mỹ hạ cánh xuống đất còn nguyên vẹn đã được đưa về Liên Xô để phòng thiết kế phi cơ nghiên cứu.

Thành phần của quân đoàn phần đông là phi công đã trải qua trường học Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại, và hiệu quả chiến đấu của không quân tiêm kích rất cao. Trung đoàn trưởng Đại tá E.Pepelyaev hạ 19 máy bay Mỹ; Đại úy N.Dokashenko, Trung tá G.Pulov, Thiếu tá A.Boissov, Đại úy M.Mikhin, Thiếu tá A.Smorchkov và những phi công tiêm kích khác đã đạt được thành tích cá nhân chiến đấu cao, tất cả những người ấy đều được phong Anh hùng Liên Xô. Chỉ cần nói thêm rằng từ cuối năm 1950 đến khi kết thúc giai đoạn quyết liệt của chiến tranh, quân đoàn đã hạ 1,309 máy bay Mỹ, trong số đó khoảng 18% do cao xạ pháo bắn rơi. Trong lúc đó thì quân đoàn tổn thất 319 máy bay.

Quân số trong quân đoàn (tùy theo số lượng đơn vị có mặt trong những thời kỳ khác nhau) là 10-15 ngàn người. Mọi người đều tin rằng họ chiến đấu chống "bọn xâm lược". Họ chiến đấu giỏi, nhưng lúc đầu thì Stalin hoàn toàn không muốn khen thưởng những người có chiến công. Ông ta sợ tiếng đồn ngay trong nước mình. Chỉ mãi về sau mới cho phép khen thưởng, và hàng ngàn người đã được nhận huân chương và huy chương.

Từ tháng Mười Một năm 1950 đến cuối chiến tranh vào tháng Bảy năm 1953 quân đoàn số 64 do các tướng I.Belov, G.Lobov, S.Slyusarev lần lượt chỉ huy.

Sau thất bại hồi mùa thu năm 1950, Stalin không hạn chế sự hoạt động của quân đoàn không quân tiêm kích ở gần biên giới Triều Tiên. Theo sự thỏa thuận với Mao Trạch Đông và Kim Nhật Thành, việc chỉ huy chung bộ đội lục quân thì giao cho người Trung Quốc (trong một bức điện mật mã Stalin đã nhận xét "những người Triều Tiên không

DALAT
LANDSCAPING
Design & Maintenance
Lic. # 699783
P.O. Box 204 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683
Call: Mr PHƯƠNG
(714) 5539-1603 * (800) 200-9848

thi hành mệnh lệnh"). Lãnh tụ Mạc Tư Khoa cách chức cố vấn quân sự của tướng Vassiliev. Một số tướng Triều Tiên cũng bị mất chức, vài người bị đưa ra tòa án sau trận thất bại hồi tháng Mười năm 1950. Thấy rõ đó là bàn tay của Stalin, "phong cách" đặc biệt của ông ta; trong cuộc chiến tranh vừa qua, ông ta đã quen thói "đảo trộn" các chỉ huy, khi chỉ vì một lần thất trận mà bước đường công danh của một tướng lĩnh nào đó xóa sạch.

Trước giữa năm 1951, khi trên mặt trận chưa xác lập được trạng thái cân bằng lực lượng bấp bênh, Stalin tự thân kiểm tra việc thi hành chỉ thị của mình trong chiến tranh. Khối lượng trao đổi

điện tín của ông với Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai, Kim Nhật Thành khá lớn. Một chi tiết "thú vị": khi thảo luận các vấn đề chiến dịch và kỹ thuật, Stalin không quên luôn tiện giải quyết một vài" công việc" của mình.

Chẳng hạn, hồi tháng Mười năm 1950, khi mọi sự ở Triều Tiên đang treo trên đầu sợi tóc, ông nhắc Chu Ân Lai lời hứa chuyển cho ông, tức là Stalin, mười triệu đô la, như lời ông viết, "để ủng hộ cho các tổ chức phái tả ở châu Âu và Mỹ" *(APRF. Như trên. D.335.L.38). Hình như là quỹ đặc biệt "để ủng hộ" của Stalin (người có thể gửi cho "các bạn đối thoại trung thành" hàng 600 ngàn đô la) cũng đòi phải bổ sung thường xuyên.*

Trong một bức điện khác gửi Mao Trạch Đông, khi báo tin về việc cung cấp thêm dầu xăng cho người Trung Quốc, Stalin xin họ gửi 50 ngàn tấn cao su thiên nhiên. Cố nhiên, Stanlin đã nhận đủ cả cao su và đô la Mỹ của người Trung Quốc cũng như vàng, bạc và tinh quặng monazit từ Bắc Triều Tiên. Tư tưởng có thể chung nhưng "thuốc là thì của ai nấy hút" *(tác giả nhại câu tục ngữ Nga, ý nói ai cũng lo quyền lợi riêng cả - ND).*

Stalin dần dần mất hứng thú đối với cuộc chiến tranh Triều Tiên, khi hiểu là chiến trận không có kẻ chiến thắng. Thắng lợi chung sẽ không có dù ở bên nào đi nữa. Thực ra, còn vài lần nữa ông đã khuyên Kim Nhật Thành "sử dụng không quân và pháo binh một cách mật tập", "bằng những biện pháp không thương xót và tức thời bẻ đầu bọn phản động và bảo đảm trật tự ở hậu phương của mình", "có ngay tại chỗ đóng của chính phủ một nắm đấm quân sự mạnh mẽ và chắc chắn" *(APRF. Như trên. D.347.l.57-58),* nhưng ông làm thế dường như theo quán tính. Ông chỉ thị cho Vyshinsky đừng chống lại đề nghị hòa bình, nhưng không thúc nhanh nó. "Bọn Mỹ bây giờ muốn hòa bình nhiều hơn chúng ta."

Khi gặp Chu Ân Lai ngày 19 tháng Mười Hai năm 1952 tại Mạc Tư Khoa, Stalin thảo luận với Thủ tướng Trung Quốc những cách để giữ được vị trí của Trung Quốc và Bắc Triều Tiên trong chiến tranh, các hình thức trao đổi tù binh. Ngay cả trong việc này nữa, Stalin vẫn lộ rõ nguyên vẹn bản chất của mình, ông nhắc nhở Thủ tướng Trung Quốc rằng "bọn Mỹ cố tuyển một phần tù binh để làm gián điệp... Đã từng xảy ra như thế với tù binh của ta trong cuộc chiến tranh trước, còn bây giờ thì hàng ngày chúng tôi bắt được vài tù binh mà bọn Mỹ tung sang phía chúng tôi..." *(APRF. Như trên. D.329.L.93).* Stalin khẳng định là ông sẵn sàng cung cấp vũ khí cho 60 sư đoàn Trung Quốc. Khi tiến hành đàm phán về hòa bình ở Triều Tiên, Stalin vẫn không loại trừ việc tiếp tục xung đột quân sự. Vào cuối buổi đối thoại, ông tặng cho các thành viên phái đoàn Trung Quốc những chiếc ô tô "ZIM" để tỏ lòng kính trọng đối với các thủ lĩnh ở Bắc Kinh... vì chính họ đã đóng vai trò hết sức quan trọng trong thời điểm cực kỳ nguy kịch.

Mấy tháng trước, khi gặp Chu Ân Lai ngày 20 tháng Tám năm 1952, Stalin hỏi Chu: "Làm thế nào với cuộc chiến tranh Triều Tiên đây? Đồng ý hòa bình hay là tiếp tục chiến tranh?" Chu Ân Lai nói: "Mao cho rằng 'tiếp tục chiến tranh có lợi cho chúng ta.' Trung Quốc sẵn sàng để chiến tranh kéo dài thêm hai, ba năm nữa..."

Stalin đưa mắt nhìn người đối thoại với mình bao giờ cũng có vẻ chững chạc, nghiêm túc và đồng ý: "Chiến tranh làm sôi tiết bọn Mỹ." Suy nghĩ một tí, ông nói thêm: "Người Bắc Triều Tiên chẳng thiệt gì hết, trừ những người hy sinh trong chiến tranh (?! Trong câu nói này cô đọng toàn bộ

bản chất của Stalin)... cần phải chịu đựng và kiên trì. Phải giải thích cho người Triều Tiên hiểu rằng sự nghiệp đó lớn lao (có lẽ là kẻ độc tài xô viết nghĩ: cứ để cho họ hiến sinh thêm nữa vì "sự nghiệp lớn lao"). Đối với Triều Tiên thì chúng tôi không tiếc gì hết." Và quả thật là Stalin không tiếc tài nguyên của nước mình cho những ai tiếp tục đem thân mạng hàng chục ngàn ngàn người hiến sinh để "làm sôi tiết bọn Mỹ". Trong bức điện gửi cho Kim Nhật Thành hồi tháng Tư năm 1952 có nói: "Tôi được biết rằng nhân dân Triều Tiên cần bánh mì. Ở Siberia, chúng tôi có 50 ngàn tấn bột mì đã chuẩn bị sẵn. Chúng tôi có thể gửi số bột mì đó để biếu nhân dân Triều Tiên..."

Kim Nhật Thành cảm tạ rối rít về món quà hậu hĩnh của Stalin và chúc ông ta "sức khỏe và trường thọ vì hạnh phúc của loài người..." *(APRF. Như trên.D.348.L.58,61).*

Nhưng chúng ta trở lại cuộc đàm thoại giữa Stalin và Chu Ân Lai. Cả đoạn sau cũng đáng chú ý.

Chu: Nếu bọn Mỹ không muốn hòa bình thì chúng ta phải sẵn sàng tiếp tục chiến tranh dù chỉ một năm nữa...

Stalin: Đúng. Mỹ không có khả năng tiến hành chiến tranh lớn.

Toàn bộ lực lượng của chúng chỉ là các trận không kích, bom nguyên tử... Bọn Mỹ là bọn con buôn. Bọn Đức trong 20 ngày đã chiếm được Pháp, còn Hoa Kỳ hai năm rồi không làm ăn gì được với nước Triều Tiên bé nhỏ kia. Lực lượng gì mà như thế? Dùng vũ khí nguyên tử cũng không giành được thắng lợi đâu..."

Không biết có phải từ đó mà Mao có thái độ coi bom nguyên tử là "con hổ giấy" hay không?

Những người đàm thoại biết được là Lý Thừa Vãn có cả thảy 116 ngàn tù binh, trong số đó 20 ngàn quân Trung Quốc. Họ cũng chẳng thèm quan tâm đến điều đó lắm, chỉ có Stalin hỏi: số tù binh Mỹ là bao nhiêu?

Chu nhìn vào giấy rồi nói: khoảng ba, bốn ngàn. Tính cả quân LHQ.

Chiến tranh đang tiếp tục, thế mà các thủ lĩnh đã nhìn về tương lai. Tương lai quân sự. Khi Chu nói: Sau chiến tranh, Trung Quốc dự định có 102 sư đoàn, còn toàn thể quân đội là 3 triệu 200 ngàn người, thì Stalin nhăn mặt:

"Nhưng đó là tối thiểu. Các đồng chí muốn có 150 trung đoàn không quân. Thế là ít. Cần phải có 200 trung đoàn không quân..." *(APRF. Như trên.D.329.L.54-70).*

Những lời lẽ, những hứa hẹn, những tuyên bố đều nhất thời biết bao nhiêu, nếu như lợi ích khác hẳn nhau. Đối với Stalin, con người lúc trẻ suýt nữa trở thành một tu sĩ, thì không bao giờ có cái gì là thiêng liêng cả. Thậm chí Lenin, học thuyết cộng sản đối với ông ta cũng chỉ là phương tiện thôi, một thứ phương tiện rất tốt để củng cố nền thống trị độc quyền Xô Viết có tính chất nước lớn và củng cố quyền lực vô hạn của cá nhân. Cuộc chiến tranh Triều Tiên chỉ là lộ rõ thêm một số mặt mới của Stalin: khả năng biết sử dụng những đồng minh lệ thuộc vào ông ta, khả năng lao vào cuộc mạo hiểm đại chiến đồng thời không đốt cháy "những cầu" sau lưng mình, "khả năng" biến thói vô liêm sỉ về chính trị thành những nguyên tắc của quốc gia. Sau khi đạt được cực đỉnh quyền lực, Stalin trong cuộc chiến tranh Triều Tiên đã lộ rõ sự thất bại lịch sử về sau của mình.

Stalin còn sống không bao lâu nữa. Không bao giờ ông được biết rằng cuộc chiến tranh ở Triều Tiên mà ông đã "bật đèn xanh" sẽ kết thúc ngày 27 tháng Bảy năm 1953 ở Bàn Môn Điếm bằng hiệp định đình chiến. Mưu đồ vô ích, khủng khiếp muốn dùng sức mạnh vũ khí để giải quyết vấn đề, đã phải trả giá bằng sinh mạng của nhiều, rất nhiều trăm ngàn người, nhiều tỷ rúp và đô la, hàng ngàn làng xã và đô thị, xí nghiệp công nghiệp bị phá hủy tan tành.

Lương tâm của kẻ độc tài điện Cẩm Linh không bao giờ cắn rứt... Đã từ lâu rồi, y tin là mình có quyền định đoạt số phận của hàng triệu con người. Cuộc chiến tranh Triều Tiên chỉ là một trang quân sự cuối cùng ghê tởm trong tiểu sử chính trị của y mà thôi. ■

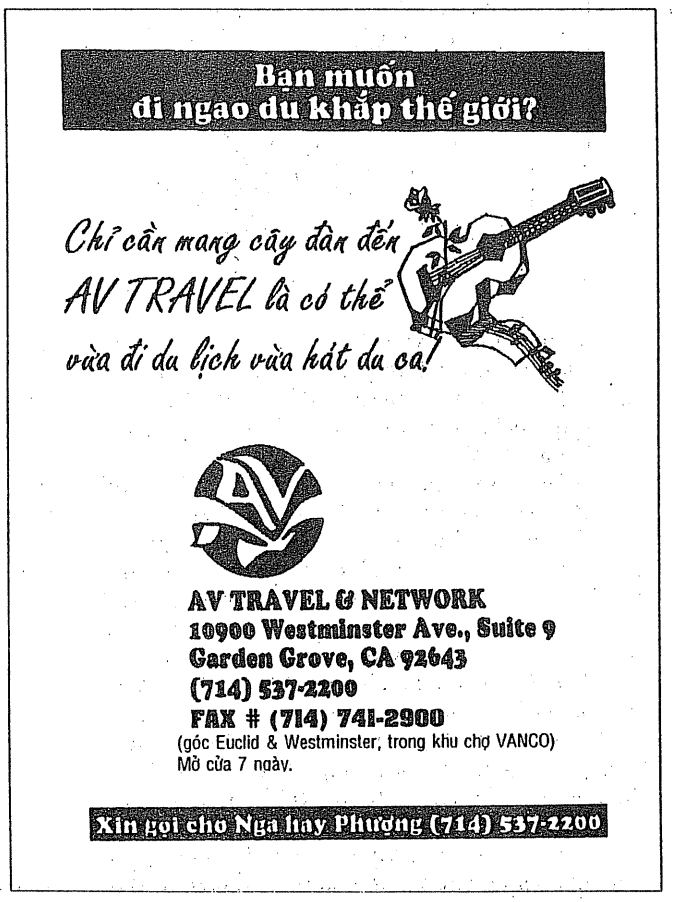

HUYỀN THOẠI VỀ "CÔNG LAO GIÀNH ĐỘC LẬP THỐNG NHẤT" CỦA ĐẢNG CSVN

NGUYỄN GIA TIẾN

Thế Kỷ 21 và diễn đàn hải ngoại lúc này đăng tải nhiều tài liệu, phát biểu, dư luận trong ngoài nước, về các nhân vật phản kháng (dissidents) như Hà Sĩ Phu, Nguyễn Hộ... Trong các lập luận, có một đề tài rất quan trọng vì là cơ sở cho mọi suy diễn, vô tình hay hữu ý, thường hay bị ngộ nhận. Đề tài tôi muốn nói đấy là huyền thoại của cái gọi là *"Công lao giành độc lập thống nhất"* của Đảng CSVN.

Hà Sĩ Phu trong bài Chia tay ý thức hệ, tuy đả kích chủ nghĩa CS, ông vẫn còn nói: *"lý thuyết (CS) mang thông điệp giải phóng... nhân dân ta có những ngày sống đẹp, thanh khiết như thần tiên."* Được báo chí hải ngoại hỏi đây là giai đoạn nào mà nhân dân Miền Bắc sống như thần tiên, thì câu trả lời của ông hình như không lấy gì làm thuyết phục! Gần đây Nguyễn Hộ, trong thơ gởi đồng bào nhân dịp Tết Bính Tý, ông nói rằng CS đã gây nhiều tội lỗi.. *"từ 21 năm qua"*... (nghĩa là chỉ mới từ 1975 thôi, chứ không phải ngay từ 1945 hay sao?). Trên báo Thông Luận số tháng Tư vừa qua, Bùi Tín kể nhiều lỗi lầm của Đảng CS bên cạnh điều mà ông cho là "công" của Đảng CS, đó là *"thành tích đóng góp trong chiến tranh giành độc lập."* Cũng trên số Thông luận này, Nghiêm Phong Tuấn kể lại lời Hoàng Xuân Hãn *"đánh giá cao công trình thống nhất đất nước"* của Hồ Chí Minh.

Sử sách ngày nay rành rành ghi chép mà sao nhiều người vẫn cố tình quên: Ngay từ buổi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp 1945, nhóm Mác-xít Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng... đã dành "độc quyền yêu nước", tiêu diệt hết các phe nhóm quốc gia, khiến Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Hải Thần... đều phải chạy lưu vong sang Tàu. Kháng chiến chống Pháp 45-54 thành công là do sự bột phát lúc đầu lòng ái quốc của toàn dân, lúc đó chưa hề có ý thức gì về CS. Tiếp đến chiến thắng Điện Biên Phủ mà Đảng CSVN tự dành công lao cho mình, thì cũng là do sự giúp đỡ không nhỏ và đầy ẩn ý của Trung Cộng cho Võ Nguyên Giáp trong tình "quốc tế vô sản"!

Còn cái gọi là "cuộc chiến chống Mỹ cứu nước" thì là cả một sự bịp bợm vĩ đại. Sau cuộc cải cách ruộng đất đẫm máu tại Miền Bắc, phe Hồ Chí Minh với sự giúp đỡ của cả khối Cộng, muốn áp đặt chủ nghĩa CS lên toàn Miền Nam. Từ hoạt động du kích lẻ tẻ lúc đầu thập niên 1960, tới xâm nhập ngày một quy mô hơn. Chưa ai quên những kho vũ khí khổng lồ của Trung Cộng với súng AK tối tân được khám phá tại Vũng Rô gần Nha Trang năm 1965, ngay trước cả khi Mỹ đổ quân vào. Mỹ chỉ thực sự nhảy vào cuộc chiến khi Miền Nam gần xụp đổ năm 1965 do sự xâm nhập của CS từ Miền Bắc và từ khối Cộng. Như vậy không hề có việc "Chống Mỹ giành độc lập" mà chỉ có việc "chống Mỹ cản trở việc thi hành nghĩa vụ quốc tế" cho khối Cộng. Nghĩa vụ quốc tế này đến năm 1975 đã thành công mỹ mãn!

Trở lại vấn đề "thống nhất độc lập." Nói về thống nhất: Nếu Quân đội Miền Nam trước đây được Mỹ giúp đỡ một cách "thông minh" hơn, rất có thể đã tiến ra giải phóng Miền Bắc (như một số không nhỏ đồng bào Miền Bắc thầm mong ước, và thổ lộ với gia đình họ hàng ở Miền Nam sau 1975), và như thế Việt Nam cũng thống nhất vậy? Còn nói về Độc lập: thực sự CSVN chưa hề lúc nào ra khỏi vòng kiềm tỏa của các đàn anh Liên Xô và Trung Cộng. Vì vậy mới có sự thanh toán giữa các phe thân Nga thân Tàu, mà nạn nhân là Hoàng Minh Chính, Hoàng Văn Hoan...

Ta hãy nghe thêm Nguyễn Chí Thiện kể lại lời Cán Bộ Ngoại Giao cao cấp CS Trần Quang Cơ than thở: "... *cái nước mình nó khổ lắm, không có cái quyền hành gì cả. Nền ngoại giao của chúng ta là làm theo người ta thôi.*"... để thấy rõ tính cách "độc lập" của chính thể Hà Nội.

Vậy thì đã đến lúc phải đánh đổ cái huyền thoại *"giành độc lập thống nhất"* của ĐCSVN. Vả lại độc lập thống nhất để làm gì nếu không có mục đích cuối cùng là tự do no ấm cho người dân. Còn thành tích của ĐCSVN là gì? No ấm, thì ngày nay VN được trở thành một nước nghèo đói lạc hậu nhất thế giới. Còn tự do? Cả nước đang sống trong một chế độ công an trị, kiểu *"Triều đại phong kiến cuối cùng"* (danh từ của Hà Sĩ Phu), độc tài còn hơn các chế độ vua chúa ngày xưa, và theo lời Bùi Tín (Thông Luận tháng 4/96)::"... *Đảng CSVN xưa nay chỉ là một khối rất thụ động, dễ bảo, dễ dàng 'vâng, dạ', nhường quyền suy nghĩ cho một vài người lãnh đạo cao nhất. Các đại hội thường không có tranh luận, không có thảo luận theo đúng nghĩa.*"

Trông người là ngẫm đến ta, nhìn lại các nước Đông Nam Á trong vùng, xưa đều là những thuộc địa, nay cũng hoàn toàn độc lập, còn trở thành những "con Rồng Kinh Tế", và không hề phải lựa chọn con đường sắt máu Mác-xít Lênin-nít, con đường mà nhóm Hồ Chí Minh đã có "sáng kiến" tìm ra và cả quyết là con đường "duy nhất" giành độc lập!■

TAI NẠN VÀ SỰ AN TOÀN CỦA PHI CƠ THƯƠNG MẠI

HÀ TƯỜNG CÁT

Vụ máy bay hành khách rớt ở Florida vào trung tuần tháng Năm 1996 đã được dư luận đặc biệt chú ý, không những vì tính cách thảm khốc của tai nạn mà còn về nhiều sự kiện có liên quan đến vấn đề an toàn của các hãng hàng không thương mại Hoa Kỳ.

Chiếc máy bay kiểu DC-9 chuyến bay 592 của hãng hàng không ValuJet cất cánh khỏi phi trường quốc tế Miami, Florida, lúc 2:10 giờ chiều thứ Bảy 11 tháng Năm 1996 đi Atlanta, Georgia. Khoảng 15 phút sau, khi máy bay lên đến cao độ 10,500 feet và cách phi trường 100 dặm về hướng tây bắc, thình lình đài kiểm soát không lưu nhận được một báo cáo ngắn gọn qua điện thoại vô tuyến từ phi công phụ: "Có khói trong phòng lái và khoang hành khách." Máy bay được lệnh quay trở lại nhưng chỉ ít phút sau nó mất dấu trên màn hình radar theo dõi ở đài kiểm soát.

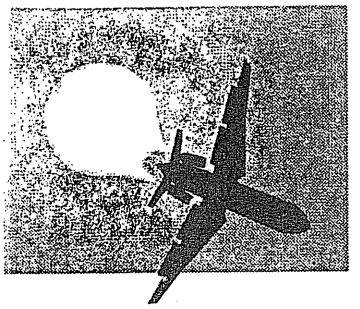

Máy bay rớt xuống khu vực đầm lầy Everglades tại một nơi cách Miami 20 dặm, tất cả vỡ nát chìm sâu dưới làn nước chỉ ngập ngang thắt lưng nhưng lớp bùn lầy phía dưới dự đoán dày tới trên 30 feet. Những toán cấp cứu đến nơi xảy ra tai nạn chỉ nhận thấy rải rác những mảnh đồ vật, quần áo nạn nhân nổi trên một vùng rộng loang lổ dầu và xăng máy bay. Trên máy bay có cả thảy 110 người, gồm 104 hành khách người lớn và một em nhỏ có lẽ bế trên tay nên không có tên trong danh sách, cùng phi hành đoàn năm người, tất cả đều tử nạn không ai toàn thây.

Công tác cấp cứu, tìm kiếm thi hài nạn nhân và thu nhặt xác máy bay đã diễn tiến hết sức khó khăn, vì địa thế nơi máy bay rớt chỉ có trực thăng và các xuồng chạy bằng quạt gió lướt trên mặt nước mới có thể đến được. Những toán người nhái lặn xuống không thể nhìn thấy gì trong lớp nước bùn đen. Đây cũng là một vùng đầy cá sấu và rắn độc nhưng có lẽ tất cả những sinh vật ở gần tại chỗ đều đã chết do sức va chạm khi máy bay đâm xuống, hoặc phải lánh xa khu vực bị ô nhiễm vì nhiên liệu của máy bay lâm nạn.

Sau cả tuần lễ, người ta mới chỉ thu hồi được một số mảnh thi hài nạn nhân và hầu hết khó có hy vọng truy tầm ra lý lịch. Xác máy bay cũng tan vỡ hoàn toàn và mảnh lớn nhất đã vớt lên không quá 10 feet. Chiếc "hộp đen" ghi những dữ kiện không hành đã tìm được nhưng một chiếc hộp đen khác trong có băng ghi âm đối thoại ở phòng lái vẫn chưa tìm thấy. Nguyên nhân tai nạn chưa thể xác định rõ ràng nhưng trong vụ này người ta có nhiều thắc mắc.

Máy bay quá cũ?

Chiếc DC-9 lâm nạn đã được dùng 27 năm, do đó thắc mắc đầu tiên của mọi người bình thường là: Phải chăng máy bay quá cũ? Các chuyên viên an ninh hàng không nói rằng không phải như vậy. Theo Ira Simpson, chuyên viên điều tra về các tai nạn máy bay thì lấy tuổi của phi cơ làm tiêu chuẩn ấn định khả năng an toàn là không đúng, sự an toàn do ở tình trạng bảo trì của máy bay. Những chiếc Boeing 707, loại máy bay phản lực thương mại đầu tiên của Hoa Kỳ còn lâu năm hơn DC-9 rất nhiều mà giờ đây vẫn còn bay chở hàng hóa hay cả hành khách trên nhiều đường bay quốc tế. Một số phi cơ cánh quạt DC-3, ký hiệu quân sự là C-47, đến nay đã trên dưới 50 tuổi, còn được sử dụng trên một số đường bay nội địa hay quân lực của các quốc gia.

Cơ quan Hàng không Liên bang (FAA) chưa hề ấn định là một máy bay dùng bao nhiêu năm phải thải hồi, nhưng đối với những máy bay cũ thì phải qua những kiểm tra định kỳ kỹ lưỡng hơn. Mọi bộ phận của máy bay từ chiếc đinh tán trên phần cánh cho đến hệ thống bánh đáp đều phải được kiểm tra để sửa chữa hay thay thế sau một số giờ hoặc lần sử dụng. Với thời gian, kim loại nào cũng bị hao mòn và cái phải lưu ý nhất đối với máy bay là những vết nứt rạn trên cánh hay trên thân. Cũng giống như tình trạng của một chiếc xe hơi chạy nhiều hay ít dặm, các nhà chế tạo phi cơ và chính quyền yêu cầu phải tính đến điều kiện sử dụng, căn cứ trên số lần cất cánh và hạ cánh. FAA coi một máy bay thuộc loại cũ cần được kiểm tra toàn bộ nếu dùng qua 15 năm hay đã cất cánh và hạ cánh 45,000 lần.

Trước kia, khi chưa có quy định cho tự do cạnh

tranh về giá cả, máy bay cũ không hề là một vấn đề. Các hãng hàng không tính chi phí cho việc thay thế máy bay vào giá vé hành khách và hầu hết những hãng hàng không Hoa Kỳ thay thế phi cơ trước hạn kỳ mà nhà sản xuất đòi hỏi phải khởi đầu thực hiện sự kiểm tra chặt chẽ. Sự cạnh tranh cùng với tình hình suy thoái của ngành hàng không thương mại những năm 1980 đã buộc các hãng hàng không phải giữ phi cơ sử dụng lâu năm hơn.

Tai nạn trên máy bay của hãng hàng không Aloha Airlines năm 1988 đưa đến việc FAA bắt đầu cho áp dụng chương trình kiểm định máy bay cũ. Chiếc Boeing 737 cũ 19 tuổi, trên đường bay qua biển từ Hilo đến Honolulu bất ngờ bị tốc mất một mảnh thân dài 18 feet trên nóc phòng hành khách.

Phi công cho máy bay đáp an toàn xuống phi trường nhưng một nữ tiếp viên hàng không đã thiệt mạng vì bị hút ra ngoài không trung qua lỗ hổng. Lý do của tai nạn này là người ta đã không khám phá ra kim loại bị hao mòn và yếu đi. Kể từ khi chương trình kiểm tra máy bay cũ được thực hiện, Hội đồng An ninh Không vận (NTSB) cho biết chỉ có ba tai nạn xảy ra do tình trạng kim loại hao mòn không đủ sức chịu đựng.

Các hãng hàng không Hoa Kỳ sử dụng tới 35 loại máy bay khác nhau nhưng thông dụng là 15 loại, với gần 5,000 chiếc chiếm tới 90% tổng số. Ba loại máy bay tầm ngắn và trung bình còn đang được dùng nhiều nhất là DC-9/MD-80 và Boeing 737. Các loại máy bay này đều đã được bắt đầu sản xuất từ thập kỷ 60 nhưng có nhiều kiểu cải tiến mới sản xuất gần đây. DC-9 và hậu sinh của nó, MD-80, do công ty McDonnell Douglas chế tạo, có hai động cơ phản lực gắn bên thân gần đuôi, chỉ khác nhau chút ít về kỹ thuật. Tổng cộng hiện có 1,029 chiếc DC-9 và MD-80 đang bay, tuổi trung bình 14.8 năm. Tiếp theo là Boeing 737 với 1008 chiếc, tuổi trung bình 10.6 năm. Nhưng tuổi trung bình cao nhất, 19.3 năm, là các máy bay Boeing 727 ba động cơ phản lực gắn đằng đuôi, đứng hàng thứ tư về số lượng trong các hãng hàng không Hoa Kỳ, 433 chiếc.

Giá một máy bay mới trung bình là 35 triệu dollars, nhưng một chiếc DC-9 tân trang được bán lại chỉ 5 triệu dollars. Nhờ đó một hãng lấy giá vé rẻ như Valujet có thể ra đời hoạt động với 50 máy bay đều là kiểu DC-9 hay MD-80. American Airlines, công ty hàng không có nhiều máy bay nhất, 664 chiếc, trong đó 260 chiếc DC-9 hay MD-80. Northwest Airlines đứng hàng thứ tư về tổng số phi cơ, 389 chiếc, nhưng hàng thứ nhì về số máy bay DC-9 và MD-80, 181 chiếc. Mỗi hãng hàng không còn có thể thiên về sự chọn lựa một kiểu máy bay hay hãng chế tạo thích hợp. Hãng Delta Airlines từ lâu đã không còn sử dụng DC-9 với lời giải thích "vì lý do thương mại."

Sử dụng máy bay cũ không phải luôn luôn có lợi đối với các hãng hàng không. Theo lời Terry Rendleman, Phó Chủ tịch đặc trách bảo trì của United Airlines thì các máy bay cũ tạo ra nhiều vấn đề, chẳng hạn một chiếc Boeing 747 cũ mỗi năm phải nghỉ bay từ 65 đến 90 ngày để được kiểm tra, do đó việc khai thác kém hiệu quả kinh tế. Ông cũng không tin vào lập luận của những nhà chế tạo là các phản lực cơ mới sản xuất hiện nay sẽ sử dụng được mãi mãi. Rendleman cho biết mặc dầu United Airlines nói rằng phi cơ của họ dùng được 50 năm, nhưng hãng sẽ không có ý sử dụng hơn 30 năm. Vả lại đến năm 2000, quy định của FAA về tiếng động sẽ buộc các hãng hàng không phải cho những phi cơ cũ nghỉ bay, trong đó có cả loại DC-9, hoặc là phải tân trang rất tốn kém. Các quan sát viên trong ngành hàng không thương mại nói rằng các máy bay cũ sẽ phải ra đi.

Sự tin cậy đối với các hãng hàng không giá vé rẻ

Thông thường, nhiều người vẫn có sự lo ngại khi đi máy bay. Trước hết là do tự nhiên sinh ra sống trên mặt đất nên lênh đênh trên mặt nước hay lơ lửng giữa không trung chẳng thể cho người ta một tâm lý an toàn. Thêm nữa, trên một máy bay lâm nạn, triển vọng sống sót tất nhiên rất nhỏ và mỗi lần xảy ra một tai nạn phi cơ ở nơi đâu các cơ quan truyền thông đều loan tin rất đầy đủ không như tai nạn xe cộ là chuyện từng ngày từng giờ và ở quá nhiều chỗ không thể nào kể hết.

Tính theo tỷ lệ, thì vận chuyển hàng không là an toàn hơn tất cả mọi phương tiện giao thông khác, và các hãng hàng không Hoa Kỳ có mức độ an ninh cao nhất trên thế giới. Hàng năm trên thế giới có 14 triệu chuyến bay thương mại và chỉ có khoảng 32 tai nạn gây tử vong hay thương tích nặng cho hành khách. Số tai nạn và tử vong trên đường lộ cao gấp nhiều lần ở bất cứ quốc gia nào. Tai nạn nặng nề như vụ máy bay của hãng ValuJet vừa qua chỉ xảy ra trung bình một vụ trong hai triệu chuyến bay.

Nhưng nếu tỷ lệ tai nạn máy bay trên thế giới coi như cố định trong 20 năm qua thì trong thực tế, số vụ và số nạn nhân đã tăng lên rất nhiều vì sự sử dụng đường hàng không ngày một phát triển nhanh chóng. Năm 1986 có 600 người thiệt mạng trong 30 tai nạn máy bay thương mại. Năm 1995 có 60 tai nạn và 1,200 người thiệt mạng.

Tại Hoa Kỳ trong 13 năm gần đây có 255 tai nạn phi cơ thương mại. Trong những nguyên nhân, 38.4% do lỗi của phi hành đoàn, 23.9% do yếu tố kỹ thuật, 17.3% vì lý do thời tiết, 7.5% do bảo trì

> Con quỷ có thể trưng dẫn thánh kinh tùy nhu cầu của nó.
>
> — *Shakespeare*
>
> Trong chiến tranh cũng như trong ái tình, muốn chấm dứt phải nhìn gần.
>
> — *Napoléon*

và 3.1% thuộc trách nhiệm của những nhân viên điều hành không lưu.

Cho đến bây giờ chưa thể biết rõ nguyên nhân tai nạn máy bay ValuJet ở Florida. Hai phi công trên một máy bay nhỏ của tư nhân nói rằng nhìn thấy chiếc DC-9 lao thẳng xuống đầm lầy Everglades từ trên trời cao và không có một dấu hiệu gì là phi cơ còn được điều khiển. Tai nạn xếp vào loại "mất điều khiển trong khi đang bay" chiếm 1/3 số 55 vụ xảy ra cho các phi cơ phản lục thương mại lớn trong thời gian từ 1988 đến 1995. Người ta ngờ là có thể hai phi công đã bất tỉnh, sau khi đài kiểm soát không nhận được một liên lạc gì khác ngoài báo cáo"có khói trong máy bay."

Những phát hiện mới nhất cho biết phi cơ chở theo một số bình làm dưỡng khí và do đó có giả thuyết đã có một vụ nổ và cháy. Tuy nhiên theo lời hai nhân chứng nói trên thì họ không nhìn thấy máy bay kéo theo một làn khói khi đâm xuống đất. Giả thuyết đó có đúng hay không, còn phải chờ những kết quả điều tra khác, nhưng việc chở số bình làm dưỡng khí trong khoang hàng hóa có lẽ đã vi phạm quy định an toàn của NTSB dù cho bình được ghi là trống. Các máy bay thương mại đều có trang bị những bình cung cấp dưỡng khí, nhưng được coi là loại nguy hiểm nếu chở như hàng hóa và cần phải tuân hành chặt chẽ những quy định riêng.

Ngay sau khi tai nạn xảy ra, dư luận tập trung chú ý vào hãng hàng không ValuJet vì nhiều sự kiện đáng phải đặt thành vấn đề. Hãng mới hoạt động từ 1993 đến nay nhưng đã xảy ra nhiều tai nạn, mặc dầu chỉ lần vừa qua mới là tai nạn chết người. Theo NTSB, mức tai nạn của ValuJet cao gấp bốn lần so với những hãng hàng không lớn như American, United, Delta. Mùa hè năm ngoái, một máy bay của ValuJet cháy động cơ khi sắp cất cánh tại phi trường Atlanta làm một nhân viên phi hành đoàn bị thương nặng. Trong hai tháng đầu năm nay, ba lần máy bay của ValuJet trượt ra ngoài phi đạo lúc hạ cánh trong thời tiết xấu, hai lần khác máy bay nổ bánh khi đáp. Hồ sơ của chiếc DC-9 lâm nạn cho biết trong vòng hai năm vừa qua đã bảy lần chiếc máy bay này phải quay trở lại vì trục trặc kỹ thuật do công tác bảo trì, một lần trầm trọng nhất là phải thay chốt cửa bánh đáp. FAA đã chú trọng đến những biến cố này và cho tiến hành một chương trình thanh tra đặc biệt các phi cơ của ValuJet. Sau tai nạn, gần phân nửa các chuyến bay hoạch định đã phải đình hoãn vì công tác kiểm tra được gia tăng hoặc do hãng tự quyết định do nhu cầu bảo trì.

Công ty ValuJet thành lập tháng Mười 1993, đặt trụ sở chính ở Atlanta, bắt đầu hoạt động tháng Sáu 1994, và với chính sách cạnh tranh bằng giá vé rẻ — một số chuyến bay chỉ lấy $39 — đã trở thành một trong những hãng hàng không có tiến bộ vượt bực về kết quả kinh doanh. Năm 1995, công ty có doanh số $367.8 triệu và lời ròng $67.8 triệu. Mặc dầu mới đây đã đặt mua 50 máy bay mới MD-95 trị giá 1 tỷ dollars, nhưng cho đến nay hầu hết 50 chiếc DC-9 hay MD-80 của ValuJet đều là máy bay cũ mua lại với giá rẻ, một số mua của Delta Airlines. Ít nhất trong số máy bay này còn có tới chín chiếc mua lại từ một hãng hàng không Thổ Nhĩ Kỳ, được coi là điều kiện bảo trì an toàn không bằng các hãng Hoa Kỳ. Tuổi trung bình của các máy bay ValuJet là 26.4 năm, cao nhất so với tất cả các hãng hàng không khác. Có 195 máy bay của TWA có tuổi trung bình 19.8 năm, 389 chiếc của Northwest Airlines trung bình tuổi 19.1 vì gần phân nửa số này cũng là loại cũ DC-9/MD-80. Tuổi trung bình các máy bay của United Airlines 11.6, Delta Airlines 11.5, American Airlines 9.2. Trong số những hãng hàng không lớn, Southwest Airlines có phi đội mới nhất, tất cả 226 chiếc đều là loại Boeing 737, tuổi trung bình 8.3. Hãng hàng không nhỏ Alaska Airlines được trang bị mới nhất, 74 chiếc có tuổi trung bình 7.2 năm.

Không những được xây dựng bằng trang bị rẻ, ValuJet còn có lợi trong việc sử dụng nhân công bị sa thải từ các hãng lớn và trả lương rất hạ, chỉ bằng 50% đến 70% trung bình trong ngành hàng không thương mại. Chẳng hạn một phi công trưởng chỉ lãnh khoảng $42,000 so với hơn $100,000 một năm trong một số hãng khác. Tính cách cạnh tranh của ValuJet trong hoạt động cũng làm cho hành khách đôi khi lo ngại. Hồi tháng Ba trước khi một trận bão tuyết kéo đến, giới chức ở phi cảng Dulles, Washington D.C., khuyên các phi công thận trọng khi quyết định bay, tất cả máy bay đều đình lại, chỉ có một chiếc ValuJet cất cánh.

Giám đốc Lewis Jordan khẳng định là các máy bay của ValuJet đủ an toàn ấn định, được kiểm tra đúng mức bởi FAA và NTSB. Giám đốc FAA cũng nói rằng máy bay của các hãng giá vé rẻ vẫn phải theo đúng định chuẩn an toàn như mọi hãng lớn khác. Bộ trưởng Giao thông Vận tải Liên bang Federico Pena, sau tai nạn tuyên bố ông đã từng dùng máy bay ValuJet và hãng hàng không này an toàn. Theo lời ông: "Chúng tôi không cấp phép cho một hãng hàng không nào hoạt động ở Hoa Kỳ nếu không hội đủ tiêu chuẩn an ninh". Thượng Nghị Sĩ Larry Pressler, Cộng Hòa - South Dakota, Chủ tịch tiểu ban Giao thông Vận tải Thượng Viện cho biết mới cách hai tuần trước vụ tai nạn, Văn phòng Kế toán Trung ương phúc trình là "các hãng hàng không mới cũng hoạt động tốt như các hãng cũ, xét về vấn đề an ninh." Robert Francis, Phó Chủ tịch NTSB lưu ý rằng đây là tai nạn chết người đầu tiên xảy ra ở một hãng hàng không mới, kể từ khi các quy định được thay đổi năm 1978 cho những hãng này dễ dàng thành lập và hoạt động.

Một thăm dò dư luận do USA Today/CNN/Gallup thực hiện ít ngày sau tai nạn ValuJet cho biết 89% người được hỏi ý kiến nói rằng họ không bị lo ngại thêm khi đi máy bay của những hãng lớn. Nhưng 46% cho biết có lẽ sẽ không đi máy bay của ValuJet nữa, trong khi 42% tin là điều ấy không đặt thành vấn đề.■

CHO CON HỌC ĐẠI HỌC Ở MỸ: ĐẮT ĐỎ QUÁ!

TRẦN QUÁN NIỆM

Thật khó mà tưởng tượng, năm 1900 phí tổn một năm tại đại học danh tiếng như Pennsylvalnia University (gọi tắt Penn) chỉ có $425. Năm 1975, phí tổn một năm đại học là $5,000 (phí tổn gồm học phí lẫn ăn , ở, sách vở). Bắt đầu thập niên 1980, phí tổn tăng vùn vụt gấp hai ba lần mức lạm phát. Theo nhật báo Inquirer ở Philadelphia thì từ 1980 đến 1995 phí tổn một năm ở các đại học danh tiếng tăng 253%, mức trung bình là $30,000 so sánh với giá xe hơi tăng 54%, lạm phát tăng 80% và nghành chăm sóc sức khỏe tăng 182%.

Báo Inquirer, thực hiện một bản dự phóng căn cứ trên mức gia tăng hàng năm là 7.25% thì năm 2000, phí tổn một năm sẽ là $51,000. Năm 2014, sẽ là $125,000.

Tại sao tiền học lại tăng khủng khiếp như vậy?

Có phải vì càng ngày càng nhiều sinh viên ghi tên đại học hay không? Không. Số sinh viên toàn quốc Mỹ giảm đi từ mươi năm nay.

Có phải trường đại học cần chi nhiều để gia tăng phẩm chất học vấn cho sinh viên hay không? Cũng không. Cuộc điều tra của nhật báo Inquirer còn cho biết, phẩm chất của nền giáo dục tại Hoa Kỳ có phần giảm.

Như vậy thì tại sao?

Người ta chỉ có thể giải thích một cách đại lược là từ thập niên 1980, các trường đại học bắt mạch được tâm lý quần chúng tin tưởng là học phí cao, trường học có tiếng tăm ắt giảng dạy phải tốt. Trường tăng giá, phụ huynh cong lưng trả tiền ăn học cho con. Do đó nhà trường tiếp tục phóng tay lên giá, miễn là " giới tiêu thụ " vẫn chịu chi như mức đòi hỏi. Như cơn lốc xoáy, đã tăng thì không giảm nữa, trường này so sánh trường kia, sợ rằng giá học phí của trường mình thấp phụ huynh suy diễn sai là phẩm chất kém trường khác.

Ngân sách trường đại học được điều hành ra sao?

Được xếp loại là cơ sở bất vụ lợi (non-profit), trường đại học hưởng đặc quyền của một cơ quan tự trị. Họ tự ấn định tiêu chuẩn trong việc chi tiêu, đầu tư, điều hành lợi nhuận. Lợi tức thâu vào dễ dàng, nên chi tiêu dễ dàng.

Viện trưởng trường Temple University, giáo sư Peter Liacouras, công nhận: Việc quản trị hành chánh tại đại học cồng kềnh, lãng phí và kém hiệu năng. Nếu là một cơ sở sinh lời, chắc phá sản từ lâu."

Nguồn lợi tức của trường đại học gồm học phí, tiền tài trợ của chính phủ cho các dự án nghiên cứu đủ loại và tiền lời từ quĩ "cúng dường" (donations) của tư nhân và các cựu sinh viên v.v...(trường Penn, từ 1989 đến 1994, quyên góp được 1.3 tỷ đô la). Quỹ cúng dường (endowment) được dùng đầu tư, chỉ tiền lãi mới đem ra chi tiêu. Hiện tại, Princeton là trường có quĩ cúng dường khoảng 3.8 tỷ đô la. Với số 6,300 sinh viên, nội tiền lời nếu đem chia đều cho mỗi sinh viên đã lên tới $22,260 một năm.

Ấy thế mà phí tổn một năm học tại Princeton, niên khóa 96-97, vẫn sấp sỉ $30,000.

Đại học chi tiêu ra sao?

Hàng triệu triệu đô la được đổ ra cho các công trình xây cất phòng ốc, tiện nghi, các dự án nghiên cứu và nhất là bị thấm thấu vào hệ thống quản trị kém hiệu năng. Thống kê cho hay kể từ 1975 đến 1993, số sinh viên gia tăng 28%, giáo sư giảng huấn tăng 22% trong khi nhân viên hành chánh tăng 83%. Ngoài ra đại học chi ra những số tiến lớn để thu hút các giáo sư lỗi lạc vào ban giảng huấn hầu tăng thêm uy tín cho nhà trường. Nhưng trên thực tế, oái ăm thay, các giáo sư này giảng dạy rất ít giờ. Thông thường, nhà trường đòi hỏi giáo sư đảm trách từ sáu đến 12 giờ dạy một tuần, nhưng hiện nay các giáo sư giỏi, chuyên về nghiên cứu, trung bình chỉ dạy ba, bốn tiếng một tuần. Bù đắp vào đó, nhà trường thuê các giáo sư bán thời, hoặc các sinh viên tốt nghiệp, với danh nghĩa là phụ tá giáo sư, đảm trách giảng dạy đám sinh viên đàn em.

Sở dĩ các đại học trong Ivy League nổi tiếng vì nhà trường có nhiều giáo sư lỗi lạc, thực hiện thành công các nghiên cứu quan trọng, các giáo sư này có rất ít thì giờ giảng dạy, do đó các lợi ích sinh viên được hưởng không là bao.

Tại sao hàng năm các trường đại học nổi tiếng vẫn gạt ra không hết số sinh viên ghi danh?

Tổng số các trường đại học lớn nhỏ tại Mỹ là 3,500 trường, trong số đó có 30 trường danh tiếng, và vượt trội hơn cả là tám trường: Harvard, Yale, Princeton, Brown, Dartmouth, Columbia, Cornell và Penn. Các trường này được mệnh danh là thuộc nhóm Ivy league vì lý do là các đại học được xây dựng đã lâu đời, với kiến trúc bằng đá cổ kính mà trên vách tường, dây tầm gửi (Ivy) leo chằng chịt.

Như trên đã nói, các đại học danh tiếng này chém rất đắt, $30,000 một năm. Nhưng hàng năm,

số học sinh trung học xuất sắc, ùn ùn nộp mạng cho các "máy chém" này. Năm 96-97, có 15,847 đơn nộp vào trường Penn, trong khi trường chỉ nhận 2,350 chỗ, Harvard nhận 1,985 trong số 18,000 đơn. Princeton nhận 1,680 trong số 14,868 đơn. Stanford nhận 2,580 trong 16,360 đơn. Người ta e rằng cứ đà này, trong tương lai chỉ còn tồn tại một số trường có tiếng mà thôi.

Để giải thích về hiện tượng này, một giáo sư đại học nhận xét: Mua một quần jean, người ta còn chọn một hãng nổi tiếng, và không ngần ngại gắn tên hãng ngay tại túi quần cho mọi người thấy, mua một cái xe hơi cũng vậy, thì chọn một đại học, ảnh hưởng đến cả một đời, lại còn tin tưởng tốt nghiệp tại trường có tiếng dễ kiếm việc hơn, thành thử phụ huynh và học sinh nào cũng mơ mộng được nhận vào các trường danh tiếng dù đắt đến mấy.

Học phí và tài trợ (financial aid)

Tuy tiền học đắt nhưng nhà trường cũng có những tài trợ để giúp sinh viên gia cảnh không sung túc. Khoảng 50% sinh viên nhận được tài trợ dưới hình thức này hay hình thức khác. Tuy vậy học phí đại học vẫn là một gánh nặng cho các gia đình trung lưu. Tài liệu từ báo Inquirer cho hay, năm 1983 một phần tư (25%) lợi tức của gia đình trung lưu dành để trả học phí. Năm 1993 con số này lên đến 50%. Sarra Ferry, một học sinh trường Central High được nhận vào Penn nhưng gia đình phải trả $12,000 trong số phí tổn $30,000 một năm. Cha cô cho hay, gia đình không đủ sức. Cô đành chọn trường West Chester University, vì trường này cho cô học bổng toàn phần. Duệ Quách, một học sinh khác tại Central High, có mộng trở thành bác sĩ, được nhận vào Harvard, nhưng cô cho biết, nếu không nhận được học bổng rất lớn của trường, thì cô đành phải học tại Penn State, trường đại học của tiểu bang vì trường này rẻ hơn.

AI DẠI? AI KHÔN?

Hạ tuần tháng Tư, 1996, hai người con của Jacqueline Kennedy Onassis quyết định đem di sản của bà mẹ ra bán tại Nữu Ước. Hãng Sotheby Auction House lãnh thầu tổ chức cuộc đấu giá. Đủ các mặt hàng được rao bán, từ chiếc nhẫn kim cương 40 carat do nhà tỷ phú tầu biển người Hy Lạp Aristotle Onassis, là chồng thứ hai của bà mệnh phụ nổi tiếng này tặng vào dịp đính hôn, đến chiếc ghế đẩu ba chân, cũng như tập vở từ hồi bà còn "mặc quần thủng đít", học lớp vỡ lòng mà mép giấy đã quăn queo, màu giấy úa vàng cùng năm tháng.

Hãng Sotheby ước định trị giá tất cả độ 4.6 triệu bạc. Ấy thế mà sau bốn ngày đấu giá sôi nổi, tổng số tiền bán lên tới 34.5 triệu.

Chiếc nhẫn kim cương 40 carat trị giá $600,000 được thiên hạ vồ với giá 2.6 triệu. Chiếc yên ngựa bà cưỡi đi săn, Sotheby phỏng định từ $300 đến $500, bán với giá $101,500. Paul Nitz, cựu bộ trưởng Hải Quân và đã từng là cố vấn an ninh quốc phòng cho cố tổng thống Kennedy gom góp cả gia tài được $77,000 tiền mặt tính để mua chiếc bàn gỗ gụ mà năm 1973, Kennedy ngồi ký bản hiệp ước cấm thử bom nguyên tử. Nhưng chiếc bàn về tay một nhà sưu tập với giá 1.43 triệu đô la. Hai bộ gậy đánh golf của vị cố tổng thống được bán với giá $772,500 và $387,500. Cho đến những đồ vật tầm thường, có thể tìm thấy ở bất cứ một garage sale nào, nhưng vì có hơi hướng của Kennedy hay Jackie mà trở thành vô giá: hai lọ rắc muối tiêu, (chưa chắc đã được Jackie sờ tới), bán với giá 18,000. Luật sư Harry Wilks hãnh diện khoe đã mua cặp bông tai nhựa mà Jackie từng đeo với giá $35,000. Trị giá thật sự của nó là bao nhiêu? Nếu được bày bán trong một yard sale nào đó, chắc cỡ 25 xu hay vài đô la là cao. Tập vở vỡ lòng quăn mép, giá gần $20,000 đô la. Chiếc bật lửa, $98,000. Cái thước dây, $48,000.

Người ta không khỏi thắc mắc: họ là ai? Đó là những người giầu có, khôn ngoan, sang trọng, xài tiền như giấy lộn: tài tử Schwarzenegger, ca sĩ Gimmy Buffett, các nhà sưu tập, chủ nhân các hãng xưởng giầu có... Khoảng 500 khách hàng chọn lọc được hãng Sotheby mời tham dự bốn đêm đấu giá. Những người không đến được, có thể đấu giá qua điện thoại.

Tại sao họ bỏ ra những món tiền rất lớn (gấp 10, 20, 30, 40 hay cả 100 lần giá phỏng định do Sotheby), để mua những vật chỉ có giá trị về mặt tinh thần.

Cặp vợ chồng Lynda và Stewart Resnick, giám đốc viện bảo tàng Franklin Mint Museum tại Philadelphia trả $211,500 cho chuỗi ngọc trai giả của Jackie, trị gái $600. Người vợ cho hay, họ sẽ sản xuất hàng loạt các vòng cổ tương tự để bán cho khách hiếu kỳ với giá $195 một chiếc. Nhưng còn những người khác thì sao? Họ làm gì với chiếc ghế đẩu ba chân mà lớp nệm bọc đã mòn rách. Họ làm gì với ba chiếc gối dựa lưng, giá $22,500. Nào ai biết? Các nhà tâm lý học cho hay, thông thường người tham dự đấu giá bị lôi cuốn vào cơn xúc động tâm lý nhất thời, tranh nhau trả hơn đối phương để bảo vệ cái sĩ diện, cái danh dự tưởng chừng như bị xúc phạm, quyết dành mua cho được. Trong chốc lát họ đánh mất ý niệm về giá trị thật sự của món hàng và của tiền bạc. Dĩ nhiên điều kiện tiên quyết vẫn là họ phải có tiền, thật nhiều tiền, cộng thêm với lòng yêu mến hai nhân vật lịch sử, Kennedy và Jackie.

Không ai muốn nhớ là sau vài năm là đệ nhất phu nhân, bà tái giá với tỷ phú Onassis, và khi ông này chết, bà đã sống đoạn cuối đời bên cạnh người bạn trai già giầu sộm, buôn bán kim cương. Tên chính thức của bà là Jacqueline Onassis, nhưng trên báo chí bà vẫn là Jackie Kenndy. Thật lạ lùng cho lòng mến chuộng của dân Mỹ. Bằng mọi giá, họ muốn níu kéo, duy trì những hình ảnh đẹp đẽ của một triều đại huy hoàng đã phôi pha.■

DÙNG MÁY ĐIỆN TOÁN LÀM MÁY THU THANH

LÊ TAM CA ghi

Nếu khoa học kỹ thuật hiện đại có thể biến một cái máy truyền hình thành một cái máy điện toán, thì liệu người ta có biến được một cái máy điện toán thành máy thu thanh không?

Đó là câu mở đầu của một bản tin AP đánh đi từ Seattle hôm 20 tháng Năm.

Câu trả lời là "được chứ!"

Công ty Progressive Networks đã đưa được kỹ thuật phát minh từ thời thập niên 1920 nhập vào với phát minh của thập niên 1990.

Thoạt nghe có vẻ như khoa học đi giật lùi, nhưng sự phối hợp giữa mạng lưới điện toán toàn cầu Internet và ngành truyền thanh chắc chắn sẽ là một biến cố lớn của thế kỷ, và làm thay đổi toàn bộ ngành thông tin trong những năm sắp tới.

Việc chuyển những tín hiệu bằng âm thanh sẽ tốn chỗ nhiều hơn chuyển chữ viết tới 50 lần, nhưng người ta đã có cách ép các tín hiệu lại. Quý vị cứ tưởng tượng như có một ổ bánh mì to xù trong tay; quý vị dùng máy ép hết không khí trong ổ bánh, quý vị sẽ có một cái bánh nhỏ xíu, nhưng vẫn còn nguyên lượng bột và nhiệt lượng.

Những tín hiệu âm thanh chuyển qua hệ thống điện toán toàn cầu được ép lại để đỡ tốn chỗ trong bộ nhớ, đỡ mất nhiều thì giờ trong khi chuyển, nhưng mọi yếu tố thông tin còn nguyên đó.

Câu hỏi tiếp theo: tại sao lại phải dùng máy điện toán để nghe chương trình phát thanh, trong khi quý vị đã có máy thu thanh rồi?

Hãy nghe Walt Wurfel, phát ngôn viên của Hội Phát Thanh Toàn Quốc, ở thủ đô Washington, một người ái mộ đội banh Padres ở San Diego, California. Ông nói: "Bạn chẳng bao giờ được nghe trực tiếp truyền thanh một trận banh của đội Padres ở miền Đông này. Ngồi ở đây mà được theo dõi từng phút một trận đấu chẳng khoái sao?"

Bất cứ ở đâu, nếu dùng máy điện toán có gắn modem mạnh ít nhất 14.4, và bộ phận phát âm, gọi là "sound card," quý vị có thể bấm vào các hồ sơ có tên là RealAudio, và chọn nghe các chương trình phát thanh mình thích.

Về phía các đài phát thanh Mỹ, rất nhiều đài đã lên lưới điện toán, như National Public Radio, CBS, v.v...

Về phía Việt Nam, ở trong nước hiện vẫn còn dè dặt với hệ thống điện toán toàn cầu vì nhà cầm quyền cộng sản chưa tìm ra cách kiểm soát hệ thống này. Mọi thông tin ở Việt Nam đều nằm trong phạm vi độc quyền của nhà nước, hay đúng ra, là của đảng cộng sản.

Ở hải ngoại, chắc chắn việc đưa radio lên lưới sẽ là một phong trào lớn, vì người Việt đang sinh sống tản mác khắp năm châu, vấn đề truyền thông gặp trở ngại lớn nhất là địa lý, tức khoảng cách không gian trên khắp mặt địa cầu. Nay qua máy điện toán, người Việt ở bất cứ nơi đâu trên thế giới cũng có thể nghe được những chương trình phát thanh mà hiện nay chỉ có vùng thẩm âm nhỏ bé trong chu vi chừng vài chục dặm.

VNCR đã được công ty điện toán *Kí Con* đưa lên lưới, với tính cách thử nghiệm, một số chương trình phát thanh. Các chương trình này hiện vẫn còn nằm trong hồ sơ trên lưới, để cho bất cứ lúc nào và ở đâu, quý vị muốn nghe đều có thể mở máy điện toán và bấm địa chỉ VNCR trên lưới, là http://kicon.com/VNCR.

Như vậy, VNCR là đài phát thanh đầu tiên phát thanh trên lưới điện toán toàn cầu Internet.

Bắt đầu thử nghiệm từ ngày 24 tháng Tư 1996, công ty điện toán *Kí Con*, do kỹ sư Lê Cẩm Thạch làm Giám đốc, đã đưa được chương trình phát thanh của VNCR lên lưới điện toán toàn cầu Internet.

Ông Lê Cẩm Thạch cho biết: "Từ trước, chúng ta đã có chữ viết và hình ảnh trên lưới điện toán. Bây giờ, chúng ta có cả âm thanh."

Ông Thạch nhấn mạnh: "Điều đáng kể, không phải chỉ là âm thanh trên máy điện toán, mà là âm thanh tức thời, là tiếng nói, tiếng động và âm nhạc, vân vân, phát ra trên máy điện toán của bạn cùng lúc với nơi phát. Nói cách khác, đó là đài phát thanh trên lưới điện toán."

Nêu thí dụ cho dễ hiểu, ông Thạch nói rằng, nếu bạn đang ở Paris, bây giờ là 9 giờ tối, bạn mở máy điện toán, đánh địa chỉ điện thư của VNCR, bạn sẽ nghe được chương trình phát thanh của VNCR cùng lúc với đồng bào Việt Nam ở quận Cam và Los Angeles, lúc 12 giờ trưa, giờ Cali.

Tuy nhiên, để "nghe" được VNCR, máy điện toán của quý thính giả phải gắn thêm nhu liệu "Web browsers," và bộ phận phát âm. "Web browsers" là những công ty cung cấp dịch vụ Internet, như Netscape, Mosaic, Cello, vân vân, trong đó lớn nhất là Netscape. Netscape hiện chiếm tới 70 phần trăm thị trường. Quý vị phải ghi tên với một trong những công ty này, và lệ phí hàng tháng khoảng 20 mỹ kim.

Một khi vào được trang VNCR trên Internet, quý vị sẽ thấy những chỉ dẫn cho bước tiếp theo, chẳng hạn phải nhấn nút vào hàng chữ "Real Audio Player" để nạp nhu liệu này, do Kí Con cài sẵn.■

TÌM NGƯỜI TRONG VŨ TRỤ
Thiên Văn Giao Thoa Kính

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Từ nhỏ tôi vẫn có một ước mơ kỳ lạ. Thời đó nếu nói ước mơ của tôi là quái gở hay...khùng cũng đúng thôi, vì tôi mơ được gặp một người trong vũ trụ.

Mơ gặp Tiên hay thấy Bụt hiện lên như trong chuyện Tấm Cám còn có lý, chớ gặp cái gì là người trong vũ trụ? Thời đó ở Việt Nam người ta còn ít đọc những tiểu thuyết khoa học giả tưởng của Jules Verne như Du hành Xung quanh Mặt Trăng. Sau này lớn lên càng đi học các lớp cao hơn ở ghế nhà trường, ước mơ của tôi càng xác định và càng lớn thêm, vì những môn học tôi ham mê nhất là Vật lý, Toán và Thiên văn. Ước mơ trở thành một niềm tin vững chắc vì tôi tin là có người trong vũ trụ. Khoảng một nửa thế kỷ trước đây, các thanh niên mê được gặp một cô gái đẹp còn có lý, chớ mơ được gặp một người trong vũ trụ, nếu nói ra, chỉ bị thiên hạ cười là một anh bất bình thường.

Nhưng với sự hiểu biết về khoa học của tôi vào thời đó, tôi hơi buồn. Tin là có người trong vũ trụ, nhưng gặp chắc còn lâu, không biết trong cuộc đời của mình có được chứng kiến sự gặp gỡ kỳ diệu đó hay không.

Nhưng ngày nay tình thế đã khác, khi tôi đang sống trên đất Mỹ. Tôi được an ủi rất nhiều vì thấy niềm tin của tôi, phải nói ngay là đức tin sắt đá như tin một đạo, đã được hàng triệu người Mỹ chia sẻ. Hồi giữa thập niên 80, khi tôi còn bị tù lao động cải tạo ở Việt Nam, ở Mỹ cuốn phim E.T. ra đời trở thành loại phim ăn khách nhất và hốt bạc. E.T. là chữ tắt của từ Extraterrestrial, có nghĩa là Người ngoài Trái đất. Kế sau đó các loại phim tương tự như loạt phim Encounter (Gặp Gỡ) cũng được đông đảo khán giả ưa chuộng và đến nay thỉnh thoảng vẫn còn được chiếu lại trên T.V. Bây giờ giữa năm 1996 này là cả một phong trào ở Mỹ, đến độ một thành phố có tên là Extraterrestrial Highway (Xa lộ Người ngoài Trái đất) đã thành hình ở tiểu bang Nevada.

Người Mỹ hóa ra khật khùng và tin nhảm chăng? Cố nhiên là không, những tiến bộ mới nhất về khoa học trong gần một năm nay đã đẩy mạnh nền văn hóa E.T. Nhưng cũng phải nói thêm trong cái bệnh dịch E.T. đang lan truyền, cũng có một khía cạnh tâm lý xã hội của nó mà sự phân tách không phải là phạm vi của bài này.

Sở dĩ tôi có những giòng suy tư như trên khi viết bài này là vì hồi cuối tháng 4-96, tôi đọc được một bài báo trên tờ Register nói về thành phố trên và nền văn hóa mới E.T. của người Mỹ.

Tôi nghĩ sẽ có dịp trở lại thành phố Extraterrestrial Highway trong các bài tới, khi tôi liệu chừng bạn đọc đã đến lúc phát ngấy về những chi tiết khoa học của câu chuyện đi tìm bạn trong vũ trụ, cần phải tìm một món ăn tráng miệng vui vui cho tiêu cơm.

Đi tìm hồng ngoại tuyến.

Bây giờ chúng ta hay tiếp tục câu chuyện đi tìm những hành tinh ngoài Thái dương hệ trong số báo trước. Tìm thấy hành tinh quanh các vì sao ở xa chúng ta hàng chục hay hàng trăm năm ánh sáng là chuyện dễ về kỹ thuật, người ta đang làm. Nhưng đó chỉ là cách quan sát gián tiếp, chỉ biết có nó mà không thể biết nó như thế nào. Điều chúng ta cần là quan sát trực tiếp để xem trên các hành tinh đó có người hay không. Trước khi đi sâu vào đề tài, chúng tôi xin nói rõ những chi tiết trong bài này đều lấy trong tạp chí Scientific American số tháng 4-96, để bạn nào muốn tìm hiểu thêm có thể tra cứu.

Quan sát trực tiếp là chuyện rất khó, nhưng các nhà khoa học đã bắt đầu từ những bước dễ nhất. Theo các nhà sinh hóa học, những hành tinh nào có nhiều nước là những nơi sự sống như chúng ta biết có nhiều khả năng nẩy nở nhất. Vấn đề là làm thế nào tìm thấy có nước trên các hành tinh xa thẳm? Cho đến nay tất cả những phương pháp gián tiếp chỉ cho biết khối lượng và vị trí các hành tinh trong vũ trụ, chớ không thể nào xác định ở trển có người hay không.

Câu hỏi đặt ra cho các nhà thiên văn trong giai đoạn hiện nay là làm thế nào biết được rõ các chất hóa học (nước là một hóa chất) trên các hành tinh đó. Cố nhiên người ta phải tìm những kỹ thuật mới.

Một điều khá đơn giản là những bức xạ phát ra từ một hành tinh có thể xác nhận trên hành tinh đó có những phân tử (molecules) nào, chẳng hạn như dưỡng khí mà chúng ta biết là rất cần cho sự sống.

Nguyên tắc thật đơn giản, nhưng trên thực tế thâu được những tín hiệu rất nhỏ từ một hành tinh bị ánh sáng ngôi sao (mặt trời) phản chiếu là một chuyện vô cùng khó khăn.

Hành tinh không tự nó phát ra ánh sáng, nó chỉ được ánh sáng mặt trời chiếu vào rồi phản chiếu cho chúng ta thấy, như chúng ta thấy rõ một hạt bụi khi nó bị một tia sáng chói chiếu vào. Thí dụ trong một thái dương hệ, ánh sáng của mặt trời phát ra sáng gấp 10 tỷ lần ánh sáng của hành tinh

phản chiếu. Thành ra cuộc săn lùng hành tinh cũng giống như tìm một con sâu dóm nằm cạnh một ngọn đèn pha ở cách chúng ta hàng ngàn cây số. Dù chúng ta có khả năng thu được ánh sáng rất yếu của các hành tinh ở xa như vậy, mọi dấu vết về dưỡng khí trong quang phổ (spectrum) ánh sáng sẽ rất nhỏ và mờ khó lòng tìm ra được.

Trước một thử thách như vậy, các nhà bác học đã đưa ra đề nghị từ năm 1986 là bỏ ánh sáng nhìn thấy mà dò tìm các tia bức xạ không nhìn thấy, chẳng hạn như hồng ngoại tuyến. Ở đây chúng tôi xin nhắc lại vài nguyên lý cơ bản về bức xạ (emission). Trong vũ trụ hữu hình này có nhiều loại bức xạ khác nhau, gọi là bức xạ điện từ, tạo thành một dải trong quang phổ. Tại sao gọi là dải?

Quang phổ là môn học đã được sơ giảng trong thời kỳ Trung học, chúng tôi xin phép nhắc lại một vài nét để chúng ta cùng gợi nhớ những điều quá lâu ngày, khiến một số bạn đọc có thể đã quên. Các bức xạ khác nhau vì những bước sóng (hay băng tần) dài ngắn khác nhau. Có những bước sóng ngắn nhất chỉ bằng 1 phần trăm tỷ của một ly (mi-li-mét), nghĩa là một mi-li-mét chia ra một con số có số 1 ở đầu tiếp theo sau có 11 số không (1/100,000,000,000), như bước sóng của bức xạ tia gamma. Bức xạ quang tuyến X chụp hình phổi dài hơn đôi chút. Dài nhất là các bước sóng hàng chục hành trăm... cây số như bước sóng mà chúng ta vẫn gọi là bước sóng vô tuyến điện hay sóng radio cũng vậy. Nếu sắp xếp cho các anh dài ngắn khác nhau, từ ngắn nhất đến dài nhất nằm cạnh nhau, chúng ta sẽ có một dải băng tần dài thòng.

Tất cả những bức xạ đó chúng ta không nhìn thấy, trừ bức xạ ánh sáng, vì cụ Tạo Hóa đã quyết định cho chúng ta như vậy. Ánh sáng cũng là bức xạ điện từ, vậy nó nằm vào chỗ nào trong cả dải quang phổ đó? Nó nằm vào khoảng giữa, không dài quá mà cũng không ngắn quá, với các bước sóng từ 0.00004 đến 0.00008 cm (phân tây). Nhưng tại sao ánh sáng lại có nhiều bước sóng khác nhau như vậy? Đó là vì mỗi bước sóng là một mầu sắc khác nhau. Ánh sáng mà chúng ta nhìn thấy là sự pha trộn của 7 mầu sắc như mầu sắc cầu vồng, từ đỏ đến tím. Ánh sáng đỏ có bước sóng 0.00008 và ánh sáng tím 0.00004 cm

Vậy thế nào là hồng ngoại tuyến? Đó là thứ bức xạ dài hơn 0.00008 cm, tức là đã ở ngoài cái đỏ mà ta nhìn thấy. Tiêu biểu cho hồng ngoại tuyến là sức nóng. Khi tia nóng tỏa ra, ta không nhìn thấy tia mà chỉ cảm thấy nóng. Đó là vì bức xạ hồng ngoại tuyến đã chạm đến cơ thể ta.

Các hành tinh không tự phát ra ánh sáng, nhưng phát ra sức nóng (hồng ngoại tuyến) và dò băng tần này là phương pháp tốt nhất để tìm hành tinh và cũng để tìm sự sống trên các hành tinh đó. Bởi vì bức xạ hồng ngoại tuyến do hành tinh phát ra nhiều gấp 10 hay 20 lần hay hơn ánh sáng mà chúng phản chiếu của mặt trời.

Thành ra ở trong băng tần hồng ngoại này, tia hồng ngoại của ngôi sao "chỉ" mạnh hơn có... 10 triệu lần, còn đỡ hơn trong ánh sáng nhìn thấy nó mạnh hơn gấp 10 tỷ lần như trên đã nói. Tóm lại chúng ta được "thấy" rõ hơn 1000 lần so với ánh sáng nhìn thấy.

Vậy chúng ta cần loại thiên văn kính nào để tìm những hành tinh giống Địa cầu và thâu được những bức xạ hồng ngoại của nó?

Suy nghĩ mới về kính Thiên văn.

Chúng tôi đã có lần trình bày trên thế kỷ 21 về các loại kinh thiên văn, nay chỉ xin nhắc lại là những kính thiên văn hiện đại đều là loại kính có gương phản chiếu gọi là refractor. Kính càng lớn càng nhìn được xa. Một số thiên văn đài trên trái đất hiện nay có những kính thiên văn mà tấm gương đường kính đo được 5 mét hay hơn. Nhưng muốn tìm hành tinh người ta phải cho kính thiên văn bay ra ngoài bầu khí quyển của địa cầu chớ không thể để

Nhà Xuất Bản Văn Nghệ
hân hạnh giới thiệu

THƯ GỬI BẠN TA

tập II

Bùi Bảo Trúc

Tuyển tập gồm những lá thư nối tiếp tập I, cũng với những ghi nhận về đủ mọi khía cạnh về đời sống hôm nay bằng lối viết tinh quái, thông minh, hài hước, phong phú của cây bút đã đem phiếm luận lên một trình độ mới của văn chương như nhận định của một số nhà văn, nhà phê bình hàng đầu của văn học Việt Nam hải ngoại: Nguyên Sa, Võ Phiến, Mai Thảo, Trần Hồng Châu, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Thị Giáng Châu.

Sách dày 380 trang.

Giá 16 MK. Ngoài nước Mỹ 18 MK.

Đã đọc tập I xin đọc tiếp tập II và sẽ tới tập III, IV.
Đã phát hành khắp nơi.

Nhà Xuất Bản Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Phone (714) 527-5761

nó trên mặt đất.

Thiên văn kính mạnh nhất và lớn nhất hiện bay trên quỹ đạo là Thiên văn kính Hubble. Nó có thể chụp được hình núi non trên Hỏa tinh cách chúng ta cả trăm triệu cây số. Nó chỉ có tấm gương đường kính 2 mét.

Nhưng nếu muốn đo được quang phổ của một hành tinh ở xa chúng ta 30 năm ánh sáng chẳng hạn, chúng ta phải có một kính thiên văn khổng lồ với đường kính ít ra cũng phải đến 60 mét. Với kỹ thuật hiện nay, tạo ra một kính thiên văn như vậy và đưa nó lên quỹ đạo, tổn phí cũng lớn bằng số tiền thâm thũng ngân sách tích lũy của Mỹ, nghĩa là hơn 4,000 tỷ Mỹ kim. Chẳng ai dám nghĩ đến chuyện vá trời này.

Nhưng các kỹ thuật gia không thiếu gì mưu mẹo để "táy máy" vào các dụng cụ của họ và lừa cho chúng phải làm việc cho họ. Ý niệm chính là thiên văn kính không cần lớn, chỉ cần nhỏ, nhưng nếu có nhiều kính nhỏ để cách xa nhau rồi phối hợp cái nhìn của chúng lại, người ta sẽ có một loại kính thiên văn khổng lồ. Riêng trong lãnh vực tìm hành tinh, người ta có phương pháp bắt hai hay bốn kính nhỏ "giao thoa" với nhau thì rất dễ nhìn thấy con sâu dóm ở cạnh cây đèn pha cách xa hàng ngàn dặm.

Thế nào là hiện tượng giao thoa (interference)? Ánh sáng là bức xạ điện từ, có nghĩa là nó truyền đi như sóng, bởi vậy ánh sáng có bước sóng dài ngắn khác nhau tùy theo mầu sắc. Như chúng tôi đã có lần trình bày trong cơ học sóng, hiện tượng sóng điện từ cũng như hiện tượng sóng trên mặt nước, nó có ngọn sóng (chỗ nhô lên) và bụng sóng (chỗ xẹp xuống). Khi hai luồng sóng gặp nhau, chúng giao thoa với nhau như thế này: nếu ngọn sóng của luồng thứ nhất gặp đúng ngọn sóng của luồng thứ hai, chúng sẽ phối hợp với nhau cho ngọn sóng chung cao hơn nữa; bụng sóng gặp nhau cũng vậy. Nhưng nếu ngọn sóng gặp bụng sóng, chúng hòa với nhau cái nọ bù cho cái kia thành ra hết sóng. Ở những nơi anh gặp chị như vậy sóng gió hết, người ta bảo đó là sóng bị triệt tiêu. Nhưng nếu anh gặp anh, hay chị gặp chị, sóng nổi lên đùng đùng.

Từ hơn 100 năm nay người đã hiểu hiện tượng giao thoa ánh sáng như thế nào. Chúng ta cũng có thể bắt chước các nhà khoa học làm một cuộc thí nghiệm nhỏ và đơn giản về hiện tượng giao thoa ánh sáng. Trong một phòng tối chỉ có một khe cho tia sáng mặt trời lọt vào chiếu lên tường. Ta dùng một tấm cạt tông, dùi một lỗ nhỏ bằng hạt đậu rồi hứng ánh sáng. Một lỗ tròn sẽ hiện lên trên tường. Nhưng bây giờ nếu ta dùi hai lỗ cách nhau khoảng nửa phân tây và hứng ánh sáng, ta sẽ thấy chuyện lạ. Ánh sáng không phải là hai lỗ tròn mà vẫn là một lỗ nhưng có những vân sọc trắng đen đều nhau trên tường. Đó là vì hai luồng ánh sáng từ hai lỗ đã giao thoa sóng với nhau, chỗ có vân đen là chỗ sóng bị triệt tiêu, còn chỗ vân sáng là chỗ các sóng tăng cường lẫn nhau. Người ta gọi đó là những vân giao thoa.

Vậy người ta áp dụng kỹ thuật giao thoa vào việc tìm hành tinh như thế nào? Người đầu tiên nghĩ ra phương pháp này 23 năm trước đây là nhà bác học Ronald N. Bracewell ở Stanford University (Bắc California). Ông dùng hai kính thiên văn nhỏ đường kính có 1 mét, gắn cách nhau 20 mét trên một cái bệ thẳng. Ông chiếu cả hai thiên văn kính này lên một ngôi sao, như vậy ông đã có hai cái lỗ để ánh sáng ngôi sao lọt vào.

Ông nghĩ ra một phương pháp chuyển sóng ở một kính, nghĩa là biến bụng sóng thành ngọn sóng và ngược lại, rồi sau đó mới cho nó giao thoa với sóng nguyên vẹn của ống kinh thứ hai. Kết quả là ánh sáng của ngôi sao sẽ bị triệt tiêu. Còn lộ ra cái gì? Cố nhiên còn lộ ra những vật ở cạnh nó như những hành tinh chẳng hạn. Đây là loại phép thần thông, đứng xa hàng ngàn dặm mà che được ngọn đèn pha để nhìn cho rõ con sâu dóm ở cạnh.

Chúng tôi chỉ trình bày ý niệm khái quát cho dễ hiểu. Thật ra dựa trên ý niệm này, kỹ thuật ngày nay còn vi diệu hơn nhiều. Đi vào chi tiết, nó rất phức tạp với những phó thường dân như chúng ta. Nhưng đại khái nó như thế này: người ta có kế hoạch dùng đến bốn kính thiên văn chớ không phải hai. Hai cái để triệt tiêu ánh sáng của ngôi sao, còn hai để triệt tiêu luôn cả vùng hào quang bao giờ cũng bọc quanh các ngôi sao. Sóng ánh sáng là năng lượng và trên đời này năng lương không bao giờ tự nhiên biến đi mất. Bởi vậy người ta dùng cách thâu các năng lượng ánh sáng đó vào một "hồ lô" riêng ở bên trong dụng cụ nói trên để khi cần đem sử dụng lại.

Trên màn hình thâu được sẽ có các vân trắng đen biểu hiệu của sự giao thoa ánh sáng. Người ta sẽ nhắm làm sao cho ngôi sao nằm ở chính giữa vân đen ở trung tâm, rồi xoay tròn cả cái bệ gắn 4 kính thiên văn như chong chóng. Dù xoay đi như vậy, ngôi sao vẫn bị che, vì nó nằm trong vân đen ở giữa như nằm giữa trục quay. Còn các vân đen trắng xoay chuyển sẽ quét loang loáng ở vùng quanh ngôi sao. Khi hành tinh có mặt gặp phải vân trắng, người ta sẽ thấy nó dễ dàng. Lúc đó chỉ còn việc chụp hình ánh sáng sâu dóm của nó, nhất là đo những bức xạ hồng ngoại của nó phát ra để tha hồ nghiên cứu. ■

Câu "Nằm trong chăn mới biết chăn có..." có thể dùng để trắc nghiệm. Mời mỗi vị độc giả thêm một tiếng vào câu trên cho đủ nghĩa. Xin coi thí dụ làm mẫu như sau:

Nếu quí vị viết "...biết chăn có rận", quí vị theo phái trường ốc, học thuộc rồi trả bài. Nếu viết "...mới biết chăn có mùi" thì quí vị theo phái tả thực, còn gọi là tả chân vì chân thường có mùi nhất. Nhưng nếu viết "Nằm trong chăn mới biết chăn có người" tức là quí vị theo trường phái nhân bản, nhân nghĩa là người. Bây giờ xin mời quí vị trắc nghiệm bạn bè.

NHỮNG NGHIÊN CỨU MỚI VỀ NÃO BỘ

CHÂN VĂN

Tiếng vỗ một bàn tay

Bệnh nhân ngồi trước mặt bác sĩ Ramachandran ở San Diego là một phụ nữ. Bà bị đứt gân máu tám ngày trước đây, nửa óc bên mặt bị hư, cả thân thể phía bên trái của bà bị tê liệt. Như hồi trung học chúng ta đều biết, nửa bên phải của bộ óc điều khiển nửa bên trái của cơ thể, và ngược lại. Tay trái bệnh nhân, gọi tên tắt là bà F.D. không cử động được nữa, điều này ai cũng thấy. Trừ chính bà F.D., bà tưởng tay trái bà vẫn bình thường, vì bộ óc của bà vẫn "nghĩ" như vậy.

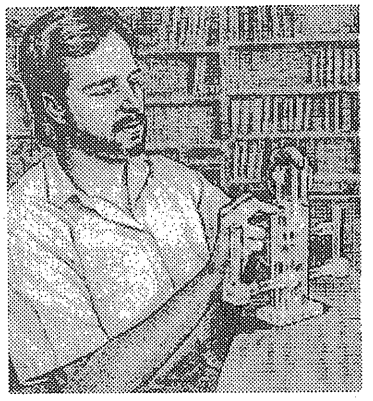

Bác sĩ Ramachandran chuyên về thần kinh học, ông cũng là giáo sư Tâm Lý học, đại học California ở San Diego. Ông hỏi bệnh nhân - trong phòng thí nghiệm:

Bác sĩ: "Tay mặt bà có cử động được không?" (Tay này không bị liệt)

Bà F.D.: "Có." (nói đúng sự thật)

Bác sĩ: "Tay trái bà cử động được không?" (tay này liệt)

Bà F.D.: "Có." (sai)

Bác Sĩ: "Cả hai tay bà đều mạnh khỏe bằng nhau?"

Bà F.D.: "Như nhau."

Bác sĩ: "Bà dùng tay mặt chỉ vào mũi tôi coi nào."

(Bà F.D. làm theo lời bác sĩ, chỉ ngón tay phải vào mũi ông ta.)

Bác sĩ: "Giỏi lắm. Bây giờ bà dùng tay trái chỉ vào mũi tôi được không?"

(Tay trái của bệnh nhân không hề cử động, vì tê liệt.)

Bác sĩ: "Bà F.D., tay trái bà đang chỉ vào mũi tôi phải không?"

Bà F.D.: "Thưa có."

Bác sĩ: "Bà có trông thấy tay trái bà chỉ vào mũi tôi không?"

Bà F.D.: "Có, ngón tay tôi cách mũi bác sĩ bốn năm phân."

Mắt Bà F.D. còn tốt, có thể nhìn rõ tay chân của bà. Nhưng có một bộ phận nào đó trong óc bà "nhìn" thấy khác, không nhìn theo con mắt. Tong óc, nó "từ chối nhìn nhận sự thật".

Một hiện tượng đã được y học biết từ hàng thế kỷ nay là người bị mất tay, chân nhiều khi vẫn còn cảm thấy bị đau, bị ngứa trên phần cơ thể đã biến mất đó. Điều đó chứng tỏ trong óc chúng ta có một cái "bản đồ" về cơ thể mình (và về thế giới bên ngoài?) khiến cho, khi cái bản đồ này còn, thì các giây thần kinh của chúng ta vẫn còn và vẫn giữ nguyên các cảm giác của những phần cơ thể đã bị mất. Bác sĩ Ramachandran đã làm thí nghiệm với nhiều bệnh nhân khác đã bị cưa cả cánh tay. Ông yêu cầu bệnh nhân nhắm mắt lại, rồi lấy cái tăm đầu quấn bông gòn (Q-tip) quệt nhẹ trên mặt bệnh nhân, và bệnh nhân cho biết đang cảm thấy cái đầu bông gòn đó đang xoa trên cánh tay (đã bị cưa mất) của mình. Trong óc người bệnh, cái "bản đồ" thần kinh của cánh tay và của da mặt trùng vào nhau (hay có các huyệt đạo ở mắt và ở tay nối với nhau?)

Bà F.D. là một trường hợp bệnh nhân đặc biệt hơn cả, bà từ chối sự thật về cánh tay trái bị tê bại của bà. Mắt bà nhìn rõ mà óc bà từ chối sự thật, tự đánh lừa mình bằng ảo tưởng (không khác gì một số nhà chính trị nhiều quốc gia chậm tiến!) Bác sĩ Ramachandran nói tiếp với bệnh nhân.

Bác sĩ: "Bà F.D., bà vỗ tay được không?"

Bà F.D. làm theo, tay mặt bà đưa lên, vỗ vào một bàn tay trái tưởng tượng, nó ngưng lại ở chỗ giữa như đụng vào bàn tay kia. Tay trái bà thật sự vẫn tê liệt.

Bác sĩ: "Có phải bà đang vỗ tay không, bà F.D.?"

Bà F.D.: "Dạ có, tôi đang vỗ tay."

Đây là một ca bệnh rất hiếm. Những người bị đứt gân máu làm hư óc bên phải thường có 5% rơi vào tình trạng này. Đặc biệt là chỉ khi nửa óc bên phải hư thì mới bị. Bệnh ảo tưởng này thường không kéo dài quá mấy tuần lễ.

Giáo sư Ramachandran đang nghiên cứu nhiều bệnh nhân như bà F.D.. Ông chuyên về về thần kinh và nghiên cứu tâm lý học. Đề tài nghiên cứu của ông đang thịnh hành trong giới tâm lý học và thần kinh học, đó là sự liên quan giữa não bộ, hệ thần kinh và tâm lý con người. Thường muốn nghiên cứu óc người ta bơm một thứ thuốc vào, rồi dùng máy điện từ phân cắt bộ óc ra nhìn từng mảng. Nhờ thế họ quan sát từng mảng óc mỗi khi nó sáng lên cùng lúc với một biến chuyển tâm lý. Do đó ta biết bộ phận nào trong óc sáng lên khi mình đọc báo, bộ phận nào liên hệ đến một ám ảnh, một loại ham muốn, sợ sệt, v.v.. Dùng những cái "máy nhìn óc" như vậy, mỗi phút tốn 700

USD.

Điểm đặc biệt là các thí nghiệm của giáo sư Ramachandran không dùng các máy móc tốn kém. Ông trình bầy giả thuyết của ông về vai trò của hai nửa bộ óc. Nửa óc bên trái tiếp nhận và phân tích các "tin tức" từ thế giới bên ngoài, nó xếp đặt các dữ kiện đó vào một bản đồ, một mô hình, rồi "nhìn" thế giới qua mô hình đó.

Nhưng tại sao ngay khi mắt nhìn thấy tay trái "không" cử động mà óc của bệnh nhân như bà F.D. vẫn nuôi ảo giác là có? Theo Ramachandran thì chính nửa bên phải của não bộ phụ trách kiểm tra. Khi tin tức vào óc không đúng với mô hình hiện có thì, tới một mức nào đó phía óc bên phải mới ra lệnh phía trái sửa lại mô hình cũ. Trường hợp bà F.D., nửa óc bên phải bà bị hư, khả năng kiểm tra đã mất. Vì thế óc bên trái trở thành cố chấp, không chịu ...đổi mới tư duy!

Lần sau nếu ông xã lái xe vượt đèn đỏ, bà mắng mỏ mà ông cứ nhất định cãi là ông qua ngã tư lúc đèn còn xanh, bà có thể hỏi: "Đêm qua có ai đụng mạnh vào nửa đầu bên mặt của anh không?"

Nghiên cứu trí nhớ bằng ...ruồi

Trí nhớ của chúng ta có hai phần, ngắn hạn và dài hạn. Nếu buổi chiều bà gọi ông "đi làm về anh nhớ ghé chợ Vanco mua ít tía tô" mà buổi chiều ông mang tía tô về ăn cà bung, đó là vì "tin tức" về lời dặn dò đó đã được ghi vào bộ nhớ ngắn hạn. Nhưng nếu đến ngày sinh nhật của bà mà ông quên bẵng, thì đó là vì bộ nhớ dài hạn của ông nhà đã bị trục trặc - đáng được tha thứ.

Chúng ta thường khuyên các sinh viên học thi không nên chờ đến ngày chót mới học gấp rút suốt ngày đêm. Vì các bài học có thể được ghi vào bộ nhớ ngắn hạn mà không được chuyển qua bộ nhớ dài hạn, học vô ích.

Cái gì làm công việc điều chỉnh bộ nhớ của chúng ta, đặc biệt là chuyển các tin tức ngắn hạn sang bộ nhớ dài hạn, đó là một đề tài được các nhà tâm lý học và thần kinh học đang quan tâm nghiên cứu. Có những người bị bệnh Alzheimer cần được tăng cường bộ nhớ dài hạn. Lại có người bị bệnh ám ảnh sợ sệt vì trong trí nhớ còn lưu giữ các kỷ niệm hãi hùng, nếu chúng ta giúp họ ngăn chặn bộ nhớ dài hạn thì đỡ khổ cho họ.

Việc nghiên cứu về trí nhớ rất hữu ích. Và một phòng thí nghiệm ở Long Island, New York đang cố giúp chúng ta hiểu thêm về bộ nhớ của chúng ta. Họ nghiên cứu bằng ... óc các con ruồi. Nói rõ hơn, đó là loại ruồi tên khoa học là *drosophila melanogaster*. Thế mới biết ở đời cần phải khiêm tốn! Hai nhà khoa học phụ trách việc này là Timothy Tully và Jerry Yin, thuộc Cold Spring Harbor Laboratory.

Làm sao biết được ruồi nó có trí nhớ hay không? (Anh nhớ em em hỡi anh nhớ em!) Trong phòng thí nghiệm người ta kiểm soát các anh chị ruồi trong các bình thủy tinh. Mỗi lần bơm vào một mùi "thơm" đặc biệt thì họ lại cho điện giật, khiến các con ruồi dần dần "nhớ" mối liên hệ giữa mùi thơm định sẵn đó với cảm giác khó chịu khi điện giật. Nếu quí vị ruồi đó có trí nhớ tốt thì sau khi thử nhiều lần, hễ thấy mùi thơm trên, họ sẽ bay đi chỗ khác để tránh. Bình nuôi ruồi được nối với hai ống thủy tinh, một ống chứa mùi thơm trên, một thì không. Nếu ruồi có "trí nhớ dài hạn" thì khi mở hai bình trên cùng một lúc, các vị ruồi nhớ dai sẽ bay cả vào cái ống không có mùi, tránh cái ống có mùi, dù đó là mùi mắm tôm thơm phức. Những việc trên đều được máy điện toán computer kiểm soát kỹ lưỡng.

Cuộc thí nghiệm cho thấy là sau mười lần "học tập" các con ruồi bình thường (95% dân số) biết tìm đường tránh cái mùi vẫn đi đôi với điện giật. Nghĩa là các anh chị này có trí nhớ dài hạn. Để cho các bạn ruồi khỏi bị chia trí, người ta phải làm thí nghiệm trong phòng tối, chỉ dùng tia hồng ngoại để theo rõi (mắt ruồi không trông thấy tia hồng ngoại). Do đó các nhà khoa học phải làm việc trong phòng kín và tối bưng suốt bẩy tám giờ mỗi ngày, làm bạn với ruồi.

Các nhà khoa học khác đã nghiên cứu về trí nhớ của loài sên biển (không phải ốc sên, con sển con sên mày lên mày múa). Và của chuột, giống chuột vẫn là "nạn nhân" hi sinh cho khoa học của loài người nhiều nhất. Họ đã tìm ra rằng trí nhớ của chúng ta được điều chỉnh bởi một loại giên

PHÂN ƯU

Được tin thân phụ của
văn hữu Hạ Long Lưu Văn Vịnh là

Cụ LƯU VĂN MINH
Pháp danh QUẢNG ĐẠI

từ trần ngày 23 tháng Năm 1996
hưởng thọ 96 tuổi

Chân thành phân ưu cùng
văn hữu Hạ Long Lưu Văn Vịnh
và tang quyến, và cầu chúc
hương hồn cụ LƯU VĂN MINH
sớm tiêu diêu miền Cực Lạc.

Tạp chí THẾ KỶ 21

(gene) đặt tên là CREB. Hai nhà nghiên cứu ở Cold Spring Harbor Laboratory, bèn thay đổi hai chất protein trong thứ gene này trong bộ óc con ruồi xem ảnh hưởng ra sao.

CREB có hai phần protein, một phần có tác dụng tăng trí nhớ dài hạn, tạm gọi là CREB Hiện (activator), và phần kia có vai trò đè nén không cho ghi tin tức vào bộ nhớ dài hạn, tạm gọi là CREB Ẩn (repressor). Khi nào phần Hiện mạnh hơn thì trí nhớ dài hạn ghi chép, ngược lại khi phần Ẩn mạnh hơn thì bộ nhớ dài hạn đóng cửa. Công việc của hai nhà khoa học là họ dùng một kỹ thuật kích thích phần Hiện hay phần Ẩn. Khi phần Hiện mạnh lên thì họ thấy các chú ruồi chỉ cần "học tập" một lần là nhớ ngay, chúng biết tránh cái mùi thơm liên hệ đến tra điện. Ngược lại khi phần Ẩn mạnh lên thì các chú học đâu quên đó, vì bộ nhớ dài hạn đóng cửa. Bí quyết làm sao kích thích cho phần Hiện hay phần Ẩn bây giờ còn rắc rối, làm trong phòng thí nghiệm cho ruồi thì được chứ chưa thương mại hóa cho người được, còn phải tìm tòi thêm.

Họ thí nghiệm cho các con ruồi "học tập" liên tiếp không nghỉ, khi đó kết quả là phần Ẩn càng mạnh lên, khiến trí nhớ dài hạn không thành hình được. Ngược lại nếu làm thí nghiệm cho ruồi học tập thư thả hơn, vừa học vừa nghỉ, thì kết quả là phần Hiện mạnh hơn, trí nhớ dài hạn được tăng cường. Thí nghiệm này có thể giải thích hiện tượng quí vị học thi gấp rút, sau khi thi xong thì quên hết; nếu quí vị học đều đăn suốt khóa, có học, có nghỉ ngơi thì nhớ lâu hơn.

Nếu các protein Ẩn và Hiện là các bộ phận điều động bộ nhớ của chúng ta thật thì trong tương lai người ta sẽ tìm ra các thứ thuốc để làm cho một trong hai phần mạnh hơn.

Người mở đầu việc nghiên cứu mối liên hệ giữa trí nhớ và cái giên CREB, giáo sư Eric Kandel ở Đại Học Columbia vẫn muốn tỏ ra dè dặt. Ông nghĩ còn phải tìm thêm các yếu tố khác cũng có thể ảnh hưởng đến trí nhớ của chúng ta. Nếu cần, chắc sau khi nghiên cứu óc ruồi, óc chuột và óc sên, nhờ thế giúp ta hiểu hơn về bộ óc của ta, sẽ có lúc chúng ta phải tìm đến muỗi, kiến hay rệp nữa.

Trong khi chờ đợi nếu có ai bị mắng là "đồ óc ruồi" thì cũng không thấy giận nữa. Vì cái giên CREB này có trong các giống vật hạ đẳng như ruồi, sên, cho đến các loài vật "cao cấp" như... người viết bài này. Nhờ cái protein Ẩn mà chúng ta quên được rất nhiều cảm giác khó chịu. Trong não bộ chúng ta, phần chuyên phụ trách về sợ hãi là nơi chất CREB Ẩn rất mạnh, nếu không thì chúng ta suốt đời sẽ cứ sợ ma như hồi bé, hay cứ sợ chồng (hay vợ) suốt ngày đêm không được nghỉ!■

PHÂN ƯU

Được tin thân phụ của bạn Lưu Văn Vịnh là

Thầy LƯU VĂN MINH
Pháp danh QUẢNG ĐẠI

cựu Giáo sư Chu Văn An
từ trần ngày 23 tháng Năm 1996, hưởng thọ 96 tuổi

Các bạn học của Vịnh (Tam, Nhị, Nhất C - Chu Văn An 1957-60)
xin chia buồn cùng Vịnh và gia đình.
Cầu chúc hương hồn Thầy sớm tiêu diêu miền Cực Lạc.

Cao Văn Bảy - Đàm Trung Pháp - Đào Ngọc Phước (VN) - Đoàn Viết Hoạt (VN) - BQP Đỗ Bùi Đống (VN) - Hà Mạnh Tuấn (Pháp) - Hà Thế Ruyệt - Hồ Hải Trân - Hoàng Quý - Lê Đình Điểu - Lê Phục Thủy - Lương Văn Liên (VN) - Mai Công Trổ (Úc) - Nghiêm Văn Hiền - Nguyễn Đình Đỗ - Nguyễn Đình Hà - Nguyễn Đình Thâm (Canada) - Nguyễn Hải Bằng - Nguyễn Hữu Khánh - Nguyễn Khánh Long (Canada) - Nguyễn Khương Ninh (Úc) - Nguyễn Mạnh Quát - Nguyễn Ngọc - Nguyễn Ngọc Ánh - Nguyễn Văn Bi - Nguyễn Văn Chuân - Nguyễn Văn Cường - Nguyễn Văn Nhứt (VN) - Phạm Phú Minh - Phạm Văn Hưng - Tạ Trung Dũng - Tân Văn Hồng - Trần Đại Lộc - Trần Đức Tường - Trần Văn An (VN) - Trịnh Văn Long (VN) - Vũ Ngọc Tiến

TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ CẦM TAY ST-333 HAY LÀ MÁY HỌC TIẾNG ANH

NGUYỄN ĐỨC QUANG

Công cuộc học sinh ngữ của người Việt Nam khắp nơi là một trong những mối quan tâm rất lớn hiện nay, gần như là mối quan tâm của tất cả mọi người.Những băng video học tiếng Anh đã xuất hiện ít nhất bảy, tám năm nay thay thế cho những băng cassette cổ điển đã ra đời cách nay vài chục năm. Và rồi phương pháp thính thị (vừa nghe vừa nhìn để học) này lập tức bị cạnh tranh gay gắt bởi hệ thống máy từ điển điện tử trong vòng ba năm qua. Cho đến nay, sản phẩm mới nhất là cuốn tự điển điện tử ST-333, do hãng Golden Mate sản xuất, mà do các chức năng mới mẻ của nó, có thể gọi là "máy học tiếng Anh.

Gọi là máy học tiếng Anh vì máy này cho phép sử dụng nhiều bài học khác nhau, đủ mọi trình độ và đủ loại ngôn ngữ tùy theo khả năng cung cấp của hãng sản xuất. Người dùng có thể mua những bài học bằng cassette theo hệ thống số (digital) thu đặc biệt dùng cho máy, bài học được phát âm trên ống nghe (headphone hay earphone) của một máy cassette cầm tay hay mang bên mình kiểu walkman. Tất cả các chữ, các câu đều hiện lên trên màn ảnh của máy cùng lúc với những lời đọc, lời giảng lảnh lót trong tai. Những lời giảng lời đọc đó là giọng thật của người đọc hay người nói, kể cả tiếng Việt, tiếng Anh hay tiếng Hoa, tiếng Pháp...

Tùy theo trình độ, các bài học trong băng cassette này được trình bày khác nhau mà theo Golden Mate cho biết hiện đang có 21 cuốn băng với 21 bài tiên khởi đáp ứng các trình độ này. Năm cuốn cho sơ cấp, năm cuốn cho trung cấp, năm cuốn cho học bổ túc, năm cuốn cho trình độ cao cấp và đang chuẩn bị một loại bài cho TOEFL. Người học chỉ cần biết mình muốn chương trình nào thì mua băng học theo chương trình đó.

Đối với giới cầu học ngôn ngữ, đây là một phát minh hoàn toàn mới mẻ. Nó đánh trúng vào nhu cầu học bằng cách nghe nhìn (phương pháp thính thị hiện đại), máy lại gọn gàng cầm trong tay, đeo bên mình, đi khắp mọi nơi, sử dụng bất cứ lúc nào. Hãy nghĩ đến các người lớn tuổi chẳng hạn, việc học trên các máy TV qua băng học video hiện nay là một sản phẩm bất khả di động, quý cụ sẽ ngồi bên TV giữa nhà và chỉ học được khi nhà vắng người thôi.

Với những bài học theo các sách tiếng Anh phổ thông hiện nay đã được giải quyết tác quyền trước khi thu băng cộng thêm với kỹ thuật hệ thống số khiến cho chỉ có loại băng đặc biệt này mới ăn vào máy ST-333 sẽ thành một máy suốt đời theo với người học vì chỉ có thay đổi băng học chứ không phải thay đổi máy.

Trước tiên, máy học tiếng Anh ST-333 vừa là một học cụ để học ngôn ngữ, vừa là một từ điển điện tử. Sức chứa của máy hiện nay, trong đợt đầu tiên không phải là loại cực lớn (như máy thế kỷ EV-555 hay thế kỷ VEC-888) mà loại máy nhỏ nhưng đủ để mang một bộ từ điển Anh Việt và Việt Anh. Hai bộ từ điển này cũng không thuộc loại lớn mà là loại rút gọn và bỏ túi. Mục đích của hai bộ từ điển chỉ nhằm giúp cho người sử dụng vừa đủ dùng trong các công việc học hành và trong đời sống bình thường của mình. Tuy nhiên số từ của ST-333 vẫn nhiều và rõ ràng hơn kim từ điển EV-2200. Ngoài chức năng từ điển điện tử, ST-333 còn có những chức năng thường thấy khác như sổ điện thoại, sổ hẹn, lịch ngày tháng, các phép tính thông thường... Dĩ nhiên sử dụng các chức năng này thì không cần phải dùng máy cassette, máy này chỉ dùng khi học ngôn ngữ thôi.

Sự ra đời của máy học tiếng Anh & từ điển điện tử ST-333 là một khám phá, một phát minh hoàn toàn mới mẻ. Nó chứng tỏ giới sản xuất hàng điện tử luôn theo sát như cầu của thị trường và thị trường học tiếng Anh (hay ngôn ngữ khác) thì mênh mông sẽ không bao giờ khôn cạn. Máy ST-333 có một khả năng vô biên vì người học chỉ cần chọn băng cassette về ngôn ngữ cùng với trình độ mà mình cần. Khối lượng băng cassette để cung cấp cho người học sẽ tràn ngập các chương trình bài học trong một thời gian ngắn nữa, các cuốn sách nổi tiếng nhất hiện nay về dạy tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Hoa và các ngôn ngữ khác sẽ được điện tử hóa. Việc còn lại của người học chỉ là dùng một máy ST-333, và rồi tất cả kiến thức ngôn ngữ hay ho nhất sẽ đến với mình. ■

■ Đa tài: Ông ta nói chuyện với một bà, mắt nhìn bà khác, mà trong đầu đang nghĩ đến một bà thứ ba.

Người ta thường tin Thượng Đế là Một đấng toàn năng. Nhưng cứ nhìn vào cái loài người lộn xộn này thì chắc Thượng Đế phải là một Ủy Ban.

ĐI LÀM VỚI CÔNG TY NƯỚC NGOÀI: XƯA VÀ NAY

(Bài của một bạn muốn giấu tên,
từ Sài Gòn gửi qua)

Tốt nghiệp đại học Sài Gòn 1984, đi làm cho một xí nghiệp quốc doanh bốn năm, nhảy "ra ngoài" làm với một công ty tư nhân bảy năm nữa, năm nay tôi quyết định thử sức mình với một hình thức "làm công" khác, hình thức thường được xem là "cao cấp" nhất: đi làm với công ty nước ngoài (CTNN). Đầu năm 96, tôi ký hợp đồng thử việc với một công ty thương mại nổi tiếng của Đức. Đây cũng là lúc tôi có dịp nhìn lại toàn cảnh của loại hình lao động khá thu hút này ở nước ta, mà cái nhìn của xã hội về nó đã có rất nhiều thay đổi.

Hãy nhớ những ngày đầu của thập niên 90, khi nước Việt Nam bắt đầu mở cửa để đón nhận đầu tư của nước ngoài. Những nhà tư bản Á Châu như Đại Hàn, Singapore, Đài Loan... là những nhà đầu tư sớm nhất, và trở thành những chủ nhân ngoại quốc đầu tiên của các người lao động Việt Nam thời đổi mới. Vào thời đó, ai lọt được vào một công ty nước ngoài đều có quyền tự hào, nó đồng nghĩa với việc người ấy có năng lực, có thu nhập cao và được làm việc thật sự. Để minh hoạ, ta có thể làm một so sánh nhỏ:

— Biết Anh văn và vi tính là một trong những đòi hỏi hàng đầu khi tuyển người, trong khi Nga văn vẫn còn là sinh ngữ chính của trường học và máy vi tính vẫn còn quá mới mẻ, xa xỉ đối người Việt Nam lúc bấy giờ.

— Lương của một nhân viên công ty nước ngoài trung bình là USD 100, còn của nhân viên quốc doanh vào khoảng USD 15.

— Người đi làm với công ty nước ngoài luôn luôn bảo rằng họ rất bận rộn trong suốt một ngày công, tác phong lúc nào cũng phải chỉnh tề. Còn đối với các xí nghiệp quốc doanh, đi-trễ-về-sớm-vào-ngồi-không là chuyện hết sức phổ biến. Điều này có thể được hiểu được qua lời lý giải của một giảng viên đại học: do lạm phát phi mã, sau khi một xí nghiệp quốc doanh thực hiện xong một chu kỳ sản xuất - tiêu thụ, cả vốn lẫn lãi gom lại vẫn không đủ mua lại vật liệu để tái sản xuất. Vì thế, một trong những "cách làm hiệu quả nhất" là ngồi chơi xơi nước và bán vật tư ra ngoài!

Do sự chênh lệch quá lớn về thu nhập như vậy, đi làm cho công ty nước ngoài đã trở thành mục tiêu phải đạt được của nhiều người. Nó kéo theo sự ra đời của một loại hình dịch vụ mới rất quan trọng của người dân Sài Gòn nói riêng và cả nước Việt Nam nói chung sau này: các lớp học Anh văn, vi tính, đánh máy cấp tốc lẫn dài hạn, ngày lẫn đêm. Thoạt đầu, nó chỉ là một "cách làm ăn" đáp ứng luật "cung cầu" của "cơ chế thị trường," nhưng sau đó nó đã phát triển không ngừng, trở thành một trong những "nét đẹp văn hóa" của người dân Việt hiếu học, và làm thay đổi đáng kể cán cân thu nhập của tầng lớp trí thức Việt Nam.

Rồi theo tiến trình hòa nhập của Việt Nam vào thế giới bên ngoài, số lượng công ty nước ngoài trên cả nước Việt Nam cũng tăng lên về chủng loại, quốc tịch, tổng số vốn đầu tư... Các con số thống kê về họ ta có thể có nhanh chóng qua báo chí, qua Ủy Ban Hợp Tác Đầu Tư Nước Ngoài (SCCI). Họ đem theo một phần của nước Nhật, Đại Hàn, Ý, Mỹ, Đức... vào Việt Nam, thông qua phong cách điều hành doanh nghiệp của họ. Cho đến nay, người dân Việt Nam đã bắt đầu hình thành được một cái nhìn khá nhất quán của mình về các phong cách đó theo từng quốc tịch. Với nguyên tắc không vơ đũa cả nắm, ta có thể tạm thời đánh giá một cách "chừng mực," "tổng quát" về các ông chủ người nước ngoài như sau:

— Nói một cách không quá đáng, các chủ nhân ông Đại Hàn đã bị tai tiếng khá nhiều do cách đối xử thô bạo với công nhân Việt Nam. Mặc dù chính một viên chức ngoại giao của Đại Hàn tại Việt Nam đã lên tiếng đính chính rằng không nên lấy những trường hợp đơn lẻ để gán chung cho tập thể, nhưng hầu hết các tờ báo của Sài Gòn đều đăng tin các công ty Hàn Quốc khác nhau đã nhiều lần xúc phạm, sỉ nhục, đánh đập công nhân của họ, và bày tỏ nỗi bất bình chung của người dân Việt Nam. Có lẽ điều duy nhất có thể đưa ra để an ủi cho các công nhân đáng thương đó là không riêng gì ở Việt Nam, mà người Hàn Quốc cũng áp dụng phong cách làm việc này ở các doanh nghiệp của họ trên các quốc gia Á Châu đang phát triển khác (cụ thể là báo chí Thái Lan cũng đã lên tiếng) và ngay cả chính bản xứ của họ!

— Ở đa phần công ty Nhật, người ta hay nhắc đến tính kỷ luật và gia trưởng trong phong cách điều hành. Đúng giờ là một nguyên tắc! Nhưng ngay khi đã hết giờ làm việc vào cuối ngày, nếu "ông xếp" người xứ Phù Tang chưa đứng lên, thì chẳng có nhân viên nào dám rời văn phòng cả. Các công ty Nhật ở Sài Gòn cũng khá thống nhất với nhau trong các quyết định về mức lương của nhân viên. Họ "nhìn nhau, dàn hàng ngang mà tiến", như cách nói của một số anh em người Việt đang làm cho các công ty này.

— Do nền kinh tế của chính tại nước Pháp cũng đang có lắm vấn đề, nên đa số công ty Pháp tại Việt Nam vẫn nổi tiếng là... trả lương thấp! Vốn đã có "quan hệ khăng khít từ trăm năm trước" với nước Việt, người Pháp ít gặp sự bỡ ngỡ trong cách

quan hệ đối với nhân viên người Việt. Tuy nhiên, cũng chính vì thế mà một vài "ông chủ Pháp" đã bị than phiền là "vẫn có máu thực dân trong người!"

— Người Đức không có sự liên hệ truyền thống với người Việt như người Pháp. Họ được nhắc đến nhiều qua cách làm việc khoa học, chính xác và cư xử chừng mực. Ít thấy có biểu hiện kỳ thị giữa một ông xếp người Đức và các nhân viên người Việt. Hình như người Đức đến nước ta có thiện chí muốn làm quên đi một hình ảnh nước Đức của thời thế chiến thứ II, cũng như trào lưu Tân Quốc Xã đang nổi cộm hiện nay ngay tại Đức.

— Sau cùng là một ít hình ảnh về "những nhà khổng lồ đến sau," các nhà kinh doanh Mỹ. Người dân Sài Gòn sẽ không bao giờ quên được hình ảnh tấm bảng quảng cáo khổng lồ Coca Cola ở chân cầu Sài Gòn với dòng chữ: "Vui mừng gặp lại các bạn," được dựng lên chỉ trong vòng một ngày sau khi Tổng Thống Mỹ tuyên bố bãi bỏ cấm vận thương mại với Việt Nam vào đầu năm 1994. Người Mỹ là vậy đó - một anh nhà giàu đầy ấn tượng. Có một công ty hóa chất của Mỹ, bắt đầu vào Việt Nam vào năm 1995, đã tuyển người theo kiểu rất... "Mỹ" như sau:

+ Tìm những người giỏi đang làm những công việc tương tự với yêu cầu của mình ở các công ty khác.

+ Gọi điện thoại đến trực tiếp người đó, đề nghị được gặp để "bàn chuyện hợp tác."

+ Trong buổi phỏng vấn, công ty này đặt thẳng vấn đề: "Công ty của chúng tôi mạnh, đang cần người giỏi như anh (chị). Vậy anh (chị) đề nghị mức lương bao nhiêu để có thể đồng ý làm việc cho chúng tôi?"!

Quan hệ giữa xếp và nhân viên ở các công ty Mỹ hiện nay khá tốt đẹp. Hỏi thăm ở hai công ty lớn, đa số nhân viên Việt Nam cho rằng các ông chủ Hoa Kỳ khá tử tế, nhã nhặn, tôn trọng người bản xứ.

Đó là chuyện của các ông chủ. Về phía những người Việt đi làm cho công ty nước ngoài, hiện nay họ đã có nhiều điều kiện để lựa chọn hơn. Số lượng công ty nước ngoài ngày càng tăng, thị trường lao động ngày càng có giá. Các công ty Việt Nam cũng kinh doanh ngày càng có hiệu quả, đặc biệt từ khi các công ty tư nhân được công nhận một chỗ đứng khá vững chắc trong nền kinh tế Việt Nam. Các xí nghiệp quốc doanh cũng phải chấn chỉnh lại, một số nghành sát nhập nhiều xí nghiệp nhỏ thành một tổng công ty lớn để hoạt động "hiệu quả" hơn. Người Việt ngày nay có thể làm cho một công ty Việt với mức lương không thua kém là bao so với công ty nước ngoài. Vào thời điểm đầu năm 1996, mức lương trung bình cho các nhân viên có trình độ đại học là USD 300.00/tháng ở các công ty nước ngoài. Người lao động Việt Nam dần dần được trang bị đầy đủ hơn, tự tin hơn. Anh văn, vi tính bây giờ được xem là "đương nhiên phải có." "Có bằng đại học" chỉ có giá trị khi đi xin việc như "có bằng phổ thông" năm năm về trước. Để nhắm vào các vị trí cao khi đi làm, bên cạnh bằng đại học, một số người còn lấy thêm các chứng chỉ khác như: Quản Trị, Marketing, Ngoại Thương, Pháp Lý... Do chuẩn bị kỹ như vậy, khi đi làm với CTNN, ngày nay người Việt đa phần đều bắt đầu từ CHÍNH MÌNH, biết mình muốn cái gì trước, rồi mới xét xem nên làm cho ai. Muốn lương cao thì làm với các công ty lớn của Mỹ, Châu Âu, nhất là các công ty mới bắt đầu ở Việt Nam. Muốn ổn định thì làm cho một trong mười công ty "đại gia" của Nhật. Thường đi làm ai cũng chỉ mong có vậy. Tuy nhiên, cũng có người nghĩ khác. Một cô sinh viên Sư Phạm, sau khi tốt nghiệp quyết định đi làm với một trường đại học Anh sang Việt Nam để giúp đỡ các trường thuộc ngành Y Tế của Sài Gòn. Lương thấp (khoảng USD 100.00/tháng), nhưng Tr., cô sinh viên đó, được tiếp xúc với toàn là những người "trí thức thật sự," môi trường làm việc thoải mái. Sau bốn năm, Tr. được học bổng đi Anh học M.A., thực hiện trọn vẹn hai điều "mơ cũng không thấy" của mình trước đây: đi nước ngoài và có bằng cao học do nước ngoài cấp hẳn hoi.

Một thí dụ khác, sau khi đã chán làm việc với ông chủ Singapore "quá lý tài và khôn lõi," TH đã chuyển sang làm văn phòng đại diện của một công ty Ý. Ông xếp mới của TH quả là "Ý đặc trưng": tận hưởng cuộc sống tối đa. Đi công tác xa bao giờ cũng kết hợp với đi du lịch. Văn phòng mới chỉ có hai người, một Ý một Việt, vậy mà người Ý đã thể hiện sự "tin tưởng tuyệt đối" của mình vào người Việt, giao hẳn mọi việc cho TH sau hai tháng bàn giao. Ông ta còn nói rằng bây giờ TH đã có thể điều hành công ty, còn ông ta sẽ ngồi trực điện thoại! Bên cạnh lịch làm việc, TH có thể lập chương trình đi chơi cho cả năm, chỉ với một điều kiện là... đừng để trùng với lịch đi chơi của ông xếp Ý dễ thương đó.

Một số người có đầu óc kinh doanh hơn, đã có sẵn kế hoạch "ra đi" ngay từ khi "bước vào." AT cách đây ba năm xin vào làm cho một công ty chuyên bán máy móc thiết bị của Đại Hàn. AT học cách quản trị, điều hành công ty này, đồng thời thiết lập cho mình những mối quan hệ với khách hàng và các nhà sản xuất. Hiện nay, cùng với vài người bạn nữa, AT lập một công ty tư nhân hoạt động giống như công ty cũ của mình với qui mô và chi phí nhỏ hơn.

Nhân viên người Việt ngày nay đã bớt tự ti mặc cảm đối với các ông chủ nước ngoài. Tôi cần việc và cần lương, ngược lại các ông cũng cần có người bản xứ cộng tác. Chuyện phản kháng các ông chủ không biết điều cũng đã khá phổ biến. Nhà nước có vẻ đồng tình thái độ này, thông qua việc khuyến khích các công đoàn ở các CTNN hoạt động (đặc biệt là ở các công ty Hàn Quốc!). Đầu năm nay, ở một công ty dược phẩm có tiếng của Châu Âu, năm trong sáu trình dược viên đã thôi việc cùng một lúc, vì lý do ông xếp không đồng ý tăng lương, bảo đảm các yêu cầu về phúc lợi xã hội. Điều đáng nói là những nhân viên này đều kiếm được việc mới chỉ trong một tuần sau đó, với các điều kiện đúng với yêu cầu của mình.

Tôi kết thúc câu chuyện bằng một câu hỏi của bản thân và một số bằng hữu, về một dạng CTNN đặc biệt hơn: Bao giờ thì các công ty do kiều bào Việt Nam ở hải ngoại thành lập sẽ có một vai trò trong nền kinh tế của quê nhà? Cách đây khoảng ba năm, rất nhiều bè bạn của tôi về thăm nhà đều tìm kiếm một cơ hội, một ngành nghề gì đó để mình có thể "làm ăn" trên đất Việt. Cho đến nay, rất ít người trong số đó thực hiện được ước vọng của mình. Trên thế giới, mọi người đều biết đến vai trò của những người Do Thái, những Hoa Kiều lưu vong quan trọng đến mức nào đối với nền kinh tế của mẫu quốc. Tôi vẫn nghĩ Việt Nam cũng sẽ vậy thôi, nhưng lúc này chưa phải lúc. Tôi vẫn chờ... ■

Tháng 4-1996

Đêm "Tình Ca Xứ Huế" và Nhạc Sĩ Trần Đình Quân

Một đêm ca nhạc dành cho người nhạc sĩ kiêm nhà giáo **Trần Đình Quân.**

Với sự góp mặt của những tiếng hát

Duy Khánh, Hương Lan, Hải Lý, Xuân Sơn, Thanh Mai, Tuấn Đạt, Lucia Kim Chi, Carol Kim, Ngọc Bích, Anh Dũng, Tommy Ngô, Linh Thảo, Lilian...

9 giờ tối Thứ Sáu 28 tháng Sáu 1996

tại Vũ Trường Pha Lê RITZ, 505 S. Brookhurst, Anaheim, California.

Do nhóm bạn hữu của Trần Đình Quân tổ chức, gồm Nhật Ngân, Nguyễn Đức Quang, Trầm Tử Thiêng và các hội đoàn, tổ chức sau đây bảo trợ: Hội Ái Hữu Phan Chu Trinh (Đà Nẵng), Nhóm thân hữu Quảng Đà, Phong Trào Du Ca, Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA), Tạp chí Thế Kỷ 21, Đài phát thanh VNCR, Đài phát thanh Văn Nghệ Truyền Thanh, Nhật báo Người Việt, Viễn Đông Kinh Tế Thời Báo, Saigon Times, Thời Báo, Mai, Tình Thương, Mới...

Giá vé: $15.00. Ngoài ra còn một số vé ủng hộ. Liên lạc lấy vé trước tại Hội Ái Hữu Phan Chu Trinh (714) 776-6855, Nha sĩ Nguyễn Diệu Liên Hương (714) 895-1264, Nhật báo Người Việt (714) 892-9414.

TRANH NGUYỄN QUỐC TUẤN - KHUNG CỬA MỞ RA MỘT THẾ GIỚI KHOẢNG KHOÁT VÀ VƯƠN LÊN

ĐINH CƯỜNG

Sen - sơn dầu 24" x 30". 1995

Cùng với mùa hoa anh đào nở, mùa của du khách đến Hoa Thịnh Đốn, một phòng tranh rất đẹp của họa sĩ Nguyễn Quốc Tuấn, từ Montréal qua, được bày tại căn nhà thơ mộng ở Bethesda, Maryland, của nhà thơ Nghiêu Minh, trong hai ngày thứ bảy, chủ nhật 6 và 7 tháng Tư vừa qua. Được sự bảo trợ của Trung Tâm Văn Bút miền Đông Hoa Kỳ, Đài Truyền Hình Việt Nam - Hoa Thịnh Đốn và Công Ty địa ốc Metro Homes.

Cầm tờ brochure đã thấy yên tâm về một "bon gout". Rất nhiều bạn bè của họa sĩ từ các tiểu bang khác đến, một dịp gặp lại nhau, và khách yêu tranh. Với 29 tác phẩm cùng cỡ vừa 24" x 30", khung trang trọng, giá đồng hạng $500, $1.000, qua hai ngày đã được gắn những nơ vàng quá nửa phòng tranh, là một niềm vui đầy khích lệ...

Một cái nhìn tổng quát về không khí tranh Nguyễn Quốc Tuấn: có ấn tượng về một lễ hội, làm mới lại những sinh hoạt cổ truyền, màu sắc trong, lung linh như reo ca. Cho thấy tâm hồn họa sĩ, sau nhiều dằn vặt, suy nghiệm, rượt đuổi trước khung vải đã đi đến một sự thanh thoát, vẽ như hư không.

Những gam màu lục biếc, những đốm nắng trong vườn, những thiếu nữ, một thời, là âm hưởng từ Inguimberty đến Nguyễn Siên, đến Trương Thị Thịnh, những người thầy của Tuấn (?) ở trường Mỹ Thuật Gia Định, nhưng đến Tuấn đã giản lược hẳn, thêm những nét phóng bút gãy gập, tạo nên sự xao động, niềm vui như đang len vào tâm hồn người thưởng ngoạn.

Hội hè, cổ nhạc Việt Nam được Tuấn đặc biệt yêu thích, vực dậy trong tranh với cái nhìn nghệ thuật đầy tính sáng tạo. Nhất là đường nét, được kiến tạo, lọc luyện trong một tương quan thẩm mỹ mới, được xếp đặt đúng mức trong một bối cục chặt (đã có căn bản, khi phung phá vẫn thấy sự hài hòa). Chứng cứ cho một cách nhìn từ nội tâm phóng ra ngoại giới phát nguyên từ Matisse, Picasso...

Vẽ Sen nếu không chắt lọc cũng dễ bị rơi vào những vết cũ. Sen trong tranh của họa sĩ bậc thầy

Nguyễn Gia Trí là một nghiên cứu (*étude*) hết sức kỹ trước khi đi đến sự giản lược. Nguyễn Quốc Tuấn đã biết trừu tượng hóa để đưa ra những bố cục sen rất bạo, trong một không gian rất lãng đãng...

Thế giới trẻ thơ, chim chóc trong vườn mộng, làm nhớ Paul Klee, tôi yêu thế giới thơ mộng ấy trong cái màu xám nâu của Tuấn, một khung cửa mở ra một thế giới khoáng khoát và vươn lên.

Họa sĩ Nguyễn Quốc Tuấn
Montréal, Canada

Những mảng màu dẹt (*plat*), phẳng, đôi khi cho ửng những lá vàng lót của sơn mài dưới lớp màu nâu ánh, Tuấn đã khéo sử dụng những mảng trắng rất tới trong những tranh có gam nâu. Chỉ tiếc, nếu có đủ độ dày (*empâter*) của chất liệu sơn dầu thì còn ấm hơn nữa. Xem tranh Tuấn hãy chú ý đến những nét vạch đầy rung động trong một không gian phơi phới. Thật ra, hội họa ở bất kỳ nền văn minh nào đều có khuynh hướng diễn tả lưỡng năng về không gian. Từ nét chữ Tàu cho tới hiện nay những tranh của Đỗ Quang Em, cái nền có thể coi như một mặt phẳng hay một không gian vô tận. Ở Nguyễn Quốc Tuấn, đường nét đã hòa lẫn với không gian, tạo một sinh động đầy chất trữ tình.

Hội họa cần đập vào giác quan, đó là bản chất sâu sắc nhất của nó, nhưng với điều kiện là không được trở nên đẹp mắt và nặng phần trang trí. Nhiệm vụ chính yếu của nghệ sĩ là phải cố giữ, với bất kỳ giá nào, một cá tính thanh khiết giữa một thế giới đầy cạm bẫy của sự sa đọa, hư danh. Tôi vẫn thường nghĩ chỉ cần làm việc, và tác phẩm chứng minh cho sức mạnh của nghệ thuật. Nghệ thuật là một cuộc tìm kiếm không ngừng.

Theo Armand Drouant, một nhà sưu tập nổi tiếng của Pháp, qua kinh nghiệm xem và chọn mua tranh, theo ông, có rất nhiều điểm cần thiết cho một bức tranh, nhưng ông chú ý nhất đến hai yếu tố: sự thành thật của rung cảm và sự thông minh của nét vẽ (nhìn những *dessins* có thể định giá được họa sĩ). Tôi thấy được cả hai yếu tố đó trong tranh Nguyễn Quốc Tuấn.

Qua phòng tranh, thấy sức sáng tác của Tuấn đang thời kỳ sung mãn. Chúc bạn vững niềm tin. Cũng cần nhắc qua: Nguyễn Quốc Tuấn quê ở Mỹ Tho, sinh ra (1954) và lớn lên ở Sài Gòn. Tốt nghiệp Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định năm 1973, (cùng khóa với Nguyễn Trọng Khôi). Định cư tại Montréal, Canada năm 1983. Tốt nghiệp ngành kỹ thuật đồ án và thiết kế (*Diplomat Technical Drafting* và CAD) năm 1988. Đã tham dự nhiều cuộc triển lãm mỹ thuật ở Sài Gòn, trại tỵ nạn Nam Dương, Montréal, Toronto, Quebec, Ottawa, California...■

Virginia, 4.96

(Từ trái qua) Nữ họa sĩ Chung Thanh Thủy (Boston), họa sĩ Nguyễn Thi (Baltimore), họa sĩ Nguyễn Quốc Tuấn (Canada), họa sĩ Đinh Cường (Virginia), trong ngày khai mạc phòng tranh.

CHỮ NGHĨA VÀ... ĐA NGUYÊN

PHỐ TỊNH

Gần đây, có một số độc giả bàn (với báo *Thông Luận* ở Paris) về lối viết hoa chữ "Đảng" trên mặt báo Việt ngữ tại hải ngoại, xem đó như một vướng mắc cần gỡ bỏ. Có lẽ vì khuôn khổ giới hạn của mục thư độc giả không thuận tiện để tỏ bày hết mạch suy nghĩ của quý vị độc giả đó chăng, chỉ thấy các vị đề nghị vắn tắt là chúng ta ở hải ngoại không cần và không nên viết tên Đảng Cộng Sản Việt Nam theo lối tắt như ở trong nước. Và cũng có lẽ vì thế mà tòa báo TL đã có lí khi trả lời độc giả một cách vắn tắt rằng: viết hoa chữ "Đảng" chỉ là viết tắt chữ "Đảng Cộng Sản" mà thôi chứ không có ý tôn kính gì. Câu trả lời vắn tắt quá thành ra lại càng gây thêm thắc mắc: viết hoa là viết tắt sao? Ý nghĩa về mặt tu từ của lối viết này là sao mà có nhiều vị độc giả thắc mắc? Chuyện thật ra cũng không lớn lao gì, nhưng ngẫm ra thì cũng lắm điều hay. Cũng vì vậy mà có lời bàn thêm này cho rộng đường dư luận.

Trong chính tả, viết hoa và viết tắt là hai khái niệm khác hẳn nhau và có ý nghĩa khác nhau. Không thể lẫn lộn. Viết hoa một chữ vì nó ở đầu câu, hoặc vì nó là tên riêng. Chúng ta viết Đảng Cộng Sản (chữ viết hoa) vì nó là tên riêng của một đảng phái chính trị, để phân biệt với các đảng phái khác như Đảng Xã Hội, Đảng Tự Do... Loại tên riêng này trong tiếng Việt là từ loại danh từ riêng mà ra. Danh từ riêng này được ghép bởi hai bộ phận:

(1) (2)
tiếng chỉ loại (khái quát) + tiếng chỉ định (cá biệt)

Ví dụ:

Rau	cải bắp
Mèo	tam thể
Anh	phu xe
Đảng	Cộng Sản

Viết "Đảng" thôi như ta vẫn thường thấy thì chưa đủ nghĩa, vì chữ *Đảng* chỉ là một bộ phận khái quát, còn thiếu hẳn bộ phận chỉ định nhằm cá biệt hóa đối tượng được gọi tên. Quy định chính tả tiếng Việt về phép viết tắt những trường hợp tên riêng này ra sao? Có hai lối: lối thứ nhất là viết tắt chữ cái đứng đầu: chẳng hạn, Đảng Cộng Sản — ĐCS. Cũng có thể nói và viết tắt bằng cách bỏ bớt phần (1) hoặc lược bớt phần (2): Đảng Cộng Sản — Đảng Cộng (hay là Cộng Sản). Tuyệt nhiên không thể cắt trụi lủi phần cá biệt hóa ở sau đi được. Trên thực tế, có những trường hợp chúng ta gọi tắt một tên riêng nào đó chỉ với phần khái quát, nhưng chỉ là trong một ngữ cảnh cụ thể trong đó mọi người cùng thừa nhận là không có sự lẫn lộn đối tượng bàn bạc. Trong một buổi họp nội bộ của Đảng Cộng Sản, họ có thể nói và viết "Đảng" mà không sợ bị hiểu nhầm.

Những người cộng sản trong nước thừa biết điều này. Nhưng đã thành một thói quen từ lâu, người ta chỉ viết trơ trụi một chữ Đảng. Có thể là người cộng sản cũng hiểu viết như thế là đã vi phạm qui định chính tả, viết như thế là nêu gương xấu cho nhiều thế hệ học sinh, sinh viên, nhất là khi nhà nước luôn hô hào quốc dân cùng giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

Nhưng chuyện đáng bàn ở đây lại là chuyện bên ngoài địa hạt chính tả. Người cộng sản ở Liên Xô trước đây hay ở Việt Nam cho rằng trong thời đại cách mạng vô sản, chỉ có Đảng Cộng Sản mới là đảng chính trị đúng nghĩa vì nó có tính tiền phong cách mạng. Ngoài ra chỉ là những đảng phái phản động hết cả. Người cộng sản lí luận rằng điều kiện lịch sử đã khiến cho đảng của họ là đảng duy nhất đóng nổi vai trò lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ cho đất nước. Đó là đảng quang vinh bách chiến bách thắng, đáng tôn kính. Cho nên yêu nước có nghĩa là phải yêu cái đảng đó; ngoại giả là phản động! Nói cách khác, *Đảng Cộng Sản* = *Đảng*. Rất ư là "lô gích." Hơn thế nữa, Đảng là

— Một du khách Pháp vào một tiệm ăn ở New York và hỏi người bồi:

"Có gì ăn không?"

"Thưa có 'hot dog'."

"Thế nghĩa là gì?"

"Thưa đó là chó nóng."

"Gì mà thê thảm thế! Đó là một món ăn địa phương?"

"Thưa vâng."

"O.K. Cũng phải ăn cho biết. Cho tôi một chó nóng!"

Và người bồi mang ra một khúc xúc xích dài kẹp trong một cái bánh mì nhỏ. Ông khách bất bình ra mặt:

"Này, bộ không còn món gì khác hơn là cái bộ phận tục tĩu này của con chó à!?"

* "Anh chàng hàng tuần vẫn tặng hoa cho cô bây giờ ra sao rồi?"

"Anh ta đã làm đám cưới với cô bán hoa."

của mọi chúng ta. *Đảng ta*!

Lối suy nghĩ như thế là sản phẩm của những người nặng óc chuyên chế, họ mặc nhiên phủ định sự có mặt của mọi chính đảng hoặc phong trào quần chúng đã và đang góp phần đấu tranh cho mục tiêu phồn vinh của đất nước. Thật không khác gì lối suy nghĩ thời phong kiến, cho rằng kẻ đứng đầu là kẻ có uy quyền tuyệt đối, bất khả xâm phạm. Thói phong kiến dẫn đến uy quyền độc tôn; vua là con trời, vua không bao giờ sai lầm. Thời đại ngày nay, Đảng Cộng Sản đã không úp mở gì, họ thay vai vua chúa phong kiến để làm một thứ trời con. Một thi sĩ ngoại hạng của Cộng Sản Việt Nam đã chẳng từng hồ hởi ngợi ca rằng Đảng là mặt trời là gì! Mặt trời chân lí đã soi ánh sáng chân lí vào đầu dân con, cho ai nấy được sáng mắt sáng lòng! Nói cách khác, dân *ta* mà không có Đảng *ta* thì 73 triệu con dân đều mù dở.

Thực tiễn cuộc sống đã phơi bày sự thật không chối cãi là cái thời mà Đảng Cộng Sản có thể làm trời đã qua rồi. Lịch sử thế giới đang vẽ ra một thời đại mới, trong đó dân chủ không còn là độc quyền của giai cấp, trong đó đất nước không là của riêng cá nhân hay tập đoàn nào. Trật tự thế giới mới đang hình thành, trong đó thành trì của mọi hình thái độc quyền đều đang gặp khủng hoảng: tư bản độc quyền hay chuyên chính vô sản cũng thế thôi. Kỉ nguyên dân chủ mới đang hình thành.

Hóa ra, viết chữ *Đảng* thế nào lại là chuyện nhiêu khê, chuyện thuộc về lối nghĩ, chuyện quan điểm chính trị. Người cộng sản thách thức những người dân chủ từ một chữ cỏn con. Nhưng người cộng sản không lơ là vì chuyện cỏn con này, họ xem đây cũng là một trận địa, là chuyện "ai thắng ai." Những người có tinh thần dân chủ hẳn là sẽ không khoan nhượng với thái độ ngạo mạn của người cộng sản mà viết "Đảng" trần trụi theo kiểu viết của báo *Nhân Dân*, chỉ vì họ không chấp nhận việc người cộng sản nắm độc quyền chính trị. Thái độ như vậy rất là trịch thượng và ngạo mạn một cách thiển cận, khi mà toàn cảnh thế giới đang đổi thay rất nhanh chóng. Thời huênh hoang của dòng thác cách mạng đã thuộc về quá khứ rồi.

Trên con đường xây dựng dân chủ, thiết tưởng chúng ta nên cảnh giác trước những cái bẫy ngôn từ vốn là tàn dư của trình độ tư duy ở "tầm văn hóa thấp," loại ngôn từ "cha thiên hạ" theo kiểu *Đảng ta*. Người cộng sản đang phải đứng trước một thách thức của lịch sử là: mọi công dân yêu nước không ai được phép ngồi xổm trên đầu người anh em mình. Luật chơi dân chủ không cho phép ai trên góc đời này được quyền làm thế.

Tôi vốn không cầu nệ việc tìm học và sử dụng tiếng Việt sao cho khỏi lạc hậu với thời đại. Kho từ vựng tiếng Việt hiện đại đã được làm cho phong phú lên nhiều lắm chứ. Điều này có phần công lao sàng lọc của học giới hai miền Nam Bắc sau 1975. Nhưng kho từ ngữ của chúng ta không thể đơn giản tăng tiến theo kiểu toán cộng toán trừ, cái gì của *ta* cũng là chuẩn, còn của *địch* thì đều là rác rưởi. Kiểu suy nghĩ này chỉ gieo mầm độc cho dân tộc.

Có khá nhiều kẽ hở khiến cho ngôn từ tiếng Việt lắm khi sượng. Nhiều kiểu dùng từ nghịch nhĩ mà suy cho cùng chỉ là do cái óc cầu chấp, kênh kiệu, hoặc là do óc sính tây mà ra. Bệnh kiêu mạn đã đẻ ra lối nói *lính ngụy* nhưng *anh bộ đội, đại học mở* chứ không chịu *đại học hàm thụ, hải quan* chứ không *quan thuế, lô-gích* mà không thể là *luận lí*. Chê *xa lộ* nhưng lại dùng *đường cao tốc*. Kiểu nói sính tây có khi làm nghèo tiếng nước mình: ăn tốt, mặc tốt, học tốt, ngủ tốt, nói tốt... Giở tờ báo *Tuổi Trẻ* mà xem, sẽ thấy kiểu chuyển ngữ sống sít từ tiếng Anh, bất chấp ngữ lí tiếng Việt, nào là *bùng nổ thông tin, siêu sao điện ảnh, siêu sao người mẫu, đảo giao thông*...

Nhịp độ phát triển xã hội phải dẫn đến việc tạo thêm từ mới. Có điều là việc tạo từ mới không phải là chuyện chỉ hôm nay mới có. Chúng ta đã liên tục làm việc này từ những năm đầu thế kỉ XX. Phương châm của mọi thế hệ tạo từ mới là: hãy khiêm cung, đừng mặc cảm và phải hết sức tôn trọng cấu trúc từ và câu tiếng Việt.■

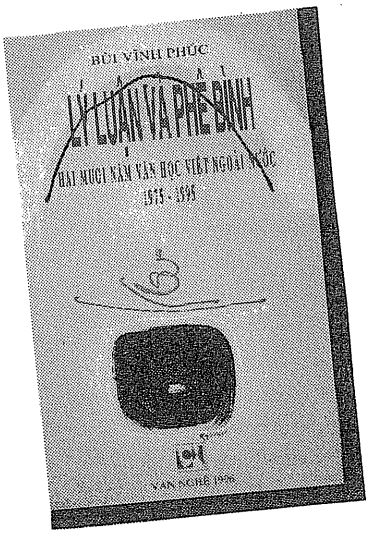

• Bộ sách đưa ra một cái nhìn trình bày và đánh giá có thể nói là rộng nhất từ trước đến nay trên mặt phê bình, lý luận về hai mươi năm văn học Việt bên ngoài đất nước.

• Với những nhận định, đánh giá sâu sắc và đầy tính thẩm mỹ, nó giới thiệu được các tác giả trong nhiều khuynh hướng, nhiều phong cách khác nhau. Nó lại cũng trình bày những vận động và diện mạo của dòng văn học ngoài nước trong những mốc, những chặng định hình và phát triển trong suốt quá trình đi tới của nó. Chia sẻ một số suy nghĩ và lý luận về mỹ học phê bình, tác giả của bộ sách vừa bàn về thơ vừa nói về văn, vừa soi chiếu ý nghĩa và giá trị của các tác phẩm, cùng lúc bật sáng chân dung của các tác giả.

Sách dày 764 trang, có bìa phụ bọc ngoài. Giá $27.00 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm $3.00 MK.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ - P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683 - Điện thoại: 714-527-5765

TIẾP TỤC TRANH ĐẤU

Số phận của 18 ngàn đồng bào đang tuyệt vọng tranh đấu đòi quyền tị nạn ở Hồng Kông khiến cho cả thế giới phải chú ý. Nhưng người ta chú ý đến được trong bao lâu?

Chỉ còn hơn một năm nữa, Trung Cộng sẽ tiếp quản Hồng Kông, và họ đã nói trước không chấp nhận người tị nạn. Người tị nạn ở Mã Lai, Phi Luật Tân có thể tiếp tục đấu tranh, giằng co với chính quyền sở tại, nhưng ở Hồng Kông thì ngay chính quyền sở tại cũng sẽ không còn ngồi đó sau ngày 30 tháng Sáu năm 1997. Mà chắc hẳn không mấy người tị nạn muốn trốn một chế độ cộng sản này để sống trong một nước cộng sản khác.

Nhưng các đồng bào đang tranh đấu ở Hồng Kông không nên coi việc tranh đấu đòi quyền sống của họ sẽ chấm dứt sau khi họ bị cưỡng bách hồi hương. Và chúng ta, những người đã may mắn được định cư tị nạn cũng không thể coi như việc hồi hương của đồng bào là chấm dứt hết các hy vọng tranh đấu cho họ.

Người Việt Nam vượt biển tìm đường tị nạn vì không thể sống trong một chế độ không tôn trọng quyền sống làm người. Nay họ bị cưỡng ép trở về thì việc tranh đấu cho quyền sống làm người của họ vẫn tiếp tục. Những người đã liều chết vượt khỏi những nhà giam ở Hồng Kông để bị bắt lại, những người đó sẽ có dư can đảm để tiếp tục tranh đấu đòi quyền sống, khi trở về nước. Nhưng họ chỉ có thể tiếp tục tranh đấu đòi quyền làm người nếu cộng đồng người Việt ở nước ngoài hỗ trợ họ một cách cụ thể, tích cực và có hiệu quả.

Cho nên các tổ chức tranh đấu cho nhân quyền của người Việt Nam ở khắp thế giới cần bắt đầu ngay từ bây giờ một chương trình dài hạn để tranh đấu cho quyền sống trong an ninh, sống có phẩm giá của các đồng bào bị cưỡng bách hồi hương.

Chúng ta không nhất thiết phải tập hợp tất cả các tổ chức tranh đấu trong cùng một tổ chức lớn, dù rằng việc đó rất đáng khuyến khích. Ngay khi có nhiều tổ chức riêng rẽ, từ Mỹ, Pháp, Úc Châu, v.v... đồng loạt vận động các cơ quan quốc tế đòi bảo vệ phẩm giá và quyền sống của đồng bào bị cưỡng bách hồi hương thì điều đó cũng tốt và cũng có hiệu quả như tất cả cùng trong một phong trào thống nhất.

Các tổ chức tranh đấu của ta phải nhắm vào các cơ quan quốc tế liên quan đến người tị nạn và bảo vệ nhân quyền. Mỗi người Việt, mỗi nhóm đều có thể liên lạc và vận động với các tổ chức ở nơi mình cư ngụ.

Các tổ chức bảo vệ nhân quyền trên thế giới đòi hỏi phải có tin tức về các vụ vi phạm nhân quyền. Do đó công việc thiết thực và hữu ích nhất của các tổ chức của người Việt chúng ta là cung cấp tin tức chính xác và cụ thể về những trường hợp vi phạm nhân quyền cho các tổ chức quốc tế.

Muốn làm được điều đó thì ngay từ bây giờ chúng ta phải liên lạc với các đồng bào tị nạn đang tranh đấu ở Hồng Kông, Mã Lai, Phi, Thái Lan, v.v... Chúng ta phải giữ những mối liên lạc đó ngay cả sau khi đồng bào đã bị bắt trở về Việt Nam. Các tổ chức cứu trợ cũng như các tổ chức nhân quyền ở hải ngoại cần thiết lập danh sách các đồng bào này.

Tranh đấu cho nhân phẩm và quyền sống của các đồng bào bị cưỡng ép về nước không phải chỉ cốt giúp cho một số người tị nạn mà thôi. Thật sự khi tranh đấu cho họ cũng chính là tranh đấu cho quyền sống và nhân phẩm của mọi người Việt Nam khác.

Sau khi coi máy computer đánh cờ, có người hỏi: "Liệu nay mai có computer làm thơ được hay không?" Một thi sĩ trả lời "Bây giờ đã có rồi. Mở một tờ báo ra đọc coi, nhiều bài thơ rõ ràng làm bằng máy."

NHỚ NGÀY 17 THÁNG SÁU

Ở Berlin có đại lộ 17 tháng 6. Ngày đó năm 1953, ba tháng sau khi Stalin chết, công nhân Đông Berlin nổi lên đánh nhau với xe tăng quân Nga. Nguyên nhân chính là đảng cộng sản Đông Đức ra lệnh cả nước tăng sản xuất 10% mà không nói gì đến tăng lương cả. Công nhân đình công và biểu tình phản đối, diễn biến không hòa bình chút nào. Đông Bá Linh bị thiết quân luật, công nhân bị đàn áp tàn bạo.

Thi sĩ Bertol Brecht làm một bài thơ sau đó, tựa là Die Losung (chữ o kiểu Đức có hai chấm trên, máy tiếng Việt không có). Xin đọc:

Giải Pháp

Sau cuộc nổi dậy ngày 17 tháng Sáu
Tổng thư ký Hội liên hiệp các nhà văn
Đã phát truyền đơn trên đại lộ Stalin
Trong đó nói, vì Nhân dân

Đã làm mất lòng tin tưởng của nhà nước
Nhân dân chỉ có thể chinh phục lại niềm tin tưởng đó
Bằng cách làm việc gấp đôi. Phải chăng
Có thể có một giải pháp giản dị hơn, là nhà nước
Hãy bãi nhiệm nhân dân và
Bầu ra một Nhân dân mới?
Ba năm sau Brecht qua đời.

THIÊN AN MÔN, 77 NĂM TRƯỚC

Ngày 4 tháng 5 năm 1919 xẩy ra một biến cố quan trọng trong lịch sử Á Đông, khởi đầu từ Trung Hoa, mở ra một phong trào văn hóa gọi là *Ngũ Tứ Vận Động*. Phong trào này lan sang Việt Nam kích thích sự thay đổi trong suy nghĩ của người trí thức, từ phạm vi tư tưởng chuyển sang lãnh vực chính trị. Phong trào văn hóa này được châm ngòi bằng một cuộc biểu tình của sinh viên.

Sau khi Trung hoa đã gửi hàng trăm ngàn người tình nguyện sang Âu châu giúp các nước Đồng minh đánh Đức trong đại chiến thứ nhất, người ta hy vọng phe Đồng minh sẽ đền công bằng cách trao trả những nhượng địa mà người Đức đang chiếm đóng ở Trung Hoa cho chính phủ Dân Quốc, một khi Đức bại trận. Nhưng các nước Đồng Minh đã bác bỏ đòi hỏi đó, họ đồng ý cho Nhật thay thế, chiếm đóng các nhượng địa của Đức trên nước Tàu. Tuyên ngôn về dân tộc tự quyết mà tổng thống Mỹ Wilson nêu lên, trở thành khẩu hiệu xuông.

Sau khi nghe tin đó, ngày 4 tháng 5, 1919, ba ngàn sinh viên Trung Hoa biểu tình trước Thiên An Môn chống lại quyết định này và phản đối chính phủ. Sinh viên được giới trung lưu, trí thức và công nhân ủng hộ. Tại Thượng Hải, 60 ngàn công nhân đình công hưởng ứng. Từ cuộc biểu tình đầu tiên đó, phong trào sinh viên, trí thức và công nhân phát triển khắp cả nước. Yếu tố đầu tiên thúc đẩy phong trào là ý thức về cái nhục khi cả một dân tộc hèn kém bị người ngoài bắt nạt.

Phong trào sinh viên, trí thức dần dần lan rộng biến thành các phong trào chính trị đại chúng, người dân bừng tỉnh, ý thức về nỗi nhục chung. Ba mươi năm sau, đảng Cộng Sản Trung Hoa khéo sử dụng được sức mạnh của quần chúng, đã chiếm lấy chính quyền.

Sau biến cố đó đúng 70 năm, ngày 4 tháng 5 năm 1989 sinh viên Trung Hoa lại tụ họp biểu tình ở Thiên An Môn, với con số 100 ngàn người. Và lần này họ không phản đối ngoại bang xâm chiếm hoặc xâu xé nước Tàu, họ phản đối chế độ độc tài và tham nhũng của đảng cộng sản Trung Hoa. Một tháng sau, ngày 4 tháng 6, bao nhiêu sinh viên và công nhân bị tàn sát tại chỗ. Nhưng phong trào đòi tự do và công bằng xã hội vẫn đang tiếp tục.

Thanh niên trí thư c trong xã hội

Một bài học của ngày 4 tháng 5 là người trí thức trong xã hội Á Đông vẫn có vai trò quan trọng. Nền văn hóa Khổng Mạnh coi kẻ sĩ có địa vị cao hơn các tầng lớp khác, đã thấm nhuần mấy ngàn năm, nay vẫn còn ảnh hưởng. Một phong trào do lớp người có học bắt đầu sẽ dễ lan rộng và được đại chúng ủng hộ.

Bài học thứ hai là vai trò của thanh niên trong các cuộc cách mạng. Họ dễ chiếm được lòng tin của đại chúng vì họ đang ở cái tuổi trong sáng và nghĩ đến công ích và lý tưởng nhiều hơn tư lợi. Ngay con cháu của những người thuộc giai cấp cầm quyền ở Trung Cộng cũng đứng lên chống lại chế độ.

Những phong trào sinh viên kết hợp được cả hai yếu tố tuổi trẻ và có học thức. Mỗi phong trào nổi lên có các nguyên nhân trực tiếp khác nhau, nhưng do động cơ tâm lý giống nhau. Năm 1919 phong trào sinh viên Ngũ Tứ nổi lên vì ý thức về nỗi nhục của dân tộc đối với người ngoại quốc. Năm 1989 họ lại nổi lên nhưng mối nhục lần này là về tình trạng bất công do chế độ độc tài, tham nhũng tạo nên. Lần trước, họ chia sẻ và biểu lộ mối phẫn uất khi dân tộc họ bị làm nhục. Lần sau họ chia sẻ mối phẫn uất vì đồng bào họ bị cai trị bởi cường quyền thối nát. Lần trước họ thức tỉnh vì tình tự dân tộc. Lần sau vì nhu cầu dân chủ. Cả hai lần, động cơ tâm lý đều là nỗi phẫn uất vì bị đè nén.

Hiện nay giới sinh viên Việt Nam đang sống trong trạng thái tâm lý nào? Những triệu chứng của sự bất mãn trong dân Việt đang được diễn tả qua lớp người lớn tuổi nhiều hơn lớp sinh viên. Những tài liệu phản kháng được lưu hành ở trong nước đã do những người như Nguyễn Hộ, Lê Hồng Hà, lớp tuổi 70, 80. Trẻ nhất trong những người chống đối là những Đỗ Trung Hiếu, Hà Sĩ Phu, ngoài 50 tuổi. Nhưng chúng ta có thể tin rằng tuổi thanh niên vẫn là lớp tuổi nuôi lý tưởng cao, không dễ bị lôi cuốn theo phong trào "làm giầu bằng bất cứ giá nào" của các đảng viên cộng sản và lớp tư bản đỏ. Họ vẫn dễ được tác động nếu có ý thức về nỗi nhục chung của đất nước khi đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn tiếp tục củng cố quyền hành.

Hơn một nửa dân số Việt Nam hiện nay sinh sau năm 1975. Trong lớp thanh niên 18, 20 tuổi, họ không biết lối sống nào khác ngoài chế độ cộng sản. Muốn họ thấy nỗi nhục chung của dân tộc thì kể tội quá khứ không đủ, phải trình bầy với họ về hoàn cảnh hiện tại và tương lai. Muốn thúc đẩy vận động cho dân chủ, tự do ở nước ta, phải vận động đồng bào tranh đấu cho các quyền lợi cụ thể.

Thứ nhất là quyền của giới trung lưu được tự do làm ăn sinh sống một cách bình đẳng, chống chính sách tập trung quyền lợi vào tay đảng viên cộng sản qua hệ thống kinh tế quốc doanh. Phải chứng tỏ rằng duy trì kinh tế quốc doanh là ngăn cản sự phát triển kinh tế, trong 10 năm nữa nước ta càng thua kém lân bang. Kinh tế quốc doanh và bộ máy tham nhũng là đầu mối của chậm tiến và bất công.

Thứ hai là quyền của các công nhân được tổ

chức tranh đấu qua các công đoàn do họ tự thành lập. Và gần gũi với thanh niên nhất là quyền tự do giáo dục, quyền được hưởng một nền học vấn có chất lượng đủ để sinh sống trong nền kinh tế hiện đại. Khi tranh đấu cho các quyền lợi cụ thể như vậy, đồng bào ta, nhất là giới thanh niên mới thấy rằng đầu mối của tình trạng bất công, nguyên nhân gây tình trạng chậm tiến của cả dân tộc chính là chế độ độc tài lạc hậu. Tình trạng một nhóm người tham quyền đè nén, kìm hãm dân tộc trong vòng chậm tiến, là một mối nhục lớn phải gột rửa. Nước ta đang cần một phong trào thanh niên như phong trào Ngũ Tứ ở bên Tầu hồi đầu thế kỷ.

TẠI SAO HỌ CHỐNG THAM NHŨNG?

Các nước trong tổ chức OECD mới nhận thêm Hungary vào làm hội viên thứ 27. Sau Cộng Hòa Tiệp, Hungary là quốc gia cựu cộng sản thứ hai được vào ngồi trong "câu lạc bộ" các nước tiền tiến kinh tế này. OECD bao gồm hầu hết các nước Tây Âu, cộng thêm Úc, Mỹ, Canada, Nhật... với tên gọi là Tổ chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế. Các nước Nam Hàn, Ba Lan, và cộng hòa Slovac đang chờ được vào tham dự.

Tổ chức OECD có mục đích kinh tế. Nhưng trong tháng vừa qua họ mới biểu quyết một điều mới trông không có vẻ gì là để theo đuổi lợi lộc cả. Trong phiên họp tại trụ sở ở Paris, các nước OECD đã đồng ý với nhau kể từ nay họ sẽ bài trừ tham nhũng. Tất nhiên xưa nay họ vẫn cấm hối lộ ở trong nước họ, nhưng bây giờ họ còn ngăn cản việc hối lộ ở các nước khác. Một cách cụ thể, họ đồng ý kể từ này các món tiền hối lộ mà các công ty trong nước họ nộp cho các viên chức ngoại quốc sẽ không được kể là chi phí làm ăn để đem trừ vào lợi tức trước khi đóng thuế nữa.

Đây là một điều từng làm cho nhiều người ngạc nhiên. Rất nhiều nước trong khối OECD lâu nay vẫn chấp nhận cho các xí nghiệp của họ khai những khoản tiền hối lộ như là chi phí bình thường khi làm ăn. Thí dụ một công ty Đức đút lót cho một viên chức chính phủ ở châu Phi hay châu Á, không những việc đó không bị chính phủ Đức coi là hợp pháp, không vi phạm luật lệ nào của nước Đức, mà còn được khai là chi phí đối với sở thuế ở Đức, do đó được trừ vào thuế lợi tức.

Việc này có thể gây thiệt hại cho các xí nghiệp của các nước trong OECD. Thí dụ một xí nghiệp gốc Canada phải cạnh tranh với một xí nghiệp của Đài Loan trong một dự án làm nhà máy điện ở Việt Nam. Trong việc lập nhà máy điện thì Đài Loan không thể có lợi khí công nhân rẻ hơn nhiều được. Nếu công ty Canada không thể làm "thủ tục đầu tiên," vì chi phí hối lộ không được trừ thuế, trong khi công ty gốc Đài Loan được trừ, thì có nhiều phần là công ty Đài Loan sẽ thắng thế. Chi phí của họ, sau khi trừ thuế, sẽ thấp hơn chi phí của công ty Canada, chưa kể các chi phí rẻ hơn khác.

Nếu việc từ chối không cho trừ tiền hối lộ vào thuế lợi tức đã có thể gây thiệt hại cho xí nghiệp của họ như vậy, thì tại sao các nước trong OECD lại đồng ý với nhau về biện pháp trên?

Nếu nhìn vào trường hợp Hoa Kỳ, chúng ta còn thấy họ "quá khích" hơn các nước OECD khác. Từ thập niên 1970, Hoa Kỳ đã thúc dục các nước OECD chấp thuận biện pháp trên mà không thành công. Họ đã đơn phương quyết định cho các xí nghiệp Mỹ. Không những thế, quốc hội Hoa Kỳ còn làm luật coi việc hối lộ các viên chức người ngoại quốc là một tội hình. Nếu đại diện một công ty Mỹ bị bắt gặp hối lộ viên chức người ngoại quốc thì sẽ bị tội theo luật này. Tức là từ thập niên 1970 đến nay các xí nghiệp Hoa Kỳ đã ở vào thế bất lợi khi phải cạnh tranh với, thí dụ, một xí nghiệp Đức, Ý, hay Pháp.

Nhưng có hai lý do khiến các nước OECD tiến đến quyết định bài tham nhũng này. Lý do thứ nhất có tính cách lý thuyết, nhưng là lý do chính. Trong thị trường cạnh tranh, giá cả định đoạt bởi tự do cạnh tranh sẽ thúc đẩy kinh tế tiến bộ. Nếu thị trường không phản ứng đúng theo luật cung cầu, thì sau cùng cả nền kinh tế sẽ suy yếu, quyết định mua, bán, sản xuất không tạo ra hiệu quả kinh tế cao nhất cho cả xã hội. Hối lộ là một cách bóp méo giá cả, làm cho người ta bất chấp luật cung cầu. Cho nên hối lộ sẽ làm cho, thí dụ, một thứ hàng

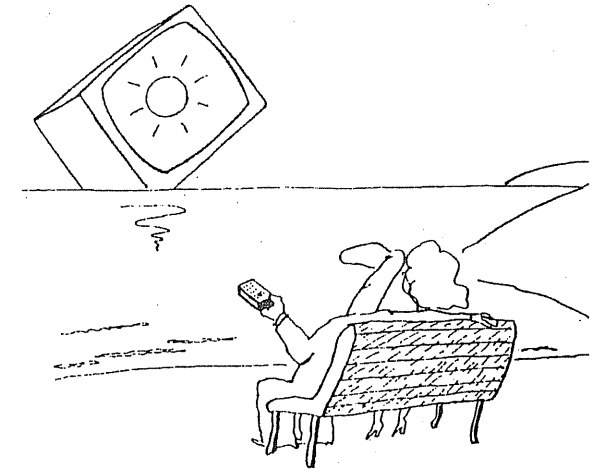

Haramija/Feferon/Zagreb

xấu bán được, hàng tốt không bán được. Như vậy thì về lâu về dài, cả nền kinh tế sẽ yếu đi. Điều này đúng trong một quốc gia. Những nước mà nạn tham nhũng tràn lan thì tất cả mọi người dân, người sản xuất cũng như tiêu thụ sau cùng đều thiệt hại, chỉ có một thiểu số có lợi.

Nhưng trong phạm vi quốc tế thì sao? Có một hiện tượng mới khiến các nước OECD phải quyết định. Đó là hiện tượng kinh tế thế giới càng ngày càng có tính cách toàn cầu. Các tổ chức mậu dịch quốc tế cổ động cho việc tự do buôn bán và trao đổi sẽ biến cả thế giới thành một thị trường, các biên giới quốc gia không còn ý nghĩa như xưa nữa. Các nước OECD đã đồng ý cho chính sách tự do mậu dịch đó từ lâu, nay việc họ ngăn cản hối lộ để cho việc cạnh tranh công bằng hơn là kết quả tất nhiên. Nếu thị trường thế giới không có cạnh tranh thẳng thắn, giá cả bị bóp méo vì hối lộ thì sau cùng tất cả các nước đều bị thiệt.

Lý do thứ hai thực tế và ngắn hạn hơn, là việc hối lộ khi trở thành một thói quen sẽ sinh bệnh hay lây. Đức quốc là một nước dân chúng có tinh thần công dân cao bậc nhất, nhưng việc hối lộ các viên chức nước khác được dung tha. Kết quả là nạn hối lộ đã tràn lan vào trong nước Đức. Gần đây nhiều vụ tham nhũng đã bị tố cáo. Bộ trưởng Tư Pháp Edzard Schmidt Jortzig gần đây nói rằng có đến 3000 viên chức bị bắt về hối lộ mỗi năm. Tháng Bẩy vừa qua có 200 nhân viên các công ty bị điều tra về tội hối lộ. Bài trừ tham nhũng trên thế giới cũng là giúp bài trừ tham nhũng trong nước. Nếu để tham nhũng hoành hành thì thị trường sẽ không còn hiệu quả nữa.

Tham nhũng, hối lộ không phải chỉ là một vấn đề đạo đức. Tham nhũng cũng là một tai họa cho nền kinh tế nữa. Đó là một bài học cho các nước chậm tiến. Khi người dân nổi lên chống tham nhũng, như dân Trung Quốc đã làm ở Thiên An Môn vào tháng này năm 1989, họ không phải chỉ tranh đấu cho công bằng xã hội, họ đã tranh đấu cho cả việc phát triển kinh tế.

TĂNG LƯƠNG TỐI THIỂU

Tổng thống Clinton đã ngỏ lời thách quốc hội thông qua dự luật tăng lương tối thiểu từ 4,25$ (mỹ kim) lên 5,15$ một giờ. Dân biểu Gingrich, chủ tịch Hạ viện nhất quyết chống lại đề nghị đó, nhưng 20 dân biểu cùng đảng Cộng Hòa với ông lại đề nghị tăng nhiều hơn, lên 5,25 mỹ kim, hơn đề nghị của tổng thống 10 xu! Nhiều nghị sĩ Cộng Hòa cũng ngả về đề nghị của ông Clinton.

Nhưng về mặt kinh tế, việc tăng lương tối thiểu có ích lợi cho đa số người nghèo, như các chính trị gia đã tuyên bố hay không?

Nhiều nhà kinh tế nói là không. Tăng lương tối thiểu giúp một số người được tăng lương nhưng sẽ làm nhiều người khác thất nghiệp. Bù qua sớt lại, họ nói số người nghèo bị thiệt thòi có thể cao hơn số người được hưởng lợi.

Ngược lại, có 100 nhà kinh tế khác đã đứng ra ủng hộ việc tăng lương tối thiểu. Cả hai bên đều có những nhà kinh tế từng lãnh giải Nobel cả.

Lý luận chống tăng lương tối thiểu rất giản dị. Lương tức là giá phải trả để mua món hàng gọi là sức lao động. Theo luật cung cầu, khi giá bán tăng thì người ta sẽ bớt mua hàng đi. Khi lương tối thiểu tăng thì những người lãnh mức lương cao hơn một chút cũng được tăng. Để tiết kiệm, các xí nghiệp sẽ cắt bớt số người làm việc. Con số đã được các nhà kinh tế trong Ngân hàng Trung ương Mỹ (FED) ước tính, là nếu lương tối thiểu tăng 90 xu như đề nghị của Clinton, sẽ có 400 ngàn người Mỹ đang làm ở mức lương tối thiểu sẽ bị mất việc.

Ai là người làm lương tối thiểu? Đa số là người trẻ, phụ nữ, người Mễ và da đen, và các di dân mới tới không có nghề chuyên môn.

Tháng Tư năm 1990, lương tối thiểu tăng từ 3,25$ lên 3,80$. Một năm sau lương tăng lên 4,25$. Sau hai lần tăng đó, người ta thấy triệu chứng các nhóm người trên mất việc. Tỷ lệ những người làm lương thấp giảm xuống so với số người lương cao. Tỷ lệ những người lao động da đen, Mễ, người trẻ tuổi, người bỏ ngang không học hết trung học, đều giảm so với những người khác trong tổng số lao động.

Số người làm lương tối thiểu chiếm 5% tổng số gần 105 triệu người làm việc ở Mỹ. Nhưng không phải ai cũng làm lương thấp như vậy mãi. Chỉ có 15% người vào làm với lương tối thiểu vẫn tiếp tục ở mức lương đó sau ba năm. Còn 60% đổi việc, sau một năm không còn lãnh lương tối thiểu nữa.

Hiện nay, theo con số của bộ Lao Động, có 12,2 triệu người ở Mỹ làm dưới mức lương 5.15$. Trong số đó có gần 5 triệu là người duy nhất làm việc trong gia đình, số còn lại là người kiếm lợi tức thứ hai trong nhà. Trong số 5 triệu đó, nhiều người sống độc thân, số người làm lương tối thiểu để nuôi con chỉ có dưới một triệu. Một phần tư số người làm lương tối thiểu là thanh niên dưới 20 tuổi, vẫn sống với cha mẹ. Những người nghèo nhất ở Mỹ là những người không làm việc, tự ý hay bất đắc dĩ.

Tóm lại, riêng về mặt kinh tế, việc tăng lương tối thiểu sẽ giúp thiết thực nhất cho khoảng gần

* Trong một thành phố thuộc tiểu bang Alabama, một người da đen lái một chiếc xe cũ vượt đèn đỏ. Người cảnh sát tại đó chận xe lại quát tháo om sòm:

"Này, bộ muốn làm gì thì làm à? Lại còn vượt đèn đỏ à?"

"Vâng, thưa ông cò," người Đen trả lời từ tốn, "tôi thấy những người Da Trắng vượt đèn xanh... Vì vậy tôi tưởng đèn đỏ là dành cho người Da Đen..."

một triệu gia đình Mỹ mà người duy nhất kiếm ăn cho cả nhà lãnh lương tối thiểu. Câu hỏi đặt ra là có cách nào khác giúp họ mà không cần tăng lương. Thí dụ giảm thuế cho họ, trợ cấp cho việc nuôi con, cấp thêm tiền giữ trẻ, bảo hiểm y tế, hay cấm chủ nhân không được mướn công nhân với tính cách tạm thời để tránh trả thuế an sinh xã hội cho họ v.v. Một đề nghị có thể được hai đảng đồng ý là trả cho người nghèo thêm lợi tức thấp quá. Bảo đảm cho người nghèo khỏi bị mất Phiếu thực phẩm (food stamps) và trợ cấp tiền thuê nhà, trợ cấp y tế (Medicaid), khi đi làm ở mức lương quá thấp, đó cũng là các đề nghị có thể thay thế việc tăng lương tối thiểu.

Nhưng năm nay là năm bầu cử, cho nên đa số các chính trị gia đều muốn làm quà cho cử tri bằng việc tăng lương vì đó là cách dễ làm và dễ thấy nhất. Một cuộc nghiên cứu gần đây cho biết 85% dân chúng Mỹ ủng hộ đề nghị tăng lương của tổng thống Clinton. Năm 1989 chính nghị sĩ Dole đã bỏ phiếu ủng hộ luật tăng lương tối thiểu, khi đảng Cộng Hòa còn nắm quyền tổng thống. Mức lương hiện nay, 4,25$ là mức thấp nhất trong vòng 40 năm qua, sau khi trừ hao vì lạm phát.

NHƯNG CÒN VẤN ĐỀ LUÂN LÝ?

Các nhà kinh tế có thể bàn về vấn đề lương tối thiểu một cách khách quan, dùng toàn những con số, các phương pháp thống kê để phân tích, so sánh một cách lạnh lùng. Nhưng lương tối thiểu không phải chỉ là một vấn đề kinh tế. Nói chung, người ta sống với nhau không phải chỉ sống bằng các liên hệ kinh tế. Như câu trong Kinh Thánh, "Con người không phải chỉ sống bằng bánh mì."

Vậy con người còn phải sống với cái gì khác - ngoài thức ăn? Chúng ta không thể yên tâm ăn khúc bánh mì của mình nếu đứa trẻ hàng xóm đang đói vì thiếu ăn. Ăn một mình như vậy thì không có vẻ gì là "người."

Khi dân chúng nghĩ rằng họ bất cần lý thuyết kinh tế, không phải vì đa số dốt môn kinh tế học. Mà thực ra là vì họ cũng nghĩ, "Con người sống với nhau không phải chỉ có chuyện kinh tế."

Nếu một người lãnh 4,25$ (mỹ kim) một giờ, làm việc 40 giờ một tuần, 52 tuần một năm, trước khi đóng thuế, một năm sẽ lãnh 8,840$. Một gia đình ba người, theo lối tính người Mỹ, mà lợi tức dưới 12,500$ thì kể như là ở dưới "mức sống tối thiểu," tiếng Anh gọi là "đường ranh nghèo khó - the poverty line." Người ta không thể chấp nhận để cho hàng triệu người sống dưới mức tối thiểu. Đó là một lý do khiến 80% dân Mỹ ủng hộ việc tăng lương tối thiểu. Nhất là trong khi lợi tức các xí nghiệp đã tăng lên đều đặn trong nhiều năm qua.

Lợi tức xí nghiệp tăng không có nghĩa là các xí nghiệp bóc lột người công nhân hay người tiêu thụ. Nhưng cảnh nghèo khó của hàng triệu người chứng tỏ các người có trách nhiệm đã không tìm được giải pháp làm cho xã hội cùng tốt đẹp hơn. Các nhà chính trị có thể dùng lý thuyết kinh tế để biện minh rằng có những phương cách nâng cao mức sống của người nghèo mà không cần làm cho "tín hiệu kinh tế" bị sai lạc qua việc ấn định hay tăng mức lương tối thiểu. Nhưng những phương cách đó là gì? Tại sao chưa đem ra thực hiện được? Chính vì các nhà chính trị còn lẩn quẩn chưa có giải pháp thỏa đáng nên phải tạm dùng giải pháp giản dị là tăng lương cho những người ở mức lương thấp nhất.

Một phong trào đòi ấn định "mức lương đủ sống" đang bành trướng ở nước Mỹ. Trong cuộc bầu cử vào tháng Mười Một tới đây, nhiều tiểu bang và thị xã sẽ đưa ra đề án cho dân bỏ phiếu cùng một lúc khi bầu tổng thống và quốc hội, hỏi dân chúng có nên ấn định qui chế về "mức lương đủ sống" (livable wage) hay không.

Ý thức về sự công bằng khiến cho vấn đề lương tối thiểu không thể nhìn qua con mắt kinh tế học thuần túy không thôi, mà còn phải nhìn qua khía cạnh công bằng xã hội. Khi nói đến công bằng xã hội, người ta không có ý bắt các người giàu phải nghèo đi cho người nghèo được khá hơn. Nước Mỹ giầu mạnh là nhờ những tỷ phú như Bill Gates, có sáng kiến, dám đầu tư. Họ là những "anh hùng," được dân chúng kính trọng. Chuyện các nhà tỷ phú dùng tiền của họ làm gì, là chuyện họ lo, chuyện họ chi tiêu thế nào không ai quan tâm. Điều mà người ta quan tâm là không thể để cho người nghèo lâm vào cảnh nghèo quá. Cảnh người nghèo nghèo quá là một cảnh "xấu xí," khó coi, không thể chấp nhận. Khi nói nghèo quá, người ta cũng không so sánh lương tối thiểu với lợi tức của Bill Gates hay ông chủ tịch hãng General Motor, nhưng chỉ so sánh với mức lương trung bình mà thôi.

Trước đây, mức lương tối thiểu ở Mỹ thường ấn định vào khoảng hơn một nửa mức lương trung bình. Nhưng với lạm phát làm tiền mất giá, bây giờ lương tối thiểu chỉ bằng 36% mức lương trung bình mà thôi. Đó chính là cái cảnh "xấu xí khó coi" mà một xã hội văn minh không chấp nhận.

Cảnh nghèo không phải chỉ diễn tả qua mức lương. Cảnh nghèo còn phải nhìn thấy qua hoàn cảnh sống của người ta nữa. Nếu một đứa trẻ ra đời trong cảnh nghèo thì nó dễ phải sống ở nơi đầy trộm cướp và bạo hành, nó có thể thành nạn nhân hay hung thủ trong các vụ phạm pháp. Nó có thể cũng phải sống ở nơi mà trường học không đào tạo được học sinh thành các thanh niên hữu dụng cho xã hội, về kỹ năng cũng như tinh thần công dân, nơi trẻ em dễ bị sa vào đường nghiện hút.

Cho nên nâng mức lương tối thiểu lên một đồng chỉ là một phương cách để nâng cao mức sống, nhưng chưa phải là giải pháp toàn diện để đối phó với cảnh nghèo khó. Lương tâm của xã hội buộc chúng ta phải đi xa hơn là việc nâng mức lương tối thiểu cao hơn. ■

NGƯỜI VIỆT CAO NIÊN: một bài toán ló dạng

Bác sĩ TRẦN MINH TÙNG

Bạn đã gặp họ nhiều lần và bạn biết rõ họ lắm. Họ là cha mẹ bạn, ông bà cô bác, đã theo bạn và theo gia đình, cùng qua những phút hãi hùng, qua những nguy nan: sóng gió trên biển cả, lo âu sợ sệt mấy năm tháng đầu trên đất Mỹ, qua những chuỗi ngày vắng lạnh khi cả nhà đi làm. Có khi họ mới qua sau, nhưng sau biết bao đợi chờ, nhiều lượt thư đi thư về, sau bao nhiêu lần cắt nghĩa, phân trần. Họ ở quanh bạn, có thể không là bà con và không quen biết, nhưng bạn vẫn có một cái gật đầu lễ phép, vẫn thấy thương thương, khi gặp họ đi lủi thủi trên lề Bolsa, hay họ ngồi bán rau cải ở các nhà thờ Virginia, hay đang túm chụm ở hội Người Già tại Maryland. Dù họ đang bận câu chuyện đang làm, nhưng họ hớn hở trả lời, nói chuyện nhiều hơn bình thường, muốn biết bạn qua bao lâu, làm gì, ở đâu... và sẵn sàng khai gần hết thân thế của họ. Họ là **người Việt cao niên**, là người lớn tuổi ở trong cộng đồng, là một thành phần đặc biệt, không giống ai hết về mặt chỗ đứng, nhu cầu hay là dịch vụ. Lấy riêng từng người, họ không giống nhau, nhưng nhìn tập thể, họ có những bài toán như nhau: họ là vấn đề khó khăn ló dạng ở trong xã hội tị nạn.

Người Việt cao niên, người là ai?

Dân số tị nạn Việt Nam tại Hiệp Chúng Quốc vào năm 2000 ước lượng là một triệu người, trong đó có độ hai phần trăm: 20,000 người trên 60 tuổi. Con số rất nhỏ so với số chung 250 triệu người Mỹ, và người cao niên còn ít hơn nữa. Nhưng cho cộng đồng Việt Nam, thì đây là một nhóm người không thể bỏ qua, quên được, vì họ quá gần với ta, và ta vốn kính nể trọng vọng. Số nầy mỗi ngày mỗi tăng: vì thêm số người đến tuổi hưu trí, vì tại lưu thông dễ hơn và số đoàn tụ gia đình cũng lên, vì tăng tuổi thọ... Bài toán cũng phức tạp hơn: một số đã có kinh nghiệm ở Mỹ, có những giải pháp mới, cách đối phó mới, và cho số chung, một phần yếu tố văn hóa tâm lý độc đáo, trước kia giúp đỡ che chở người già, đến nay chuyển đổi, hoặc bớt công hiệu hoặc oái oăm thay, trở nên uy hiếp, khiến thêm rắc rối.

Trên nhiều phương diện, câu chuyện xảy ra cho người Việt Nam rập y lại khuôn kinh nghiệm của người Mỹ-Á: Nhựt Bổn, Trung Hoa, Đại Hàn... Cái khác là việc xảy ra trước mắt, với những tác động, phản ứng xuất hiện nhanh chóng, gần như thể ta đang làm một thí nghiệm khoa học. Nói lại cách khác, chúng ta đang có cơ hội can thiệp và điều chữa hoặc đề phòng, và có thể thành công vì chuyện hãy còn sớm sủa.

Sự hiện diện

Dấu chứng đầu tiên nói rằng người Việt cao niên không giống các sắc dân khác chính là sự kiện họ đang có mặt hôm nay ở trên đất Mỹ. Hồi đầu, vào năm 1975 và khoảng 80-83, xuất ngoại là chuyện trần ai, gian khổ, không ai lớn tuổi mà ham đi, mà thật cũng chẳng mấy ai đi lọt. Thế nhưng năm 1975, có đến 4.4% tổng số tị nạn đợt nhứt là người trên 60 tuổi, gần bằng tỉ lệ người già trong số dân chúng tổng quát của Nam Việt nam trước ngày rời nước (4,5%). Đến sau 1978 và những năm kế tiếp khi có phong trào thuyền nhân (boat people), con số nhỏ lại, chỉ còn 1,7%. Cộng chung những người lớn tuổi mới qua theo diện HO và diện đoàn tụ gia đình, tổng số ước lượng từ 2 đến 2,5% tổng số người Việt tại Mỹ. Nhìn tổng quát thì con số chưa là bao, nhưng nếu nhớ đến sự nguy hiểm, khổ cực của một chuyến đi "liều mạng", thì số ấy rất đáng nể phục, vì phải cương quyết, gan lì mới dám mạo hiểm, trong khi những người trai tráng, mạnh dạn hơn và có lý do bỏ xứ, lắm khi còn phải chùn chân, ngần ngại không muốn ra đi.

Quả thật, ít có lý do trực tiếp bắt ép người Việt cao niên phải ly hương. Khác với người trẻ tuổi, họ ít phải lo âu sợ sệt khi chính thể đổi thay. Phần lớn sống đời bình lặng, không màng sự thế, với những nhu cầu giản dị, dầu xứ giàu nghèo cũng thỏa mãn được. Hơn nữa, những người lớn tuổi có nhiều duyên cớ để ở lại nhà, nhiều hơn là để ra đi, để liều sinh mạng trong những năm chót cuộc đời, vào tuổi chỉ cần yên lành. Chính ở bên nhà, hơn là một nơi xa lạ nhộn nhịp mà họ không cần, họ mới chắc có những gì họ mong: sự tôn trọng người lớn tuổi, điều cần để cảm thấy được đền bù cho một đời cơ cực, hy sinh.

Vì yêu

Nhưng họ vẫn ra đi, vì lý do khác hơn là quyền lợi của chính họ: họ đi vì thương con cháu, vì không thể bỏ con cháu. Trong một nghiên cứu do Trung tâm Nghiên cứu Mỹ Á ở San Diego thực hiện năm 1978-79, trên 300 người đã được phỏng vấn, và sau đây là những nguyên do khiến những người lớn tuổi phải nuốt lệ rời bỏ Việt Nam: "*...Tôi đi theo cháu nội tôi... Con gái tôi cần tôi đi... Con tôi ở lại không được và nó không đi nếu tôi không đi...*

Các con tôi đi không chịu cho tôi ở lại một mình... Con tôi năn nỉ tôi..." Một số nói rằng họ oán hận Cộng sản, nhưng không người nào cho rằng đó là đầu mối khiến họ xuất ngoại. Cũng như chẳng ai nhắc đến sợ đói, sợ nghèo: tất cả đều đi vì con và vì "con trẻ", trong khi quyền lợi, nguyện vọng của họ là muốn ở lại.

Có khi việc đi coi là dĩ nhiên: con ở đâu, cha mẹ ở đấy. Có trường hợp thì lại phải tính toán, bàn soạn rồi mới quyết định. Việc nầy rõ nhứt trong các trường hợp đoàn tụ gia đình (ODP). Người con, đã biết sinh sống ở Mỹ gò bó thế nào nhưng thương và nhớ mẹ cha nên viết thư về nhà, cố công làm giấy tờ, rồi đợi có khi vài năm; cha mẹ vui mừng khi được tin con nhưng còn e ngại sức yếu, đường xa, trong khi đời sống ở nhà đã tạm ổn định, nên phải suy tính, bàn soạn rồi mới ra đi. Nhưng dầu họ đi cách nào cũng thế: khi rời quê hương, họ đã hy sinh phúc lộc riêng tư, và họ ra đi vì con, con cái họ đang cần họ, yêu thương họ và muốn họ ra đi.

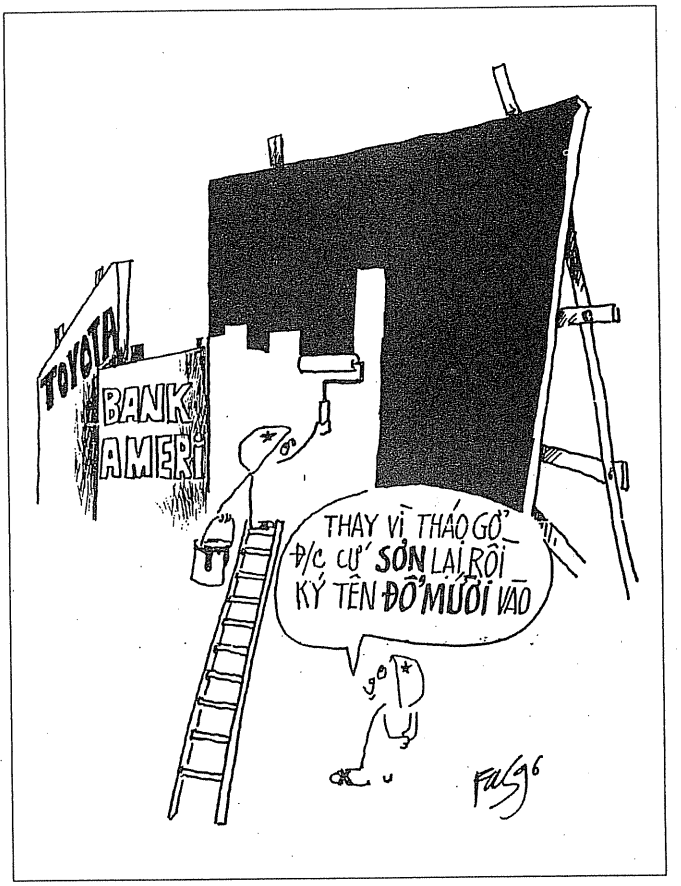

Thương yêu và che chở

Và họ không lầm. Họ đã gặp sự thương yêu che chở của toàn gia đình trong suốt cuộc sống tị nạn.

Trong chuyến đi, cha mẹ, ông bà và người lớn tuổi được con cháu lo cho trước hết và nhiều hơn hết, có nhiều khi còn hơn đàn bà, trẻ em. Tại Mỹ, họ ít bận tâm vấn đề sinh sống, vì có gia đình lo hết, trong khi người trẻ thì phải bôn ba để tìm phương kế sinh nhai. Họ sẽ giúp vào một phần nếu họ có tiền nhưng việc ấy là tự nguyện: ai nấy đều hiểu rằng gia đình họ có bổn phận nuôi họ và chu toàn cho tuổi già. Thành ra họ có cảm tưởng an tâm và ấm lòng, thấy mình được biệt đãi trong một nhóm người thân thiết.

Trên bình diện khác, việc giao dịch của họ với thế giới mới cũng ít rắc rối. Trong khi người trẻ phải đương đầu với người lạ, cảnh lạ, đồng hóa với giá trị mới, sống một đời mới hoàn toàn, người cao niên bình chân như vại: cuộc sống vẫn phẳng lặng, họ chỉ đổi địa dư và thay bối cảnh, còn lại không khác gì hết. Họ vẫn tiếp tục sống với con cháu cũng như ngày nào, với bấy nhiêu mặt quen thuộc, làm bấy nhiêu việc như trước, nghe tiếng Việt Nam quanh mình, ăn cơm thịt cá như ở Việt Nam... Chỉ một ít khi họ cần ra khỏi lằn mức che chở và chạm trán với thực tế của xã hội Mỹ: đi chợ, đi làm giấy tờ... Nhưng lúc bấy giờ họ cũng không lẻ loi vì gia đình đã lo đủ hết: hoặc thay mặt họ trả lời các câu hỏi, hoặc làm thông dịch cho họ. Muốn đi đây đi đó thì gia đình có người chở họ đi; bác sĩ, An sinh xã hội, đã có người lo; thậm chí đánh bài, họp bạn, đi hội người già... cũng có người đưa, không cần bận tâm đường "buýt". Họ không cần biết tiếng Anh để sống và không cần biết thế giới bên ngoài ra sao. Gia đình, con cháu của họ đã che và tránh gần hết tất cả ảnh hưởng trực tiếp của sự chuyển đổi, giảm thiểu lo âu, sợ sệt đáng lý phải có khi ta đương đầu với cái mới lạ, không quen và không biết.

Ly hương

Nhưng các ảnh hưởng gián tiếp là một chuyện khác. Dù con cháu thương yêu người già cũng chỉ cảm thấy dịu phần nào cái đau của người lìa nước, bỏ nhà và bị lưu đày.

Đầu tiên là việc cô đơn, biệt lập. Bạn bè người quen hiếm ít, hầu như không có trong một nước Mỹ, nước Pháp to tát: đời sống ở ngoại quốc thường ghẻ lạnh vắng vẻ vì có gặp được ai thường, dễ dàng như bên nhà đâu. Làm quen, thông cảm với các người Mỹ là chuyện không tưởng vì bởi bao nhiêu trắc trở về ngôn ngữ, phong tục... Đường xa và không quen thuộc cũng là chướng ngại. Không phải lúc nào con cháu cũng rảnh rỗi đưa đón họ đi. Thành ra họ vẫn thui thủi, không ai nói chuyện, ngoài gia đình họ.

Nhưng họ cũng muốn đi đây đi đó, họ muốn làm việc, để bớt phần buồn tẻ vì phải bắt buộc ở không. Tuổi họ đã cao nên khó kiếm việc mà có thù lao. Nếu họ ở tại nơi nhiều Mỹ thì các sinh hoạt người già không lấy gì hấp dẫn lắm khi không nói được tiếng Mỹ. Nhưng họ buồn nhứt là thiếu cái thú hằng ngày khi còn ở bên xứ nhà: liên tục, trực

tiếp liên can đến chuyện trong nhà, trong đó họ là trưởng thượng, cố vấn hay là kiểm soát. Nhu cầu và ý chí vẫn còn nhưng hoàn cảnh đã khác, có khi không cho họ làm gì được, họ bắt buộc phải bó tay vì việc mới lạ, ngoài tầm hiểu biết và kinh nghiệm của họ.

Kết quả như ta đã nghi, dẫn đến chỗ mất tinh thần và đến rầu rĩ. Tôi sẽ tạm dùng ngôn từ *depression: rầu rĩ* để chỉ tình trạng suy sụp cảm năng của người bịnh, nặng hơn buồn rầu bình thường, làm họ mất ăn, mất ngủ, xuống cân, hồi hộp, nhức mỏi tay chân, đau bụng, sợ lạnh, uể oải, táo bón... tóm lại thành nhiều triệu chứng khác nhau, trong khi tinh thần buồn bã, lo âu vô cớ hay quá tầm mức thông thường. Nhiều người lớn tuổi để đến tình trạng xuống tinh thần kiểu ấy, chỉ vì tự thấy mình đang bất lực, không giúp mình được mà cũng chẳng giúp ai. Đi đứng phải nhờ con cháu hoặc rất khó khăn. Tiền bạc khan hiếm, giới hạn, phần nào con cháu đưa cho, phần nào Nhà nước trợ cấp: tất cả vừa đủ để sống và ít khi đến một mức khả dĩ cho phép tự ý ăn xài. Một số rồi cũng gởi lại cho con; rất nhiều người dành dụm gởi về Việt Nam, cho người bất hạnh còn kẹt bên nhà. Bên này, phải luôn nhờ vả con cháu, chờ nơi kẻ khác, ít nhứt có nghĩa là bị giới hạn và buộc bó, nặng hơn thì thành buồn tủi, oán hận, tranh chấp.

Tất cả sự việc bên trên: cô đơn, chán ngán, lệ thuộc, buồn tủi... là phận của người cao niên mọi xứ. Người Việt càng rõ hơn nữa vì là tị nạn và xa quê hương nên chưa bắt rễ trong cộng đồng này.

Gia đình: nơi cấn cấu

Cái khổ lớn nhứt là khi gia đình - tảng đá góc tường xã hội Việt Nam - bắt đầu chuyển đổi thì cùng lúc, thay luôn chỗ đứng, lung lay vị trí của người cao niên.

Chỉ thời gian ngắn sau khi định cư là đại gia đình đã thấy bị rút gọn lại, do áp lực bên trong và ngoài. Các luật cư trú khiến khó ở đông, gia đình phải phân tán thành nhóm nhỏ để có chỗ ở. Việc làm cũng thế, khiến phải chia tay. Cá nhân nói chung cũng muốn riêng tư, để cho rộng rãi, thoải mái: các gia đình lớn không còn ở chung, chen chúc bề bộn như xưa. Từ nay tứ tán trên các nẻo đường xứ Mỹ, mỗi người một ngả, có khi năm mới gặp một lần. Người Việt cao niên vẫn theo con cháu, nhưng không còn đại gia đình và ít người hơn, lâu lâu mới có đoàn tụ.

▪ Một bác sĩ thấy người bạn mình lù dù chậm chạp, gắt lên: "Tôi không thể nào tin được là trong số 100 ngàn tinh trùng của ông cụ, anh lại là thằng nhanh chân nhất."

▪ Kinh nghiệm giúp chúng ta nhận ra lầm lỗi của mình, khi chúng ta phạm lại lần thứ hai, hay thứ ba.

Liên quan bên trong gia đình cũng đổi. Bình thường, ai nấy thảy đều thấy thân cận khi phải chung lưng đấu cật, đương đầu với cơn nguy biến. Một khi biến cố đã qua, thiên hạ chia tay, lo âu, quyền lợi, mục tiêu, mỗi người mỗi khác nên không còn lo cho đồng bạn vì bây giờ đã khác xa khi họ vừa mới tới nơi. Trong cảnh huống ấy, người già thua thiệt nhiều nhứt vì họ không thêm những lo âu mới hay thú thích mới, họ không có bạn, họ không có cửa sổ mới để nhìn vào tân thế giới. Họ phải thui thủi mỗi ngày khi các người lớn đi làm và các con trẻ đi học. Về tâm lý, họ đứng cô đơn ở giữa đám đông vì thiếu liên lạc với đám hậu thế, với chính gia đình của họ, khó lòng chia xẻ những nỗi lo âu liên quan đến một thế giới họ ít kinh nghiệm. Khoảng cách dị biệt lớn nhứt là với cháu chắt của họ: chúng nói chỉ toàn tiếng Mỹ, hành tung Mỹ hóa, khác xa đứa trẻ Việt Nam ông bà còn nhớ hay ước được thấy. Quanh họ chỉ toàn xa lạ và ghẽ lạnh, nếu không chống đối, nên không trách chi sao họ thấy chua chát, bực bội. Trong nhiều trường hợp khác nữa, ngược lại, sống quá gần nhau lại thêm nỗi khổ tâm cho người lớn tuổi. Với quá nhiều người sống chung chạ, chen chúc, có thể ấm cúng và vui, nhưng khó làm sao khỏi phải xích mích, đụng chạm. Người cao niên ở một thế riêng, ít bị chỉ trích, nhưng vẫn khó chịu. Bên nhà họ đang là chủ và nhà, dù lớn hay nhỏ, là của riêng họ. Ở đây, họ chỉ là khách, dù là khách quí, nhưng khách mà thôi, ở trọ nhà của người khác làm chủ. Không một ai nghĩ hay là dám nghĩ rằng họ là gánh nặng, nhưng họ không thể không nhớ rằng họ nhờ con, lệ thuộc người khác. Do đó mà họ nhạy cảm, bực mình, tủi nhục mỗi lần họ nghi là bị nhắc rằng họ đang làm bận con cháu và nhứt người ngoài. Khó nhứt là với dâu, rể hay là sui gia. Họ cho rằng không thân thích bằng con và ruột thịt thì khó đòi hỏi hy sinh và khó nhường nhịn. Ấy là chưa kể đến cảnh cạnh tranh ngấm ngầm khi nhà nhiều chủ, khiến đặt câu hỏi: ai làm chủ ai, bà má hay là con dâu? Khó giải quyết ổn thỏa. Tất cả bài toán có thể có thật hay không: cái lo đụng chạm cũng đủ làm cho ai nấy âu lo và phải giữ mình để tránh gây bùng nổ. Và đúng kiểu người Á châu, ít ai nói thẳng mối lo của mình, những điểm thắc mắc nói trên ít khi phơi bày, mổ xẻ cương trực, nên không bao giờ giải quyết và trong gia đình không bao giờ thực bụng yên tâm, còn người lớn tuổi ít khi thoát khỏi cảm giác tủi nhục.

Đương đầu thích ứng

Đừng tưởng rằng trong một tình thế như thế, người cao niên sẽ toàn thụ động. Dầu chỉ vì lý do tồn vong, bảo vệ cho chính họ, thì họ phải ra tay đối phó, thích ứng với tình thế mới.

Phần lớn theo con nên con ở đâu thì họ ở đấy, không có lựa chọn gì hết. Nhưng nếu phải quyết định thì họ chọn trú những vùng nắng ấm và nhiều đồng bào: California, Texas, Hawaii... Đảo Hawaii chẳng hạn, có số cao niên tỉ lệ đông hơn bình thường, nhiều hơn các tiểu bang khác, nhờ có khí

hậu nhiệt đới, cây trái giống như bên nhà nên các người lớn ở lại, phá lệ, không theo con cháu khi chúng di cư đi tiểu bang khác, để được mỗi ngày ra Ala Moana tập võ hay hô hấp không khí trong lành bãi biển.

Cũng một cách ấy, tư thái của họ cũng đổi: họ rất sẵn sàng làm quen, chào đón những người lạ, trước chẳng hề gặp mặt, ở ngoài đường, ở tiệm, trong thang máy... Họ tâm sự dễ, lân la mau lẹ, bạo dạn hơn xưa, họ không ngại ngùng bắt đầu câu chuyện, miễn người đối diện là đồng hương, đồng lứa với họ, vì họ khao khát được gặp người quen, họ muốn tâm sự.

Họ lo giải trí nhiều hơn và giết thì giờ bằng cách đọc sách, đọc báo nhiều hơn khi ở Việt Nam. Phim chưởng, phim bộ, phim ta được chuộng vì là dễ hiểu, vì đầy hiếu trung, lễ nghĩa, đúng ý họ muốn. Một số đỏ đen, đánh xệp, tứ sắc nhiều hơn lúc trước nếu có cơ hội, không vì đồng tiền mà vì nhu cầu giải trí.

Phần lớn thì cố làm việc, tập trung nỗ lực vào chuyện đã quen mà họ thường làm trước kia để phụ cho gia đình họ. Chuyện nhỏ và thường: giữ cháu, nấu cơm, giữ nhà, dọn nhà, trồng rau... họ làm đủ hết, vừa qua thời giờ, vừa giúp cho con, nhất cử lưỡng tiện, tuy họ ta thán lấy lệ, nhưng rất hãnh diện vì họ hữu ích và "không ăn hại." Có khi họ làm nhiều hơn thế nữa, phụ vào công việc làm ăn, sống còn của gia đình: coi chừng cửa tiệm, ra đứng bán hàng.... Thường khi họ làm thí công hoặc chỉ lãnh một vài đồng nhưng họ vẫn vui.

Một lối thoát khác là tôn giáo, rất nhiều người già đi chùa hay đến nhà thờ, và sùng kính tham gia các hoạt động của đạo. Họ đã gần đất xa trời nên lo về mặt thiêng liêng, nhưng cũng phải nhớ: chùa chiền, nhà thờ là nơi tụ tập, nghi lễ là cách sinh hoạt để gặp nhiều người và phá nếp sống buồn tẻ hàng ngày, một phần quyến rũ là vì đó.

Cũng lý do ấy khiến cho nhiều người lớn tuổi đi các lớp học tiếng Anh, ở các trường học, ở các nhà thờ... Mới đây thì họ hăm hở muốn vô dân Mỹ, vì sợ nếu không thì mất quyền lợi, trợ cấp. Một phần coi mình vô tài, không sao bẻ giọng, sửa miệng, nhớ chữ, nói nổi tiếng Anh. Đa số không thấy lợi ích đi học sau mấy chục năm rời trường. Nhưng họ vẫn đi, có khi nhiều khóa liên tiếp, để gặp người nầy người nọ, để thêm phần giải trí, khác với chuỗi ngày xám xịt trước khi đi học.

Khi đã quen thuộc đường lối, biết nước biết cái, một số gan dạ hơn thêm và đi xa hơn. Một số được thuê giữ trẻ, coi nhà và làm quản gia. Một số kiếm cách làm ăn tại nhà: may vá, sửa đồ, trồng thêm rau cải, làm thêm bánh trái, bún, bì... để rồi đem bán, bỏ mối các chợ hoặc chính mình bày ra bán. Lợi tức nhỏ nhoi, nhưng vài đồng làm ra cũng giúp thêm tính tự trọng và tự lập: dầu họ không xài cho họ, chỉ giúp người khác hay gởi về bên nhà, thì cũng là riêng của họ, không phải mong chờ vào ai.

Phái nam tương đối yếu thế hơn phái nữ trong việc "kiếm ăn" vừa nói. Những việc vừa nói hoặc không có sẵn hoặc coi như không thích hợp với bên nam giới nên chỉ đàn ông lớn tuổi khó kiếm ra việc, trừ "nghề" giữ trẻ, coi nhà... cho con, chỉ sợ không được hoàn hảo như vợ. Họ được một cái là đi ra ngoài nhiều hơn, cho nên tham gia tích cực vào các hội đoàn: ở trong cộng đồng, ở trong họ đạo, ở trong giới già. Phần lớn các hội luôn luôn có họ, ở đâu cũng có mặt họ. Họ thường giữ phần chủ chốt trong các sinh hoạt cộng đồng, ở trong họ đạo, ở trong giới già. Phần lớn các hội luôn luôn có họ, ở đâu cũng có mặt họ. Họ thường giữa phần chủ chốt trong các sinh hoạt cộng đồng, dù là chánh trị, tôn giáo, xã hội hay là văn hóa. Họ sẵn thì giờ và dư thiện chí nên không từ chối bao giờ. Hội đoàn riêng cho người già, tức các hình thể của Hội Cao Niên, thường là mạnh nhứt, đông nhứt, sống động nhứt so với các hội nào khác.

Viễn tượng

Trả lời cuộc điều tra bán chánh thức của chúng tôi ở vùng Washington D.C., phần lớn các cơ quan xã hội cho hay rằng họ có khá nhiều thân chủ người già. Phần lớn thì bịnh tật, cần sự giúp đỡ của xã hội, một số thì bị con cái bỏ rơi, không nơi nương tựa. Ít người nào khẩn trương vì không thích ứng với xã hội mới, giống như hoàn cảnh của các người trẻ. Bịnh Depression (u sầu) khá nhiều và thường ẩn dạng nên ít ai biết nên ít khi nằm bịnh viện. Hầu như không thấy tự tử. Bịnh nhân lãng trí cũng giữ ở nhà. Phần lớn người cao niên sống trong gia đình, với con hay với bà con. Cái lạ: càng ngày càng đông người Việt sống với vợ, chồng, hay sống đơn độc trong các chung cư cao niên cộng đồng, chung với Mỹ, với một số ít người Việt kế cận. Một số rất ít ở nhà điều dưỡng (nursing home) đích thực.

Có thể hình thù của bịnh chính là khó biết nên ta chỉ thấy phần nhỏ, phần ngọn của tản núi đá mà thôi. Có thể ngược lại: chúng ta bi quan quá đáng và các lão nhân trên thực tế hãy còn thừa sức đề kháng và gia đình họ chưa quên họ đâu. Hoặc họ lão thành hơn, nhiều kinh nghiệm hơn nên biết tự vệ, chống đỡ, dùng các phương tiện ở trong cộng đồng để bớt cô đơn, thất chí.

Về các giả thuyết nói trên, ta phải chứng minh, kiểm nghiệm bằng những con số, dữ kiện, điều tra thực tiễn mới chắc.

Do đó phải cần nghiên cứu, quan sát thêm nữa rồi mới tiên đoán tương lai. Viễn ảnh không mấy xán lạng khi hỏi nhân chứng điều tra ở San Diego năm 1978. Họ nói: "Sẽ không thấy lại quê

Nghe VNCR trên lưới Internet:
http://kicon.com/VNCR

Đọc THẾ KỶ 21 trên lưới Internet:
http://www.vietmedia.com/theky21

hương... Sẽ chết xa quê... Con tôi bỏ tôi một mình... Con tôi bỏ tôi vào trại tế bần... kiểu Mỹ, chết ở trại già..." Một số lạc quan hơn chút, nhưng vẫn nhắc đến gia đình: "Cả nhà định cư yên lành... Con cái thành người học giỏi... Chúng tôi sẽ ở chung nhau, có thể ở đây, chắc là không phải Việt Nam, vì bởi các con thích sống ở đây, và chúng ở đâu thì tôi theo đó..."

Thực tế đã không thể hiện tất cả tiên đoán kể trên. Con cái vẫn giữ cha mẹ già yếu và không bỏ trong nhà già, trừ phi cha mẹ đồng ý. Một số người lớn trở về Việt Nam, có khi ở luôn, có khi thăm chơi, qua lại.

Bài toán đã khác phần nào khi mà Việt Nam ít đe dọa hơn và người lớn tuổi càng ít lý do lìa bỏ quê hương. Người sắp lớn tuổi cũng khác, sinh sống ở Mỹ đã được nhiều năm, quen với nếp sống, thói quen bên này, của cải, con cái ở đây và mọc rễ tại đây: khi tới phiên họ hưu trí, cũng không chắc gì sẽ về Việt Nam, nhứt là khi nào Việt Nam thể chế hãy còn mập mờ. Thế nhưng có điều ta chắc: gia đình và cộng đồng sẽ luôn đóng vai trò quan hệ đối với người Việt cao niên, là neo, là nguồn an ủi, cậy trông, đảm bảo cho sự yên bình của họ, về mặt xã hội, tâm lý và đời sống vật chất.

Hành động

Tiếp theo nhận xét bên trên, kết luận hợp lý, hành động thích đáng phải nhắm hai hướng: giúp đỡ cá nhân của người cao niên, giúp đỡ gia đình của họ.

Giúp đỡ trực tiếp là chuyện dĩ nhiên và cần đủ hình thức sinh hoạt của một trung tâm cao niên: tổ chức câu lạc bộ, sinh hoạt văn hóa, giáo dục, giải trí, du ngoạn, dinh dưỡng, lo về sức khỏe, tôn giáo, tìm việc làm, tạo việc làm (tình nguyện hay có tiền), tạo nên cơ hội gặp gỡ người ngoài, kiếm thêm lợi tức... Thật ra chi tiết không khác những gì các hội cao niên, dù Mỹ hay Việt, đang làm cho các hội viên, mà chỉ thêm bớt chút đỉnh nhiều hơn hay là ít hơn tùy theo sáng kiến, tùy theo hoàn cảnh địa phương. Chỉ nên nhắc rằng: lúc gần đây, người Việt cao niên đã một phần nào đồng hóa, biết dùng tài nguyên công cộng nhiều hơn, đến các hội già, ở các nhà già, sinh hoạt với người bản xứ: Mỹ, Pháp... nhiều hơn, và không mấy ai sợ sệt ở riêng, sống riêng một mình như trước. Họ vẫn thương con, vẫn còn muốn ở với con, nhưng có nhiều lựa chọn hơn trước. Tuy nhiên họ vẫn vương vấn, thích có đồng bào, ít nhứt là người Đông Dương, ở chung với họ, hơn là sống hoàn toàn Mỹ. Do đó nhu cầu càng lớn hơn thêm để có nhà già cho người Đông dương, hay ít ra cũng cho người Á-Mỹ (Asian-Americans), trong đó người Việt sẽ sống yên bình trong quan cảnh quen thuộc. Không thể đoán bao lâu mộng ấy sẽ thành sự thật: không biết các nhà tư bản Việt Nam có thấy nguồn lợi và có sức xây nhà già Á-Mỹ hay không, hay là phải đợi người Mỹ bỏ thăm để cấp chung cư cho cộng đồng ta.

Giúp đỡ gián tiếp hữu hiệu nhằm vào gia đình và vào cộng đồng, nguồn lợi quí báu bực nhứt của người cao niên Việt Nam. Cái gì giúp đỡ duy trì gia đình, cái gì cũng cố cộng đồng, cái ấy có lợi cho người già. Biện pháp sẽ cần sự hỗ trợ của chánh trị, cần quyết định của toàn cộng đồng, chưa biết người Việt có được sự nhất trí và dùng lá phiếu của mình để bảo vệ quyền lợi chánh đáng của mình, hay sẽ đợi người khác làm dùm cho mình? Thí dụ ta sẽ cần cổ võ để chánh phủ Mỹ vẫn cho đoàn tụ gia đình hiểu theo nghĩa rộng, dễ dàng đem anh chị em, con cháu, ông bà qua Mỹ, tự do định cư cùng khắp nước Mỹ, không trừ những nơi sẵn đông người Việt, không bắt lập nghiệp tại nơi xa xôi, hẻo lánh và không có cộng đồng... Và cũng một kiểu ấy, làm sao nới rộng luật lệ để cho gia đình mới qua được ở chung nhau, làm việc gần nhau và không bắt buộc bể tung vì không kiếm được nhà, không kiếm ra việc gần nhau, chung nhau. Cũng cần trợ cấp gia đình đang nuôi người già và giúp gia đình lãnh thêm trách nhiệm, thay vì tất cả đều do xã hội nhận lãnh.

Người già rồi sẽ ở đâu cho đến khi chết thì phải tính lại. Có người bảo rằng: ở lại Việt nam lợi hơn, cũng có thể đúng nhưng có cái hay, cái dở. Chúng tôi cũng nghĩ: xã hội Việt Nam dễ thích ứng hơn đối với người già Việt Nam, nhưng phải có ai săn sóc. Nhưng nếu ở Mỹ, như kiểu đa số đã quyết qua Mỹ để theo con, thì cần cải thiện phần nào tài nguyên hiện tại mới thích ứng thật sự nhu cầu người Việt cao niên.■

CHÚC MỪNG

Được tin vui hai bạn trẻ

TĂNG MINH TRÍ

và

NGUYỄN THỊ THANH THỦY

làm lễ thành hôn
ngày 12 tháng Năm 1996
tại Orange, California

Xin thân ái chúc mừng đôi bạn
hạnh phúc bên nhau mãi mãi.

Tạp chí THẾ KỶ 21

SỰ TỰ DO CỦA CHỊ NỮ TU EMMANUELLE

NGUYỄN HOÀI VÂN

Ngày thứ sáu mồng 5 tháng Tư vừa qua, ký giả truyền hình danh tiếng Bernard Pivot đã dành chương trình "bouillon de Culture" trên đài A2 của ông để cùng một số trí thức nói chuyện với một người đàn bà đặc biệt: chị nữ tu Emmanuelle. Năm nay "chị" được 87 xuân xanh, nhưng vẫn nhanh nhẹn và mạnh dạn. Người Pháp biết chị nhiều qua việc chị đã dành gần 30 năm của cuộc đời mình để giúp đỡ những gia đình nghèo khổ ở thủ đô Le Caire, Ai Cập. Những người này sinh sống nhờ lục lọi các đống rác khổng lồ được thải ra bởi đời sống tiêu thụ địa phương, rồi tìm cách bán lại những gì có thể bán được. Đa số họ theo Hồi Giáo, và chị Emmanuelle cho biết không khi nào muốn dụ dỗ họ cải đạo theo Công Giáo. Chị thuộc về những nhà "truyền giáo" hiện đại, đến với tha nhân bằng hành động chứ không phải bằng lời giảng... Chị cũng rất vui tính, "mày tao chi tới" (tutoyer) với tất cả mọi người, kể cả với những tay đại trí thức có mặt!

Tham dự chương trình còn có những nhà văn, nhà báo hàng đầu của Pháp, trong đó có một triết gia vô thần. Chị Emmanuelle kể rằng chị luôn muốn làm việc cho người nghèo khó, nhưng mãi đến năm chị sáu mươi tuổi mới được nhà dòng cho phép. Câu hỏi lập tức được đặt ra là: "làm sao chị có thể chấp nhận sự mất tự do ấy?"

Vị nữ tu trả lời: "Không có ai tự do hơn một nữ tu!" Trước sự ngạc nhiên của cử tọa, chị giải thích:

Với ba lời khấn hứa của đời nữ tu, tôi hoàn toàn tự do. Ba lời khấn đó là:

— Thứ nhất: nghèo khó, không giữ của riêng. Nhờ đó tôi không bị ràng buộc bởi những ham muốn tiền bạc, tài sản, không phải chạy theo chúng, không phải loay hoay làm mọi chuyện để bám lấy chúng.

— Thứ nhì: thanh tịnh, không dính vào tình yêu nam nữ. Nhờ đó tôi được giải thoát khỏi sự kềm tỏa của quý ông (mọi người cười)!

— Thứ ba: vâng lời, tuân phục bề trên. Nhờ đó, tôi được giải thoát khỏi chính tôi, tức là khỏi những ham muốn, khi thì thích đi đây, khi thì thèm đi đó, khi đòi làm chuyện này, lúc muốn làm chuyện nọ, của riêng tôi.

Bà kết luận: với ba sự giải thoát ấy, tôi hoàn toàn tự do.

Bên cạnh vấn đề tự do, bà cũng có những nhận xét ngộ nghĩnh khác:

Khi Bernard Pivot tuyên bố một cách quả quyết rằng bà gần Thiên Chúa hơn ông, thì bà phủ nhận mạnh mẽ, cho là không thể biết được: "Nếu thế thì quả thực là Thiên Chúa có óc khôi hài rất lớn." Bà trả lời: "À! rốt cuộc mày cũng có được một câu có lý!"

Người ta nhận xét bà giao du với một kẻ giết người. Bà trả lời: "Anh ta rất tốt, rất tử tế, tôi rất quý trọng anh ta." Bà cho là sự quý trọng của bà đối với anh chàng sát nhân này khiến cho anh ta sẽ phải ngần ngại khi cầm trở lại con dao với ý tưởng bạo hành, vì anh ta không muốn mất đi sự quý trọng ấy. Thật ra, đó là phản ứng tâm lý của anh ta, chứ riêng bà không hề có ý đè nặng trên tâm hồn anh bằng một sự phê phán nào cả. Theo bà, việc sát nhân của anh này do những duyên cớ mà bà không thể biết hết được và vì thế, không thể lên án.

Vị triết gia vô thần tuyên bố ông có thể chấp nhận niềm tin nơi Thiên Chúa, nếu quan niệm Thiên Chúa như nguồn của sự Thiện nằm trong mỗi người. Bà lập tức đồng ý với ông, trong khi hai nhà văn Công Giáo hiện diện tỏ ý coi Thiên Chúa như một thực thể ở ngoài con người. Bà đặt lý tưởng của mình nơi Đức Ky Tô, mà Đức Ky Tô chính là con người thật, đồng thời cũng là Thiên Chúa thật. Mục đích của bà là sống như Đức Ky Tô, với Thiên Chúa ở trong mình.

Có lúc bà tự hỏi vì sao những người nghèo nàn đói kém sống trong những khu nhà ổ chuột ở Le Caire lại có vẻ hạnh phúc hơn những kẻ sung túc mà bà thường gặp nơi đất Pháp giàu có này? Bà cho rằng đó là nhờ họ ít ham muốn... Và bà khiêu khích: "chúng ta đều phải sống trong những khu nhà ổ chuột!" ■

26/4/1996

* Một người lái xe vừa tông vào một người qua đường. Anh ta lật đật xuống xe đỡ người ấy dậy và xin lỗi:

"Xin đừng giận tôi! Trong 20 năm lái xe, đây là lần đầu tiên tôi gây ra một điều như thế này!"

Người kia nén cơn đau, nhăn nhó:

"Còn tôi, trong 40 năm mà tôi đi bộ, đây là lần đầu tiên tôi... tông vào một chiếc xe hơi!"

THI SĨ NGUYỄN BẮC SƠN
từ khu rừng lau đến khu rừng phong du

NGUYỄN VĂN HIẾU
(Melbourne)

Thi sĩ Nguyễn Bắc Sơn với tập thơ *"Chiến tranh Việt Nam và Tôi* xuất hiện khi cường độ chiến tranh Việt Nam gia tăng khốc liệt vào năm 1970-1971. Nguyễn Bắc Sơn tên thật Nguyễn Văn Hải sinh năm 1943 tại Phan Thiết, Bình Thuận. Như Nguyễn Bắc Sơn viết: *"Những bài thơ chiến tranh được viết dưới hầm ngủ trong một trại Lực Lượng Đặc Biệt sau những lần say sưa cùng bạn hữu, những bài thơ chứa đựng Thiền vị viết sau những buổi tĩnh tọa sớm tinh sương trong một ngôi nhà ấm cúng tại Bình Thuận, về chiến tranh, phần đông người đọc sẽ ưa thích những loại thơ viết về chiến tranh hơn. Thêm vào đó, những bài thơ này được viết trong khuôn khổ hình thức phô diễn của thơ tiền chiến, loại thơ đã quen thuộc với cảm quan đa số."*

Và tập thơ gây tiếng vang trong giới thơ văn lúc bấy giờ như lời phê bình mục điểm sách: "Tập thơ hát lên tiếng hát lồng lộng bi tráng của một người tham dự chiến tranh Việt Nam, một thiền sư bụi đời, một gã du đãng trầm mặc."

Những bài thơ xa như tiền chiến, xưa như Đường Thi, nhưng kỳ lạ thay, mới tinh và gần gũi như sáng hôm nay.

Thật vậy, sự xuất hiện kỳ lạ nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn đã làm không biết bao nhiêu thi sĩ kết tình, những nhà văn, những nhà phê bình văn học yêu thích chỉ vì Nguyễn Bắc Sơn đã tinh luyện tâm tình mình vào trong những xót đau nhớ tưởng về tình sông nghĩa núi, cùng tìm đến nhau bằng cả tấm lòng. Tấm lòng chân thật của con người có tình thương, có tình đồng loại.

Trong một bức thư 27/11/1969, nhà thơ Viên Linh đã viết "Mấy bài viết về chiến tranh có cái hào sảng, bi đát của Quang Dũng, bài 'Chân dung Nguyễn Bắc Sơn' thật hay. Đọc được một bài thơ hay, thấy sung sướng cả ngày..." Đây bài thơ chính Nguyễn Bắc Sơn tự phác họa chính mình:

Ta sống ở đời như một kẻ nhàn du
Trôi qua tháng, trôi qua ngày, trôi trên cuộc đời huyễn mộng
Trôi từ chiếc nôi ru đến nấm mồ
Trên trái đất có rừng già núi non cùng biển sóng
Trong Nguyễn Bắc Sơn có một kẻ làm thơ
Kẻ làm thơ đôi khi biến thành du đãng
Hoặc nhà tu theo khí hậu từng mùa
Bạn bè đã chia xa, ta khề khà cùng sách vở
Mất bảy năm trời ta hiểu Thích Ca
Ôi nụ cười đó từng đêm ta mất ngủ
Những ngày ăn gạo lứt muối mè chữa bệnh
Tắm mình trong lòng triết lý Cực Đông
Những ngày xem Zen là lẽ sống
Hạnh phúc về như nước lấp con sông
Ta đổi mới ta nồng nàn sức sống
Như mùa mưa phân phối ruộng đồng xanh
Ta dự tính giã từ vai khán giả
Nối vòng tay, vòng tay lớn Việt Nam.

Từ đó, Nguyễn Bắc Sơn nhập cuộc đi vào khu rừng lau trong cuộc tương tranh sống chết. Tại mật khu Lê Hồng Phong, những đoạn đường chia ngang xẻ dọc còn in dấu xe xích như một bàn cờ, như một Bát quái đồ. Nơi đây có là một đêm đen hay đêm trăng sao theo cơn cơn gió biển từ vùng

Mũi Né Bình Nhơn thổi vào bên Bàu Thiêu nước trong mát lịm. Bỗng đêm rừng mình chợt nhớ Động Thái An, từ giải cát dài thấp thoáng đâu đây:

"Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,
Mặt chinh phu, trăng dõi dõi soi.
Chinh phu, tử sĩ mấy người,
Nào ai mạc mặt, nào ai gọi hồn."

Trong không khí chiến tranh này, nhà văn Chu Tử trên báo "Đời" số 9 tháng 11/69 đã nâng niu lời thơ Nguyễn Bắc Sơn và ca tụng là một nhà thơ lớn, rồi trên báo Sống lại đề nghị gởi dự tranh giải thơ văn học quốc tế. Chu Tử viết: "Có cái ngang tàng đượm màu sắc Lão Trang, đánh giặc không cần lý tưởng mà vẫn đánh, coi cuộc chiến như trò chơi, thương xót kẻ thù như ruột thịt." "Chiến tranh Việt Nam và Tôi" là tên một bài thơ, cũng là tựa đề của tập thơ:

Lòng suối cạn phơi một bầy đá cuội
Rừng giáp rừng gió thổi cỏ lông măng
Đoàn quân anh đi những bóng cọp vằn
Gân mắt đỏ lạnh như tiền sắc mắt.
*
Kẻ thù ta ơi, các ngài du kích
Hãy tránh xạ ra đừng chơi bắn nheo
Hãy tránh xa ra ta xin xí điều
Lúc này đây ta không thèm đánh giặc.
*
Lũ chúng ta sống một đời vô vị
Nên chọn rừng sâu núi cả đánh nhau
Mượn trời đêm làm nơi đốt hỏa châu
Những cột khói giả rồng thiêng uốn khúc
Mượn bom đạn chơi trò chơi pháo Tết
Và máu xương làm phân bón rừng hoang.

Lời thơ ghi nhận một cuộc chiến tranh thật mới, thật khốc liệt. Như một tai trời ách nước dành cho dân tộc Việt Nam. Nguyễn Bắc Sơn tham dự trận chiến trong tâm cảnh vô tư lự. Người lính Nguyễn Bắc Sơn hiền thật, "Ta vốn hiền khô ta là lính cậu" chắc khác xa với người lính hiền của thi sĩ Chính Hữu:

Có người đi lính hiền như đất
Mùa hạ tưng bừng thương núi sông
Một sớm mang về tin xuất trận
Vội vàng súng đạn nao nức lòng.

Đỗ Quí Toàn trong *Tìm Thơ Trong tiếng nói* đã viết: "Nguyễn Bắc Sơn tạo nên một tín hiệu trong thơ làm tim đập mạnh, đầu óc ngất ngây. Nguyễn Bắc Sơn thành công vì hệ thống tín hiệu thơ bảy chữ của ông quen thuộc với tất cả chúng ta, ông dùng để truyền đi những cảm xúc mà chúng ta rụt rè không biết nói sao. Cho nên thơ ông sáng, không tối":

Ngày vui của lính sao mà ngắn
Mặt trời thoắt đã ở phương Tây
Lỡ mai ta chết vì say rượu
Linh hồn chắc sẽ thành mây bay.

Người lính Nguyễn Bắc Sơn uống rượu nhưng chỉ muốn khỏa lấp nỗi buồn trong "Cuộc chiến tàn tệ". Chỉ "Một tiếng đồng hồ trước khi lên đường hành quân." Hãy nhanh lên! Thời gian không còn nữa. Hãy gởi trọn đời mình bên ly rượu gạo nồng cay, sợ một ngày đời mình sẽ mất:

"Khi tao đi lấy khẩu phần
Mày đi mua rượu để Nùng cho tao
Chúng mình nhậu để trừ hao
Bảy ngày sắp đến, nghêu ngao trong rừng
Mùa này gió núi mưa bưng
Trong lòng thiếu rượu anh hùng nhát gan.

Nguyễn Bắc Sơn cùng bạn bè uống rượu rất đơn sơ làm ta nhớ lại Vương Hàn một nhà thơ đời Đường trong bài "Khúc Lương Châu" ghi lại cảnh uống rượu Bồ Đào, chén ngọc quí. Rượu ngon rót trong chén quí, thú vị biết chừng nào! Hạnh phúc đã gần kề thì những tiếng tỳ bà hiệu lệnh hành quân dục phải lên đường. Trong tâm trạng bi thương của thời chiến tranh, họ cố tận hưởng trong những bất thường, bất trắc sớm còn tối mất của đời người đi chinh chiến:

Bồ Đào, mỹ tửu dạ quang bôi
Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi
Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.

Tạm dịch:

Bồ Đào rượu ngát chén ly bôi
Toan nhắp, tỳ bà đã giục đi
Say khướt sa trường anh chớ mỉa
Xưa nay chinh chiến mấy ai về.

Có phải rượu là một liều thuốc bổ ích dành cho chinh nhân! Câu chuyện uống rượu của người lính không phải ở phương Đông này, mà ta còn tìm gặp trong quân ngũ trời Tây. Đời lính là chuỗi ngày lo âu, tình bầu bạn quây quần bên nhau đàm tiếu, chia nhau từng gịum thuốc thút, cùng nhau uống rượu xoay vòng để bền gan chiến đấu trên chiến trường mới; rồi biết ngày sau sẽ ra sao! Cảnh tượng đó cũng tìm gặp trong tập truyện "Mặt trận miền Tây vẫn yên tĩnh" *(All quiet on the Western Front)* của Erich Maria Remarque. "Một đám khói thuốc dầy đặc bay qua chúng tôi. Có một người lính nào lại không hút thuốc? Căng tin trong trại lính là nơi ghé tạm, rượu bia còn là một cái gì hơn một thức uống, nó là một biểu hiện của một người lính năng động và biết ứng phó trong an nguy."

Trong lo âu của người lính trận, đời sống bây giờ đặt bên cái chết. Một buổi chiều thê lương nào đó bên một thị trấn đìu hiu, con đường cát bụi Sông Mao ngắn rất ngắn mà nỗi đau dài mênh mông như nhà phê văn học Bùi Bảo Trúc đã viết "Nguyễn Bắc Sơn có cái ngông nghênh, bất cần, bạt mạng":

Mai ta đụng trận ta còn sống
Về ghé Sông Mao phá phách chơi
Chia sớt nỗi sầu cùng gái điếm
Đốt tiền mua vội một ngày vui.

Cảnh chịu đựng dai dẳng của người lính trận bắt đầu, khi mây kéo về báo tới một cơn mưa. Mưa trong cuộc chiến tất cả là nỗi bi đát nhất, đọng lại một chuỗi dài liên tưởng. Mưa-khuya-hắt-hiu-xuyên-qua-mành-tình-ngăn-cách-rồi. Hãy phủ kín poncho bên này sợ nước làm buốt lạnh bờ vai. Hãy kéo tấm nylon xuống bên tai để tiếng mưa rơi

chậm lại, cho một ngày rất ngắn:

Linh hồn ta sẽ thành đom đóm
Vơ vẩn trong rừng động Thái An
Miền Bắc sương mù giăng bốn quận
Che mưa giùm những nấm xương tàn.

Không phải chỉ có Nguyễn Bắc Sơn sợ nỗi cô đơn trong đêm mưa. Cơn mưa bất chợt hoặc cơn mưa chiều gợi nhớ dù nơi đây lượng nước mưa đo được thấp nhất Việt Nam:

Mưa này gió núi mưa ngàn,
Mùa này gió núi mưa bưng.

Nhưng chính mưa là hình ảnh kéo dài tình cảnh bi đát trên chiến trận. Thử nhìn lại khuôn mặt tài tử Rock Hudson thủ vai tài xế xe cứu thương trong phim *Farewell to arms* (Giã từ vũ khí) dựa theo kiệt tác của văn hào Ernest Hemingway, bị thương trên mặt trận, yêu cô y tá, rồi gởi ra lại chiến trường. Cảnh buổi tiễn đưa ra sân ga "Được, em sợ mưa, đôi khi em thấy em chết dưới cơn mưa." *Trời mưa chỉ làm buồn chúng mình thêm.* Một cuộc chiến tranh vô tích sự và mối tình vỡ tan theo chiếc bong bóng nước mưa trên đường về. Về nơi đâu giữa cơn mưa. Chàng chiến binh lặng lẽ, thất vọng đi trong mưa. Nỗi buồn chiến tranh cũng từ đó. Cho dù sao, thi sĩ Nguyễn Bắc Sơn cũng nhìn đặc tính của chiến tranh trong tâm cảnh thân phận của người lính ngoài trận mạc như nhạc sĩ Phạm Duy ghi nhận trong "Hồi Ký, thời phân chia Quốc Cộng" của ông "Là thơ cảm khái hay thơ ngất ngưởng" của Nguyễn Bắc Sơn, một trong hàng triệu thanh niên miền Nam phải đi lính, nhìn địch quân là đứa xâm mình, ăn muối đá, điên say chiến đấu và mình là *lính cậu hiền khô, đi hành quân rượu để vẫn mang theo* thì chúng ta đánh nhau không hề vì thù hận:

Ta bắn trúng người vì người bạc phước
Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi

Để rồi những ngày tháng tới thương đau nghe tin người bạn nằm xuống. Nguyễn Bắc Sơn ngẩn ngơ. Có lẽ lời trầm buồn Nguyễn Bắc Sơn thốt ra nỗi nghẹn ngào trong đôi mắt đẫm ướt cũng nhưng tiếng kèn trompette bi ai do tài tử Montgomery Clift trong phim "Thói đời"*(Tant qu'il y aura des hommes* thổi lên làm nhiều người bật khóc tiễn đưa người bạn già đồng ngũ *(Frank Sinatra)* bị đánh chết tàn nhẫn chỉ vì những người nhân danh kỷ luật đày đọa con người mang lòng đố kỵ thù hận. Bây giờ tất cả an nghỉ như trong lời thơ Nguyễn Bắc Sơn:

Gã du kích mù
Bắn viên đạn mù
Vào thân thể vị sĩ quan lim dim ngoài trận mạc
Trong trận chiến mù mịt này
Chúng ta làm sao tỉnh thức

*

Khi em chết đi
Em sẽ thành sấm sét
Thành bụi vàng
Thành gió thành mây
Trong vũ trụ hoài hoài sinh diệt.

Trong những nhà phê bình văn học, nhà văn Võ Phiến đã dành cho thi sĩ Nguyễn Bắc Sơn một chỗ đứng đặc biệt của một giai đoạn thơ tác động sâu thẳm vào lòng người những bề trái ngả nghiêng hiện thực của chiến tranh. Vào tháng bảy năm 1988, trong dịp viếng thăm Úc tại Melbourne, nhà văn Võ Phiến trình bày những vấn đề văn học, đặc biệt Võ Phiến đưa ra hai thi sĩ tiêu biểu: Nữ thi sĩ Hoàng Hương Trang và thi sĩ Nguyễn Bắc Sơn trong một giai đoạn lạ trong văn học Việt Nam trong "Hai mươi năm Văn Học Miền Nam 1954-1975". Nhận xét và phê bình *"Những trận nhậu trong thơ Nguyễn Bắc Sơn không giấu giếm... Phật hay Chúa có chứng kiến cũng lấy làm thương cảm. Đất nước mịt mù khói lửa, và bấy giờ người ta nói thế nào, nghĩ ngợi thế nào về chiến tranh? Nguyễn Bắc Sơn ngất ngưởng bảo địch quân. Còn 'ta' vượt lên trên chính nghĩa, bên trên mọi hăng say, tin tưởng 'ta' là nhân vật của thời đại, 'ta' mới xuất hiện đấy thôi, và bạn bè của 'ta' cùng lớp 'ta' điều hiền khô như thế cả":*

Kẻ thù ta ơi những đứa xâm mình
Ăn muối đá và điên say chiến đấu
Ta vốn hiền khô, ta là lính cậu
Đi hành quân, rượu để vẫn mang theo.

Không như những thi sĩ trường phái tự do lớp trước, dòng thơ Nguyễn Bắc Sơn không chứa những ưu tư hoang mang như Nguyễn Bắc Sơn luận về những sống ở đời, cái bữa tiệc nhân sinh mà Nguyễn Bắc Sơn khề khà không có gì thịnh soạn:

"Bậc thánh triết là những tay biếng nhác
Sống khề khà quanh bữa tiệc nhân sinh."

Võ Phiến nhận định *"Chính những người trong cuộc, những người cầm súng vào sinh ra tử là những người thênh thang khinh khoái hơn cả."*

Đời một người lính qua ngưỡng cửa sinh tử. Nguyễn Bắc Sơn tự phác họa chân dung:

"Kẻ làm thơ đôi khi biến thành du đãng Hoặc nhà tu theo khí hậu từng mùa."

Có thể chưa một thi sĩ nào nói rõ những điều mình nghĩ về mình. Một vẻ ngất ngưởng, vào sinh ra tử coi sống chết chuyện đời là một chuỗi ngày tan loãng vào hư vô để hình ảnh trong thơ Nguyễn Bắc Sơn chứa đựng đâu đây hương vị thiền: *"Hỡi ơi sống chết là mưa nắng. Gió tối mưa đêm chớ lạnh mình. Và vĩ nhân là những cây lếu láo như ta đây chờ sung rụng ngoài hiên."*

Nguyễn Bắc Sơn đi vào khu rừng phong du từ một đêm như kẻ đi đêm tìm gặp ánh đèn. Tiếng gõ cửa tưởng chừng làm ấm lòng lữ khách. Viên đá cuội tưởng chừng làm khua động mặt hồ. Tất cả là một tiếng chim buổi sáng, một tia nắng đầu cành, một thoáng lá xôn xao trong "Mùa thu đi ngang cây Phong du" một bài thơ tình đầy hạnh nguyện:

Khi nhớ mình, ta muốn ghé ta thăm
Ngôi nhà gần ngôi nhà xa vạn dặm
Con đường tình có cội nguồn sâu thẳm
Từ sinh cung của bà mẹ mênh mông
Ai xui ngôi nhà em cất bên kia sông
Khiến đời anh cứ mãi qua cầu, cứ trèo lên dốc
Bầu trời quá cao, phải chăng vì lòng mình quá thấp
Chiều mù sương vì tình yêu mù sương
Ai xui ngôi nhà em cất giữa ngã tư đường
Khiến đời anh cứ ngập ngừng ba ngả
Con phố thân quen bất ngờ con phố lạ
Nơi hàng cây rụng tiếng tắc kè kêu
Nơi lầu cao khung cửa sổ đìu hiu
Soi thấp thoáng ngọn đèn hoa thiếu nữ
Những sợi tóc rụng trên chồng sách cũ
Vì thanh xuân theo nước lũ trường giang
Rớt tiếng động khơi nỗi niềm viễn xứ.

Cây phong du trong bài thơ là hình ảnh tượng trưng hương vị thiền vì cây phong du là một cây dầu rất tốt, thả những bông gòn có hạt bay khắp nơi. Trong sách cổ nói rằng loại cây này có linh hồn. Nếu cây sống đến hơn 500 năm khi chết sẽ đầu thai làm con bạch tượng. Con bạch tượng có sáu ngà biểu hiện của lục căn như hình Bồ Tất Phổ Hiền ngồi trên mình voi. Trải qua bao nhiêu quốc độ với giọng sâu thẳm của tâm thức, hạnh nguyện trong này để biến thành những thành tựu từ tâm và công đức của phẩm 28 trong bộ kinh Pháp Hoa. Và cũng ở Đà Lạt, Việt Nam, có cây phong loại hoa Geranium, còn có tên hoa phong lữu ý nghĩa là loài hoa đi trong gió. Tuy có cái tên phiêu bạt, gian truân nhưng đó là loài hoa luôn nói lên những điều nhân ái cầu mong cho chúng ta hạnh phúc. Dù bay khắp nơi nào nó cũng bày tỏ những nguyện vọng tốt đẹp trong quan hệ giữa người và người.

Qua những bão tố cuộc đời, khi môi họ kề bên chén đắng, và khi những đám mây che khuất ánh mặt trời, chỉ còn những giấc mơ chập chùng trước mặt là những gì tạo nên đời sống. Nguyễn Bắc Sơn trong niềm tin và thương yêu có lần miệt mài tìm hiểu lúc đức Phật đưa lên một cành sen hỏi ngài Ca Diếp. Trong cuộc đời, trên môi chỉ cần thoáng mỉm một nụ cười. Vậy thôi:

Mất bảy năm trời ta hiểu Thích Ca
Ôi nụ cười từng đêm ta mất ngủ.

Như lời viết mở đầu của Nguyễn Bắc Sơn *"Những bài thơ chứa đựng thiền vị dễ bị xem thường vì chúng được viết trong một hình thức diễn tả thông tục. Phải chăng khả năng rung cảm trước sự giản dị nhưng thâm thúy ẩn vị."* Lời phát nguyện của Nguyễn Bắc Sơn cần một chân như tiến thẳng vào căn nhà pháp thân trí tuệ, bài "Kính mời" với tâm hồn đôn hậu:

Khi tôi uống ly cà phê sữa
Khi tôi ăn bát cơm ngậm ngùi
Tôi kính mời thập loại chúng sinh
Kính mời giai nhân, anh hùng liệt sĩ
Tổ tiên ông bà
Tôi đâu dám ăn riêng một mình
Bầy chim ém đã bắt đầu tư lự
Ngủ âm thầm trên những đường dây cao
Đi ngang qua, đi ngang qua
Đi ngang qua không dừng lại trong đời nhau
Hẹn gặp nhau ở nhất nguyên thế giới.

Nguyễn Bắc Sơn nhận hiểu những khổ đau trầm luân của kiếp người. Không thể trốn chạy thực tại vì nơi đây cho ta những hoài vọng làm trọn vẹn lời nguyện an bình từ lời gọi tình thương tiếp giáp đời của bài "Trở lại trần gian":

Một sáng phiêu bồng qua bên sông
Bỗng nhiên hiểu Phật cũng đau lòng
Phật cũng khổ đau như người khốn khổ.
Cúi đầu quay lại bên này sông.

Thi sĩ Nguyễn Bắc Sơn là một kẻ lữ hành, là một hành giả đi từ cánh đồng tang tóc bên chân đèo vật vã hoang sơ thấm đượm u hoài. Nguyễn Bắc Sơn đã thở mệt nhoài như loài bách diệp mùa đông để bước ra khu rừng phong du đổi biết bao nhiêu lần màu lá như một dòng đời chuyển hóa. Nỗi đau đớn kiếp người vẫn còn đây. Và niềm an lạc cũng chính là đây cho chính mình, cho mùa hoa phong du bay trong muôn phương.

VNCR

Bạn đã đọc "Vài Chuyện Rất Thường" của Lê Tất Điều (trích Trường Sơn Lê Xuân Nhị), viết về một "Alamo Việt Nam," (*trên TK 21 số 83, tháng Ba 1996*), bạn không thể không tìm nghe băng đọc truyện do Lê Tam Ca và Hoàng Trọng Thụy thực hiện ---- nghe để khóc cho những "người đi không về."
Băng do Đài Phát Thanh VNCR biếu bạn đọc TK 21.
Muốn có băng xin liên lạc
cô **Phan Mỹ Sương (714) 534-9430; FAX (714) 534-9433.**

Có nhiều băng khác ghi lại các cuộc phỏng vấn "nổ như tạc đạn," các vở kịch và các truyện ngắn được đọc bởi các xướng ngôn viên mà thính giả yêu mến như Hồng Đào, Y Sa, Hồng Nga, Hoàng Trọng Thụy, Ngô Mạnh Thu, Lê Tam Ca, Đinh Quang Anh Thái, v.v... (phí tổn sang băng và đóng gói gửi $5.00/1 truyện).

HÀNH TRÌNH TRĂM NĂM

TIÊU DAO BẢO CỰ

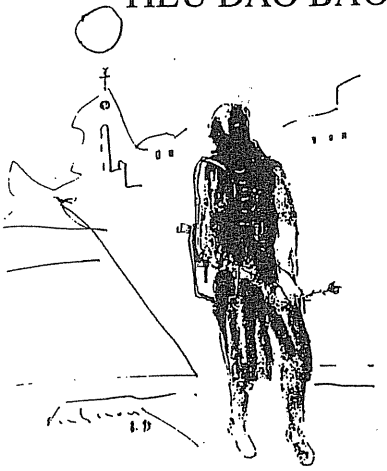

Riêng tặng BY, TD & TS

Vị linh mục dẫn ông và nàng vào nhà thờ và đi ra khép cửa, để hai người tĩnh tâm một lúc trong lúc chờ đợi linh mục trở lại.

Chưa bao giờ ông ở trong nhà thờ vắng lặng như thế này. Nàng ngồi xuống ghế nhắm mắt lại trầm tư. Ông nhẹ nhàng đi một vòng ngắm cách cấu trúc và trang trí trong nhà thờ.

Ông đã từng đi qua nhà thờ nổi tiếng này hàng ngàn lần nhưng chưa khi nào vào bên trong. Đó là ngôi nhà thờ cổ kính, xây dựng gần một thế kỷ nhưng vẫn bền vững với thời gian, hầu như không có một vết nứt.

Trần nhà không cao lắm nhưng có vẻ lồng lộng với những vòm tròn quét vôi màu hồng nhạt. Những cửa kính màu là những bức tranh thánh tích kỳ ảo. Nhìn từ trong ra, những trái tim thánh thiện, những tà áo thanh sạch qua các vị thánh ngời lên ánh sáng sống động lạ lùng. Tất cả là tác phẩm nghệ thuật của những nghệ sĩ bậc thầy chắc chắn đã được làm nên bằng trái tim sùng tín và bàn tay tài hoa cách đây hơn sáu mươi năm theo ngày tháng ghi chú bên dưới. Ông cảm thấy mình hơi xa lạ nhưng kính phục loại nghệ thuật này, nghệ thuật trong tôn giáo hay tôn giáo qua nghệ thuật. Ông vốn là kẻ vô thần ngay từ thời trẻ. Nhìn những bức tranh này, ông cảm nhận người nghệ sĩ không phải sáng tạo một cách thông thường mà chắc chắn đã làm nên tác phẩm trong một trạng thái tinh thần hưng phấn kỳ lạ, có thể đó là một cách nguyện cầu hay dâng hiến của người nghệ sĩ.

Bên dưới những bức tranh kính mày, chỉ cao hơn tầm đầu người, là những phù điêu về sự tích Chúa Giê Su, có lẽ làm bằng xi măng. Những phác họa đơn giản, màu vàng nhạt hơi nặng nề nhưng phù hợp với các cảnh Chúa Giê Su vác thập tự giá trong nhiều tư thế trên đường đi lên chỗ chịu nạn. Cây thập tự giá, một dụng cụ hành hình, đã trở thành cây thánh giá, tượng trưng cho một tôn giáo, cho lòng sùng tín của hàng triệu triệu người, bằng sự hi sinh cao cả của một con người, một con Thiên Chúa, theo như giáo lý của tôn giáo này.

Đi hết một vòng quanh tường nhà thờ, ông đứng lặng nhìn lên tượng Chúa Giê Su lớn phía sau bệ thờ. Một thân thể gần như trần truồng, với mảnh vải khoác chéo che thân bị đóng đinh trên cây thập tự lớn màu nâu. Chiếc đầu đội vòng gai rỉ máu ngoẹo sang bên. Thân hình với màu da rất giống người thật nổi rõ từng bắp thịt trên cánh tay, lồng ngực, cặp đùi và những chiếc xương sườn lồ lộ. Những chỗ đóng đinh ở tay, chân và vết thương ở sườn đang tiếp tục chảy máu. Ai đã khắc họa lên hình tượng này hay chính là một hình ảnh có thực đã trở nên lồng lộng qua không gian và thời gian. Đó không phải là một thân thể. Đó là sự khổ nạn. Không phải khổ nạn. Đó là sự hi sinh. Không phải hi sinh. Đó chính là tình yêu. Một tình yêu mãnh liệt, rộng lớn, vượt qua tội ác, phản bội, khổ đau và cái chết. Phải chăng đó là cái gì rất mơ hồ nhưng cũng rất rõ ràng anh cảm nhận được từ giáo lý của một tôn giáo khi đứng trước hình tượng bi thảm và hùng tráng này.

Ông chợt tỉnh dòng trầm tư khi vị linh mục nhẹ nhàng mở cửa gọi hai người. Ông và nàng đã đến yêu cầu gặp linh mục vì một lý do hơi lạ lùng, gần như kỳ quặc. Sau khi kỷ niệm hai mươi lăm năm sống chung, hai người đã đề nghị linh mục cho làm phép chuẩn hôn phối theo nghi thức Công Giáo. Linh mục chấp thuận ngay và tổ chức buổi lễ một cách hết sức riêng tư, chỉ có linh mục và hai người, theo yêu cầu của họ.

Từ trước ông vốn vô thần và nàng theo đạo

Công Giáo. Nhưng từ cái ngày mê đắm đó, khi hai người quyết định về với nhau, không cần sự đồng ý của gia đình, không cần nghi thức cưới hỏi, nàng cũng không đi nhà thờ nữa. Hai người đã bỏ thành phố, bỏ gia đình, bạn bè, đi đến một nơi xa lạ trên cao nguyên đèo heo hút gió để tạo dựng một cuộc sống chung hoàn toàn tự do, phi công thức. Đó là một quyết định điên rồ nhưng mạnh mẽ, đầy tự do và lãng mạn của tuổi hai mươi. Hai người đã không cần gì cả, bất chấp tất cả, gần như thách thức với toàn thể xã hội. Chỉ với hai chiếc xắc nhỏ đựng quần áo, chiếc vé máy bay và một số tiền nhỏ đủ ăn hai ngày khi xuống phi trường vào vùng đất mới, họ đã tay trong tay đi vào một cuộc sống chung mang tính phiêu lưu không hề dự liệu trước.

Hai mươi lăm năm của cuộc sống hôn nhân, thời gian của một "đám cưới bạc" như người ta vẫn nói, một phần tư thế kỷ sống bên nhau với vô vàn biến cố lớn nhỏ đối với họ là điều có thể nói phi thường. Không thể dùng một từ, một khái niệm, một cách diễn đạt nào đó để mô tả đầy đủ cuộc sống chung này. Một hạnh phúc bi thảm. Một thiên đường trong địa ngục hay địa ngục trong thiên đường. Chung cùng và cách biệt. Yêu thương và oán hận. Chia xẻ và khép lòng. Dài lâu mà ngắn ngủi. Tự do nhưng ràng buộc. Vị tha mà ích kỷ. Cay đắng lẫn ngọt bùi. Cảm thông nhưng đầy ngộ nhận. Gắn bó đã hàm chứa chia lìa...

Năm nay họ bước vào tuổi năm mươi. Hai mươi lăm năm. Nửa đời trong nửa đời. Những vết nhăn đã hằn trên vầng trán, những vết chân chim nơi đuôi mắt, những sợi tóc điểm bạc, những vết thương đã lặn chìm, những đứa con bé bỏng đã trưởng thành. Tất cả đã đi qua thời gian, thấm màu thời gian.

Tất cả đều là trần thế. Trần thế sục sôi, quyến rũ, tràn đầy khoái cảm và đau thương. Nhưng tất cả đều phù du, rực rỡ rồi phai tàn như muôn vạn loài hoa có và không hương sắc họ đã cùng nhau nhìn ngắm trong những giờ hạnh phúc.

Đến một lúc nào đó, hai người chợt nhận ra mình cần một cái gì khác hơn thế. Một cái gì dài lâu hơn. Vô hạn hơn. Tuyệt đối hơn. Siêu thoát hơn. Đối với nàng, những tình cảm tôn giáo thời thơ ấu tự dưng sống dậy. Nàng nhớ lại những bài học giáo lý, sự tích Chúa Giê Su và các vị thánh, những buổi xem lễ cầu nguyện. Nàng đến nhà thờ nhưng chỉ đứng bên ngoài. Nàng cảm thấy mình như con chiên lạc bầy và mặc cảm tội lỗi day dứt. Theo luật giáo hội, nàng không có quyền tham dự các thánh lễ bí tích như những tín đồ bình thường khác nếu nàng chưa chịu phép chuẩn hôn phối khi có chồng là người ngoại đạo.

Hai người đã trao đổi nhiều lần về vấn đề và tâm trạng này của nàng. Thiên Chúa ở khắp mọi nơi, đến với mọi người ngưỡng vọng, mọi kẻ sa ngã. Thiên Chúa không phải là hội thánh, lề luật, dù hội thánh đã làm sáng danh Thiên Chúa. Thiên Chúa cũng không phải là những vị linh mục, tu sĩ dù phần lớn họ là những người đạo đức và trong đó cũng có một số người đầy tính phàm nhân mà nàng đã gặp và phiền lòng vì sự hẹp hòi, cố chấp của họ. Tuy nhiên một cái gì đó vẫn làm nàng cảm thấy bất an. Thời gian gần đây, hàng tuần nàng mang hoa đến tượng Đức Mẹ ở trong khuôn viên nhà thờ. Những bông hoa hình chuông màu trắng tinh khiết như tâm hồn nàng thời thơ ấu mà chính tay nàng đã trồng trong vườn nhà. Bây giờ tâm hồn nàng đã vẩn đục với bao lớp bụi thời gian nhưng những bông hoa màu trắng vẫn là của lễ đẹp đẽ nhất nàng muốn dâng hiến cho Đức Mẹ dịu hiền và đầy lòng tha thứ. Nàng cảm thấy nhẹ lòng đôi chút sau mỗi lần dâng hoa nhưng nỗi bất an còn khắc khoải trong từng ngày tháng, lẩn khuất trong những ngõ ngách nào đó của tâm hồn nàng.

Ngược lại với nàng, như đã từ lâu, ông không cần đến tôn giáo, không cần đến những ảnh tượng thánh tích, không cần những lời cầu nguyện. Sau bao nhiêu biến cố thăng trầm của cuộc đời, ông vẫn kiêu hãnh về bản thân, về con người và những hành động trần thế của mình. Tuy nhiên mấy năm nay, từ khi nghỉ việc ở công sở sau một cuộc xung đột dữ dội với những kẻ nắm quyền lực và về sống ẩn dật, ông có nhiều thời gian để chiêm nghiệm lại toàn bộ con người và cuộc đời của mình. Ông trở nên trầm lặng hơn như khung cảnh khu vườn yên tĩnh quanh căn nhà bé nhỏ ông đang sống. Trầm lặng nhưng tỉnh thức hơn trong những buổi thiền ông thực tập hàng ngày.

Đó là những bài thiền tập theo pháp môn Yoga huyền bí của Ấn Độ ông đã được tâm truyền bởi sứ giả của một vị đạo sư vĩ đại của xứ Hy Mã Lạp Sơn, trong một dịp tình cờ của định mệnh. Vị thầy sứ giả này là một người châu Âu có đôi mắt sáng xanh màu biển biếc, tóc hoe vàng dài đến gần vai và bộ râu rậm rạp cùng màu tóc. Vị thầy này đã thụ giáo bậc chân sư của Ấn Độ hơn mười năm và nay đang đi khắp thế gian để truyền đạo. "Khi một người thực sự ngưỡng vọng Đấng Tối Cao thì chân sư sẽ xuất hiện." Vị thầy đã nói với ông như thế khi truyền cho ông các bài thiền. Đấng Tối Cao đây là Thực Thể Vũ Trụ, là Ý Thức Tối Cao, là Tình Thương Vô Biên. Vị thầy chỉ là người trung gian giữa những người ngưỡng vọng và chân sư. Và chân sư không ai khác hơn là sự hóa thân của Đấng Tối Cao.

Mỗi ngày lúc rạng đông và hoàng hôn, trong ánh sáng mờ, ông ngồi theo thế hoa sen, khóa hết tất cả các giác quan, hít thở sâu và nhẹ nhàng, bằng một kỹ thuật tự kỷ ám thị đặc biệt, ông dần dần rút tâm thức ra khỏi ngoại cảnh, ra khỏi cả bản thân, chỉ hiện hữu bằng một điểm năng lượng và lắng nghe âm thanh của một câu "mantra" huyền bí bằng tiếng Sanskrit vang động theo nhịp thở. Tất cả cuộc đời, tư tưởng, hành động, cảm xúc đều lắng xuống rồi nâng cao lên một bình diện mới, bằng bạc sắc hư vô.

Vị linh mục nhờ ông giúp một tay để bày biện nơi làm lễ. Đơn giản chỉ có một cái bàn phủ khăn trắng, cặp nến lớn và hai chiếc ghế màu đỏ. Linh mục mời hai người ngồi vào ghế của cô dâu chú rể và nói nhẹ nhàng:

TRẦN THIỆN HIỆP

MÙA XUÂN

Mùa xuân trong lá trong hoa
Trong ai mắt biếc, trong ta tấm lòng
Mùa xuân đẹp nụ môi hồng
Đẹp lời em nhớ, đẹp dòng thư hay
Mùa xuân chim sớm gọi ngày
Đẹp khung nắng ấm đẹp tay đón mời
Mùa xuân bạn thiết về chơi
Đẹp bao chuyện cũ, đẹp hơi rượu nồng
Mùa xuân chiều ửng ráng hồng
Đẹp em bước nhỏ, đẹp làn tóc bay
Mùa xuân hoa rụng đầy tay
Đẹp tình tri kỷ, đẹp ngày có em.

"Tôi cảm động vì sự kiện này. Đây là một điều đẹp đẽ và thấm nhuần ơn Chúa. Việc làm phép chuẩn cho những cặp vợ chồng đã chung sống nhiều năm, đã có con cái, thỉnh thoảng vẫn có, nhưng trường hợp sau hai mươi lăm năm thật hiếm hoi, có lẽ là lần đầu tiên ở nhà thờ này. Tôi có thể nói đây là một việc làm có tính cách thiêng liêng và mang tính chất lịch sử đối với nhà thờ này vì dù trải qua bao nhiêu biến đổi, nhà thờ này vẫn giữ được hồ sơ của các cuộc hôn phối và rửa tội từ ngày đầu cho đến hơn tám mươi năm qua."

Linh mục ngừng một chút rồi liếc nhìn sang ông:

"Đặc biệt đối với riêng ông, tôi cho rằng ông đã thể hiện đức bác ái khi nghĩ đến người bạn đời của mình trong sự việc này. Thương yêu, kính trọng và chấp nhận nhau trong cuộc sống, nhất là trong hôn nhân là điều không dễ dàng. Phần lớn mục đích của đời người là quyền lực và tiền bạc, danh vọng, nhưng cũng có người sống để yêu thương. Yêu thương cao đẹp nhất là yêu thương của Chúa Giê Su. Thương yêu là tha thứ và chấp và nhận. Tha thứ và chấp nhận là dấu chỉ của yêu thương như Chúa đã yêu thương và xả thân cứu chuộc loài người."

Hai người lắng nghe và cảm thấy thấm thía vì những lời bình dị của vị linh mục. Đó không phải là những điều gì cao siêu, xa lạ, trái lại rất giản dị, giản dị như chân lý nhưng không dễ gì nhận ra và càng khó khăn hơn khi sống thực với chân lý. Hôn nhân là một cuộc hạnh phúc bi thảm trong đó hai người cảm thông, gần gũi, chia sẻ nhưng cũng mâu thuẫn và xung đột thường xuyên. Nước mắt chảy trên nụ cười và nụ cười chan hòa nước mắt. Hai người đã thâm cảm điều này và rõ ràng không gì có thể giúp gắn bó cuộc hôn nhân ngoài yêu thương, chấp nhận và tha thứ. Quả thật như vậy. Bằng kinh nghiệm riêng của đời mình, họ cảm thấy yêu thương thực sự phải bao hàm chấp nhận và tha thứ. Chấp nhận và tha thứ mới thực sự yêu thương.

Linh mục tiếp tục nghi thức, yêu cầu hai người trả lời ba câu hỏi về tự do đến với cuộc hôn nhân, về sự yêu thương kính trọng nhau và việc nuôi dạy con cái. Sau đó, ông thực sự xúc động khi đọc lời hứa sẽ chung thủy với nhau lúc vinh quang cũng như hoạn nạn, tôn trọng nhau trong mỗi ngày và mọi ngày suốt đời mình. Đó là một nghi thức vì nó động chạm đến những điều rất sâu xa.

Chung thủy. Một khái niệm tưởng như đơn giản nhưng lại vô cùng phức tạp và tiềm ẩn biết bao gian nan. Đã không ít lần ông hoài nghi về giá trị của lòng chung thủy. Chung thủy có cần thiết không nếu người ta đã thay lòng đổi dạ và chán ghét lẫn nhau. Chung thủy lúc đó chỉ là bản án chung thân khổ sai và phân ly mới là giải pháp tốt dù không vẹn toàn. Hãy sống cùng nhau khi yêu thương và hãy chia tay khi không còn tình cảm. Nếu được, hãy chia tay nhẹ nhàng và thân ái. Nhưng có thể làm đơn giản như thế không? Cuộc hôn nhân là một hòa hợp sâu xa của cả hồn xác và những đứa con đã kết tinh tình yêu thương, ràng buộc và trách nhiệm. Lẽ nào chia tay chỉ là chia tay giản đơn như hai người khách ngồi gần nhau trên một chuyến tàu khi đến ga tạm dừng. Nếu có thể chấp nhận, tha thứ và tôn trọng nhau sao lại không thể cùng nhau đồng hành cho đến hết cuộc đời, dù cho phải tự kềm chế, hoàn thiện bản thân và sống hết lòng vì người bạn đời trong từng ngày. Yêu thương không phải chỉ là đắm say của buổi ban đầu. Và chỉ có thể chấp nhận, tha thứ và tôn trọng nhau khi mỗi người gột bỏ lòng ích kỷ, sự kiêu căng mênh mông nơi bản thể. Làm được thế cũng là yêu thương, thứ yêu thương đã trải qua trui rèn và thấm đẫm mọi hương vị ngọt bùi, đắng cay của cuộc đời trần thế.

Khi linh mục hướng dẫn hai người đeo nhẫn cho nhau, ông quay sang nàng và thấy hai giọt nước mắt lăn dài trên má nàng. Họ đã không hề đeo nhẫn trong suốt hai mươi lăm năm chung sống và đã kiêu hãnh về điều này. Họ đã đến với nhau hoàn toàn tự do, không cần nghi thức và cũng không cần chiếc nhẫn dấu chỉ để ràng buộc. Họ đã hứa với nhau, khi cần họ sẽ tự do ra đi như đã tự do tìm đến. Không ít lần họ đã tính đến chuyện chia tay, mỗi người hoặc cả hai người cùng nghĩ đến, vì những lý do này khác, nhưng rồi một cái gì sâu xa đã giữ họ lại, cho đến tận bây giờ. Lần đeo nhẫn sau hai mươi lăm năm chung sống phải chăng là biểu hiện của sự chấm dứt mọi hoài nghi, là sự tình nguyện thật sự tự do sau khi đã tự do đi qua mọi chặng đường hoan lạc và khổ ải. Những giọt nước mắt của nàng tiếp tục rơi trên chiếc nhẫn định mệnh của tự do. Nàng không lau và ông cũng không muốn lau cho nàng những giọt mặn trong ngời của tình yêu thương đã thánh hóa sau một chặn dài trần thế.

Nhìn những giọt lệ của nàng, vị linh mục cúi đầu trầm tư một lúc lâu và đột nhiên thay vì làm dấu thánh để kết thúc buổi lễ và chúc phúc cho hai người, ông tự dưng nhớ đến câu chuyện về thánh Jérome dâng hiến cho Thiên Chúa. Ông tiếp tục nói về thánh Jérome bằng một giọng run run đầy xúc cảm chưa bao giờ xảy ra trong các buổi thánh lễ mà ông đã thực hiện hàng ngàn lần trong đời làm linh mục của mình.

"Con có gì để dâng hiến cho ta?"

"Thưa Ngài, con xin dâng hiến trái tim, vật quý giá nhất của đời con."

"Không, ta không cần trái tim của con. Ta đã có trái tim bác ái để yêu thương cả loài người."

"Vậy thì con là một nhà bác học, bộ óc của con được người đời xem là vĩ đại, con xin dâng hiến cho Ngài."

"Không, ta cũng không cần. Ta là Đấng Toàn Năng, Toàn Trị. Ta cần gì bộ óc gọi là vĩ đại của con nhưng thật ra vô cùng bé nhỏ đối với ta."

Thánh Jérome im lặng bối rối.

"Vậy con có những giọt nước mắt không?"

"Thưa có."

"Tại sao con không dâng hiến cho ta những giọt nước mắt để ta chia sẻ cùng con."

"Thưa con xin vâng."

"Con có nỗi cô đơn đau khổ nào không?"

"Thưa có."

"Tại sao con không dâng hiến cho ta nỗi cô đơn đau khổ để ta có dịp an ủi, gần gũi con hơn."

"Thưa con xin vâng."

"Con có tội lỗi nào không?"

"Thưa có."

"Tại sao con không dâng hiến cho ta mọi tội lỗi của con để ta có dịp tha thứ mọi tội lỗi của loài người."

"Thưa con xin vâng."

Linh mục không bình luận gì sau câu chuyện, làm dấu thánh kết thúc buổi lễ và đề nghị hai người ở lại tĩnh tâm thêm một lúc trước khi ra về. Linh mục lại nhẹ nhàng khép cánh cửa hông nhà thờ không một tiếng động như lúc vào.

Còn lại hai người, nàng chớp mắt nhìn ông rồi lặng lẽ đến quỳ trước tượng Đức Mẹ phía bên trái trong nhà thờ. Ông nhìn theo. Nàng vẫn dịu dàng, thiết tha và bé nhỏ đến mong manh như ngày xưa, lúc hai người cầm tay nhau bước lên chiếc máy bay của tự do và số phận.

Chợt cánh cửa hông nhà thờ hé mở và một phụ nữ gần như lẻn vào. Bà ta trạc tuổi nàng, đôi mắt u buồn. Bà đi đến sau lưng nàng, làm dấu thánh và quỳ xuống trước tượng Đức Mẹ. Bà gục đầu trên đôi bàn tay rồi đôi vai run lên thổn thức. Một lúc lâu sau, như đã bình tâm, bà lặng lẽ đứng dậy làm dấu thánh rồi rời khỏi nhà thờ.

Trong khung cảnh hầu như tuyệt đối thanh lặng của giáo đường, ông vẫn ngồi yên nhìn cảnh tượng đó diễn ra như trong một cơn mơ. Ông chợt nhớ đến một truyện ngắn ông đã viết gửi đăng báo cách đây khá lâu. Xúc động vì một câu chuyện bi đát diễn ra ngay dưới chân tượng Chúa Giê Su trước nhà thờ, ông đã viết vội một truyện ngắn mang tính tượng trưng về sự tỉnh thức của một nhà thơ trước thực tế tàn bạo của cuộc đời, trong đó có câu: "Tượng Chúa quay lưng lại, đứng im sững giữa hàng rào sắt bao quanh. Tượng Chúa nhìn vào nhà thờ cửa đóng kín bên kia đường, quay lưng lại với cuộc đời." Vào lúc đó, khi cái ác đang lan tràn, ông không bài xích tôn giáo nhưng ông không tin tôn giáo có thể cứu rỗi con người mà chỉ có thể dùng bạo lực để đối đầu với bạo lực. Bây giờ ông nhận ra rằng, bất cứ với mục đích nào dù tốt đẹp đi nữa, bạo lực chỉ dẫn đến bạo lực, oán thù chỉ kêu gọi oán thù, ngay cả trong cuộc sống lứa đôi. Chỉ có yêu thương mới mang lại hòa bình cho trần thế và thanh thản cho tâm trí con người. Và điều tinh túy nhất trong tôn giáo chính là cái gì đã mang lại sự bình an và thăng hoa cho tâm hồn, bằng tình yêu thương của một Đấng Tối Cao.

Ông liên tưởng đến động tác Guru puja — hiến dâng cho Đấng Tối Cao — cuối mỗi buổi thiền. Quỳ gối, hát một bài hát Sanskrit cổ nội dung nói lên khát vọng hiến dâng, hai bàn tay xòe ra tưởng tượng trong đó có một đóa hoa sen với bất kỳ mầu sắc nào tượng trưng cho những ý nghĩ đang đến trong đầu, dù tốt đẹp hay xấu xa, hạnh phúc hay đau khổ, và ngay cả tội lỗi, hiến dâng hết cho Đấng Tối Cao. Đấng Tối Cao chấp nhận tất cả và con người khát vọng-sùng tín sẽ được giải thoát, trở nên tự do đối với mọi ràng buộc, vui buồn của trần thế. Con người đó sẽ hòa nhập làm một với Đấng Tối Cao, trở thành chính Đấng Tối Cao.

Ông nhẹ bước đến đặt tay lên vai nàng. Nàng ngước nhìn ông, đôi mắt tỏa sáng một niềm tin yêu ấm áp như ngày xưa lần đầu tiên hai người gặp gỡ. Ông cầm tay dắt nàng ra khỏi giáo đường. Khi cánh cửa khép lại đàng sau, ông thấy rõ từ đây hai người sẽ cùng nhau đi đến cuối đường trần thế, trong cuộc hành trình trăm năm, trước khi tiếp tục viễn du vào cõi hư không.■

Đà Lạt tháng Chín 1995

CHÀO ĐỜI KHÔNG PHẢI LÀ LẦN ĐẦU

GI DU

For Du Li, who's always in my heart.

Dự chợt nhớ lần lái xe chung với chị Du Li, người chị cả trong gia đình, khi dọn nhà từ đông sang tây trong năm 77. Đường dài nên hai chị em ngồi tâm sự với nhau về thân phận người. Thật ra chị Du Li lớn tuổi hơn Dự khá nhiều và không còn ở nhà thường xuyên khi Dự lớn lên. Cho nên mãi đến ngày hôm nay, hai chị em mới có cơ hội tán dóc nhiều thứ và lâu như thế. Chị bỗng phát ngôn: "Ở đời có nhiều lúc một người có cái cảm tưởng là mình được hồi sinh, nhưng sau đó lại chứng nào nào tật nấy nên vẫn... HUỀ mình! Mọi người ai nấy đều nhớ cái lần đầu chào đời của mình vì nó in sờ sờ ra trên giấy khai sinh. Còn những lần chào đời khác thì ít người nhận thấy chứ đừng nói đến chuyện có nhớ nó hay là không."

Dự bèn cười cười tò mò hỏi: "Thế chị chào đời mấy lần rồi?"

Chị lưỡng lự rồi trả lời: "Tôi thì cũng vài lần thôi — còn chú thì sao?"

Dự hít một hơi thở thật dài và để nghe chính thân tâm mình trả lời rằng: "Em chào đời lần thứ nhì cũng mới đây thôi — ngày đặt chân lên mảnh đất này hai năm về trước. Nhưng nó không ngắn ngủi như lần đầu — òa khóc lúc chui từ trong bụng mẹ ra là xong — mà lại kéo dài cả một tháng trời."

Dự nhìn sang chị Du Li thì đồng thời bắt gặp cặp mắt chị ấy đang nhìn mình. Bốn mắt nhìn nhau tuy không nói thêm một lời nào cả nhưng lại chứa đầy sự cảm thông của những kẻ hơn một lần hồi sinh với nhau. Và không đợi chị ấy hỏi thêm, Dự kể lại cái lần chào đời thứ hai của mình: Nó bắt đầu từ lúc Dự bước vào chiếc máy bay vận tải C-130 buổi tối hôm đó. Khi mà linh tính của Dự bỗng cho biết rằng không phải mọi người sẽ chỉ đi qua Phi hay Thái Lan lánh nạn một thời gian ngắn rồi lại về như mọi người bàn tán bảo nhau. Mà nó sẽ là một chuyến hành trình rất dài và không hứa hẹn ngày trở về. Vì là người cuối cùng bước lên lòng tàu, nên Dự ngồi tuốt ở đằng đuôi của chiếc máy bay, cách xa chỗ ngồi của bố mẹ, chị Hạnh và Hằng, cô em gái út. Nhưng qua ánh mắt nhìn, Dự báo cho mọi người biết là mình đã ngồi vào trong phi cơ xong xuôi, để mọi người yên tâm về anh. Chiếc máy bay vội vàng rồ máy rồi chập chềnh chuyển bánh. Dự hơi nhổm người lên và lấy tay chỉ chỏ vào lỗ tai của mình để ra hiệu cho bà mẹ hãy bịt tai vào để khỏi bị ù tai lúc phi cơ cất cánh. Người lính không quân ngồi ngay ở ngoài cửa vào phòng lái vội đứng lên, lấy ngón tay chỉ thẳng vào mặt Dự và ra hiệu phải ngồi xuống ngay lập tức. Chiếc máy bay càng ngày càng lấy thêm đà và càng rung chuyển mạnh hơn. Xung quanh, tất cả mọi người ngồi dưới sàn tàu một cách thật ngoan ngoãn. Trong khoảnh khắc, chiếc máy bay cất cánh khỏi mặt đất và không còn lúc lắc nhiều nữa. Dự cảm thấy rõ ràng con tàu đang vùn vụt lướt trên mây. Liếc nhìn đồng hồ, thì thấy vừa đúng một giờ sáng, ngày thứ Tư, 23 tháng Tư. Đoán chừng máy bay đã đạt được cao độ, Dự đứng lên và định tiến lại một khung cửa sổ nhỏ ở gần đó. Nhưng mọi người ngồi đầy xung quanh thật vướng lối và ông lính kia vội vã lấy tay ra hiệu phải ngồi xuống. Dự buồn thảm bỏ cái dự định nhìn ra ngoài cửa sổ và tự nhủ — không được nhìn cảnh vật thêm một lần nữa có lẽ lại càng tốt vì đỡ phải bịn rịn! Dự để ý lắng tai nghe nhưng chỉ thấy tiếng ù ù của động cơ và tiếng gió ở bên ngoài — và không hề nghe thấy một tiếng khóc, một lời nức nở của bất cứ một ai trong tàu — kể cả chính mình. Nhưng dự biết chắc chắn rằng trong lòng mình cũng như mọi người xung quanh thì đang tan nát và một phần hồn thì đang phập phồng hoang mang cho những ngày sắp tới...

Khi đoàn xe buýt chở mọi người về đến trại tỵ nạn thì trời cũng vừa hừng sáng. Chị Hạnh đỡ một bên, Dự đỡ một bên, hai người cùng đưa bà mẹ già xuống xe và nặng nề bước từng bước vào căn nhà tạm trú. Ở một góc nhà, bố của Dự đã vội vàng kéo năm cái ghế bố lại gần nhau. Trên mỗi cái ghế bố là một cái gối nhỏ trong cái bao đã cũ, xếp gọn ghẽ từ bao giờ bên trên cái mền xám nhà binh. Chờ cho mọi người nằm xuống đâu đó, Dự lặng lẽ bỏ ra ngoài. Gió biển thổi nhè nhẹ làm Dự cảm thấy nhẹ nhõm thêm được một chút. Đảo mắt nhìn thì thấy từng dãy nhà nho nhỏ nằm xan xát bên nhau và ở xa xa mặt trời đỏ ối từ từ mọc. Vừa cho tay vào túi quần, Dự vừa rảo bước chậm rãi đi về phía đầu trại. Sau khi dừng chân và đổi sang máy bay C-141 ở Phi trong đêm, giờ đây Dự đang đứng ở trên đảo Guam — cách xa mấy ngàn cây số từ phi trường Tân Sơn Nhất lúc khởi hành. Thấp thoáng sau hàng cây dừa cao vút, Dự thấy một bãi cát dài trắng xóa và một vài người thổ dân đang

lúi cúi làm cái gì đó. Dự bỗng mong ước được chạy xuống đó để vùi chân mình dưới cát nhưng chợt nhận thấy cái hàng rào kẽm gai chạy dài quanh trại tỵ nạn nên vội bỏ ý định đó. Sau khi nhận ra đâu là đông đâu là tây, Dự quay nhìn về hướng tây cố thử xem có nhìn thấy đất liền hay không. Nhưng có thấy chăng chỉ là màu xanh đậm của biển cả — chạy mãi đến tận chân trời. Lần đầu tiên trong cuộc phiêu lưu này, Dự cảm thấy cái xa cách và mất mát của một giải đất mà mình đã sinh ra và lớn lên ở trong đó, của người bạn và người thân yêu mà duyên trời đã đưa đến. Dự gọi lớn lên tên của một vài người, tên của một vài thành phố mà mình đã một lần ghé thăm. Nhưng vọng lại chỉ là tiếng gió rì rào trên ngọn dừa và tiếng sóng vỗ đều đặn. Chợt nhớ đến hai câu thơ của một người lính nào đó đã viết trước khi từ giã Việt Nam trở về quê hương xứ sở của họ: "Xin chia tay và nếu là mãi mãi, Thêm một lần xin mãi mãi chia tay." Cánh tay Dự bỗng ngập ngừng đưa lên, vẫy tay chào vĩnh biệt nửa hồn người đã ra đi đêm hôm trước và vẫy tay chào ai đó nơi phương tây xa miệt mài...

Cuộc sống trong trại tỵ nạn những ngày sau đó thật tẻ nhạt — sáng sớm xếp hàng ăn sáng, trưa xếp hành ăn trưa, tối xếp hàng ăn tối! Đi đâu và làm bất cứ một cái gì cũng đều phải... xếp hàng cái đã! Mẹ của Dự thì sau khi xếp hàng vài lần lãnh cơm, chẳng còn thiết tha gì đến ăn với uống nữa. Do đó dù ba chị em thay phiên nhau đi lấy cơm mang về ngày đủ ba bữa, chỉ thấy mẹ mình xúc vài thìa ăn cho có lệ. Còn bố của Dự thì vốn ăn dễ và sẵn tính điều độ, nên lần nào cũng ăn đủ ba bát cơm đầy một cách ngon lành. Khoảng buổi trưa ngày cuối tuần đó, bố của Dự hớt ha hớt hải chạy về và dù chưa ai kịp hỏi câu nào đã vội nói: "Cô Châu cậu Ly và cả hai đứa nhỏ đã đi được rồi, còn chú Dũng và gia đình thì vẫn còn đang chờ người ta đến đón." Thì ra suốt mấy ngày liền, bố của Dự ngày nào cũng lên xếp hàng ở văn phòng thông tin của trại để được gọi điện thoại về cho con còn ở lại. Mẹ của Dự cắt ngang: "Thế ông đã gọi được cho cô Du Li chưa?" Bố của Dự thong thả trả lời: "Tôi cũng gọi cho cô ấy được rồi, và cô ấy nói sẽ lo mọi thủ tục giấy tờ — bà cứ yên chí đi. Tôi cũng dặn cô ta báo tin cho chú Lễ, chú Nhân và cô Bích biết mình đang ở đây." Mấy ngày kế tiếp sau đó, Dự và bố của Dự ngày nào cũng xếp hàng chầu chực ở văn phòng tìm thân nhân của trại để nhờ tìm gia đình anh Ly chị Châu. Dự còn nhớ mãi buổi chiều ngày 30 tháng Tư, bố của Dự lúc nào cũng kè kè sát bên tai cái radio chạy bằng pin, nghe hết đài BBC rồi lại đến VOA, như một thói quen đã từ lâu lắm rồi, bỗng thấy ông nhuễ nhãi bỏ cái radio xuống cái ghế bố đang ngồi, ngón tay chán chường tắt cái radio đi và nói thật chậm rãi, thật buồn thảm: "Sài Gòn mất rồi, thế là hết...", rồi trong giọng đầy lo âu và thương yêu, xen lẫn với tiếng thở dài não nề, ông nói tiếp: "Không biết chú Dũng có đi được hay không?! Không biết cô Mai rồi sẽ ra sao?!" Dự nhìn bốn người kia và không ai nói với ai câu nào. Cả năm người như chìm sâu trong tâm tư của riêng mình. Cả năm hồn người tuy không hẹn nhưng cùng bỏ nhau bay về phương trời nào thật xa. Dự vội đứng lên và bỏ ra ngoài, đầu óc cũng chẳng còn biết đôi chân rảo bước đi đâu nữa, có lẽ vì đang tràn ngập với hình ảnh ngây thơ xinh xắn của Chút Chít, của cu Tín và cu Lô. Và cái nửa phần hồn vẫn còn thoi thóp trong Dự từ mấy ngày hôm nay, đã vĩnh viễn bỏ ra đi...

Cũng nhờ có Chi và "em cu" mà những ngày sống trong trại này qua mau hơn và đỡ buồn tẻ hơn. Ngày cuối cùng, mọi người trong gia đình Dự dắt nhau vào PX của trại để mua đồ cắm theo làm kỷ niệm. Dự lục lọi trong ví xem thử mình có đồng bạc cắc nào hay không thì bỗng tìm thấy tờ giấy bạc 50 đô mà cô Tường đã dúi cho cả Dự lẫn em Hằng từ hôm nọ. Nhưng rốt cuộc cũng chẳng có ai mua bán gì ngoại trừ mấy phong bánh kẹo vớ vẩn và dăm bao thuốc lá. Khi đưa tờ giấy bạc ra trả tiền, Dự thấy tay mình hơi dùng dằng — một nửa muốn giữ nó lại làm kỷ vật, còn nửa kia thì muốn trả nó về với quá khứ. Buổi sáng hôm sau, cả gia đình của Dự được đưa ra phi trường để lên máy bay vào đất liền. Lần này không còn là chiếc phi cơ vận tải quân sự cồng kềnh như hai lần trước nữa, mà là chiếc Boeing 747 khổng lồ. Vừa lên máy bay, Dự nhanh nhẩu dành lấy cái ghế ngồi nagy cạnh cửa sổ và dán mắt vào đó ngay sau đặt người xuống ghế. Chiếc 747 rồ máy và nhún nhảy nhẹ nhàng khi lấy thêm đà trên phi đạo rồi theo gió cất mình lên trời xanh. Nhìn hòn đảo Guam từ từ nhỏ dần ở đằng xa, Dự mới chợt nhận ra rằng đó chính là nơi mà hồn anh đã chết lần đầu, và cũng là nơi mà anh vừa mới chào đời lần thứ nhì. Có lẽ một người một khi chết đi sống lại như Dự giờ đây, thì người đó cũng chẳng còn ham muốn hay tham vọng gì nữa. Và dù không hề có mồ mả hay dấu tích để lại trên đảo Guam, chắc chắn anh sẽ nhớ nơi chốn này mãi mãi...

*

Chị Du Li nẫy giờ vẫn vừa cầm tay lái xe, vừa im lặng ngồi nghe. Đoán có lẽ cậu em mình đã kể hết chuyện nên đùa một câu cho bớt đi phần căng thẳng: "Chú sang đây mà có được 50 đô trong túi là giàu hơn tôi rồi, lần đầu tiên tôi sang bên này trong túi chỉ có 20 đô thôi!" rồi hai chị em cùng phá lên cười. Dự bỗng cảm thấy bàn tay chị Du Li nắm lấy bàn tay của mình và chị đổi giọng nói thật nhỏ — gần như là nghẹn ngào: "Thôi dù sao chăng nữa, hồi sinh được như chú và gia đình của mình qua được bên này như vậy là đáng mừng rồi, nhà mình chắc phải có *phước* lắm mới được như thế!" Dự đưa tay quay cửa kính xe xuống cho gió bên ngoài lồng lộng thổi vào mặt, thổi chập chờn hình ảnh của ngôi nhà cũ ở Phú Nhuận đang nhen nhúm trong đầu. Rồi anh ngủ thiếp đi lúc nào cũng không hay, trong tay vẫn còn cầm lấy bàn tay của chị Du Li.■

Xuân Bính Tý 96

ĐÔI BA NGƯỜI VIỆT

LÊ TẤT ĐIỀU

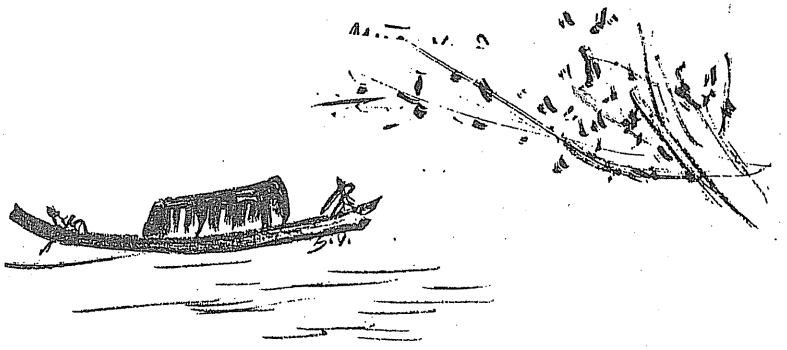

Santee 21 tháng Tư, 96

James Keeran kính mến,

Nếu ông có đôi ba cảm tưởng không đẹp về người đàn ông Việt Nam, một vài thiên kiến xấu về quân đội miền Nam, ông cũng không nên áy náy. Lỗi không phải ở ông.

Phần tôi, đã có vài lần bị một ấn tượng sai lầm dính cứng vào đầu hàng tháng trời và một lần khác, suýt gây tai họa vì những thiên kiến.

Hồi đó, tôi làm việc cho Nha Cảnh Sát San Diego. Trong thời gian tập việc, tôi thường đi theo xe tuần tiễu của cô Bill, một ông cô rất chì. Một buổi sáng, chúng tôi được cử đi phụ giúp hai cán sự xã hội đến cứu một đứa trẻ bị người cha hành hạ, theo lời tố cáo của hàng xóm.

Người cha, một thanh niên cỡ trên 20 tuổi mở cửa cho chúng tôi, mặt lờ đờ, mắt nhìn vào khoảng không, rõ ràng vẫn còn đang say thuốc. Hỏi vợ con đâu, anh đáp cộc lốc "Tôi không biết" rồi ngồi vật xuống cái sofa, như chẳng thèm chú ý đến mọi chuyện xảy ra quanh mình.

Người mẹ, cũng đang "thăng", nhưng có vẻ tỉnh táo hơn, bồng đứa nhỏ trốn trong phòng tắm. Trên giường phòng ngủ còn một mớ quần áo đàn bà, tã lót bình sữa xếp gọn gàng. Chắc cô ta đang sửa soạn rời nhà thì chúng tôi ập tới.

Đứa bé gần hai tuổi, không bụ bẫm nhưng cũng không đến nỗi gầy còm một cách bất thường. Tay chân đứa bé, những phần không bị quần áo che, trên má bên trái và ở cổ nó có những vết cháy do đầu thuốc lá dụi vào. Dưới gan bàn chân cũng có vài ba vết như vậy. Đứa bé, khóc từng chập, tiếng khóc khe khẽ, đều đều như một chuỗi những tiếng rên rỉ. Mắt nó nhắm nghiền, như ngủ, nhưng cái miệng nhỏ xíu hé mở rên rỉ, tưởng như suốt lúc ngủ cũng như lúc mơ, nó đều cất tiếng rên rỉ, khóc than như thế.

Người y tá giải thích cho Bill và tôi:

"Chuyện dụi đầu thuốc lá vào người đứa bé chắc xảy ra nhiều lần. Có những vết bỏng đã thành sẹo, có vài vết mới tinh."

Câu nói của người y tá như luồng điện vụt khơi dậy trong lòng tôi một cơn giận dữ bất thường. Cô Bill, một tay chì nổi tiếng, người cả gan thò hai ngón tay vào miệng một tên bán ma túy, để chặn tên kia khỏi nuốt bằng cớ tội ác, bị nó cắn xém đứt ngón tay, mặt mũi vẫn tỉnh bơ, không biến sắc, lúc ấy, có vẻ cũng không khá hơn tôi. Lần đầu tiên, tôi thấy cái mặt thường luôn luôn tỉnh queo, trơ như đá của anh ta, thể hiện những đường nét của một cơn giận đang được kiềm chế.

Chuyện nếu chỉ xảy ra một lần, có thể đổ lỗi cho ma túy. Thằng cha mắc dịch này, trong cơn say thuốc, không còn biết trời trăng gì nữa, cứ dí điếu thuốc đang cháy dở vào người con nó, không nghe, hoặc không hiểu ý nghĩa tiếng gào khóc của trẻ thơ. Nhưng lúc hắn tỉnh lại thì sao?

Một người cha bình thường, một người đàn ông bình thường, sau cơn say, thấy sự thể như thế, sẽ ân hận, hối tiếc suốt đời. Sẽ không còn một nhu cầu, một sự hấp dẫn, lôi cuốn nào đủ mạnh để đẩy anh ta chấp nhận tái phạm một tội ác như thế. Vậy mà hắn lại say sưa, lại đốt con! Thằng cha này đâu còn là người...

Nghĩ đến tình cảnh đứa bé, bình thường gặp chuyện sợ hãi, đau đớn nó kêu cứu và hoàn toàn trông cậy ở ông bố, bà mẹ. Bây giờ chính ông bố đang đốt nó, nó biết kêu ai... Cứ nghĩ đến nỗi tuyệt vọng, kinh hoàng của nó!...

Dù hầm trong bụng, dù không tin ở thằng cha này còn được mấy tí gọi là chất người, cô Bill và tôi vẫn đối đãi với anh ta theo đúng các thủ tục của một xã hội văn minh. Chúng tôi vẫn lễ phép yêu

cầu "Sir" để tay ra sau lưng cho chúng tôi còng. Khi dẫn "Sir" ra xe, tôi vẫn cẩn thận ấn nhẹ đầu "Sir" xuống cho "Sir" chui vào xe an toàn, không dám để mặc cho "Sir" cụng đầu vào thành xe một phát cho bõ ghét.

Hồi đó, tôi đã ở Mỹ gần mười năm. Tôi biết chỉ có một số nhỏ những cặp vợ chồng trẻ dính vào chuyện hút sách, đa số thì sống cuộc đời lành mạnh, thương yêu con cái, như tất cả những cặp vợ chồng trẻ tốt đẹp khác trên khắp mặt địa cầu. Vả lại, ngay trong hàng ngũ những kẻ hút sách, thằng cha quái ác này cũng là một trường hợp hi hữu.

Biết thế mà hàng tháng trời sau đó, mỗi lần gặp một cặp vợ chồng trẻ có dấu hiệu ghiền ma túy, tôi vẫn cứ thấy nghi nghi...

Thiện cảm, ác cảm đến với chúng ta sau những kinh nghiệm sống, sau những điều chúng ta được thấy, được nghe. Dù là một nhà báo chuyên nghiệp, nhưng điều ông được nghe về đàn ông Việt Nam chắc không nhiều, mà tôi sợ rằng phần lớn là những điều chẳng đẹp.

Phim ảnh, sách vở về cuộc chiến Việt Nam đa số chú tâm vào chuyện đánh đấm giữa Mỹ và Hà nội, không thấy bóng dáng quân đội miền Nam đâu. Trong những phim truyện chiến tranh, như trong "Full metal Jacket" chẳng hạn, người chiến binh miền Nam xuất hiện là một tên ma cô, dẫn gái điếm cho lính Mỹ! Phim tài liệu thì mỗi năm một lần chiếu lại cảnh một tướng Cảnh sát miền Nam giết tù binh. Rồi lại còn cái tội ham ăn thịt chó, không biết Pet, piếc là gì...

Nếu ông có nhã ý muốn tìm hiểu từ những nguồn tài liệu có vẻ công bằng hơn, như những cuốn sách, cuốn phim được phổ thông ở Mỹ, do một tác giả sống ở miền Nam viết, thì cái ác cảm với đàn ông Việt sẽ chỉ có tăng. Cuốn sách, cuốn phim phổ thông của bà Lely Hayslip chẳng hạn trình ra trước thế giới một lũ đàn ông Việt Nam độc ác, cà chớn, ở cả hai phía, chỉ lo rình cơ hội hiếp chóc, lợi dụng thân xác một cô gái quê... và ngay cả trong một phim có giá trị nghệ thuật, do một đạo diễn trẻ có kiến thức người Việt thực hiện, suýt được giải Oscar, tình cảnh cũng chẳng khá gì hơn.

Trong phim "Mùi đu đủ xanh" ông sẽ gặp một người đàn ông chủ gia đình hết sức cà chớn, vô trách nhiệm. Hắn chỉ ăn chơi, đàn hát, sống nhờ sức lao động của bà vợ... rồi lại sinh ra cờ bạc, ăn cắp cả tiền dành dụm của vợ. Bên cạnh một người đàn bà Việt Nam thánh thiện là một đấng phu quân có nhân cách giống ngợm hơn người.

Những nhân vật đàn ông tồi tệ như thế làm cho "Mùi đu đủ xanh" hấp dẫn hơn, làm cho cuộc đời một cô gái điếm Việt Nam trong "Trời và Đất" bi tráng hơn. Nó là những yếu tố sáng tạo tăng khán giả cho một tác phẩm. Nhưng nó lặng lẽ tạo ác cảm, ấn tượng xấu trong lòng khán giả không có cơ hội biết nhiều về người Việt, đất Việt.

Được cung cấp nhhững tài liệu, hình ảnh đàn ông Việt Nam như thế, dù có rộng lượng cỡ nào, ông cũng khó tránh được những ấn tượng không đẹp.

Thư này, tôi sẽ giới thiệu với ông một vài người tôi quen biết. Cuộc đời họ bình thường, nhàm chán lắm không đáng được là nhân vật trong một cuốn phim, cuốn sách nào. Nhưng họ có thật. Và họ có những đức tính giống hệt hàng triệu người đàn ông Việt Nam bình thường khác.

Người đầu tiên là ông Lưu, ông giáo sư dạy tôi thời Trung học.

Ông Lưu hiện ở quận Cam. Tôi không biết ông đang làm nghề ngỗng gì. Nhưng biết chắc là ông vẫn bền bỉ đóng góp thì giờ, tiền bạc cho những sinh hoạt của cộng đồng Việt. Ông vẫn giống hệt người thanh niên trẻ, sinh viên văn khoa Lưu, của năm 1954.

Năm 1954, nước Việt bị chia đôi. Công sản chiếm nửa Bắc, người Quốc gia còn lại miền Nam. Gia đình tôi cùng một triệu đồng bào di cư vào Nam. (Nếu hôm đón tôi ở phi trường Peoria, tháng 7-1975, ông thấy tôi có vẻ là một tay di tản thành thạo, chuyên nghiệp và lấy làm lạ thì bây giờ, đọc đến đây, ông đã biết lý do: 21 năm trước đó, quân ta đã được tập dượt di cư một phát rồi).

Gia đình tôi và phần lớn đồng bào di cư, lúc đó, rất khốn đốn vì bỏ lại miền Bắc nhà cửa, cơ nghiệp tạo dựng một đời. Phần tôi, một học sinh đệ lục (lớp bảy bây giờ) thì hơi vất vả vì bỏ lại cho bác Hồ ba đôi dép còn rất tốt. Đôi duy nhất mang theo được ít ngày là đứt, rách teng beng, buộc dây, quấn giẻ lung tung cũng chỉ cứu được một tuần. Thế là chú nhỏ di cư bắt đầu cuộc đời đi đất, vừa đi vừa nghĩ đến mấy đôi dép bỏ lại ở thị xã Hà Đông mà tiếc hùi hụi.

Bèn có kế hoạch tạo ngân quĩ để mua dép.

Hồi đó ở Việt Nam không có vụ trẻ con đi làm việc vặt để kiếm tiền, hoặc có mà tôi không biết. Tôi chỉ biết gây quĩ bằng cách giữ chặt ngân sách dành cho vụ di chuyển, chỉ chi ra một phần cho hãng xe buýt.

Trại định cư tôi ở nằm ở vùng ngoại ô phía Tây Sài Gòn, lúc đó, còn là đồng ruộng, làng quê. Hàng ngày, tôi sẽ đi xe thổ mộ tới bến xe buýt, người lớn hai đồng, trẻ con một đồng. Xe buýt Chí Hòa Sài Gòn một đồng nữa. Từ bến xe buýt trung tâm Sài Gòn, đi bộ chừng một dặm là tới ngôi trường Tiểu học mà thầy trò bọn di cư được dành cho đúng ba giờ đồng hồ vào buổi trưa để dậy dỗ nhau. Lượt về, lại hai đồng nữa. Một ngày, tôi có bốn đồng cho vụ di chuyển, theo đúng kế hoạch mẹ tôi đã chuẩn chi.

Vụ vồ lại hai tù của mấy ông đánh xe ngựa thì dễ. Đoạn đường từ ngã ba ông Tạ xuống bến xe buýt không xa, tôi cuốc bộ dễ dàng, đủ hai lượt đi về. Xe buýt chuyến đi không tránh được, nhưng lượt về, thỉnh thoảng tôi cũng liều cuốc bộ một chuyến để dành cho được thêm một tù.

Cuốc bộ lượt về, gặp ngày may mắn, có anh học lớp lớn, động lòng thương cảm thằng nhỏ di cư không có tiền đi xe buýt, gọi lại cho leo lên sau xe đạp để anh đèo đi một đoạn đường dài. Cũng

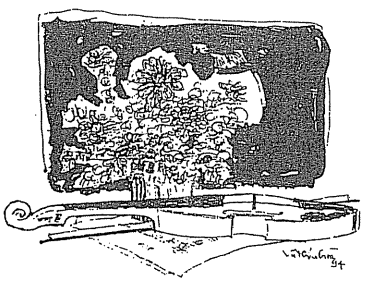

ĐOÀN THANH LIÊM

TẶNG BẠN VỀ HƯU

(Cảm đề thơ Evtushenco: *Don't die before death*)

Đường trần chưa vẹn sao yên nghỉ?
Non nước vơi đầy nỗi xót xa
Phong cách buông lơi phường quân tử
Trách chi bá tánh bỏ quên nhà.

Sài Gòn, 1987

NHỚ ĐÀ LẠT

(Cảm đề thơ Robert Frost:
But I have promises to keep
And miles to go before I sleep)

Thông xanh dẫu nặng ý thơ
Ta còn mắc hẹn cơ đồ nước non.
Đường xa vạn lý mỏi mòn
Vẫn còn quân tử sắt son với đời.

Sài Gòn, tháng 7-1990
Trong phòng biệt giam

TẶNG NGUYỄN ĐAN QUẾ

Tù mấy phen rồi ai thắng ai?
Bạo quyền muôn thuở sợ công khai
Bịt mồm khóa miệng người công chính
Ta vẫn kiên cường há thua ai

3/1994

TẶNG ĐOÀN VIẾT HOẠT

Tù xưa mười mấy năm rồi
Tù nay vẫn tội chống Trời Đảng ta
Ở đâu cũng nước non nhà
Cũng dòng máu thắm ruột rà tình thâm
Ngày xuân rủ bạn cùng ngâm
Khúc ca chính khí hòa âm khắp miền:

Tường đá rào cao kiên cố đó
Hồ dễ làm ta bỏ cuộc chơi.

3/94

có bữa xui tận mạng, gặp ông đàn anh cà chớn. Mới đèo mình được một lúc là ông ấy ngừng xe, đuổi xuống lại còn mắng thêm mấy mắng:

"Thằng này nom choắt choeo, mà nặng quá. Đạp mệt bỏ cha. Thôi, xuống mày!"

Ngoài ra, lại còn cái nạn bị bạn bè phản thùng.

Sau giờ học, tụi bạn thường rủ tôi đi đá banh ở Vườn ông Thượng (sau nay là sân Tao Đàn). Những đứa con nhà khá giả, có xe đạp, đua nhau hứa vung vít là sau đó sẽ đèo tôi về tận nhà. Tan cuộc, lũ cuội ấy trở mặt một cách rất trắng trợn, nhất là những đứa ở phe bị thua đậm. Có đứa thực thà rên rỉ rằng đá banh mệt quá, giờ phải đèo một thằng về ngã ba Ông Tạ thì chắc gẫy giò. Có đứa diễn tuồng con nhà gia giáo, nhìn đồng hồ rồi nhảy phốc lên lên xe đạp, ồn ào giải thích rằng: ham chơi về trễ thế này chắc ông già đánh nát đít, phải về trình diện càng sớm càng tốt.

Thoáng một cái là bọn lừa thầy phản bạn, ác ôn côn đồ ấy phú lỉnh hết, bỏ tôi trơ trọi giữa trận tiền. Lúc ấy nếu ra trạm xe buýt ngay thì tình cảnh cũng không đến nỗi tệ. Nhưng tôi khát nước gần chết, sau mấy giờ chạy nhảy hò hét. Thà cuốc bộ hơn chết khô! Cậu nhỏ bèn hào sảng tự đãi mình một ly chanh muối tổ chảng để lấy gân mà...cuốc. Nhiều hôm, mới về tới đầu chợ Ngã ba ông Tạ, trời đất đã tối hù. Từ đó, đi tắt vài con đường làng nữa mới tới nhà. Băng ngang khu nghĩa địa lúc trời tối, chỉ nghe tiếng mấy cây tre kẽo kẹt, đã sợ muốn rúm ró cả người.

Sách vở không có, vụ đi học, về học đã mất cả nửa ngày, học hành như thế làm sao khá được. Các bạn tôi, dù không ở xa trường, không khốn đốn vì một kế hoạch gây quĩ mua dép, cũng chẳng khá hơn tôi bao nhiêu. Trong hoàn cảnh di cư, các cậu ấy cũng phải đóng góp vào cuộc tái định cư của gia đình, cũng trôi nổi từ trại tạm cư này qua trại tạm cư khác. Trường học thì lúc ở trường tiểu học Trương Minh Ký, lúc rời qua trường tiểu học Lê Văn Duyệt. Năm học lại bị gián đoạn nhiều lần khi quân chính phủ đánh đấm quân Bình Xuyên. Rồi còn biết bao nhiêu lần thầy trò đi biểu tình khắp Sài Gòn Chợ lớn hô khẩu hiệu ủng hộ thủ tướng Ngô Đình Diệm, đả đảo kịch liệt cựu hoàng Bảo Đại v.v...

Nếu không được giáo sư Lưu và các bạn ông cứu, chắc tôi không qua nổi bậc trung học đệ nhất cấp.

Mùa hè 1955 và 1956, sinh viên văn khoa Lưu và một nhóm sinh viên ở các phân khoa khác tổ chức lớp hè miễn phí. Năm đầu ở trường Cầu Kho, năm sau

trường Chợ Quán. Cuối khóa hè 1955, các anh ấy còn tổ chức một cuộc thi văn chương. (Hai cậu học trò đoạt giải nhì, giải ba, về sau thành những nhà văn, nhà báo nổi tiếng).

Giáo sư Lưu hồi đó, chắc chưa tới 20 tuổi. Những người dậy lớp hè, sinh viên năm thứ nhất, năm thứ hai, không chừng còn ở tuổi choai choai (teenage). Vậy mà nhớ lại, tôi chỉ thấy những con người hết sức trưởng thành, chững chạc.

Là sinh viên di cư, chắc họ còn gặp nhiều khó khăn, có nhiều vấn đề cần giải quyết hơn là bọn nhóc chúng tôi. Ngay cả việc biểu tình, họ cũng lãnh những vụ nặng hơn tụi tôi nhiều. Chúng tôi xếp hàng dọc đường Công Lý phất cờ đón Thủ Tướng và các quốc khách hoặc đi vòng vòng quanh chợ Bình Tây hô khẩu hiệu thì chỉ mỏi cẳng và khát nước. Sinh viên thì biểu tình vây một khách sạn có viên chức Việt Cộng trong một ủy hội Quốc tế gì đó, có đập phá, có cảnh sát xô đẩy, một sinh viên bị thương mù cả hai mắt, về sau phải học nghề khâu giầy để sinh sống.

Những người trẻ ấy, họ cảm thấy có trách nhiệm lo lắng cho con em của các gia đình khác. Họ nhiệt thành tham dự vào những sinh hoạt liên quan đến số phận đất nước, đồng bào. Khó mà tưởng tượng rồi ra lại có kẻ biến thành gã đàn ông vô trách nhiệm, vô đạo đức như trong "Mùi đu đủ xanh."

*

Xin kể một chút về ông Nguyễn, ông Phan.

Ông Nguyễn rời Việt Nam du học từ trước 1950. Đậu hai bằng tiến sĩ, hiện là giáo sư trường đại học UCSD. Thành công ở Mỹ, sống xa quê nhà nhiều thập niên, nếu ông Nguyễn có cảm thấy ít gắn bó với Người Việt, đất Việt, thì cũng là chuyện bình thường.

Nhưng cuối thập niên 70, khi đọc xong bài hồi ký của những thuyền nhân bị hải tặc Thái giam giữ ở đảo Ko Kra để hành hạ, ông Nguyễn ràn rụa nước mắt. Ông trở thành Chủ tịch Ủy ban báo nguy giúp người vượt biển (Boat people SOS committee). Suốt hơn mười năm, cùng với ông Phan và một vài vị khác, ông Nguyễn dùng uy tín, sự quen biết, thì giờ, tiền bạc của mình vào việc cứu vớt thuyền nhân.

Nỗi khổ của người vượt biên, những nỗ lực, công trình của ông Nguyễn, ông Phan đưa tiếng kêu cứu của họ đến những tấm lòng nhân đạo khắp thế giới... nếu kể lại, cần hàng ngàn trang sách.

Thư này, chỉ kể với ông một chuyện nhỏ. Vì một sáng kiến của tôi, nẩy sinh hoàn toàn vì thiện ý, mà Ông Nguyễn, ông Phan đã gặp những chuyện phiền lòng.

Hồi ấy, ông Phan đang làm cai thợ ở một hãng đóng tàu thì bị một tai nạn. Với một ngón tay bị ống sắt đập nát, ông Phan được cho ngồi chơi xơi tiền lương bất khiển dụng.

Gọi điện thoại hỏi thăm, tôi gặp một ông Phan đang khoái trí. Ông ấy bảo rằng chắc trời xui đất khiến, từ nay ông có thể làm việc suốt ngày cho Ủy ban. Thế là ngày ngày, ông thợ ống nước bất khiển dụng của hãng đóng tàu, với bàn tay băng bó một cục, chăm chỉ đến văn phòng "Ủy ban báo nguy" dùng bàn tay còn lại để viết văn thư, thảo kế hoạch, giữ đúng nhiệm vụ của một giám đốc điều hành.

Lương bất khiển dụng không phải là cái kho vô tận. Nó bị giảm dần cho tới lúc hết hẳn. Khi ông Phan sắp sửa trở thành người làm việc Chùa "toàn thời" tôi đề nghị ông phải nhận một khoản lương.

Đề nghị như thế, tôi đã nghĩ (và cho đến nay vẫn không nghĩ khác) là Ủy ban cần xử đẹp với ông Phan, và để giữ cho đồng bào vượt biển một người có tài lại hết sức, hết lòng với công việc.

Ông Phan không là triệu phú. Khi ông không có lợi tức thì gánh nặng dồn lên vai bà Phan. Giữ ông Phan làm việc không công, lòng thương người nơi ông chưa đủ, còn phải có sự kiên nhẫn, đại lượng và lòng thương người ở nhân vật vừa chịu thêm gánh nặng nữa chứ. Rồi sẽ có lúc dù lòng nhân ái không hề giảm, bà Phan không thể tiếp tục lao động vất vả một mình, sẽ phải xuống lệnh thâu hồi lại ông chủ gia đình. Và "Ủy ban báo nguy" sẽ mất ngay một thành viên xuất sắc.

Tôi muốn Ủy ban giữ được ông Phan một thời gian thật dài. Ngoài khả năng tổ chức, điều hành, giao dịch hiếm có, ông còn là người làm việc hết lòng. Tính tình nghiêm trang, cẩn trọng, sau mỗi lần thảo xong một kế hoạch, một văn thư quan trọng, ông đều nhấc điện thoại nói cho tôi nghe mọi chi tiết rồi hỏi "Ông thấy có điều gì cần nhắc nhở tôi không?" Chính nhờ những cú điện thoại như thế mà tôi biết ông làm việc cho Ủy ban bất kể ngày giờ. Sáng sớm thứ bảy, chiều chủ nhật, gần 11 giờ đêm ngày thứ hai, thứ ba... bất cứ lúc nào tôi cũng có thể nhận được cú điện thoại đòi "nhắc nhở." Tiền bạc nào thuê cho được một nhân viên say mê công việc đến như thế.

Tôi thuyết phục mãi ông Phan mới chịu nhận một khoản lương. Theo thị trường lương bổng lúc đó, lương ông Phan vừa cao bằng lương một thư ký. Không có "bê-nê-phít" gì hết. Tóm tắt, vừa đủ để bà Phan khỏi nuôi thêm một nhân viên cao cấp của ủy ban, và tháng tháng đỡ lo cấp tiền xăng nhớt cho nhân viên cao cấp này chạy việc.

Về sau, một nhóm người có chuyện bất bình với hai ông, họ đem chuyện ấy ra chỉ trích nặng lời. Rồi đến ông Nguyễn bị chê là kém tinh thần dân chủ, suốt hơn mười năm không chịu tổ chức bầu cử cho người ở ngoài ủy ban cũng có cơ hội làm Chủ tịch v.v...

Câu chuyện cứ leo thang dần đến mức tệ hại. Càng ngày hai ông càng bị đả kích bằng những ngôn từ thô lỗ, nặng nề.

Tôi là kẻ đầu tiên mất kiên nhẫn. Tôi đề nghị: xét ra, hai ông đã đóng góp quá đủ cho việc cứu giúp đồng bào, bây giờ có bỏ đi làm việc khác cũng không ai trách. Tội gì mà cứ ôm lấy gánh nặng để nhận lãnh những lời xúc phạm đến thế.

Các ông đồng ý. Sau ngày tuyên bố ngưng

ĐỖ THÌ KÊNH G

KHÚC HÁT MÙA ĐÔNG

Con chim đông giã heo may
Anh về đan lại bàn tay cho dầy
Mùa đông về qua ngõ lầy
Em thưa với mẹ với thầy theo anh
Mùa đông về thơm gốc chanh
Đắp anh em ngủ ngoan lành co ro
Con chim đông hót líu lo
Vầng tim anh nở một vò rượu tăm
Uống đi em rét căm căm
Thân đông mướt rét vào nằm với anh
Nằm với anh chim đông xanh
Cành tay anh gió hú quanh vườn bồng
Trăng đông giãi trắng đồng bông
Con chim đông cởi trăm thương cho chồng
Anh là chồng con chim đông
Em nằm bát ngát một giường trăng xanh
Mùa đông về ấm mái tranh
Con chim đông ngủ trên cành tay anh
Cành tay anh bão mưa xanh
Con chim đông ngủ quên cành trăng suông
Vợ anh là con chim đông
Rước em từ cuối trời giông xưa về.

hoạt động cho Ủy ban, một vị, tôi không nhớ là ai, đã nói với tôi:

"Tôi áy náy quá anh ạ. Mình bị vu oan, chửi rủa bậy bạ thì bực mình thật, nhưng xét cho cùng, cũng chẳng tai hại gì lắm. Đồng bào vượt biển mới đúng là bị vạ lây, thực sự thiệt thòi. Nếu mình cố gắng thêm một thời gian nữa, biết đâu chẳng giúp đỡ thêm được một số người. Cứ nghĩ... chỉ vì mình không chịu đựng nổi sự bực mình, tôi thật áy náy quá."

Câu nói khiến tôi giật mình, bàng hoàng, tự thấy mình nhỏ nhen, tầm thường. Bao nhiêu năm nay, mỗi lần bực bội, nóng giận, tôi chỉ thấy một cái tôi bị xúc phạm, phồng to, trùm lấp tất cả, chẳng còn hở chỗ nào để mà nghĩ tới ai!

*

Nói về sự sáng suốt của người đàn ông Việt Nam, tôi có thể giới thiệu với ông một người ông từng gặp vài lần. Ba tôi, cụ Lê Yên, đến Bloomington năm 1975 và vĩnh viễn ở lại đó. Thành ra, bây giờ, ông còn ở gần cụ hơn tôi. Cụ được an nghỉ trong nghĩa trang "Xanh mãi muôn đời" khu 17, kế cận khu II của cố phó Tổng thống Adlai E. Stevenson. Nơi đó cách tòa báo The Pantagraph chỉ vài ba dặm.

Năm 1954, cụ đang là một thương gia khá thành công ở thị xã Hà Đông miền Bắc. Xảy ra vụ chia đôi đất nước, Bác Đảng cho cán bộ đến dụ khị cụ ở lại, cụ lẳng lặng cho gia đình di cư. Năm 1975, bỏ lại Sài Gòn một căn nhà yên ấm, những tài sản tạo dựng vất vả suốt hai mươi năm, cụ lại cho cả gia đình lên chiếc thuyền lênh đênh vượt biển.

Chấp nhận để con cái rớt từ căn nhà lầu đúc hai tầng xuống mấy manh chiếu trải trên nền đất trại tạm cư, chấp nhận cho cả gia đình leo lên một chiếc thuyền lao vào một cuộc vượt biển đầy bất trắc, cụ đã thấy trước cái tai họa mà chủ nghĩa Cộng sản sẽ đem đến cho gia đình cụ, cho đất nước, cho loài người.

Không được học hành bao nhiêu, sách báo chỉ đọc đại khái, vậy mà cụ lại có một chọn lựa chính trị thật sáng suốt. Ít nhất là sáng suốt hơn ông cụ Jean Paul Sartre, triết gia, học giả lừng danh của Pháp, người đã từng không thèm nhận giải Nobel văn chương.

James Keeran kính mến,

Hôm trước nói với ông về Võ Phiến, Phạm Duy, Nguyên Sa, tôi quả tình có muốn khoe khoang đôi chút về những tinh hoa của dân Việt. Thư này, chỉ kể toàn chuyện của một vài người đàn ông Việt bình thường.

Tôi không nói đàn ông Việt nào cũng uyên bác như giáo sư Lưu, thành công lớn như ông Nguyễn hay có tài tổ chức như ông Phan. Tôi chỉ khẳng định rằng lòng thương xót đồng bào, tinh thần trách nhiệm của đa số đã không khác gì các ông ấy.

Bởi vì, trong khi ông Nguyễn nỗ lực thuyết

phục Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc tiếp tục cứu vớt thuyền nhân, trong khi ông Phan thảo những kế hoạch vận động Pháp, Mỹ, Úc... nhận thêm thuyền nhân thì nới các hãng, xưởng ở khắp thế giới tự do có những người đàn ông Việt đang lao động mù mịt để có thể, ngoài việc sinh sống, giúp đỡ thân nhân, bè bạn còn kẹt ở Việt Nam, vẫn dành riêng ra được một khoản đóng góp cho quỹ cứu người vượt biển.

Mùa hè năm 1955, tại trường Cầu Kho, sinh viên Lưu và bạn bè ông xúm xít lo cứu cấp đám học sinh di cư thiếu học; hai ba thập niên sau, trong chùa, trong nhà thờ, trong những lớp học mượn tạm ở Santa Ana, San Diego tôi lại thấy những thanh niên, thiếu nữ giống hệt giáo sư Lưu và bằng hữu cặm cụi dạy trẻ em học, viết tiếng Việt, giữ gìn văn hóa Việt.

Còn về sự sáng suốt... Mấy chục năm nay, ở miền Nam cũng như miền Bắc, đã có hàng triệu cụ có chọn lựa chính trị giống hệt ba tôi: có cụ học cao, hiểu rộng, có cụ một chữ bẻ đôi không biết. Cụ theo đạo Chúa, cụ thờ ông Phật... Có cụ di cư được, có cụ kẹt lại. Hàng triệu ông cụ Việt Nam, từ đầu thập niên 1950 đã nhìn thấy những điều mà ông cụ Sartre mất công tìm hiểu, nghiên cứu cỡ bốn thập niên, lúc gần chết, mới thấy được.

*

Kể lể dông dài về những ông Lưu, ông Nguyễn, ông Phan vì tôi tin rằng, dù cố gắng truy tầm, ông cũng không gặp họ trong một cuốn sách, cuốn phim nào, nhất là những sách phim thu hút đông đảo độc giả, khán giả. Không có tác giả, nhà đạo diễn nào điên rồ đến độ chọn các ông ấy làm nhân vật chính.

Ngay cả lá thư này, với chín, mười trang quanh quẩn ở những viện, những người bình thường, chắc nó đã lọt vào hàng ngũ những lá thứ "boring" nhất thế giới mất rồi.

Nhưng biết làm sao?

Muốn có một cái nhìn chính xác, những xét đoán công minh về một dân tộc thì phải gặp gỡ những nhân cách tiêu biểu cho hàng triệu nhân cách, những tấm lòng giống hệt như hàng triệu tấm lòng.

Gửi ông một lá thư dài dòng với những câu chuyện nhạt nhẽo, tôi không hề ám chỉ rằng tôi sợ ông có những thiên kiến sai lầm về người đàn ông Việt. Nếu những lá thư "gửi về Bloomington" chỉ để một mình ông đọc, thì đã không có lá thư này.

Ông không cần nó, đa số người Mỹ thì cũng thấy nó chẳng ích lợi gì cho ai. Nhưng tôi tin là một số người Mỹ, nhất là những người có thân nhân, bè bạn bỏ mình vì chiến đấu ở Việt Nam, sẽ tìm thấy trong nội dung lá thư một lời an ủi chân thành.

Trong hai mươi năm chiến tranh, người Cộng sản tấn công phe tự do bằng súng đạn và bằng cả bùn đất nữa. Để thủ thắng, họ vừa bắn phá vừa nỗ lực bôi trát bùn đen lên mặt mũi chúng ta. Nước Mỹ giúp miền Nam bảo vệ tự do thì hóa thành anh Đế quốc gian ác. Quân đội Mỹ, từ ngày lập quốc cho đến những trận chiến mới mẻ ở vùng Vịnh Trung Đông sau này, đều chứng tỏ là một quân đội kỷ luật, dũng cảm, nhân bản... khi qua Việt Nam lại thành ra ác quỉ cả. Còn mặt mũi miền Nam Việt Nam thì ôi thôi! Bẩn thỉu hết chỗ nói: Chính quyền độc tài, tham nhũng, quân đội hèn nhát, bất nhân, chỉ là một lũ đánh thuê, tay sai đế còn dân chúng thì trụy lạc, phi đạo đức, anh giàu thắng tay bóc lột anh nghèo v.v...

Biến cố 1975 đã chứng tỏ "bùn đen" là một võ khí cực kỳ lợi hại.

Miền Nam xụp đổ, Cộng sản thắng rồi, hả hê, có động mối từ tâm mà ngưng ném bùn chăng? Báo chí thế giới có khôn ngoan, tử tế hơn để tiến đến lau những vết bùn trên mặt người dân, người lính Việt Nam vừa ngã ngựa chăng?

Làm gì có chuyện đó! Miền Nam Việt Nam đâu có thể được hưởng một sự đối xử đẹp hơn thành phố Pompeii.

Sinh linh cả thành phố Pompeii bị dìm xuống đáy biển. Thủ phạm được chỉ đích danh: đúng là hành động của ông Trời. Ông trời nín thinh, không chối, và cũng không sai đứa nào bào chữa cho mình. Nhưng người ta cứ nhất định bênh vực hành động của Trời, nhất định phải gắn cho nó một chính nghĩa sáng ngời.

Và Pompeii trở thành một thành phố cực kỳ sa đọa, đồi trụy, một thành phố bị nguyền rủa, đáng bị tiêu diệt. Đàn bà, con trẻ chưa kịp sa đọa cũng đáng chết luôn.

Trong vụ Pompeii, chỉ một hành động của Trời cần khoác tí áo chính nghĩa. Miền Nam sụp đổ, số người cần cái áo quý giá ấy đông đảo hơn nhiều.

Cộng sản không thể ngưng ném bùn vì đâu có thể thú nhận rằng: Chúng tôi thắng trận nhờ gian trá, nhờ bịp bợm giỏi chứ có chính nghĩa mẹ gì đâu. Bạn đồng minh cũng thấy ra vài cục bùn nho nhỏ làm mặt mũi miền Nam hóa ra hết thuốc chữa, hết cứu. Để cái vụ chàng bỏ cuộc đỡ chuế.

Và báo chí phim ảnh thiên tả thì tha hồ huênh hoang rằng vụ miền Nam sụp đổ chỉ là hậu quả tất nhiên của những tội lỗi, xấu xa mà họ đã kể vạch từ khuya.

Thành ra, trong khi thế giới, bạn cũng như thù, đi lại tung tăng khoe áo chính nghĩa thì miền Nam cũng phải gồng mình lãnh thêm bùn đất. Từ lính đến dân đều mặt mũi dơ dáy, nhem nhở, từ Bến Hải đến Cà Mâu là một miền đất bị nguyền rủa, đáng bị bỏ rơi.

Thân nhân người lính Mỹ tử trận ở Việt Nam, đã đau vì mất người thân vì thấy người thân đã chiến đấu, hy sinh cho một bọn chẳng ra gì!

Thế nên tôi mới viết lá thư nhạt nhẽo này, mong tạo chút cơ duyên. Mong thân nhân người tử sĩ tình cờ đọc được và gặp gỡ vài, ba người Việt bình thường, có tinh thần trách nhiệm, có cái nhìn sáng suốt, có tâm hồn đẹp đẽ bình thường. Mong họ gặp những chân dung đích thực của một dân tộc.■

1 tháng Năm, 96

NGƯỜI KHÁCH CHIỀU HÔM ẤY

NGUYỄN HIỀN

Thường tôi không phải chờ lâu quá ba mươi giây từ khi đặt ngón tay lên cái nút chuông điện trắng. Cửa mở hé, một cái đầu bờm tóc ló ra. Tôi lách cửa bước vào. Khúc hành lang ngắn lờ mờ ngọn black light dẫn tôi đến cầu thang lót nỉ đỏ lên tầng trên. Khoảng bậc cấp tối mò thoang thoảng một mùi gai gai nồng nồng. Tôi gắt xuống, không quay mặt lại:

"Sao không nói tụi nó thay miếng này đi. Hôi vậy còn ai dám tới nữa."

Thằng John cười nhe hàm răng thây ma trắng bệch trong ánh đèn tím đậm:

"Tụi nó tới liền giờ mà cô nhỏ. Làm chi hối dữ vậy. Bộ quen nghề rồi hả?"

Tôi nguýt hắn:

"Câm mõm đi."

Đầu tôi đã nhô lên khỏi cầu thang. Thêm một đoạn ngắn đến chiếc khung cửa nâu sẫm bốn mùa đóng chặt. Tôi mở cửa. Bước đến chiếc quầy rượu bên trên hắt xuống hai ngọn đèn mờ. Không khí sệt mùi cần sa khét trộn mùi dầu thơm rẻ tiền. Trong góc phòng từ chỗ để chiếc truyền hình phát ra tiếng rên rỉ giả tạo nghe đến nhàm tai. Tôi nheo mắt cười chế riễu:

"Mới sáng đã bập rồi."

"Ừ. Thằng bồ hồi hôm cho nguyên một hộp."

"Sang dữ. Thôi tắt giùm cái ti-vi đi bà nội." Tôi vừa nói vừa chụp chiếc hộp nhỏ đựng thuốc. "Trời nắng như vầy người ta ra biển tắm hết đâu có ai tới."

Linda chận lại, ngón tay son đỏ choét chỉ sang góc phòng:

"Có người chờ mày kìa."

"Đâu?"

"Khứa lão đến từ hồi trưa, muốn gặp mày."

"Quen không?"

"Chưa gặp bao giờ."

Tôi lắc đầu:

"Thôi đi. Để con Linette nó tiếp cũng được."

"Không được. Thằng chả nhất định đòi chờ mày cho bằng được."

"Sao nó biết tao ở đây?"

Cô ả nhún vai:

"Lại mà hỏi nó. Đĩ mẹ. Làm con Linette ngồi đó một đống."

Tôi kéo chiếc váy ngắn lên hai phân, theo thói quen liếc vội trong gương tìm cặp mắt và đôi môi, thủng thẳng móc bóp lấy gói thuốc chưa bóc, đi sang chỗ góc tối, sau khi dặn nhỏ: nhớ chừa tao một điếu, không tao giết à nghe.

Khách là một gã trung niên. Bụng bia. Mặt tròn. Tóc lốm đốm muối tiêu chải dối phủ xuống nửa tai. Tôi gật đầu chào. Dường như có hai con thú đang rình nhau. Một con lượng giá con mồi. Một con đang thủ thế và tự hỏi cái gì đang chờ đợi nó.

Linette chỉ tôi:

"Lee đó."

Tôi ngồi xuống bên cạnh gã. Trên bàn ba chiếc ly còn chút cặn và một điếu thuốc cháy dở thả tro xuống chiếc gạt tàn nằm bên cạnh chiếc bình bông giả. Ba ly. Hai đỏ, một trắng. Hắn còn hai ly nữa mới hết ticket mở đầu. Tôi hất hàm bảo Linette:

"Cho tao cái Liptonice. Anh uống gì?" tôi hỏi.

Hắn chỉ chiếc ly không:

"Cho một cái như vậy nữa."

Linette khuất sau tấm rèm che khung phòng một cách cẩu thả và đầy tội lỗi. Tôi rút điếu thuốc, mời chiếu lệ. Gã lắc đầu. Tôi thả quân bài thăm dò:

"Em tên Lee."

"Biết rồi"

"Anh chưa đến đây lần nào?"

"Tôi nghe thằng bạn nói."

"Ờ hở"

Câu chuyện trở nên dễ chịu hơn. Tôi nhìn mái đầu chải ngược của hắn, giấu những chân tóc bạc:

"Anh người nước nào vậy?"

Hắn trả lời rành rọt bằng thứ tiếng mà nhiều lúc tôi tưởng đã quên mất:

"Tôi người Việt Nam."

Tôi giật thót người, trở lại vị trí thủ thế và đo lường sau khi con bài tẩy bị hé xem một nửa. Không còn lối thoát nào cho tôi.

"Sao anh biết em làm ở đây?"

"Kim nói."

"Kim nào?"

Tôi hỏi và lục nhanh trong đầu. Kim, Kim. Tôi nhớ ra rồi. Người đàn ông tầm thường tên Kim ghé đây hai lần dạo nọ. Uống một ticket mở đầu. Ôm ấp lơ mơ không tình cảm. Như một con bướm sau hai lần ngửi hoa khinh khỉnh bỏ đi. Câu hỏi của người đàn ông kéo tôi trở về góc trần gian đầy lừa đảo:

"Kim có hay tới đây không?"

"Không. Lâu lắm rồi không ghé. Mà chắc anh ấy không tới nữa đâu." Tôi cười khinh mạn. "Anh quen Kim hả?"

"Không. Mà... có. Anh tình cờ gặp Kim trong bữa tiệc tuần trước. Kim có nói đến em."

"Kim nói sao?"

Khách lặng im, hơi thuốc rít thay cho câu trả lời. Tôi lôi người khách trở lại thực tế bằng một lô

HỒ THÀNH ĐỨC

MẶT TRỜI Ở LẠI VỚI ĐẠI DƯƠNG

(Tặng bạn bè ta: H.O.)

Đã đến lúc chim chiều bay mệt mỏi
Núi sông xưa, cao ngút đỉnh u sầu!
Con chim xanh gõ đầu vào gỗ mục
Tìm bình yên! chui rúc cõi hang sâu!
Để đêm khuya vọng lại tiếng kinh cầu
Để sáng dậy nghe chim: "Lời nhật nguyệt"
Ta lớn lên núi đồi còn xanh biếc
Tuổi mồ côi chân gõ gót âm thầm
Nhánh cây trôi cuồn cuộn giữa dòng sông
Cơn gió bấc thổi lồng tim phổi lạnh!
Tình lên cao, đời giăng đầy ảo ảnh
Những bóng buồn ngã xuống thuở còn vui.
Bước đầu tiên là những bước sụt sùi
Trăng thuở trước không tròn mà trăng khuyết
Tình thuở xưa! "Tình ly biệt quê hương"
Cứ tưởng đi là mở rộng con đường
Để cây lá nhởn nhơ mùa hy vọng
Để tự do tràn ngập chốn yêu thương
Tưởng đi là gặp lại cõi đời thường!
Sao đến chốn mây buồn bay trở lại?

Vợ con ta, có quỳ dưới chân Phật:
Xin bình yên cho tuổi xế đời sau!
Chân mỏi mệt ngựa quay đầu trở lại
Đảo hoang vu! Trời đất bỗng chiêm bao
Và nỗi nhớ! Xé trời niềm oan trái
Con tim đau cuồn cuộn gió đông về
Từ hôm đó nghe tim rời rã thật!
(Những cánh buồm kiệt sức vẫn lang thang!)
Để núi sông sừng sững xếp hai hàng
Cho nỗi nhớ diễn hành qua tim huyệt
Ta ở đây nhìn dòng sông chảy xiết,
Ngược lên trời biển biệt bóng mẹ, em!
Ta ở đây từng tháng và từng đêm
Bao nỗi nhớ về khuya đau sửng sốt
Bao nỗi buồn chờ chực ở ngoài hiên
Và cứ thế tràn theo cơn gió lạnh
Thổi vào tim buốt giá những ưu phiền!

Làm bánh xe lăn theo con ngựa chiến
Bỗng nửa đường sút vó rã yên cương
Làm đám mây bay về nơi cố quận
Nửa đời buồn đất nước vẫn chưa yên!
Làm cánh chim bay theo vần ô thước
Níu mặt trời ở lại với Đại Dương...

(Những bài thơ nhớ nhà)

giá biểu mở đầu. Như thói quen từ mấy năm nay. Những giá biểu tính bằng thời gian và bằng mức độ hành hạ người con gái. Có lẽ tôi hơi mất bình tĩnh, giọng nói gấp gáp để cuối cùng kết bằng câu máy móc:

"Anh có 'cạc' không? Tụi em cũng nhận credit."

Ông ta lắc đầu:

"Để coi."

Tôi có trở lại thế thượng phong:

"Anh cho em xin tiền trước."

Khách đặt ly xuống, móc ra tờ bạc, xếp nhỏ, dúi vào trong áo nịt ngực. Hành động ông ta nhanh và bất ngờ khiến tôi đỏ mặt, cũng không kịp có một ý niệm về số tờ giấy còn nằm trong túi khép kín miệng. Tôi nói khách sáo:

"Cám ơn"

"Em khỏi nói. Mình trao đổi mà."

Tôi trở nên tự tin:

"Anh muốn gì?"

Ông ta lắc đầu:

"Để thủng thẳng đã. Em lấy anh ly nữa." Ông ta đẩy chiếc ly về phía tôi. Tôi bấm chuông gọi Linda. Trong khi chờ nước, tôi hỏi:

"Quê anh đâu?"

"Thủ Thừa. Còn em?"

"Sài Gòn anh."

"Em biết Thủ Thừa không?"

"Phải trên đường xuống Vĩnh Long không?"

Trong bốn bản lý lịch, tôi coi như đã loại được hai. Ông ta không phải là dân có bạc nhiều. Dân làm ăn lớn tiền nhiều có cái vẻ khác. Dường như tiền nó toát ra từ các lỗ chân lông, từ hơi thở, từ giọng nói, cho đến cả những cái khoát tay. Ông ta cũng không phải là hạng người mới đến đã vội đè nghiến lũ chúng tôi nằm ngửa ra như bọn lợn chảy mỡ bụng, miệng nhễu nhão nước bọt. Tôi nói thêm, bắt mạch:

"Em có ông chú bà con xa ở [illegible]. Hồi nhỏ có mấy lần ba em dẫn tụi em xuống chơi."

"Ai?" Ông ta hỏi dò.

"Lâu quá em cũng không nhớ nữa. Nhưng chắc chắn không phải là anh đâu. Ông chú em già lắm."

Ông ta cười, quàng tay qua cổ tôi, rờ bóp cánh tay phía kia. Tôi hơi nhăn mặt khó chịu vì những ngón tay nham nhám:

"Đừng anh."

Ông ta sửa lại thế ngồi:

"Em tên Lý hả?"

Tôi lật nhanh con bài tẩy của ông ta:

"Bộ anh làm nhà báo sao mà điều tra kỹ vậy?"

Trong chớp mắt tôi dồn đối thủ đến chỗ đã định sẵn. Trong nghề, kỹ thuật nằm tất cả ở chỗ nhạy bén, phân loại và định giá bằng những câu

chuyện không đâu vào đâu.

"Đâu có." Ông ta cười một cái cười méo mó.

"Tên em xấu lắm anh đừng hỏi."

"Biết rồi. Nhưng tên Lee nghe có vẻ Tàu quá. Anh tên Thành."

Câu chuyện dần đi đến chỗ thân mật qua những câu hỏi xã giao nhảy cóc trong khoảng không gian và thời gian. Tôi đoán đúng. Trong đời sống phân hóa đến tận cùng, khi nhu cầu tâm sự đã bị tự do cá nhân cướp đoạt một cách tàn nhẫn, có những người đã phải bỏ tiền ra như ông ta, chỉ để mua cái lỗ tai cho mình có thể rót lời vào.

"Anh Thành. Anh nói về Thủ Thừa cho em nghe đi. Hồi sau này nó ra sao?"

Ông ta bắt đầu kể. Về con đường thẳng tắp trồng dừa dẫn từ quốc lộ xuyên qua cái cổng đá vào đến chợ. Về những ngôi nhà, những người còn ở lại. Ông thầy giáo Tính già lê la từ xóm trên tới xóm dưới. Bà chủ nhà máy xay gạo ì ụt trong bộ bà ba phơi những nây thịt trắng như heo cạo. Cô bé bán kim chỉ ngoài dầu chợ có cái má lúm đồng tiền mà trong quá khứ nhiều khi ông ta đã đặt trên đó nhiều mơ ước viển vông. Ông ta còn kể nhiều nữa, những chuyện chẳng đâu vào đâu. Tôi lơ đãng nghe, lâu lâu châm đôi câu hỏi hay liếc nhìn chiếc đồng hồ có vẽ hình đầu con thỏ đen ma quái, trong khi bàn tay theo thói quen nghề nghiệp lần trong áo, vuốt ve những phân da thịt chỉ có tụi đàn bà trời đánh như bọn tôi biết. Ông ta nhắm hờ đôi mắt. Tôi nói nhỏ: mình bắt đầu nghe. Sự việc xảy ra chưa đầy năm phút, tôi tò mò nhìn đôi mắt đục với những sợi gân máu nhỏ vì mấy ly rượu, dường như có một thoáng nước mắt làm mờ đi khuôn mặt tôi soi mơ hồ trong đó. Ông ta nhắm mắt lại, người cong lên, ôm ghì lấy hai vai tôi trong khi trôi tuột vào hư vô. Tôi mỉm cười như thói quen mỗi khi chiến thắng, mặc dù tôi biết trước là không bao giờ thua. Cùng một lúc tôi bỗng tự hỏi giờ này ông ta đang nghĩ gì? Chắc ông ta đang lần dấu về quá khứ nơi đầu chợ Thủ với con nhỏ bán kim chỉ nào đó...

Xong việc, người đàn ông nằm duỗi chân tay, thỏa mãn. Tôi mồi điếu thuốc, trao ông ta, xoa lên làn da bụng có những nếp nhăn run run đang rướm mồ hôi, hỏi:

"Nữa không?"

"..."

"Để em đấm bóp cho anh nghe?"

"Thôi."

Bỗng ông ta ngồi rột dậy, nói bâng quơ:

"Lâu lâu nói chuyện tự dưng nhớ đến quê, buồn muốn chết."

Tôi vuốt xuôi:

"Em cũng vậy."

"Không. Sài Gòn không phải là quê. Sài Gòn là một cái thành phố tạp nhạp. Dân ở đó đâu có bao giờ ngửi thấy mùi quê hương đâu em."

Tôi phản đối:

"Đâu có phải vậy anh."

"Em không hiểu được đâu." Ông ta lầu bầu trong miệng những câu tôi không nghe rõ. Sửa lại quần áo, ông ta lẳng lặng ra quầy rượu ngồi. Tôi bảo Linda:

"Mày rót cho tao một ly đỏ." Tôi đẩy lại chỗ ông ta, nói: em bao anh.

Ông ta ực một hơi hết nửa ly, móc tiền đưa, cầm mớ tiền thối đút vào túi quần nhầu, tụt xuống ghế, hôn tôi một cái lên tai. Tôi đẩy ra:

"Nhột anh."

"Hôm nào anh ghé."

Tôi nghĩ ông ta nói cho có vậy, đập vào vai:

"Nhớ nghe."

Ông ta xuống thang, không nhìn lại. Tôi nghe tiếng giày nặng nề uốn những bục gỗ rung cót két, tiếng thằng John cám ơn mấy đồng bạc lẻ, tiếng đóng lại của chiếc cửa sắt quen thuộc. Linda hỏi, tò mò:

"Khứa lão đông địa hả?"

"Không. Lâu gặp người đồng hương, cái miệng nói thay cái tay, không mệt. Mày còn đó không cho tao xin chút."

Nó rút trong ngăn kéo đưa tôi chiếc hộp thiếc. Nhìn vào, chỉ còn đủ một điếu nhỏ. Tôi im lặng vấn thuốc, châm lửa. Linda đã tắt ti-vi, mở nhạc house và rên rú theo. Tôi nói bâng quơ:

"Thằng chả chắc không có ai tâm sự mới mò đến chỗ này."

"Tội nghiệp." Linda nói như muốn an ủi tôi. "Sao xứ tụi bây khổ quá vậy."

Khói thuốc làm tôi tạm quên đi những vướng mắc hiện tại. Tôi đang nghĩ đến một câu chuyện năm nào đọc trong sách. Một anh chàng được ông thần cho cuộn chỉ thời gian, tháo chỉ đến đâu thấy cuộc đời mình đến đấy. Anh ta mải mê lục lọi trong cuộc đời bằng những vòng chỉ tháo ra, đến lúc chỉ còn một vòng chót, giật mình muốn cuốn lại nhưng không còn kịp nữa, để rồi qua đời cùng với đoạn chỉ cuối đang tuột khỏi lõi không. Tôi cũng đang muốn cuộn trở lại cuộn chỉ đời tôi. Để trở về với Thủ Thừa. Thủ Thừa, quê thật của tôi, không phải Sài Gòn như tôi vừa nói với người khách mới gặp lần đầu. Để tìm câu hỏi cho thắc mắc của tôi suốt buổi trưa nay: phải chăng ông ta là người con trai xóm trên tên Thành. Nhưng chắc đâu. Trong cuộc đời này tên thật của tôi còn nhiều lúc tôi không nhớ nổi, thì có gì bắt người khách lạ gặp một lần phải khai tên trong khai sinh của hắn. Tôi chợt rút gương ra soi. Đôi má lúm đồng tiền giờ đâu còn nữa. Vả chăng, nếu có còn thì cũng chẳng ai có thể liên tưởng nổi "tôi lúc này" với cái ô kính nhỏ trong cái quán bán đồ tạp hóa kim chỉ nơi đầu chợ Thủ. Bất giác tôi thả mắt trong gương tìm ảnh cũ, nhưng không còn thấy. Đôi má tôi dường như bắt đầu chảy ra. Những nếp nhăn nhỏ bắt đầu xuất hiện nơi đuôi mắt không thể che dấu. Thời gian. Ôi thời gian. Hay là do tôi đang muốn quên cái quá khứ của chính mình. Bởi vì, khi muốn tìm lại chút quê hương, hắn có thể đến với tôi. Dù chỉ một giờ tạm bợ. Dù túi tiền có vơi đi một nửa. Nhưng tôi biết tìm đến ai để thổ lộ nỗi nhớ quê vẫn âm ỉ cháy trong lòng. Ngay cả lúc tôi kể cận người cùng xứ, như một giờ trước đây.■

TƯỞNG NIỆM CHU TỬ

NGUYỄN QUANG AN ghi

Cho tới nay nhà báo kiêm tiểu thuyết gia Chu Tử đã nằm xuống, đã bỏ chúng ta mà đi 21 năm. Ông sống đã lạ lẫm hơn người, mà ngay cả khi nằm xuống, ông đã chết khác thường hơn người. Ông đã chết trong khi tìm đường sống. Tháng Tư năm 1975, vào giờ phút cuối cùng của miền Nam, ông dắt một số con và cháu xuống con tầu Việt Nam Thương Tín, bỏ lại đằng sau cả một phần đất ông đã góp công vun trồng, một thành phố ông đã sống những năm tháng bão táp, và một phần gia đình ông đã thương yêu ấp ủ.

Ông đã chết trên một trong những con tầu cuối cùng rời khỏi bến Bạch Đằng, khi con tầu này trúng đạn của Cộng Sản truy nã bắn theo. Xác của ông do đó phải thủy táng, và bây giờ nắm xương tàn của ông có thể còn nằm đâu đó trong lòng sông Sài Gòn, hay có thể nơi cửa biển Cần Giờ.

Nhà thơ Trần Dạ Từ

Chu Tử là bút hiệu của Chu Văn Bình. Ông sinh tại thị xã Sơn Tây, năm 1919. Năm 1954 ông di cư vào Nam. Ông đã từng là nhà giáo, trước khi là nhà báo kiêm tiểu thuyết gia.

Mãi tới 21 năm sau khi ông nằm xuống, những người đã từng đọc văn, đọc báo của ông, những người đã từng yêu mến ông, những người đã có thời làm việc với ông, cộng tác với ông và có thể là người đã từng thụ hưởng sự hào phóng, độ lượng của ông, đã cùng một số thân hữu tổ chức ngày tưởng niệm đầu tiên cho ông nơi xứ sở tạm dung xa nơi ông nằm xuống hơn 10 ngàn hải lý.

Buổi tưởng niệm đã được tổ chức tại Phòng Sinh Hoạt nhật báo Người Việt, vào hồi 4 giờ chiều ngày thứ Bẩy, mùng 4 tháng Năm 1996, với sự tham dự của khoảng 100 người, trong đó có những người đang còn sinh hoạt trong các bộ môn văn học nghệ thuật như Phạm Duy, Mai Thảo, Võ Phiến, Kiều Chinh, Lý Đại Nguyên, Trần Văn Kha, Trần Dạ Từ, Trần Huy Bích, Trần Đại Lộc, Hà Tường Cát, Khánh Trường, Nguyễn Mạnh Trinh, Vũ Hạ, Nguyễn Minh Phương, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Xuân Hoàng, Lê Đình Điểu, Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến...

Buổi sinh hoạt được khởi đi trong không khí trang nghiêm, nhưng thân mật. Chân dung của Chu Tử thời còn trẻ, được phóng to treo làm nền sân khấu, với hàng chữ lớn do hai họa sĩ Ngueyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp thực hiện.

Diễn giả đầu tiên là nhà thơ Đỗ Quý Toàn. Ông là người đã có một thời gian làm việc với Chu Tử trong tuần báo *"Đời"*. Ông cho biết từ thời niên thiếu Chu Tử đã là một người cực kỳ thông minh. Chu Tử đậu văn bằng cử nhân luật khoa năm ngoài hai mươi tuổi. Thời gian mới vào đời, người ta thường gọi Chu Tử là ông *"Cử Bình"*.

Với bằng cấp đó, cậu *"Cử Bình"* có thể khởi đầu sự nghiệp bằng con đường quan lại. Nhưng ông bao giờ cũng khác người, ông khởi nghiệp bằng nghề giáo. Trong thời gian này tuy ông *"Cử Bình"* chưa hề nghĩ đến văn chương, báo chí, cái tên Chu Tử chưa ra đời, ông đã kết giao với rất nhiều người đã và đang làm văn nghệ. Tính ông hào phóng, lại là người có thực học và thực tài, ông "Cử Bình" đã tỏ ra rất chú ý đến những nhà văn, nhà thơ mới nổi lên trên vòm trời văn học nước nhà.

Khi di cư vào Nam năm 1954, ông vẫn tiếp dậy học, môn Pháp Văn. Dần dà ông tham gia sinh hoạt báo chí, cái tên Chu Tử ra đời. Từ nay không còn ai gọi ông là *"Cử Bình"*. Ông nổi danh khi viết trên tờ *Dân Việt*, trong mục "Ao Thả Vịt" và truyện dài "Yêu." Vẫn theo nhà thơ Đỗ Quý Toàn, thời đó tờ *Dân Việt* được độc giả chú trọng nhất có hai mục. Một mục phải chờ báo của Hồng Kông qua, đó là truyện chưởng của Kim Dung, mục còn lại chính là "Ao Thả Vịt."

Đỗ Quý Toàn nhắc tới bài viết của Đào Vũ Anh Hùng, một nhà văn của Không Quân đã nghĩ về cái chết Chu Tử như là một hình thức nếu không đi thoát Việt Nam, thì đó là một giải thoát tuy đau lòng nhưng tốt đẹp cho Chu Tử, vì ông không phải sống trong tù ngục của Cộng Sản, nhất là tình trạng sức khỏe của Chu Tử không còn được tốt như vài năm sau cùng.

Nhà thơ Trần Dạ Từ, người đã từng sát cánh với Chu Tử trong hầu hết những tờ báo do Chu Tử chủ trương, nói về Chu Tử bằng một giọng đầy xúc động. Việc tổ chức ngày tưởng niệm khá gấp rút, nên khi chính thức được thông báo, Trần Dạ Từ đã không còn đủ thời gian soạn một bài viết về một người như ông anh trong gia đình. Thế nhưng ông đã ứng khẩu một bài nói về nhưng kỷ niệm trong

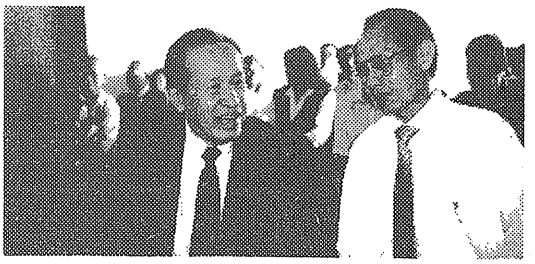

Nhà văn Võ Phiến và giáo sư Trần Huy Bích

khoảng thời gian ông được gần gũi Chu Tử, nhiều dịp được thấy phong cách sống của Chu Tử, những việc Chu Tử làm, và có lẽ rất nhiều lần nghe Chu Tử tâm sự.

Trần Dạ Từ bổ túc cho Đỗ Quý Toàn khi nói về những hoạt động của Chu Tử trong thời gian tham gia kháng chiến. Theo Trần Dạ Từ, Chu Tử đã tham gia kháng chiến ngay từ thời gian đầu. Ông được đề cử chức vụ Chánh Án tại Liên Khu 3. Có điều cái nền tư pháp ngày đó không cho Chu Tử đóng trọn vai trò được giao phó là xử án. Ông luôn luôn bị can thiệp trong các phán quyết của ông.

Vào những năm cải cách ruộng đất xảy ra tại ngoài Bắc, bà mẹ của Chu Tử bị đấu tố chết. Chu Tử có một người em cũng không di cư vào Nam. Trần Dạ Từ kể rằng Chu Tử là người lúc nào cũng ngầm chứa một cái mầm nổi loạn, không kiêng nể bất kỳ ai. Những năm cuối của nhà Ngô, để có cớ bắt giam Chu Tử, những công thần của nhà Ngô đã gán cho Chu Tử cái tội chỉ huy ăn cắp 54 cái xe hơi, trong khi Chu Tử không biết lái xe hơi.

Trần Dạ Từ nói: "Thế hệ của Chu Tử và có lẽ hai ba thế hệ kế tiếp là những thế hệ oan khiên và thất bại. Hôm nay chúng ta tất cả tề tựu nơi đây cùng tưởng niệm Chu Tử, cùng tưởng niệm những người đã chết bằng cách này, bằng cách khác trong cơn giông tố lịch sử vừa qua. Không những thế chúng ta còn tưởng niệm những thất bại của nhiều thế hệ vừa kể. Tuy nhiên tôi tin rằng chúng ta vẫn duy trì được những hoài bão tốt đẹp của những thế hệ này, gìn giữ và duy trì những hoài bão này như những ngọn lửa, để nhắc nhở chúng ta những hy vọng tốt đẹp về mình, về người về đất nước sẽ có một ngày được bù đắp lại."

Nhà văn Mai Thảo là người cùng trang lứa với Chu Tử, nhưng theo lời ông thì "chưa hề có một lần nào làm việc chung với Chu Tử, chưa hề chia sẻ một diễn đàn với Chu Tử." Mai Thảo nói: "Trong suốt hai mươi năm làm báo, viết văn tại miền Nam, địa bàn hoạt động của Chu Tử và của tôi là hai vùng đất khác biệt, và có thể nói là hơi xa cách, như hai con đường đi riêng rẽ, mỗi người cặm cụi một phía. Nhưng trong đời sống hàng ngày, tôi đã có giao tình với Chu Tử ngay từ khi Chu Tử chưa bước chân vào làng báo."

Theo nhà văn Mai Thảo thì khi Chu Tử bước chân vào làng báo, ngay lập tức ông đã thay đổi được bộ mặt làng báo Việt Nam. Ông nói: "Hãy gạt những khen chê sang một bên, việc thay đổi bộ mặt của làng báo không phải ai cũng làm được, và làm trong lúc chân ướt chân ráo mới nhập cuộc. Trước Chu Tử, báo chí rất hiền lành, bình thường. Nhưng từ khi Chu Tử nhập cuộc cục diện làng báo thay đổi hẳn. Báo chí đột nhiên sống động hẳn lên, và tỏ ra có rất nhiều khả năng, vô cùng phong phú trong đời sống."

Mai Thảo cũng là một người vượt biển như Chu Tử, nhưng may mắn hơn đã không bị nạn trên đường đào thoát khỏi quê nhà. Ông nói: "Cho dù có đồng ý kiến hay không với Chu Tử, tôi luôn nghĩ rằng Chu Tử ở về phía của chúng ta."

Nhà văn Võ Phiến đối với Chu Tử lại là một trường hợp khác. Không như Mai Thảo, Đỗ Quý Toàn, Trần Dạ Từ, là những người thân thiết với Chu Tử. Tuy đồng thời, đồng trang lứa, và cùng trú ngụ chung một thành phố Sài Gòn, lại cùng viết văn làm báo song Võ Phiến chưa bao giờ gặp gỡ Chu Tử, chưa hề trao đổi một câu chuyện, uống với nhau một ly cà phê, nhưng không phải vì thế mà ông không biết Chu Tử. Trái lại Võ Phiến biết về Chu Tử, biết thật rõ về Chu Tử, mặc dù Võ Phiến cho là cái ông biết về Chu Tử chỉ là biết một

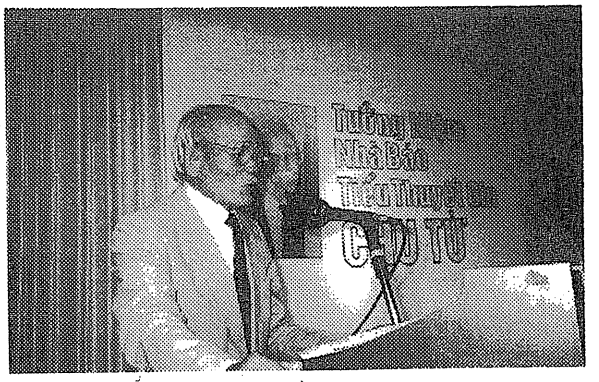

Cựu đại tá Trần Văn Kha

cách gián tiếp, một cách hàm thụ qua cách đọc những gì người khác viết về Chu Tử, hay chính Chu Tử tiết lộ.

Võ Phiến tỏ ra rất thành thực khi nói rằng: "Nếu tôi nói về Chu Tử thì là một sự lố bịch. Bởi vì tôi chưa hề có giao tình với Chu Tử cho dù chỉ một ngày, trong khi đó ngay tại trong phòng sinh hoạt này, có rất nhiều người biết Chu Tử tận chân tơ kẽ tóc."

Ông kể một số giai thoại về Chu Tử. Chẳng

hạn, năm 12 tuổi, khi một toán Quốc Dân Đảng do ông Xứ Nhu chỉ huy đi đánh một đồn Tây trong vùng quê của Chu Tử, không ai ngờ có một cậu bé lén lút tham gia trận đánh này. Khi rút lui xuống thuyền, cậu bé đi theo, nhưng bị đuổi lên bờ. Sáng ra quân Pháp theo dấu truy kích, thấy một cậu bé nằm ngủ ngon lành ngay bến đò, người chỉ huy lính Pháp cho đánh thức cậu bé dậy, đuổi về nhà. Cậu bé đó sau này chính là cậu *"Cử Bình"* của Đỗ Quý Toàn và Trần Dạ Từ. Võ Phiến cho rằng "đó chưa hẳn là lòng can đảm, nhưng nó nói lên tính táo tợn, bạo dạn của Chu Tử ngay từ hồi chưa là một thần đồng." Võ Phiến cho biết thêm: "Đất Bắc vốn là đất văn học, người học giỏi nhiều, nhưng giỏi như cậu Bình, thì quả thật là hiếm, đến độ khắp vùng Sơn Tây, khi khuyên bảo con cháu học hành, người ta mang ông Cử Bình ra làm một ví dụ. Bởi vì học nhẩy tới ba năm để thi Tú Tài như Chu Tử, thì hầu như thời đó toàn cõi Đông Dương chỉ có một người."

Nữ tài tử Kiều Chinh và nhà văn Mai Thảo

Về tính hào hiệp, Võ Phiến cho biết khi Vũ Hoàng Chương vừa mới thành danh, Cử Bình đã đem tiền cho Vũ Hoàng Chương in một tập thơ, tuy Vũ Hoàng Chương không in sách, nhưng sau này vẫn nhắc lại nghĩa cử này. Khi Chu Tử bị tù, Võ Phiến cho biết có rất nhiều kiến nghị đòi tự do cho Chu Tử, trong đó có những kiến nghị của giới công nhân, thợ thuyền, cùng hàng chục ngàn gia đình nông dân tận Quảng Ngãi. Khi Chu Tử bị bắn và bị thương, có tới hàng chục sĩ quan tới bệnh viện tình nguyện hiến máu. Võ Phiến cho là những người không quản ngại dính líu với Chu Tử, tình nguyện ký vào kiến nghị, những người sốt sắng hiến máu không phải tự nhiên mà có, mà do tính hào hiệp, rộng rãi về tiền bạc, cũng như tính sẵn sàng can thiệp khi thấy sự bất bằng, của Chu Tử, đã làm với nhiều người.

Về phương diện làm báo, Võ Phiến cho là trước tiên Chu Tử do bản tính không sợ đụng chạm, với bất kỳ ai, do đó Chu Tử với Ao Thả Vịt là một đóng góp lớn cho làng báo. Sau Chu Tử, một loạt các cây bút phiếm ra đời. Có thể nêu tên Kiều Phong, Hư Trúc, Đạo Cấy, Đạo Cù, Tư Trời Biển... Một trong những bút hiệu nổi tiếng của loại này là Thương Sinh, là người đã có dạo giữ mục "Ao Thả Vịt" thay cho Chu Tử. Từ khi những cây bút phiếm ra đời, báo đúng là một sức mạnh ghê gớm. Có điều sử dụng sức mạnh này như thế nào là tùy ở lương tâm nghề nghiệp cũng như đạo đức nghề nghiệp của từng cây bút.

Về phương diện sáng tác của Chu Tử, nhà phê bình Võ Phiến tìm được những liên hệ giữa con người thật của tác giả Chu Tử, với những nhân vật trong các tác phẩm của Chu Tử. Võ Phiến cho là Chu Tử không tin vào các lề thói đạo đức của xã hội. Chu Tử cực lực chống thói đạo đức giả, nên những nhân vật của ông đôi khi trở nên sống sượng, như cô nữ sinh Trang trong tác phẩm *"Yêu"*, sau trở thành vũ nữ, trong một lần gặp gỡ thầy cũ, đã cầm lấy bàn tay của thầy, đặt lên cái mông của mình.

Nhà văn Võ Phiến nhiệt liệt hưởng ứng việc tưởng niệm các nhà văn, nhà báo của miền Nam, đã ngã xuống trong cơn biến động lịch sử 1975. Ông nói: "Chúng ta, những người lưu vong, có bổn phận phải nhắc nhở, duy trì những di sản tinh thần của hai mươi năm văn học nghệ thuật miền Nam. Phải gìn giữ cho chính chúng ta và con cháu chúng ta hiểu được vì sao chúng ta hiện diện trong xứ sở xa lạ này. Chúng ta không bao giờ là những người tị nạn kinh tế. Chúng ta là những người tị nạn chính trị."

Ông Trần Văn Kha, tác giả bộ sách viết về Yoga, nói về giai thoại *"Bài Cậy Đăng có trả tiền"*, cho thấy tính "coi trời bằng vung" của Chu Tử. Ông Trần Văn Kha đã mang được một bài viết của ông, trong đó Chu Tử có chua vài dòng *"lời tòa soạn"*, hóm hỉnh, khiêu khích những người làm công chức Sở Kiểm Duyệt.

Buổi tưởng niệm nhà báo, kiêm tiểu thuyết gia Chu Tử được đóng lại với lời cám ơn của nhà báo Đỗ Ngọc Yến, chủ nhiệm của nhật báo *Người Việt*, đại diện nhóm tổ chức buổi tưởng niệm này.

Ông Đỗ Ngọc Yến, cũng nhắc đến những kỷ niệm của ông với Chu Tử, mà trong đó, ông nhấn mạnh đến cái viễn kiến của Chu Tử đối với sự liên hệ giữa nghề in, và nghề báo. "Với Chu Tử đã làm báo thì phải có nhà in đi kèm. Tốn kém cách mấy cũng phải cố, và nếu cần thay đổi toàn bộ dàn máy cho phù hợp với nhu cầu của tờ báo đòi hỏi."

Sau cùng, ông Đỗ Ngọc Yến khai triển thêm ý kiến của nhà văn Võ Phiến, và đề nghị thành lập một nhóm tổ chức, chuyên lo việc tưởng niệm những người đã khuất. Nhóm tổ chức sẽ chia nhau viết bài, soạn tài liệu phổ biến vài tuần trước ngày tưởng niệm, để nhắc nhở mọi người, gửi thiệp mời đến các diễn giả cũng như thân hữu, ít nhất là hai tuần lễ trước để thu hút được đông đảo người tham dự.

Sau tưởng niệm Chu Tử sẽ có những buổi tưởng niệm Nguyễn Mạnh Côn, Hồ Hữu Tường, Vũ Hoàng Chương... ■

*Ảnh của Lê Tam Ca

Vòng chân trời văn học nghệ thuật

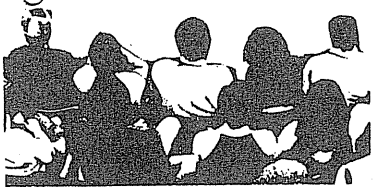

MỸ

Sinh hoạt nghệ thuật tạo hình

Vào hai ngày thứ Bảy 27 và Chủ Nhật 28, một nhóm họa sĩ Việt Mỹ, trong đó có Hoàng Vũ, bày tranh tại The Brewery Artwalk, thuộc thành phố Los Angeles.

Trong khi đó, nữ họa sĩ Darlene Nguyễn Ely cho biết, cô vừa được cơ quan World Bank đặt mua hai tác phẩm điêu khắc để trưng bày tại trụ sở trung ương của cơ quan này ở Washington DC.

Họa sĩ trẻ Bùi Văn Hoàng trưng bày các tác phẩm của anh tại Gallery "Kiang" ở thành phố Atlanta, tiểu bang Georgia. Cuộc triển lãm bắt đầu từ ngày 31 tháng Năm đến hết ngày 13 tháng Bảy 1996. Tác phẩm của Bùi Văn Hoàng thường là những "thiết trí" rất "đồ sộ," chẳng hạn "Bench Note," ngang 3 feet, dài 9 feet và cao 10 feet, gồm các chất liệu như thép, đồng, gỗ xồi, nhựa đường và vải sô...

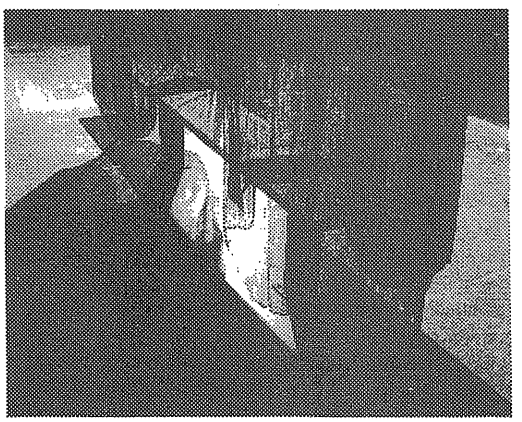

Bench Note, Bùi Văn Hoàng

Tin từ Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ cho biết "dự án Thái Tuấn" đã tiến triển tốt đẹp. Hiện ban tổ chức triển lãm ở Washington DC đã nhận được 30 bức tranh mới của Thái Tuấn để chuẩn bị cho cuộc triển lãm vào mùa thu tại đây. Bài vở và hình ảnh của cuốn album Thái Tuấn do Hội VAALA biên soạn chỉ còn chờ bản dịch tiếng Anh của một số tài liệu, và sẽ được in ấn công phu vào tháng Bảy. Nhiều thân hữu đã đặt mua trước cuốn album này.

WASHINGTON DC

Nhạc hội Văn Phụng, Nhật Bằng

Chiều Chủ Nhật 14 tháng Tư 1996, tại thính đường trường Thomas Jefferson, thành phố Arlington, tiểu bang Virginia, hơn 700 khán thính giả đã say sưa theo dõi một chương trình ca nhạc được mệnh danh là "Những giờ của kỷ niệm và hạnh phúc."

Những nghệ sĩ đã đến với người nghe trên dưới nửa thế kỷ như Văn Phụng, Nhật Bằng, Đan Thọ, Nguyễn Túc, Châu Hà, Kim Tước, Mai Hương, Anh Ngọc, bên cạnh những tài năng lớp trẻ như Tuấn Ngọc, Thái Thảo, Diễm Liên, Nga Mi, Trần Lãng Minh,... trong hơn ba tiếng đồng hồ đã chiếm lĩnh sân khấu và làm sống lại những tác phẩm được sáng tác hàng chục năm trước.

Một khán giả trên 50 tuổi, nhìn thấy nhạc sĩ Văn Phụng bảnh bao, tóc chỉ còn vài sợi nhưng bạc trắng, mà vẫn tinh nghịch, duyên dáng trên sân khấu như một thanh niên, cứ hỏi mãi: "không biết làm sao khi mình già cỡ đó mà còn giữ được niềm vui, khỏe mạnh như ông ấy được."

Không riêng Văn Phụng,mà tất cả các nam nữ nghệ sĩ thành danh từ bốn, năm chục năm qua, ai cũng bừng bừng sức sống và sự say mê dành cho âm nhạc. (*Tin Tiểu Ba*)

WASHINGTON DC

Nguyễn Ngọc Bích ra mắt bản dịch "Hoa Địa Ngục"

Hơn 100 người yêu thơ đã có mặt trong buổi ra mắt sách, chiều Chủ Nhật 21 tháng Tư 1996 tại hội trường đại học George Mason, ở Arlington, Virginia.

Cuốn sách là một tuyển tập thơ tiếng Anh, dịch từ nguyên tác tiếng Việt, dày 556 trang, in ấn công phu, trang nhã. Đó chính là tập thơ "Hoa Địa Ngục" của Nguyễn Chí Thiện, và bản dịch của giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, do Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông ấn hành.

Nhà văn Trương Anh Thụy đã thay mặt nhà xuất bản nói về công tác dịch thuật các văn nghệ phẩm Việt Nam ra ngoại ngữ để giới thiệu văn học Việt Nam với quốc tế.

Giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng nhận định về con người và tư cách của dịch giả. Ông nói: "Dù sống lâu năm ở nước ngoài, Nguyễn Ngọc Bích vẫn thấm nhuần và hiểu biết văn hóa Việt Nam nên chúng ta có thể tin tưởng ở bản dịch của ông."

Các nhà báo Ngô Vương Toại và Bùi Bảo Trúc cũng lần lượt phát biểu đóng góp ý kiến về tác giả và tác phẩm.

Phần văn nghệ phụ diễn cho chương trình ra mắt sách cũng là một chương trình độc đáo, trong đó chính dịch giả Nguyễn Ngọc Bích đã hát nhiều bài do ông dịch hoặc sáng tác, được tán thưởng nồng nhiệt. (*Tin Tiểu Ba*)

PHILADELPHIA

Nhà văn Phan Lạc Tiếp ra mắt sách

Ngày 19 tháng Năm, tại nhà hàng Việt Nam Palace, nhà văn Phan Lạc Tiếp đến từ San Diego, đã cho ra mắt một lúc hai tác phẩm: bút ký di tản *Nỗi Nhớ*, và bút ký *Quê Nhà 40 Năm Trở Lại.''*

Buổi ra mắt do nhóm Duyên Văn tổ chức, với hơn 130 khách yêu văn chương tham dự. Các nhà văn Lê Văn Lân, Hà Kỳ Lam và Vũ Thất đã lần lượt giới thiệu tác giả và tác phẩm. Theo Lê Văn Lân, ''lòng quay quắt nhớ quê của một người lớn tuổi đã thôi thúc Phan Lạc Tiếp về, dù không khỏi lo ngại. Với văn tài, ông đã viết thành một tài liệu trung thực và quý báu.''

Phan Lạc Tiếp còn được biết đến và quý trọng qua các hoạt động của ông trong Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển. (*Tin Trần Quán Niệm*)

SAN JOSE

Thi Văn Đoàn "Cội Nguồn" ra mắt tuyển tập thơ

Hơn 200 người đã tham dự buổi sinh hoạt ra mắt tuyển tập thơ *Gởi Người Dưới Trăng*, do Thi Văn Đoàn ''Cội Nguồn'' tổ chức hồi 2 giờ chiều Chủ Nhật 21 tháng Tư, tại nhà hàng Bắc Hương, trên đường Santa Clara.

Thi Văn Đoàn ''Cội Nguồn'' do các văn thi sĩ Diên Nghị, Duy Năng, Hà Li Mặc, Song Nhị, Cung Diễm, Nguyên Phương và Sương Mai chủ trương. Tuyển tập thơ này là tác phẩm đầu tiên do Thi Văn Đoàn xuất bản, gồm 126 bài thơ của 20 tác giả.

Hà Thượng Nhân, Diên Nghị và Huệ Thu, trong buổi ra mắt *Gởi Người Dưới Trăng*

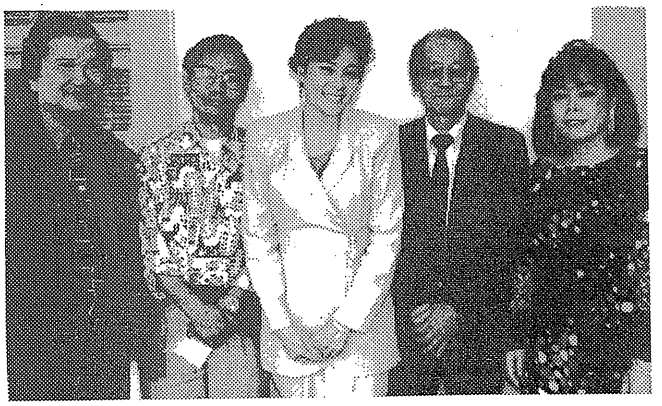

Lê Đô, Song Linh, Kiều Loan, Dương Huệ Anh và Ngọc Thủy, trong buổi sinh hoạt của Thi Đoàn "Lạc Việt"

Các văn hữu Diên Nghị, Duy Năng và Lê Đình Cai đã chào mừng tân khách, và nói về tuyển tập thơ. Các nghệ sĩ Kiều Loan, Đình Trung, Ngọc Dung và Thi Cầm đã trình bày một số bài thơcủa các tác giả có mặt. Một số văn nghệ sĩ và thân hữu khác đã hát và ngâm thơ, giúp cho không khí buổi sinh hoạt thêm sinh động. (*Tin và ảnh Bùi Duy Thuyết*)

SAN JOSE

Thi Đoàn "Lạc Việt" kỷ niệm bốn năm thành lập

Hơn 150 văn nghệ sĩ và thân hữu đã đến trụ sở Hội Đồng Văn Hóa Xã Hội Việt Mỹ, đường Santa Clara, hồi 10 giờ sáng Chủ Nhật 21 tháng Tư, để dự buổi sinh hoạt kỷ niệm bốn năm ngày thành lập Thi Đoàn ''Lạc Việt.''

Sau phần nghi thức khai mạc, nhà thơ Dương Huệ Anh, người sáng lập Thi Đoàn, đồng thời cũng là chủ tịch Hội Trao Đổi Văn Học Nghệ Thuật, cho biết nhân dịp này Thi Đoàn cũng ra mắt tuyển tập *Bốn Biển Thơ Chung Nối Nhịp Cầu* và băng thơ *Hoàng Mộng Ngọc*, vốn là kết quả một cuộc thi thơ do Thi Đoàn ''Lạc Việt'' và Hội Trao Đổi Văn Học Nghệ Thuật tổ chức.

Nhà văn Diệu Tần đã giới thiệu tác phẩm, và sau đó các nghệ sĩ Kiều Loan, Thanh Hương, Thi Cầm đã diễn ngâm nhiều bài thơ trong tuyển tập, được tán thưởng nồng nhiệt. (*Tin và ảnh Bùi Duy Thuyết*)

QUẬN CAM

Hình ảnh phụ nữ qua thơ chiến đấu

Chiều thứ Bảy 20 tháng Tư 1996, tại cà phê Tao Nhân, ký giả Hải Triều, chủ bút tờ *Lửa Việt* ở Canada, đã nói chuyện về đề tài ''Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam qua thơ chiến đấu.''

Hải Triều được mô tả là người cầm bút tranh đấu, theo sát thời cuộc, nhất là những biến động chính trị có liên hệ tới Việt Nam, nên thơ hay văn của ông thường quanh quẩn trong những đề tài này.

Buổi nói chuyện do Trung Tâm Văn Bút Tây Nam Hoa Kỳ và Hội Ái Hữu Bình Thuận tổ chức, có sự tham dự của đông đảo văn nghệ sĩ Việt Nam ở quận Cam.

QUẬN CAM

Hiệp Hội Ký Giả có ban Chấp hành mới

Hiệp Hội Ký Giả Việt Nam Hải Ngoại, trong đại hội chiều Chủ Nhật 21 tháng Tư vừa qua, tại thị xã Westminster, đã có 37 nhà báo tham dự và bầu ra một Ban Chấp Hành mới cho nhiệm kỳ 1996-1998, gồm các ký giả sau đây:

— Ông Du Miên: Chủ tịch.
— Ông Đinh Hiển, Phó chủ tịch Ngoại vụ.
— Ông Đặng Văn Thạch, Phó chủ tịch nội vụ.
— Ông Đỗ Sơn, Tổng thư ký.
— Ông Trần Đông Phương, Phó tổng thư ký.
— Ông Phạm Minh, Thủ quỹ.
— Ông Nghi Thụy, Ủy viên Kế hoạch.
— Ông Trọng Viễn, trong nhiệm kỳ vừa qua là Chủ tịch Hiệp hội, nay là Cố vấn Ban Chấp Hành.

Tân ban Chấp hành có buổi sinh hoạt ra mắt bà con trong làng và độc giả vào hồi 7 giờ tối thứ Hai mùng 3 tháng Sáu.

QUẬN CAM

Hội thảo về cách viết tin mới

Hơn 400 nhà báo Mỹ đã tham dự cuộc hội thảo của tổ chức Người Cầm Bút Toàn Quốc, tức National Writers, tại khách sạn Red Lion ở Costa Mesa, trong hai ngày thứ Bảy 20 và Chủ Nhật 21 tháng Tư 1996.

Các hội thảo viên đều đồng ý với thuyết trình viên Don Fry là từ nay phải thay đổi cách viết tin. Từ trước, các phóng viên và biên tập viên đã được huấn luyện để viết theo lối hình tháp ngược, tức lá tin quan trọng nhất được đưa lên đầu, và càng xuống cuối bài càng đi vào chi tiết, và có thể cắt bỏ mà không hại đến nội dung bản tin.

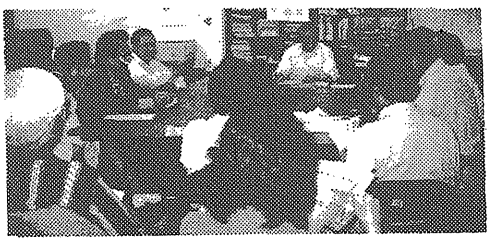

Hội VAALA họp và bầu Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 1996-98, tại trụ sở của Hội.

Đặc biệt, trong một bản tin có đoạn mở đầu, tiếng Mỹ gọi là "lead" [lít], tóm lược tất cả các yếu tố quan trọng của tin.

Nay, ông Don Fry nói rằng phải bỏ cách viết đó đi, phải bắt chước các nhà văn viết truyện ngắn, phải kể chuyện cho hấp dẫn. Ông nhấn mạnh đến khía cạnh nghệ thuật trong văn tin tức.

Tuy nhiên, một vài người tham dự cũng đưa ra một số khó khăn không vượt qua được nếu chọn cách viết nhiều văn chương như Don Fry nói. Đó là phóng viên và biên tập viên thường phải chạy theo đồng hồ để kịp thời nộp bài cho chủ biên. Họ không thể nào có đủ thì giờ săn sóc phần nghệ thuật của bản tin.

(Từ trái qua, cả hai trang): Ann Phong, Phan Mỹ Sương, Hoàng Vũ, Lê Đình Điểu, Bé Ký, Hồ Thành Đức, Lê Văn Khoa, Suzie Vương, Ngân Hà, Nghiêm Phú Phát -- trong ngày khai mạc Phòng Tranh Mùa Xuân của Hội VAALA, 11 tháng Năm 1996, tại trụ sở của Hội, cũng là phòng triển lãm nghệ thuật tạo hình thường trực, thành phố Garden Grove, California.

QUẬN CAM

Nhạc sĩ Nghiêm Phú Phát làm Giám đốc Điều hành của Hội VAALA

Tiếp theo kỳ đại hội hôm 14 tháng Tư, Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, tức Hội VAALA, đã có Hội đồng Quản trị mới, gồm 15 người. Hội đồng này đã quyết định mời nhạc sĩ Nghiêm Phú Phát làn Giám đốc Điều hành cho Hội.

Nhạc sĩ Nghiêm Phú Phát vốn tốt nghiệp kỹ sư công chánh, nhưng ông được biết đến nhiều như một giáo sư dương cầm, và là người đã thành lập và điều hành các đoàn văn nghệ Nguồn Sống và Tiên Rồng ở miền Nam Việt Nam trước đây.

Hiện ông Nghiêm Phú Phát đang mở lớp dạy dương cầm và dạy hát tại nhà.

Trong vai trò Giám đốc Điều Hành Hội VAALA, ông Phát cho biết ông sẽ tổ chức nhiều sinh hoạt văn học nghệ thuật để đáp ứng đòi hỏi của cộng đồng, đồng thời giới thiệu những nét đẹp văn hóa Việt Nam với thế giới.

Trước mắt, ông Phát cho biết, ông sẽ tái lập phòng triển lãm nghệ thuật thường trực tại trụ sở của Hội ở Garden Grove. Ngoài ra, các chương trình văn nghệ cũng đã được ông tân Giám đốc Điều hành phác thảo, và sẽ công bố trong những ngày sắp tới.

QUẬN CAM

Linh mục Tuyên ra mắt băng nhạc

Vào 2 giờ trưa thứ Bảy 18 tháng Năm, tại Trung Tâm Công Giáo, đông đảo đồng bào đã đến

tham dự buổi ra mắt cuốn băng đầu tiên của Linh mục Nguyễn Văn Tuyên: *Dâng Chúa Tình Con.*

Linh mục Nguyễn Văn Tuyên bắt đầu sáng tác nhạc từ năm 1986, đến nay đã soạn được khoảng 30 bài thánh ca lấy cảm hứng từ những

Linh mục Nguyễn Văn Tuyên

kinh nghiệm mục vụ. Theo nhận xét của Linh mục Trần Phúc Long, thuộc Cộng đoàn Costa Mesa, thì băng nhạc này sẽ đóng góp đáng kể vào nền thánh ca hải ngoại. (*Tin và ảnh Hồ Đăng*)

QUẬN CAM

Lê Thiên Kim giải nhất dương cầm

Lê Thiên Kim, 16 tuổi, chiếm giải nhất cuộc thi đương cầm tại Saddleback College, ngày 4 tháng Năm 1996.

Cuộc thi này do Hội Giáo Sư Âm Nhạc California (*Music Teacher's Association of California*), phân bộ các thành phố ven biển quận Cam, tổ chức, mang tên "Cuộc thi trình diễn nhạc dương cầm của thế kỷ 20."

Lê Thiên Kim đã trình diễn xuất sắc bài *Danza del Viejo Boyero* của Alberto E. Ginastera. Bài này được viết với phần tay trái có năm dấu giáng, và phần tay mặt không có dấu hóa nào.

Được biết Lê Thiên Kim là ái nữ của soạn nhạc gia Lê Văn Khoa, tác giả của tổ khúc giao hưởng (*suite symphonique*) "*1-9-7-5*" đã được dàn nhạc giao hưởng *Pacific Symphony Institute Orchestra* trình tấu ra mắt cuối tháng Tư 1995.

QUẬN CAM

Phòng tranh Mùa Xuân của Hội VAALA

Hồi 11 giờ sáng thứ Bảy 11 tháng Năm, Hội VAALA đã tiếp tân khai mạc phòng Triển Lãm Mùa Xuân, với tranh của 11 họa sĩ Việt Nam hải ngoại: Ann Phong, Bé Ký, Hồ Anh, Hồ Thành Đức, Nguyên Khai, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Phạm Hoàng, Phấn Nguyễn Barker, Suzie Vương và Vũ Quốc.

Có ba họa sĩ dùng *acrylic*, là Suzie Vương, Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp, nhưng vóc tranh lại khác nhau, từ giấy đến vải và bìa cứng. Nguyên Khai dán vải thô lên ván rồi mới vẽ bằng sơn dầu. Ông còn ghép thêm những mảnh kim loại, những bộ phận của máy điện toán, để gửi một tín hiệu "con người trong thời đại siêu xa lộ thông tin."

Hồ Thành Đức vốn nổi tiếng với tranh giấy dán (*collage*), nay lại vẽ sơn mài, trong khi Bé Ký đem những nét tốc họa vào tranh lụa với màu nước, với đề tài "mẹ và con." Đề tài này cũng được hai họa sĩ Phạm Hoàng (lụa) và Hồ Anh (*gouache* trên giấy dó) khai thác.

Ann Phong là một nữ họa sĩ trẻ, tốt nghiệp đại học Mỹ, nhưng tranh của cô là những nét cọ và dao mãnh liệt của sơn dầu trên bố, với khuôn tranh cực lớn, và đề tài làm hiển lộ những nét khắc khoải, dằn vặt của thân phận người bỏ nước ra đi.

Phấn Nguyễn Barker, hiện cư ngụ tại Đảo Lớn, Hawaii, với tranh in độc bản trên lụa *batik*, lại dùng đề tài "chợ quê," mô tả sinh hoạt người dân Việt Nam lúc này.

Vũ Quốc là một khuôn mặt mới, lần đầu bày tranh ở quận Cam, dùng chất liệu đặc biệt để khắc phù điêu, tạo chiều sâu trước khi dùng *acrylic* quét những vệt màu mạnh như sơn dầu.

Phòng tranh tuy nhỏ nhưng được hầu hết khách tham dự khen tặng là đẹp và ấm cúng. ■

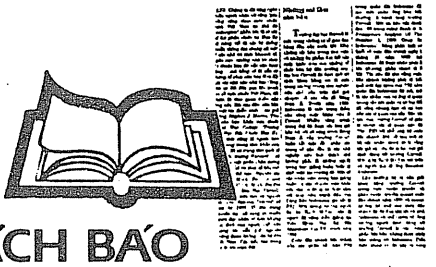

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

LÊ TAM CA
NGÔ MẠNH THU
PHẠM XUÂN ĐÀI

Cấu Trúc Thơ

chuyên luận về thi ca của **Thụy Khuê**, Văn Nghệ xuất bản 1995, 247 trang, giá US$13.00, ngoài nước Mỹ US$15.00. Liên lạc: Văn Nghệ, PO Box 2310, Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

Thi ca hay thơ là một trong những hình thái văn nghệ có gốc gác xa xưa nhất, có ảnh hưởng lớn đến đời sống tình cảm con người. Vì thế người ta không ngừng tìm hiểu nó, xem bản chất nó là cái gì mà mang sức mạnh ấy. Thụy Khuê khi viết Cấu Trúc Thơ cũng muốn người đọc thơ tìm hiểu thơ, *nếu thấy hay thì tại sao hay?* "Thấy hay" là điều người đọc thơ cảm thấy bằng trực giác, còn muốn hiểu "tại sao hay" thì phải hiểu cấu trúc của nó, *bởi thơ có một cấu trúc riêng, không phải chỉ là câu văn có vần, mà cũng không phải cứ viết dăm ba câu dài ngắn khác nhau, xuống hàng tùy hứng là có thơ tự do.*

Thơ có những "phép" của nó, như ẩn dụ, hoán dụ, lựa chọn, kết hợp v.v... mà khoa ngôn ngữ khám phá ra để hiểu rõ nguồn cơn của thơ hơn. Thụy Khuê đã trình bày các phép tắc ấy một cách linh động, giúp người đọc thấy được sự liên hệ giữa chúng với cái "hay" mà mình đã cảm nhận trong thơ. Dĩ nhiên đó là điều kiện cần chứ chưa phải là đủ để thưởng thức thơ, nhưng nhờ đó chúng ta cảm nhận cái hay một cách sâu sắc hơn, giống như một người rành nhạc lý thưởng thức một bản nhạc đầy đủ hơn một người hoàn toàn thất học về nhạc.

Ngoài những chương lý luận về cấu trúc thơ, tác giả đã dành những chương cuối để trình bày về thơ hiện đại của Việt Nam, khởi đầu đi từ Nguyễn Xuân Sanh, Nguyễn Đình Thi trong thập niên bốn mươi, đến nhóm Sáng Tạo với thơ tự do của Thanh Tâm Tuyền thập niên 50, 60, và gần đây nhất, thơ văn xuôi của Đặng Đình Hưng và thơ tạo sinh của Lê Đạt. Sự thăng bằng ấy của cuốn sách đem đến cho người đọc nhiều kiến thức về thi ca cũng như cảm thấy thú vị khi đọc.

Vụ Án Một Người Tu

tiểu thuyết của **Thích Như Điển**, Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Cộng Hòa Liên Bang Đức xuất bản 1995, 212 trang, giá US$9.00 tại Hoa Kỳ. Liên lạc: Chùa Viên Giác, Karisruher Str.6, 30519 Hannover, Ghermany. Tel: (0511) 87 96 30.

Câu chuyện gọi là "tiểu thuyết" này chỉ thực sự bắt đầu ở chương hai và kết thúc ở chương 16, tuy là còn hai chương nữa mới hết quyển sách. Chương đầu tác giả kể chuyện Đức Lạt Lai Lạt Ma đến thăm chùa Viên Giác, nơi tác giả trụ trì, và hai chương chót, chương 17 bình luận về câu chuyện vừa kể, chương 18 tác giả kể quá trình làm việc của mình để hoàn tất cuốn truyện.

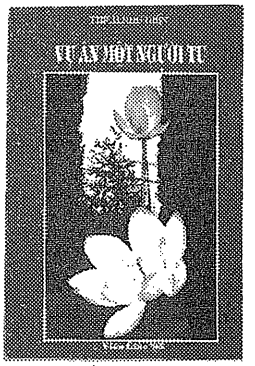

Một cấu trúc như thế rõ ràng không quen thuộc với người đọc sách thông thường, trông chờ ở câu chuyện tiểu thuyết như là một sự kiện hoàn toàn khách quan, một thế giới khác mà mình được mời phiêu lưu vào. Nhưng tác giả Thích Như Điển hình như không có ý định làm một quyển tiểu thuyết theo nghĩa thông thường như thế. Ông viết cuốn sách theo cung cách của một người tu hành mong muốn trao cho người đời một thông điệp nào đấy, hình thức không quan trọng. Tác giả kêu gọi người đọc cùng chia sẻ với mình như khi kể chuyện trong gia đình giữa những người thân với nhau.

Câu chuyện một tu sĩ Phật giáo vượt biên qua các nước Tây phương, trải những nỗi đắng cay trong môi trường tu hành mới, rồi bị vu oan trong một vụ giết người cướp của, bị tù tội, cuối cùng chết trên giường bệnh nhưng vẫn không chịu nói ra sự thật, dù mình đã biết. Bên cạnh diễn tiến của câu chuyện, tác giả còn vẽ ra tình hình Phật sự của cộng đồng người Việt hải ngoại với những vấn đề nhức nhối của nó. Thái độ của tác giả là coi đây là câu chuyện chung, thảm họa của vị tu sĩ ấy cũng là một phần có tính chất điển hình của bao chuyện bể bộn mà cộng đồng Phật tử phải biết và tìm cách giải quyết lấy.

Lý Luận Và Phê Bình - Hai Mươi Năm Văn Học Việt Ngoài Nước 1975 - 1995

phê bình văn học của **Bùi Vĩnh Phúc**, Văn Nghệ xuất bản, 760 trang, giá US$27.00, ngoài Hoa Kỳ thêm $3.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box

2301 Westminster, CA 92683. Tel: (714) 527-5761.

Đó là một cuốn sách khá đồ sộ về cả hình thức, nội dung lẫn thời gian biên soạn. Môn lý luận và phê bình văn học vốn ít người viết, nay lại có một cuốn sách về loại này bao trùm một quãng thời gian dài 20 năm của văn học hải ngoại, được một tác giả "có tay nghề" (vừa ở trong giới viết lách, vừa có học vấn cao về môn văn chương ngôn ngữ) cặm cụi thực hiện trong một thời gian mười một năm (1984 - 1995), giới quan tâm đến chữ nghĩa của người Việt xa xứ bỗng cảm thấy yên tâm. Hai mươi qua nền văn học Việt Nam hải ngoại dần dần thành hình một cách rõ rệt, sách báo ngày một phong phú, nhưng nếu không có người theo dõi, đánh giá một cách đúng mức thì vẫn là một thiếu sót. Trong lãnh vực này, Bùi Vĩnh Phúc đóng góp phần của mình một cách tích cực, say mê nhất.

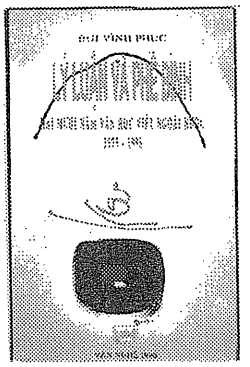

Sách chia làm ba phần. Phần Một phê bình và nhận định một một số tác phẩm cụ thể của: Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Bá Trạc, Bùi Bích Hà, Phạm Duy, Hoàng Khởi Phong, Trần Mộng Tú, Trần Diệu Hằng, Võ Phiến, Nguyễn Ngọc Ngạn, Hồ Trường An, Lê Thị Huệ, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Vũ Khắc Khoan, Vũ Quỳnh Hương, Phạm Công Thiện, Bùi Giáng, Phan Thị Trong Tuyến, Nguyễn Mộng Giác, Quyên Di, Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Tô Thùy Yên. Trong khi làm công việc phê bình nhận định ấy, Bùi Vĩnh Phúc đã làm rõ diện mạo cũng như phong cách văn học của những tác giả vừa kể trên một số khía cạnh.

Phần Hai là phần lý luận văn học, gồm các bài viết như *vấn đề thẩm thức một tác phẩm nghệ thuật, nghĩ về huyền thoại "ghetto" và vài vấn đề liên hệ trong nền văn học Việt ngoài nước, vấn đề ngôn ngữ và sự sáng tạo của nhà văn nhà thơ v.v...*

Phần Ba gồm các bài tác giả trả lời phỏng vấn của tạp chí Hợp Lưu và Nguyễn Mạnh Trinh về các vấn đề liên quan đến văn học.

Nhìn chung cả cuốn sách, dù ở phần nào, tác giả cũng cố gắng trình bày diện mạo và dòng vận động của văn học Việt Nam hải ngoại hai mươi năm qua, với những đánh giá, nhận định sâu sắc và đầy tính thẩm mỹ.

Thư Gửi Bạn Ta tập II

của **Bùi Bảo Trúc**, Văn Nghệ xuất bản 1996, 383 trang, giá US$16.00, ngoài Hoa Kỳ thêm $3.00. Liên lạc: như cuốn trên.

Thư Gửi Bạn Ta tập I mới ra đời cách đây mấy tháng, bây giờ tập II đã nối gót ra mắt bạn đọc, điều đó chứng tỏ các lá thư Hoa Thịnh Đốn của Bùi Bảo Trúc được đón tiếp rất nồng nhiệt. Tập II gồm những lá thư gửi "bạn ta" từ đầu tháng Năm đến cuối tháng Sáu 1995, nghĩa là một số những chuyện hay hay, ý nhị, dí dỏm, hoặc làm bực mình xảy ra trong thời gian nửa năm đó đã được tác giả họ Bùi chiếu cố đến, vẫn với lời văn thông minh, châm biếm và giàu kiến thức của mình. Nói một cách khác, một phần lịch sử của cuộc sống thường ngày của nửa đầu của năm 1995 đã được các bức thư ấy ghi lại và bình luận một cách thú vị.

Thời gian trôi qua, chuyện hàng ngày vẫn tiếp tục xảy đến và hiện nay tác giả vẫn đều đặn viết thư để gửi bạn ta. Điều đó cho ta hy vọng sẽ còn được đọc Thư Gửi Bạn Ta các tập III, IV... dài dài trong tương lai.

Hoa Nở Vườn Tâm

của **Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả**, tác giả xuất bản 1996, 137 trang, giá US$5.00, ở xa thêm $2.00 cước phí. Liên lạc: P.O. Box 847 Midway City, CA 92655.

Tác giả là một cư sĩ Phật giáo tu học tại gia, hiện phụ trách biên soạn các "Lá thư truyền thanh" phát thanh hàng tuần trên đài "Tiếng Nói Hương Sen" tại Quận Cam, California. Những bức thư giảng giáo lý đạo Phật ấy được tác giả tập họp lại làm thành cuốn sách này. Đó là những lời lẽ giản dị dễ hiểu nhằm vào giới trẻ để từng bước giới thiệu với họ con đường tu thân cùng là một số khái niệm căn bản của Phật giáo như Tinh thần bình đẳng, Tinh thần tự do, Tinh thần bao dung, Tình thương, Niềm tin v.v...

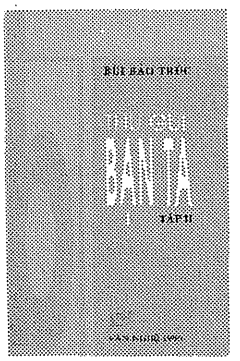

Xen kẻ trong các bài giảng là một số các bài thơ đầy đạo vị của tác giả.

Nỗi Nhớ

bút ký của **Phan Lạc Tiếp**, Võ Phiến đề tựa, Mõ Làng xuất bản, 190 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Mõ Làng, 774 Geary Street, San Francisco, CA 94109. Tel: (415) 673-6836.

Tập bút ký chiến tranh này đã được sửa soạn để xuất bản năm 1991 nhưng vì những trục trặc không ngờ trước, mãi cuối năm 1995 mới in xong. Thành ra những chuyện tác giả kể về cơn hấp hối của miền Nam đúng 20 năm sau thì được xuất hiện. Xuất hiện trong một thời điểm mọi người đang nhớ tới, đang hoài niệm, có lẽ càng thấm thía hơn...

Trong bài tựa, nhà văn Võ Phiến nhận xét rằng không có biên giới rõ giữa ký và truyện của Phan Lạc Phúc, nghĩa là ký của ông không phải thuần túy kể chuyện đã qua mà còn nét sáng tạo trong ấy, ngược lại trong truyện của ông người ta dễ bắt gặp những người thực việc thực. Người đọc dễ nhận thấy điều đó khi đọc *Nỗi Nhớ*. Chuyện sụp đổ, chuyện di tản thật không gì có thể thực hơn, nhưng vì ông tả khéo, và nhất là ông chọn các chi tiết để mô tả thật kỹ (nghĩa là thật "nghệ thuật"), nên ký của ông linh động, đáp ứng được rất nhiều nhu cầu thẩm mỹ nơi người đọc.

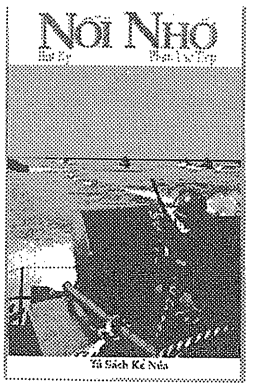

Nỗi Nhớ còn là một tập tài liệu với một số hình ảnh cũ và một số bài ngắn tác giả viết cho tờ Chân Trời Mới phát hành tại các trại tị nạn trên đảo Guam trong năm 1975.

Gót Chân Huyền Ảo

thơ **Lê Phụng Thiên - P.T. Ca Hát**, Song Ca tái bản lần thứ nhất tại hải ngoại 1996. Không ghi giá bán và địa chỉ liên lạc.

Tập thơ này xuất bản lần đầu tại Việt Nam năm 1968, tái bản ở hải ngoại gần ba mươi năm sau. Trang đầu của tập thơ có thủ bút của Vũ Hoàng Chương viết bốn câu thơ và một dòng chữ: *Cảm đề Gót Chân Huyền Ảo - Sài đô cuối thu (1968)*. Đây là một tập thơ tình, tiếng nói của tình yêu cách đây ba mươi năm xem ra... vẫn vậy. Đó đây ẩn hiện một ít câu thơ đẹp và thiết tha.

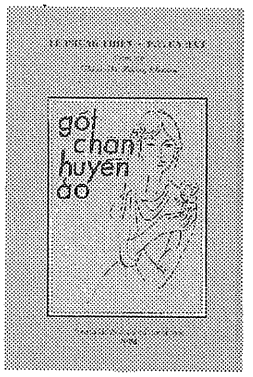

Văn Sử Y Dược Trong Truyện Chưởng Kim Dung

biên khảo của **Trần Văn Tích**, Thanh Văn xuất bản 1995, phát hành 1996, dày 214 trang, giá $12.00. Liên lạc: PO Box 411723, Los Angeles, CA 90042.

Là một bác sĩ y khoa, Trần Văn Tích viết biên khảo có tính khoa học, nhưng đầy phong cách văn chương. Ngay những đề tài ông khai thác cũng nhiều bài bài, hoặc tập sách, thuần văn học. Tuy nhiên, ông thành công nhiều nhất ở những tác phẩm pha trộn cả hai — khoa học và văn chương — vì ở đó người đọc vừa được thưởng thức cái dí dỏm, cái du dương của văn, vừa được tăng cường kiến thức hoặc "gia cố" những hiểu biết vốn mơ hồ về một số lãnh vực đầy quyến rũ như y, dược, sử, ngữ học...

Trong cuốn "...Kim Dung" này, Trần Văn Tích đưa người đọc đi vào những "hang động" của các ngành văn, sử, y, dược Đông Tây, kim cổ, bằng con đò "truyện chưởng Kim Dung." Ông chỉ dùng truyện chưởng Kim Dung như một cái cớ để nói về văn và sử, cũng như y và dược, với lối văn khề khà, lãng đãng (mà vẫn nói đâu trúng đó) của một Tú Xương, một Tản Đà của kỷ nguyên không gian ảo (*cyberspace*). (LTC)

Mây Bay

tuyển tập thơ của **Tạ Tỵ**, Miền Nam xuất bản 1996, dày 112 trang, giá $10.00. Liên lạc: Linh Tạ, 11741 Old Fashion Way, Garden Grove, CA 92640.

Tuyển tập gồm 53 bài thơ, chia làm ba phần, mỗi phần là một giai đoạn sáng tác.

Ở lứa tuổi gần 80, Tạ Tỵ đã là một họa sĩ thành danh từ gần nửa thế kỷ nay, và cũng là tác giả hơn mười cuốn sách đã xuất bản.

Tập thơ "Mây Bay" là cuốn thứ tư của Tạ Tỵ được in ở Mỹ. Sắp tới, ông sẽ cho in cuốn "Cuộc Đời Và Hội Họa."

Tạ Tỵ cùng thời với Thái Tuấn, Phạm Duy, giống ở chỗ bên cạnh nghiệp chính (người vẽ, người soạn ca khúc), còn viết văn. Nhưng khác ở chỗ nếu Thái Tuấn chỉ viết những tiểu luận về hội họa, Phạm Duy viết hồi ký và biên khảo liên quan đến âm nhạc, thì Tạ Tỵ không nói gì về bàn tay cầm cọ của ông, về nghệ thuật tạo hình, mà ông làm thơ, viết truyện, và nhận định văn học.

Thơ ông, vào giai đoạn đầu (căn cứ theo phần III trong tập "Mây Bay," với những bài làm trước năm 1975), là phiên bản của những tranh lập thể của ông, thí dụ bài "Đàn Tím" năm 1954:

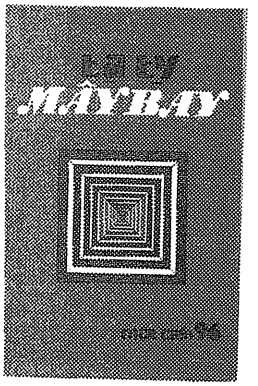

chiều nay
Em không hát
Tôi lặng nhìn qua trời
da bệnh tật
Màu đàn tím ngắt
In trong ánh mắt
Của em
Của tôi
...

Càng về sau, thì ông càng ngả sang khuynh hướng phản ánh thời cuộc, trong đó kể cả những bài ông làm trong tù "cải tạo," như bài "Nửa Đêm Thức Giấc" ở Lào Cai năm 1977.

Ngọn đèn canh le lói
Con mắt lòa đêm sâu
Hồi kẻng khua rộn rã
Một đêm lại cúi đầu... (LTC)

Blind Design

(*Why America Lost The Vietnam War*)

Biên khảo (bằng Anh ngữ) của **Lạc Hoàng** và **Hà Mai Việt**, các tác giả tự xuất bản, 1996, dày

387 trang, giá $18.00. Liên lạc: Hoàng Lạc, Hà Mai Việt, 10210 Kent Towne Ln, Sugarland TX 77478-1607.

Lạc Hoàng, tức cựu thiếu tướng Hoàng Văn Lạc, Tư lệnh phó Vùng 1, QLVNCH; Hà Mai Việt, cựu đại tá, Tư lệnh phó Hành quân, Sư đoàn 25 BB-QLVNCH.

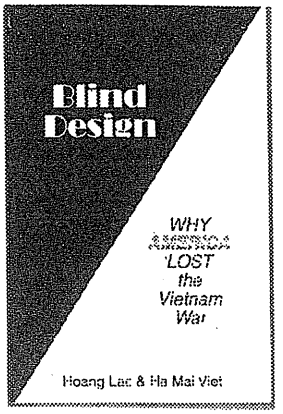

Cuốn sách được viết theo lối biên niên (*chronologically*), mô tả, phân tích và nhận định các diễn biến quân sự và chính trị của lịch sử Việt Nam cận và hiện đại, từ 1954 đến 1975 — sự hình thành, phát triển, suy tàn và sụp đổ của một quốc gia, một chính thể, trong đó những tác nhân chính là những người Việt Nam ở hai phía quốc gia và cộng sản. Nhưng động lực đưa tới sự sụp đổ VNCH lại không nằm trong tay những tác nhân này, mà bị chi phối trực tiếp và kịch liệt bởi "đồng minh" Hoa Kỳ.

Các tác giả muốn (như trong lời tựa của cuốn sách) cung ứng cho thế hệ [người Việt] tương lai sự thật về một phản bội [đến từ chủ trương] một cuộc chiến không nhắm thắng, đưa ra bởi nhóm người phát động một chính sách sai lầm, một chiến lược cầu bại, và một chiến thuật sai trái. (LTC)

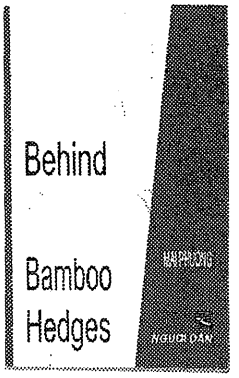

Behind The Bamboo Hedges

Truyện dài (bằng Anh ngữ) của **Mai Phương**, Người Dân xuất bản 1996, dày 342 trang, không đề giá.

TK 21 xin giới thiệu cuốn sách dựa teho lời tựa: "Cuốn sách này không viết về một con người, một quang cảnh nào đó, hay một mối tình. Điểm chính của nó nhằm phác họa một nếp sống, một nếp suy nghĩ, và phong thái của nhiều thế hệ người Việt Nam suốt một thời chiến tranh dai dẳng. Cuộc hciến — khởi động bởi những con rối của cả hai phe Tư bản và Cộng sản — áp đặt lên một dân tộc chỉ muốn sống trong hòa bình và hòa điệu với nhau cũng như với những dân tộc khác trên thế giới.

... "Nếu cuốn sách này có thể đánh động một chút quan tâm nhỏ bé nào về hoàn cảnh của dân tộc Việt Nam, mối quan tâm dẫn tới sự hiểu biết về những con người Việt Nam đích thực, mà danh dự của họ đã bị bôi nhọ quá lâu bởi những người và những phương tiện truyền thông, thì đó là điều mà tác giả cũng như những người cộng tác của cuốn sách muốn đạt tới." (LTC)

CD Nhạc Buồn

Đĩa nhạc với tiếng hát **Bích Liên**, gồm 10 ca khúc trữ tình của các tác giả Văn Cao, Phạm Duy, Đặng Thế Phong, Tuấn Khanh, Hoàng Khai Nhan, Cung Tiến, Phạm Đình Chương, hòa âm của Duy Cường, Cung Tiến và Lê Ngọc Chân.

Bích Liên là giọng ca chủ lực của Ban Hợp xướng Ngàn Khơi, và đã nhiều lần góp giọng trong các CD nhạc có giá trị nghệ thuật. Đây là lần đầu tiên Bích Liên hát 10 ca khúc trong riêng một đĩa nhạc. CD **Nhạc Buồn** được phát hành rộng rãi trên khắp thế giới, nơi có người Việt Nam cư ngụ.

Điều đặc biệt của CD Nhạc Buồn là người ta có thể "nghe thử" trước khi quyết định mua. Vị nào có dùng Internet, xin nghe trên Web page **http://kicon.com/BichLien.** Quý vị có thể đặt mua CD Nhạc Buồn (với chữ ký lưu niệm) tại địa chỉ: Bích Liên, 14265 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92643. Tel (714) 531-2773. Hoặc: Báo *Thế Kỷ 21,* bằng thư, điện thoại (ghi trên bìa báo), hoặc điện thư theky21@ix.netcom.com. Giá mỗi đĩa US$15.00.

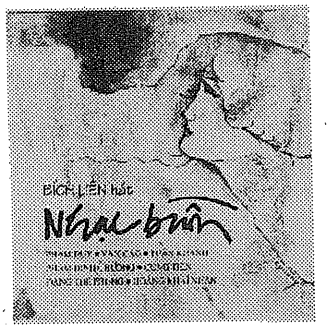

(NMT)

CD Con Đường Tôi Về

Những tình khúc quê hương của **Lê Tín Hương** được trình bày bởi các giọng ca Anh Dũng, Thái Hiền, Việt Dzũng, Thanh Thủy. Phần hòa âm của Quốc Thắng và Thanh Lâm. Liên lạc : Hương Nhạc PO Box 2054 M72 Westminster CA 92684. Tel:(714) 839-2950.

Đây là CD thứ ba của Lê Tín Hương được phát hành vào tháng Tư 1996. Ba năm liên tiếp, 1994, 95, 96, ba CD được gởi tới người nghe chứng tỏ sức viết của người nữ nhạc sĩ này rất mạnh và cảm xúc thật dồi dào. Dòng nhạc của Lê Tín Hương vẫn mượt mà và ca từ cũng vẫn đầy chất thơ, nhè nhẹ và hiu hiu. Các giọng hát phù hợp với ca khúc đã góp phần dẫn người nghe vào cõi phiêu bồng.

Thư Của Mẹ

băng cassette thu các bài viết của **Thái Hà** do chính tác giả đọc, với nhạc đệm do Anh Dũng tuyển chọn và thực hiện. Liên lạc: PO Box 2054 M72, Westminster, CA 92684. Tel: (714) 505-3851.

Cái thế giới tình cảm tinh tế và bí mật của bà mẹ và con gái

được phơi bày thiết tha, yêu thương và ý nhị đến thế là cùng. Nghe Thái Hà, bỗng thấy thấp thoáng trở về Gia Huấn Ca của Nguyễn Trãi, Mẹ Dạy Con Gái của ca dao, Lời Mẹ Dặn Con Gái Về Nhà Chồng của Lê Quý Đôn lẫn tiếng than não nuột *đau đớn thay phận đàn bà* của Nguyễn Du... Dù với hình thức tân tiến là các bức thư và thư ấy được đọc với chính giọng của mình vào một phương tiện điện tử, công việc của Thái Hà vẫn là một nối tiếp công việc của người xưa, là thế hệ này dạy dỗ trao truyền sự quan tâm và yêu thương của mình cho người nữ của thế hệ nối tiếp.

Cái khác ở đây là người mẹ nói trực tiếp với con gái, con dâu, và nói những vấn đề trong khung cảnh thời đại ngày nay. Nói với tình thương yêu bao la của người mẹ, đành rồi, nhưng đây là một người mẹ đặc biệt, một nhà văn có tài, diễn tả những nỗi quan tâm rung cảm rất sâu xa tinh tế mà chỉ trong thế giới đàn bà với nhau người ta mới cảm nhận được, với một ngôn ngữ (viết và nói) vừa du dương êm đềm, vừa rung động một cách đầy trí tuệ. Tâm tình và lời lẽ ấy có tính vĩnh cửu vì phơi mở một cách tài hoa một điều ai cũng biết nhưng không phải ai cũng diễn tả được: đó là lòng mẹ. Lòng mẹ và thế giới nữ tính đầy bí mật và đầy quyến rũ, làm nền cho tất cả cảm hứng về sự sống, nhưng cũng vì thế phải hứng chịu biết bao thương đau mà cuộc đời mang lại.

Đây là một tác phẩm quan trọng cho tất cả mọi người, không phải chỉ dành cho những người con gái cần nghe lời tâm sự của bà mẹ.■

VNCR

Vietnam California Radio

15 tháng Năm 1996
Kính gửi quý thân hữu của VNCR

Thưa quý vị,

Giữa tháng Sáu, chương trình phát thanh VNCR có mặt tại miền Nam California đúng một năm.

Được sự ủng hộ của quý vị trong suốt năm qua, VNCR đã có những bước tiến vững chắc, để trở thành một phương tiện truyền thông độc lập mà hàng chục ngàn thính giả tin cậy và yêu mến.

Để đánh dấu ngày thành lập, cũng như để có dịp tiếp xúc và lắng nghe trực tiếp các ý kiến của quý vị, đồng thời bày tỏ lòng tri ân của toàn thể anh chị em trong chương trình VNCR đối với quý thính giả, quý thân chủ, quý cộng tác viên và quý thân hữu, chúng tôi kính mời quý vị tới dự

ĐÊM VĂN NGHỆ VNCR

Ăn tối — Ca nhạc — Xổ số ---- Khiêu vũ
vào hồi 7 giờ tối Chủ Nhật 23 tháng Sáu 1996
tại Khiêu Vũ Trường Majestic
18582 Beach Blvd., Huntington Beach, California
(góc Beach và Ellis, ĐT 714-963-1089)

Chúng tôi ước mong được đón tiếp quý vị trong "Đêm Văn Nghệ VNCR." Để giữ chỗ ($25.00 một người), xin quý vị vui lòng liên lạc với VNCR, (714) 534-9430, hỏi cô Phan Mỹ Sương.

Thân ái kính chào quý vị.

LÊ ĐÌNH ĐIỂU
Giám Đốc Điều Hành

CHƯƠNG TRÌNH
7:00 — Tân khách tới
7:30 — Ăn tối
8:00 — Khai mạc
8:30 — Xổ số
9:30 — Ca nhạc và khiêu vũ
1:00 — Bế mạc

BAN NHẠC và CA SĨ
THE MAJESTIC BAND
PHI KHANH - TUẤN NGỌC - DUY QUANG - CÔNG THÀNH và LYNN - DIỄM LIÊN - HOÀNG NAM - HẰNG NGA - HOÀNG TRỌNG THỤY - HỒNG ĐÀO - QUANG MINH - TRỌNG NGHĨA - MỘNG LAN...

VIÊN PHONG

HOÀI NIỆM

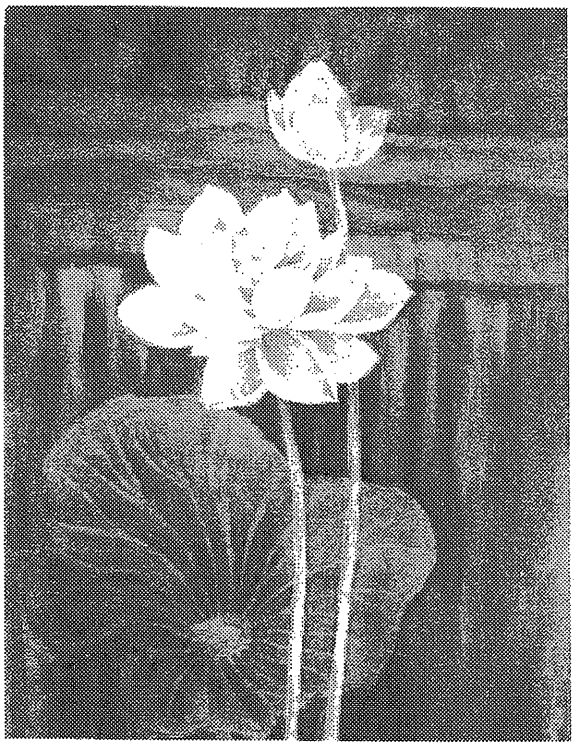

Hoa sen, tranh Nguyễn Đống

(Bốc mộ hiền thê cảm tác)

Em nằm đó đúng phần tư thế kỷ,
Lìa chồng, con giữa lúc tuổi đương xuân,
Cả thân tâm còn tha thiết dương trần
Suốt ba tháng, hồn Anh chìm trong lệ,
Tiếc thương em và xót thương lũ trẻ,
Tuổi ấu thơ ngơ ngác phận mồ côi.
Tự trrách mình, qua cả một phần đời
Chẳng gắng tạo cho Em nhiều hạnh phúc,
Anh đau buồn, hối hận siết con tim,
Bởi dĩ vãng không cách nào sửa được,
Tuy dĩ vãng chẳng rời Anh nửa bước.
Vì, này đây, chiếc giường của Yêu Đương,
Và bên giường, vẫn đó, chiếc bàn gương
Mà mỗi sáng em soi hình bóng trẻ;
Đây, đây nữa, những chiếc bàn, tủ, ghế,
Trải bao năm làm bạn với Anh, Em,
Vẫn còn nguyên để nhắc chẳng còn Em.
Nay, theo lệnh chính quyền vừa ban bố,
Rời đi vài nghĩa trang trong thành phố,
Anh buộc lòng phá bỏ mộ phần Em
Mà Anh đã xây bằng cả trái tim.
Anh xúc động rõi gom, từ đáy mộ,
Chút cốt tàn, di tích Em một thuở
Thiêu cốt rồi, gắp từng mảnh con con,
Xem thiêng liêng, quý báu chẳng gì hơn,
Anh bỏ vào chiếc bình mầu trang trí
Hình bông sen với tên Em khắc kỹ
Dưới ảnh Em nhắc lại tháng năm xưa.
Trên xe từ đài hỏa táng về chùa,
Anh ôm chắc chiếc bình vào sát ngực,
Sát tim Anh, để cho Anh, một lúc,
Chặt ghì Em qua biên giới Âm, Dương,
Nói những lời thầm lặng của Yêu Đương.
Thôi, Em nhé! Bây giờ, dù Em ở
Nơi cảnh chùa cốt Em an vị đó,
Hay tiêu dao Cực Lạc chốn nào xa,
Cũng xin Em, nếu Em thấy việc nhà
Đã tiến triển như ý Em mong ước,
Thì Em hãy cầu Trời cho Anh được
Mạnh khỏe thân và sáng suốt trí khôn,
Để cho Anh tiếp tục giúp đàn con,
Cùng kế mẫu hiền từ, xây cuộc đời tốt đẹp.

Sài gòn 1984

ĐẠI HỘI TẠM và HỦ TÍU THANH XUÂN

CẬU TÁM BOLSA

Báo Sài Gòn Giải Phóng có khi cũng tỏ ra họ biết rằng độc giả thường có trí thông minh. Trong số báo ra ngày 13 tháng Tư 1996 tờ báo này kể chuyện giải Oscar. Họ cho biết thời 1930 ban giám khảo chỉ có mươi người, nhưng bây giờ mở rộng ra tới 3,000 người. Số người bỏ phiếu càng đông thì càng công bình, sáng suốt hơn. Đúng như vậy. Đảng ta chắc cũng biết vậy, nhưng họ không tin là dân chúng cũng biết như vậy. Vì thế Đảng cứ lo bầu cử giúp cho đồng bào cả nước.

Nhà thơ Bút Tre tả cảnh bầu cử:

Ta đi bầu cử tự do
Chọn người xứng đáng mà cho vào hòm

Trong tháng Sáu này bên Nga sẽ đi bầu Tổng thống, coi ai là người xứng đáng lèo lái con thuyền quốc gia qua cơn đổi mới. Bên Việt Nam (tháng Tám em Liên xô tháng Mười) cũng sẽ có một cuộc bỏ phiếu chọn những người có quyền quyết định vận mệnh của 74 triệu người Việt trong mấy năm sắp đến. Nhưng ở Việt Nam chỉ có một nhóm người họp kín với nhau để quyết định giúp cho 74 triệu người kia, "cấm ngoại thủy không ai được biết." Số người họp đại hội còn ít hơn cả số giám khảo chọn giải Oscar nữa. Người ta phải thương nhau lắm mới lo toan vất vả để chọn lựa giúp nhau như vậy. Và người ta phải trong sáng, quang minh lắm mới phải họp mật, chọn kín không ai biết trong hậu trường đả đả đàm đàm ra sao.

Nếu Đại Hội Tám trao giải Oscar cho các cụ Mười, cụ Mười Một, Mười Hai, v.v. bắt các cụ "hy sinh lần nữa," thì nó xứng danh là đại hội TẠM, như dân Hà Nội đã gọi tên. Và hai câu thơ Bút Tre có tính tiên tri: Chọn các cụ xứng đáng nhất để cho vào cái hòm theo nghĩa đen. Các cụ đều đến tuổi vào hòm để con cháu xì xụp lễ bái cả rồi.

Bên Mỹ họ không tổ chức bầu cử vào mùa hè, lý do chính là nếu bầu cử vào dịp hè, số người đi bầu sẽ rất ít. Thử tưởng tượng nếu bắt dân Pháp đi bầu vào tháng Bẩy, tháng Tám coi. Chắc phải bê thùng phiếu ra bãi biển năn nỉ từng người bỏ phiếu, ai bỏ phiếu sẽ tặng một ly kem lát xê. Mùa hè, dân Mỹ còn đang chờ coi Thế Vận Hội ở Atlanta. Thành phố đó cũng nổi tiếng về... tội phạm. Có người nói kỳ này khi bắn súng để mở đầu các cuộc chạy đua người ta sẽ lắp đạn thật chứ không phải đạn mã tử. Cuộc chạy đua sẽ tổ chức thành thi đua chạy đuổi theo một anh móc túi xem ai bắt được trước. Còn ném đĩa? Các lực sĩ sẽ phải ném vào một cái cửa kính của chiếc xe ô tô, cho nó hiện thực. Về bơi lội thì vị nào đọc tiếng Anh hiểu xin giảng nghĩa cho, họ nói có "100-meter backstroke and 100-$ inner-thigh stroke."

Dân Mỹ chán nghe chuyện bầu cử, nhà chính trị phải cạnh tranh với lực sĩ để cho dân chú ý đến họ. Trong một bữa tiệc do các nhà báo đãi, ông Clinton đã đặt các câu hỏi rất gay gắt, truyền hình lại trên đài CNN cho dân coi. Ông hỏi dân muốn chọn ai, Bill Clinton hay là Bob Dole? Nhưng cách ông nêu câu hỏi thì chỉ có Mỹ chịu chơi mới nghe được. Clinton hỏi: "Nếu quý vị phải chọn một người cắt cỏ trong vườn thì quý vị chọn ai? Bill hay Bob? Nếu tối nay muốn đi coi xi nê, cần chọn một người đến nhà trông con nhỏ thì quý vị chọn ai? Bob hay Bill? Nếu ăn bánh Pizza mà cần một người chọn nhân thịt loại gì thì quý vị sẽ chọn ai, Bill hay Bob?..." Chẳng nói gì đến cải tổ y tế hay cân bằng ngân sách cả, nhưng nghe rất khoái tai.

Trong khi dân Mỹ lo tranh cử thì người Việt Bolsa đang bàn tán chuyện khác. Không, không phải chuyện cựu Tông Tông Thiệu chọn báo với đài nào làm bạn, làm anh em thân thiết của ông để cho phỏng vấn. Câu chuyện sôi nổi nhất gần đây là vụ hai tiệm Hủ Tíu Thanh Xuân. Thanh Xuân là tiệm hủ tíu danh tiếng ở "Sàigòn năm xưa." Ở Bolsa có người mở một tiệm hủ tíu đặt tên là Hủ Tíu Thanh Xuân, đắt như tôm tươi. Được một hai năm, bà bếp chính của tiệm này tách ra mở tiệm mới, đặt tên là Hủ Tíu Thanh Xuân Sàigòn.

Vụ hai tiệm Thanh Xuân không làm ai ngạc nhiên, đáng lẽ phải có ba hay bốn tiệm mới đúng truyền thống dân tộc. Nhưng bà Thanh Xuân mới đã đăng quảng cáo trên các báo công bố việc bà đã ly khai, nói chính bà mới là "dòng dõi Thanh Xuân" chính truyền! Dân Bolsa bàn cãi chuyện này suốt mấy tháng. Có người bảo tất cả chỉ vì hai cụ Lạc Long Quân với Âu Cơ ngày xưa cơm không lành canh không ngọt nên con cháu mới nên cơ sự này. Có ông quả quyết rằng việc bà bếp chính của Thanh Xuân ly khai chủ tiệm là do bất đồng ý kiến về chính trị!

Chính trị? Phải, chính trị đấy các cụ ạ. Nghe nói bên chủ tiệm họ tính bầu cho đảng Cộng Hòa, còn bà bếp nhất định ủng hộ đảng Dân Chủ.

Cuối cùng việc tất phải ra tòa. Ông tòa Mỹ, sau khi nghe bên nguyên bên bị phân trần, giải thích, luật sư giở luật bản quyền, và án lệ ra cãi rồi, bèn phán quyết. Ngài phán rằng tiệm mới phải đổi tên. Họ cứ việc giữ bốn chữ Thanh Xuân Sàigòn, nhưng phải bỏ hai chữ Hủ Tíu! Để tránh cho người tiêu thụ khỏi bị confused!

Người ta cứ đồn Mỹ nó dốt mình không tin, bây giờ thì thấy Mỹ dốt thật đấy, các cụ ạ.■

Cậu Tám Bolsa

HANOI-BEIJING RAPPROCHEMENT: DREAM OR NIGHTMARE?

LAM LE TRINH

During the long war between the two Viet Nams, the South was like Sisyphus, condemned to push the rock of American alliance uphill, whereas the North was like Prometheus, chained to the mountain and devoured by two eagles, Stalin's Russia and Mao's China.

On May 7, 1954, Vo Nguyen Giap wrestled Dien Bien Phu from General De Castries' troops. The next day, Prime Minister Pham Van Dong strode triumphantly into the meeting room of the then League of Nations in Geneva, where eight countries had come together to discuss peace in Indochina. Dong was confident that with the backing of the Chinese and the Russians, his government's military victory would translate into a diplomatic one. He was soon to be mightily disappointed.

The two co-chairmen of the Conference were British Foreign Minister A. Eden, and V. Molotov, the Russian Foreign Minister. Chu En Lai, Bedel Smith and Georges Bidault represented Communist China, the United States and France respectively. Emperor Bao Dai, Laos and Cambodia were also represented.

The first few weeks, the intransigence of the North Vietnamese delegation stalled the talks: they asked for full sovereignty over Viet Nam and international recognition for the Pathet Lao and the Khmers Rouges. The situation changed in mid-June, when Mendes France set up a new government in France. The new prime minister made a vow to the French Parliament to get the talks going again within four weeks, failing which he would resign. As for Chu En Lai, he became firmer with Hanoi. China had just lost over a million men in Korea and did not want to give the United States an opportunity to set up further posts in Asia and consequently, could not tolerate North Viet Nam's expansionist objectives. It was in China's interest to maintain peace in the region and to appease the non aligned countries at the eve of the Bandung Conference. He wanted to display the principles of peaceful coexistence *(pantjasila)* championed by Indian Prime Minister Nehru. For these reasons, Chu could not allow North Viet Nam to use the Geneva Conference to unify Viet Nam. On May 18, a Chinese delegate openly told a French delegate that *"We are here to reestablish peace, not to support the Viet Minh."* Before setting off on official visits to India and Indonesia (both of which had not recognized Hanoi) Chu met Ho Chi Minh in Southern China and told him that his country would suspend all assistance to Viet Nam if Ho held on to his demands in Geneva.

Private contacts between Chu and Mendes-France led to a decision which did not help Hanoi: the idea of the partition of Viet Nam and of later general elections was put forward and gained favor among the Conference participants. France was not opposed to this since an imperfect compromise was better than a prolonged war. Dong argued as much as he could. In the meantime, Bao Dai had appointed Ngo Dinh Diem prime minister of South Viet Nam. On June 23, Chu informed Mendes-Frances that China would agree to a cease-fire followed by a political agreement. At the same time, he warned Hanoi to respect the independence of its neighbors, Laos and Cambodia. And he stressed that his government had *"no other ambitions and poses no conditions"* (Standley Karnow's Vietnam, a history, Viking Press, NY 1982).

Molotov dealt bluntly and decisively with North Viet Nam. On July 20, the day of Mendes-France deadline, he invited Chu, Mendes-France, Eden and Dong to his residence, Le Bocage, to discuss one, the provisional partition of Viet Nam, and two, the date of the general elections which were to decide the eventual reunification of the country. Dong suggested a partition at the thirteenth parallel which would put 2/3 of the Vietnamese territory under communist rule. He had to back down and bargain for the sixteenth parallel while Mendes-France pushed for the eighteenth. Molotov had the last word, getting the participants to settle for the seventh parallel. Mendes-France wanted the timetable for the elections to be left open. Dong suggested six months, then a year. Molotov got everyone to agree on two years. Mendes-France had achieved at the negotiating table more than the French forces had won on the battlefield, and North Viet Nam lost all the advantages it had painstakingly won during a murderous war. An embittered Pham Van Dong complained to an aide that Chu *"has double-crossed us"*.

That, however, was not the end. According to Karnow, Ngo Dinh Luyen, Bao Dai's delegated and a brother of Prime Minister Ngo Dinh Diem's was one of the guests at a farewell dinner hosted by the Chinese delegation. Chu reportedly sug-

gested to him that the Saigon government should open a diplomatic mission in Beijing, commenting that *"Of course, Pham Van Dong is closer to us ideologically, but that doesn't rule out representation from the South. After all, and aren't you both Vietnamese, and aren't we all Asians?"*

From a legal point of view, the Geneva Treaty was a document dealing essentially with the end of armed conflict in three countries, Viet Nam, Laos and Cambodia. The agreement between France and the Democratic Republic of Viet Nam (the North's official name) was not a political settlement. It provided for a temporary partition pending elections to be held in 1956. French forces had to evacuate the North and Viet Minh forces had to leave the South. The United States and Saigon did not sign the agreement. The other participants simply endorsed the final declaration.

The Eisenhower administration reluctantly agreed to abide by the Geneva agreement. Bedel Smith stated that the United States would view *"with grave concern... any renewal of agression"* on the part of the Communists. Seven years later, Kennedy would base his support for Diem on that statement. As for the Saigon government, it had no intention to hold elections in 1956. The North Vietnamese delegation the International Control Commission was ousted from the South at the end of the summer of 1956, following violent popular demonstration against it. The Hotel Majestic, where it had its offices, was set fire to, and the delegation was confined to its camp in Gia Dinh and under siege for several days. The conflict which subsequently exploded between North and South would last till April 1975.

This second Viet Nam war was a fight between brothers. During its first phase (till 1969), the alliance between Hanoi and Beijing was seemingly indestructible. In the seventies, China sought a rapprochement with the United States. On August 20, 1968, the Soviet bloc had invaded Czechoslovakia to bring down the deviationist government of Alexander Dubcek. When Brejnev declared that all in the Socialist bloc should align themselves ideologically with Moscow and that revisionism would be severely punished, Mao had felt personally attacked. In March 1969, the Russians and the Chinese clashed at the Manchurian border, on the Ussuri river. On February 21, 1972, Mao welcome Nixon and Kissinger to Beijing and discussed the problem of Viet Nam with them. Prime Minister Chu En Lai (him again!) suggested to Hanoi to end the war as soon as possible and not to insist on all its demands being met. The North Vietnamese were alarmed by the Mao/Nixon meeting and the specter of Chinese betrayal at the Geneva Conference came back to haunt them. They feared a Washington-Beijing agreement at their expense. Already, four months earlier, North Viet Nam, at Beijing's request, had to abandon its demand for Nguyen Van Thieu's resignation prior to negotiations on US withdrawal. Mao had openly said to Ho that *"If the Chinese cannot take Taiwan back by force, it is appropriate for North Viet Nam to postpone its plant to invade the South."* This sounded like the Chinese were again working against Vietnamese reunification.

The Shanghai declaration, signed by the United States and China, heightened the North Vietnamese's concern and their anger. In that document, Nixon had pledged to reduce American military presence in the Taiwan Straits, in an effort to reduce tension in the area. To Hanoi, this was the price that was being paid for peace in Indochina. In an editorial, *Nhan Dan* despaired thus: *"Socialist powers give too much importance to their own immediate, narrow interests. Thus they betray their international responsibilities and greatly harm revolutionary movements throughout the world."*

A change of heart took place among the North Vietnamese leaders. Le Duan and Le Duc Tho started to lean towards Moscow. Pham Van Dong, Prime Minister for a record thirty years, and former PCV Secretary General Truong Chinh maintained their distance from the pro-soviet camp as well as from the "neutralists" who in spite of their name, were pro-Chinese. This camp include Hoang Van Hoan, Vo Nguyen Giap and Xuan Thuy, the assistant chief of the Communist delegation in Paris. A bloody purge ensued.

In February 1979, Teng Tsiao Ping sent his forces to "teach a lesson" to the "Vietnamese traitors" who were consorting with the Soviets, driving ethnic Chinese out of the country and invading Cambodia, which Beijing considered as its own private territory. The expedition was a great failure but before withdrawing, the Chinese destroyed the whole border are, in particular the town of Lang Son where traces of their vandalism are being preserved by the local authorities lest its people forget the evil perpetrated by the enemy from the North.

The hostility between the Chinese and the Vietnamese goes back a long way. The current leaders of Vietnam however seem to have a short memory. Their recent decision to re-open the railroad between the two countries may well turn the border provinces into Chinese satellites. They are already swamped by smuggled goods and illegal immigrants. As for the Chinese, in spite of their protestations of friendship, they still hold on to their claims over the Spratley and Paracel islands which historically have been Vietnamese since Emperor Gia Long's reign.

In summary, **what conclusions** can we draw from the relations between China and Viet Nam in the last few decades?

1954 and 1973: two conferences and two treaties marking two bloody wars, dominated and manipulated by Marxist and Capitalist powers. The direct victims have been the 75 millions Vietnam-

ese today reunified on paper but in fact deeply divided and bitter. The country slips further every day and in every way under the control of foreign powers and the people's aspirations to independence, freedom and progress remain unfulfilled.

Before 1975, the two Viet Nam have wasted countless opportunities for peaceful reunification because leaders on both sides have not known how to utilize our country's geo-political advantages and the Vietnamese people's strengths to safeguard fundamental rights.

For the United States, China and the USSR, the two Viet Nams have been pawns in their respective containment strategies. The Geneva Treaty was more favorable to the nationalist cause than the Paris Treaty, politically and militarily. Under the Geneva Treaty, the Communist had to withdraw from he South and at the time, the birth of the Republic of South Viet Nam had been welcome by most free nations. Had democracy been allowed to flourish in the South, the general elections may have been won and may have led to a peaceful reunification. The question is: would the superpowers have allowed it to happen? In 1973 on the other hand, the United States forced the Saigon government to accept a half-war, half-peace kind of agreement with an enemy who was better armed. This agreement included an on-the-spot ceasefire (known as a *leopard spot arrangement*) and the right for the Communists to stay and control entire areas in the South. To this was added the extreme weakness of the Southern leadership. South Viet Nam did not stand a chance.

As for the Vietnamese Communists, for 21 years, they have demonstrated their inability to manage the peace. The Vietnamese Communist Party is far from being monolithic. Its various factions are constantly vying for control. Marxist ideology has lost its power of seduction. It does not unify, it divides. The only common denominators seem to be greed, the hunger for money and a good life.

The Vietnamese people (20 million in the South, 40 millions in the North) do not or no longer believe in a rosy socialist future. Neither do the two millions overseas Vietnamese. In the other camp are two and a half millions members of the PCV, a tiny minority. Their membership is not ideologically sound, it is based on opportunism more than anything else, and many are ready to defect. Under the guidance of sincere patriots and with the support of an Army converted to democratic principles, the non-communist majority may become an invincible force for renovation.

Then and then alone, Viet Nam will be truly reunified and truly free.■

Huntington Beach, California
March 18, 1996

ĐÃ PHÁT HÀNH

NHỚ ĐẤT THƯƠNG TRỜI

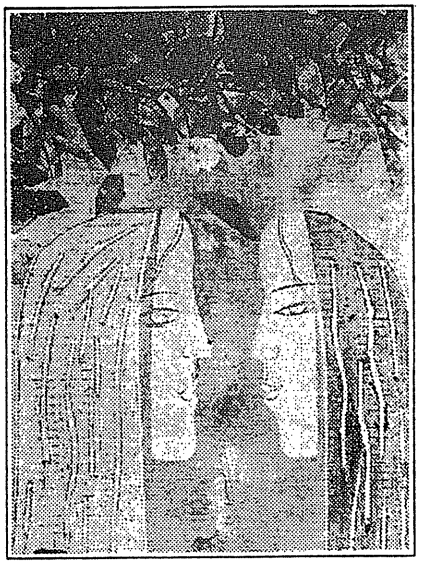

Tập thơ thứ nhì của

TRẦN HỒNG CHÂU

● Một tập thơ đầy chất trữ tình phóng khoáng và mới lạ
● Một tổng hợp của sức sáng tạo với kiến thức uyên bác về các nền văn nghệ Đông Tây

Bìa và phụ bản của họa sĩ
Nguyên Khai

160 trang - Giá $10
Nhà Xuất Bản Thế Kỷ
11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove
CA 92640 - USA Tel: (714) 638-9510

"HANOI IN MY EYES" and "THE RUBBER TREE"

By NGUYỄN ĐÌNH-HOÀ
(Southern Illinois University)

Phạm Xuân Đài. *Hà Nội Trong Mắt Tôi.* Westminster, CA. Thế Kỷ [11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92640]. 1994. 185 pages. $10.00

This is a collection of sixteen short essays and notes written during the past five years in Vietnam and in the US by Phạm Phú Minh, a refugee teacher who left Vietnam only in late 1992. The first essay, that gives the book its title, was sent from Vietnam and first appeared in *Người Việt*, the most important Vietnamse-language newspaper in America, under his pen name Phạm Xuân Đài. Some of the other items were also first published in various refugee publications in California.

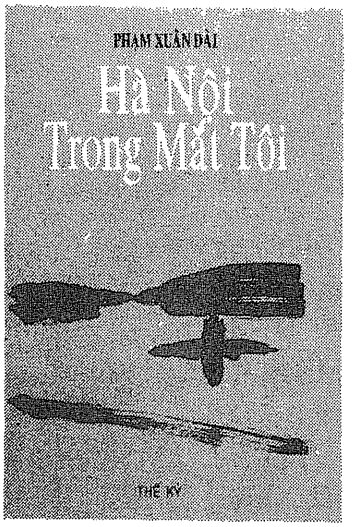

There is no lack of books and articles about the city that was first chosen in 1010 by the founder of the Ly dynasty to be the capital of independent Vietnam, following a millennium of direct Chinese rule. Most writings give historical details and descriptive features about the beautiful feudal capital by the silt-laden Red River, with its fortresses and gates, its lovely lakes, its temples, its guilds, its marketplaces. "Hanoi in my eyes" reveals the author's feelings for a city which he visited for the first time after spending thirteen years in "reeducation centers," a city that has endured and survived the ups and downs of Chinese and Western aggression.

The collection also contains excellent pieces about the "moral goodness" of a Vietnamese Buddist temple, about a small café in Saigon, about his imaginary meeting with Pasternak's Dr Zhivago, about the play "Kiều Loan" concerning the conflict between the Tây Sơn and the Nguyễn families in the late 18th century.

In "Story in Café," the owner of the makeshift coffee shop enjoys the home visit (from France) of her 14-year-old son whom she had herself sent out as a boat person seven years before: PXD reflects on the reason why, when unable themselves to leave, mother risked everything and arranged for their children to escape from communist Vietnam.

In "Mountain in the Spring" he likens the yearly metamorphosis of the mountain range by the Mã River in Thanh Hóa province — one reeducation camp site — to Irvine, California landscape, where he again feels springtime inside him, inside his body, in his thoughts.

"Meeting with Dr. Zhivago" is cleverly built around the fictitious dialogue between the author and Pasternak's character, with two interlocutors agreeing on the deep cause of the material and moral bankruptcy of their respective homelands.

"The Vibrant Purple Bloom" helps the reader appreciate PXD's rapturous ecstasy before the distinctive bluish-white color of jacaranda trees of southern California in comparison with the various purple hues of the Indochinese flora he is familiar with. Most touching are his reminiscence in "Letter to Christina" about his short summer 1970 stay in Columbus, Ohio, where in an international camp on the world affairs he met an Italian girl: even after her marriage she and her husband kept up correspondence with PXD, and, following the interruption caused by the 1975 events, continued sending news and gifts via France. PXD praises that unshakable friendship in moving terms.

Whether he comments about religion, about the ancient imperial city of Huế, "which has been allowed to deteriorate," about flowers, about the popularity of the "Monkey" (classic Chinese novel) video series shown in Vietnam and its terrible influence upon Vietnamese youths, PXD proves to be a sensitive human being, a keen observer of human situations, an intellectual concerned over the constant multi-agent pollution that surrounds modern society in general and Vietnamese society in particular.

It hurts the author to see Hanoi, the former

"cultural cradle" of Vietnam, gradually becoming [in 1989] "a valley of misery and shame" in his eyes, and he mourns its past glory throughout centuries of valiant struggle against the northern neighbor and against natural diasters. Whereas other former prisoners allowed to leave the country under the H.O. [Human Operation] program departed for the United States in doubt and uncertainty about a new life in a strange land, PXD cried out his "romanticism," confident in the altruistic endeavors of the United Nations (High Commissioner for Refugees). In this small book, a promising new author has provided us with writings that exude optimism, just as he confidently proclaims that Hanoi with its thirty-six handicraft guilds and ancient streets and its scores of classical health-food creations will rise above its ashes, worthy of Emperor Lý Thái Tổ's selection as the capital city of Đại Việt "Great Vietnam" in the eleventh century.

*

Nguyễn Thị Tuyết Mai. *The Rubber Tree: Memoir of a Vietnamese Woman Who Was An Anti-French Guerrilla, A Publisher and a Peace Activist.* Monique Senderowicz, ed. Jefferson, N.C. McFarland & Co. 1994. xii + 244 pages, photographs. $29.95.

This is the well-written memoir of a Vietnamese woman who witnessed the successive political upheavals of Vietnamese society since her birhtdate in the early 1930s and whose life events have reflected the drastic change of her motherland from the last colonial days (the 1940s) until the present time (1994).

Shortly after his return from America, the author's husband, often called the "adopted son" of Ngô Đình Diệm — the first president of the Republic of (South) Vietnam — was put in charge of Vietnam Press News Agency in 1957, at the age of 27, so was privy to the autocratic anticommunist leader's policies vis-à-vis North Vietnam, the other nationalist parties, and the Chinese minority, etc. His falling-out with the supreme boss even prior to the 1963 coup (in which both the "last mandarin" of Independence Palace and his brother Nhu were killed by the junta), led to the couple's "self-exile" to the US — facilitated by the Nieman Fellowship at Harvard — and the author's narrative takes the reader through the interplay of Saigon politics of the fifties and sixties.

Tuyết Mai "Snowwhite Plum Blossom," a beautiful, intelligent and independent girl, was brought up in her own words in "an upper middle class Hanoi family and was part of the Saigon elite during the Vietnam war" (p.ix). Three years after the August 1945 revolution, she joined the anti-French resistance war and even got to meet famous general Nguyễn Sơn, then in late 1953 the *Congressional Record* quoted her as "one of the first supporters of Ngô Đình Diệm," just because she could not think of any other name when interviewed by a journalist. As a Saigon insider, she started her writings in California in 1970 during her hospitalization for a broken leg, but did not go back to her manuscript until 1985, when she again became immobilized for about two years as the result of a car accident. Since recovery from her second mishap, she has made several trip to the old country, where she now notices "more noise, more pollution, more crime, more disease, more people, more waste..." (xi-xii). So this memoir has had the benifit of maturation and also of her married daughter's editing, which makes it satisfying to read.

The reader is amply rewarded by sweet reminiscences about her girlhood in Biên Hòa, her school years there and later in Saigon, and her participation in the Vietminh movement. The book also offers details about her higher education in the States (at Mundelein College in Chicago, and afterwards at a Catholic college in Nazareth, Michigan), her future husband Hoành's courtship [his actual name is Nguyễn Thái], their marriage in July 1954 (despite the family opposition), and her later involvement in both South Vietnam's politics and business. She even ran once for the National Assembly, but lost to Mme Nhu. She also had a business venture trying to import Hondas to compete with a French firm's monopoly. It is therefore understandable that she had opportunities to observe how the civilian and military officials in wartime Saigon wheeled and dealed among the Vietnamese ruling circles that learned fast from the worst of their U.S. advisers.

In her vignettes of family life and school life, the author shows her deep love and admiration for her parents and teachers amidst the cosiness of their peaceful home in peacetime Indochina. One incident was vividly remembered: her engineer father dared slap a Frenchman who had struck his chauffeur. This was a very unusual gesture because under French administration, when schoolchildren were even forbidden to speak their mother tongue (then called *annamite*) in class, the *indigènes* had a morbid fear of their French superiors.

Climbing her rubber tree in the neighboring field, stealing flowers from the French lady principal's garden, swiping rice cakes from a village deity's shrine, getting spanked by her mother and father, losing her tiger cub when she accidentally strangled the pet, are just a few singular experiences which this vivacious girl went through and now recounts with utter candor and delight. Incidentally, in her eagerness to throw French words into her stories, the author overlooks the more precise words in English that would fit better: a bicycle handlebar is referred to as the "steering

bar" (pp. 34, 50), a "One Way" street is referred to as the *Sens Unique* (p. 69), and the fruit that the French call *goyave* (p. 34) should have been simply called a ... "guava!" The "Flying Rug" for *Flying Carpet* is definitely bad translationese from French.

The most fascinating chapters deal with the 1945 events — the atrocities inflicted on the populace by Japanese troops, during the sandbag-and-barbed wire days of the Greater East Asia Sphere of Co-Prosperity, the efforts by the French to return to their colony after V-J Day, the arrival of the British and Chinese armies to disarm the Japanese, the exciting days of the August 1945 Revolution, the rally where Ho Chi Minh addressed the young demonstrators, and the "Gold Week" during which female citizens were urged to contribute their jewelry to the Resistance Fund.

This reviewer has found a number of errors which would have been tolerated in a non-Vietnamese writer (the author's daughter apparently is too young to be able to help her with content words concerning Vietnamese culture):

Chùm kết (p. 100) are actually *bồ kết*, which are soap pods used to make shampoo concoctions.

Cổ Loa is not what Vietnamese "called" Hanoi (p. 101), but rather the conchshell citadel of the ancient capital established by King An Dương in Phúc Yên Province as early as 207-208 B.C., but abandoned in 1010 A.D. by Emperor Thái Tổ, founder of the Lý dynasty, who had the capital transferred to present-day Hanoi, a better site according to geomantic principles.

Cam Ranh Bay is not located at Nha Trang (p. 107), but 49 kilometers south of it.

The guild-streets of the old residential of Hanoi numbered thirty six, *not* thirty eight! (p. 113)

Thực dân, a Chinese loanword, means "colonialist," not "cannibal" (p. 117).

The adage meaning "The King's order comes second to the villager's customs" [the author's translation] is *Phép vua thua lệ làng*, not *Lệnh vua* ....(p. 108).

"Medicine Lady" is *Bà Lang*, not *Ba Lan*. (p. 127)

The most famous lake in Hanoi is not the Eastern Lake but West Lake (*Hồ Tây*).

Despite these infelicities, the book as a documentary autobiographical novel (with the 16 plates containing 27 photos) succeeds in giving the Vietnamese viewpoint as well as insights into Vietnamese psychology instead of making the reader look at Vietnam through the prism of a war fought in a far-way land.■

Tìm đọc:

NHỮNG NGÀY XA XƯA ẤY

Hồi ký của **THU TÂM**
(người yêu của Trần Huy Liệu)

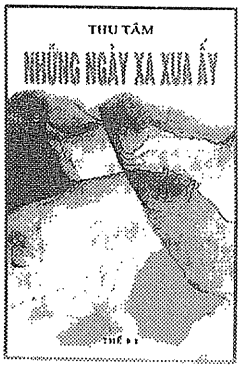

Vào tuổi thanh xuân, Thu Tâm yêu say đắm Trần Huy Liệu — một nhà hoạt động cộng sản nổi tiếng, trước kia là đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng. Mối tình nồng thắm giữa hai người kéo dài chưa được bao lâu thì bị cắt đứt. Vì...

Bạn hãy đọc, để biết vì sao. Bạn phải đọc, để nhìn lại được đời sống xã hội, nhất là tình yêu, của lứa tuổi hai mươi Việt Nam thập niên 30.

Thế Kỷ xuất bản. Bìa Khánh Trường.
120 trang. Giá $10.00.

Liên lạc: Thế Kỷ
11022 Acacia Parkway #AGarden Grove CA 92640 USA
Tel (714) 638-9510. Fax (714) 638-1944
E-mail: theky21@ix.netcom.com

Orange County, California, USA

Thuh

Beauty Institute

8181 Bolsa Ave.
Midway City,
CA 92655

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA,USA.
*Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, VietNam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991+1992+1993 +1994+1995, CA, USA..
* Aesthetics Congress 1991+1992+1993 +1994+1995, Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzeland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beaty 1992, Ethens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio De Janeiro, Brazil.

THUH ☆ BEAUTY
Orange County, California, USA

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận.
Giải phẫu:
Mắt, mũi, cằm, ngực, da mặt, da trán, hút mỡ. Lấy da và mỡ bụng. Chữa trị các hình thức Silicone. Giải phẫu bàn tay Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

Tel. & Fax:
(714) 8-949-949

CHUYÊN MÔN:

* Facial * Lột da mặt * Dầu thơm Pháp
* Dưỡng Da * Xâm Thẩm Mỹ * Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)
* Trang điểm cô dâu, dạ hội
* Chữa trị da nám, tàn nhang, vết seo vì mụn.
* Lớp dạy Trang điểm và Xâm thẩm mỹ
* Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.

Bp: (714) 346-3260

Bằng phương pháp đặc biệt do Thuh Beauty nghiên cứu và chăm sóc sau một thời gian ngắn sẽ có làn da tươi mát và mịn màng

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277 GARDEN GORVE, CA 92642. USA
Tél: **(714)537-2468**

- Hình thức trang nhã. Bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
- Nội dung phong phú, khách quan. Với đóng góp của những nhà văn nhà thơ tên tuổi trong, ngoài nước.

Phiếu Mua Báo Dài Hạn

(Một năm 6 số. Mỗi số dày 252 trang)

Tôi tên: _____
Địa chỉ: _____
_____
_____

Nhận mua một năm HỢP LƯU, từ số ___ đến số ____. Xin gửi kèm ngân phiếu số, đề HỢP LƯU.

Nội địa **Hoa Kỳ** và **Canada**:
40MK/năm (Hạng tư, đường bộ, thủy).
50MK/năm (Hạng nhất hoặc máy bay).
Úc và **Á châu**:
50MK/năm (Đường thủy). 80MK/năm (Hàng không).
Âu châu:
50MK/năm (Đường thủy), 70MK/năm (Hàng không).
Giá bán mỗi số tại các hiệu sách: 7MK.

Đặc san LÊ HOA 1996

Liên lạc: LÊ TỘC HỘI HẢI NGOẠI
10444 Flanders Place
San Diego CA 92126 USA
ĐT: (619) 586-1867

Khi quý vị và gia đình cần đến dịch vụ

NHA KHOA

Xin nhớ tới Bác Sĩ Nha Khoa
PHẠM NGỌC PHƯƠNG LAN, D.D.S.
Bác Sĩ Nha Khoa
DANIEL TÙNG LÊ, D.D.S.

Chuyên về:
- NHA KHOA TỔNG QUÁT: Chữa bệnh nướu răng, răng bị chảy máu, đánh răng trắng, lấy gân máu, nhổ răng, làm răng giả các loại.
- NHA KHOA THẨM MỸ: Vá răng sứt mẻ, làm khít răng thưa, tẩy trắng răng, làm răng đổi màu thành trắng đẹp, niềng răng.
- NHA KHOA NHI ĐỒNG: Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch, săn sóc răng cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên.

• WESTMINSTER và các khu lân cận **(714) 893-6768**. 14044 Magnolia St., #125 Westminster, CA 92683 (Góc Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

• Quý vị ở LONG BEACH xin mời đến Anaheim dentistry **(310) 491-5529**. 906 E. Anaheim St Long Beach. CA 90813 (Đối diện Phở 79, cạnh Food To Go Sáu Voi)

MORTGAGE

JM MORTGAGE CORPORATION
17802 IRVINE BLV. #125, TUSTIN, CA 92680
PHONE: 714-544-5009 * 1-800-565-3637 (NGOÀI ORANGE COUNTY)
FAX: 714-544-5677

HOME IMPROVEMENT, FHA TITLE ONE, EQUITY LOANS:

Bạn có thể mượn tới $25,000 để làm landscaping, hàng rào, xây thêm phòng, sửa nóc nhà, patios, sơn nhà, đồ dùng kitchen. Không cần Equity, không cần appraisal nếu dưới $25,000. Nhà đang ở hoặc cho thuê đều được.

NHÀ SẮP BỊ TỊCH THU (Foreclosure)

Nếu quí vị dự định bỏ nhà vì: *Giá trị căn nhà thấp hơn nợ cũ *Tiền trả hàng tháng cao quá *Bệnh nặng hoặc chết chóc *Không thể trả nỗi nữa vì một lý do chính đáng. Xin gọi công ty để "Save your credits" và quí vị không phải trả tiền huê hồng.

Property must qualify based on negotiation with current lien holders for all costs incurred included brokerage fees.

Đặc biệt: **JM MORTGAGE** chuyên môn **FHA, VA, Conv** (trên toàn Hoa kỳ), Cal Pers, Chfa, **Hud Repo Panel**, SBA, và Cities Loans.

*** Có Chương Trình Mua Nhà Không Cần Tiền Down***

"Leads" provided by company for agents. Công ty sẽ hoàn trả tiền học phí cho người muốn vào ngành địa ốc.

E-mail: jmmtgcor@aol.com

Kha John (Pager: 714-571-6885)

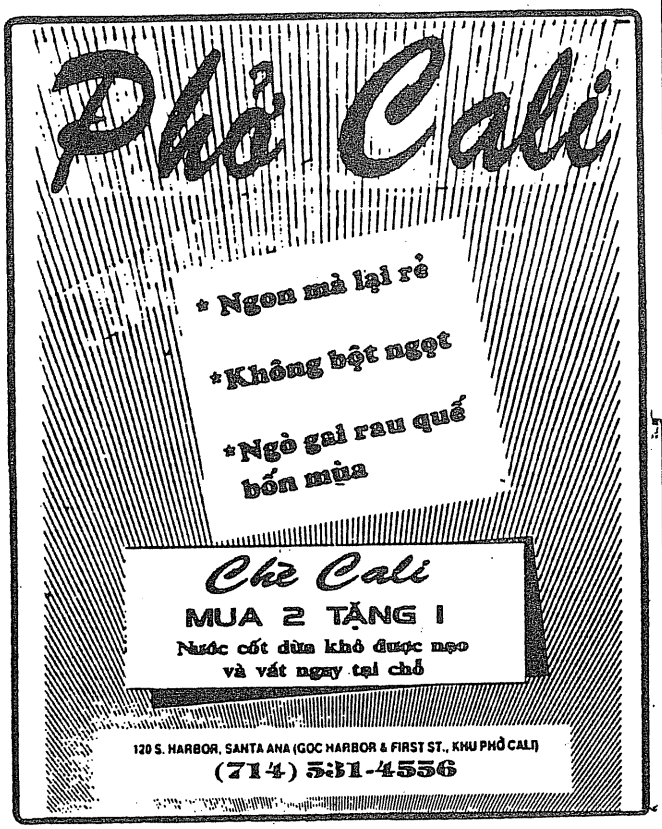

Thuh ★

BEAUTY INSTITUTE

8181 Bolsa Ave., Midway City CA 92655
Tel & Fax (714) 894-9949
BẠCH THU HÀ,
RN, BSN . Cosmetician. Esthetician

LISE DIEU TRANG VO
Agent

New York Life Insurance Company

NEW YORK LIFE
The Company You Keep

2677 N. Main Street, Suite 700
Santa Ana, CA 92701
Bus: (714) 560-7850 Direct
(714) 560-7800
Fax: (714) 560-7892
Pager Toll Free: **1 (800) 918-1172**

TOGETHER WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

SOCIAL ASSISTANCE PROGRAM FOR VIETNAM

SAP-VN

A Helping Hand for Needy People in Vietnam

Lá Lành Đùm Lá Rách

SAP-VN là một hội thiện nguyện hợp pháp (thành lập năm 1992) được hưởng qui chế miễn thuế của tiểu bang California và liên bang Hoa kỳ theo điều luật 501(c)3 của IRS.

Mục đích — Trợ giúp về y tế, giáo dục và xã hội cho các trẻ em nghèo, khuyết tật, và đồng bào kém may mắn ở Việt Nam.

Ngân quỹ hoạt động — Do sự đóng góp tài chánh của mạnh thường quân và sự nỗ lực gây quỹ của hội.

Ngân khoản trợ giúp hằng năm trung bình khoảng $50,000 mỹ kim; dụng cụ và vật liệu y tế trị giá khoảng $100,000 - $500,000 mỗi năm.

Bản tin Green Cross phát hành miễn phí mỗi tam cá nguyệt để tường trình về hoạt động của SAP-VN ở Hoa kỳ và Việt Nam.

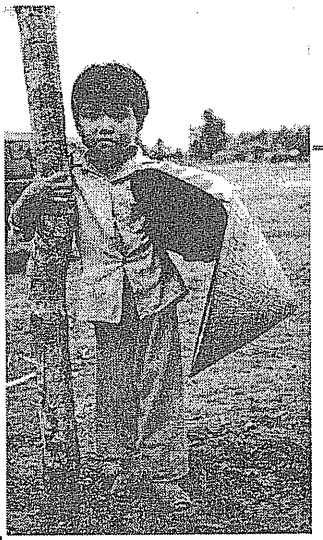

HOẠT ĐỘNG CỦA SAP-VN

- **Tài trợ hoạt động khám bệnh, nhổ răng, phát thuốc miễn phí.**
- **Bảo trợ chi phí phẫu thuật chỉnh hình, vá môi và hở hàm ếch cho trẻ em khuyết tật gia đình nghèo.**
- **Bảo trợ Quỹ Khuyến Học cho Giáo sinh Sư phạm ở các tỉnh.**
- **Chuyển tặng trang thiết bị, vật liệu y khoa cho các bệnh viện, đại học.**
- **Tài trợ Quỹ Ẩm Thực cho Trường Nuôi Dạy Trẻ Khuyết Tật Nhà Bè.**
- **Trợ giúp nạn nhân thiên tai, bão lụt (khi điều kiện ngân quỹ cho phép).**

Mọi đóng góp ý kiến, công sức và tài chánh xin liên lạc về:

10608 Garden Grove Blvd., Garden Grove, California 92643

Phone & Fax (714) 537-4877

Giờ mở cửa văn phòng: Từ 10 giờ sáng - 5 giờ chiều mỗi Thứ Bảy.

XIN CÙNG NHAU GÓP MỘT BÀN TAY NHÂN ÁI!

TOGETHER WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

ADVANCE BUSINESS COPIERS

COPY FAX

LASER PRINTERS

TONER CATRIDGES

FREE IN-SHOP ESTIMATE

BÁN & SỬA CHỮA

THUÊ & LEASE

HỢP ĐỒNG BẢO TRÌ

NHẬN ĐẾN MỌI NƠI

ORANGE-LOS ANGELES-RIVERSIDE-SOUTH BAY

ĐẶC BIỆT : $39.95 & UP

REMANUFACTURED CATRIDGES WITH EXCHANGE

NHÂN VIÊN VIỆT NAM * NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

LÀM VIỆC KỸ LƯỠNG & CÓ BẢO ĐẢM TRÊN GIẤY TỜ

15107 MORAN STREET. WESTMINSTER, CA 92683 714-894-2655

1-800-513-COPY

Sách do Thế Kỷ xuất bản và phát hành

Hà Nội Trong Mắt Tôi

Bút ký, tùy bút...của **Phạm Xuân Đài**, viết tại Việt Nam và Hoa Kỳ trong năm năm qua. Trần Hồng Châu (tức Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, cựu Khoa trưởng Đại học Văn Khoa Saigon) cho rằng: "Niềm yêu đời thắm thiết, niềm tin vào tình người và cái thiện...(...) Phạm Xuân Đài đã được nuôi dưỡng trong khí hậu tinh thần đó."

Tựa của **Trần Hồng Châu**

■ *185 trang. Giá $10.00*

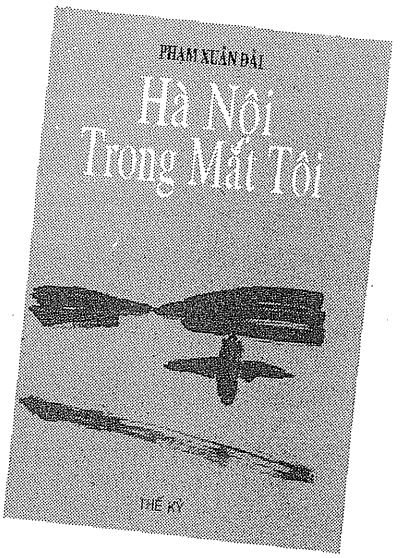

THẾ KỶ xuất bản và phát hành
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944 .

GENERAL DENTISTRY
DR. TO NGOC BUI
Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

(714) 531-0341
Lê's Florist Boutique
Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions
14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

MAXIM'S ENTERTAINMENTS

Một Món Quà Cho Mùa Xuân

THANH LAN - ELVIS PHƯƠNG - LÊ THU - KENNY THÁI - DUY QUANG - TRỊNH NAM SƠN - NHẬT TRƯỜNG - Ý NHI - MỸ LAN - QUỲNH HƯƠNG - HOÀI NAM - PHI NHUNG - QUỲNH LAN - DIỄM HƯƠNG - HẠ VY- KHẢ TÚ - THANH VÂN - MALINA NHÃ LAN - SONYA LE - LAURA

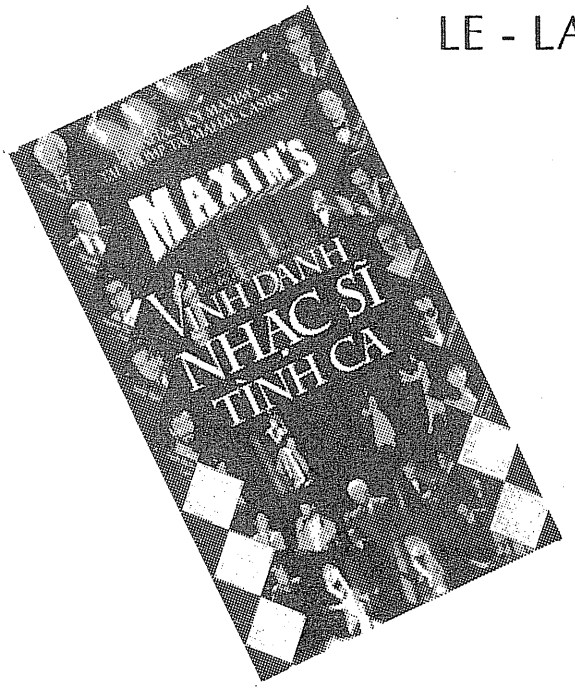

10161 Bolsa Ave. A 104, Westminster, CA 92683
Tel: **(714) 839-8628** * Fax: **(714) 839-6586**

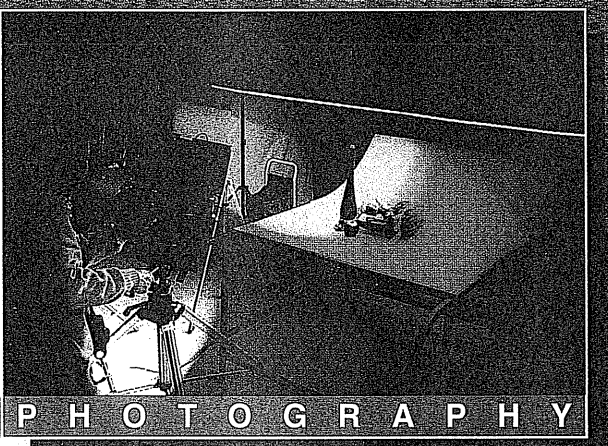

PHOTOGRAPHY

• *Với 3 giàn máy chụp lớn nhỏ khác nhau: NIKON, MAMIYA, SINAR và hệ thống đèn cực mạnh 4000 watts NORMAN, chúng tôi xin cống hiến quí vị những tấm ảnh sắc xảo, rõ ràng, đầy màu sắc nghệ thuật.*
uí vị cần chụp mỹ phẩm, tranh ảnh, đồ vật, người mẫu, hoa hậu áo dài... xin đừng quên PRECISION.

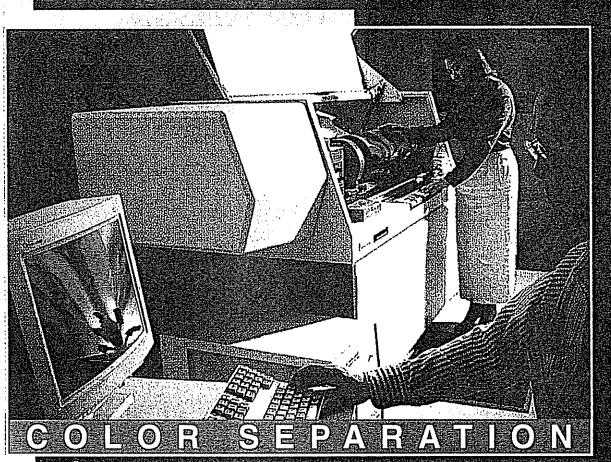

COLOR SEPARATION

uí vị đã từng bị phật ý vì những tấm hình in không đẹp (mờ đục, màu sắc lệch lạc, chi tiết không rõ ràng...) rất có thể nhà in đó đã dùng desktop scanners hỏ, rẻ tiền và low resolution) để phân màu cho quí vị. ơ hội phân biệt vàng thau: sau khi phân tích kỹ lưỡng, hân màu lại tấm ảnh đó miễn phí cho quí vị bằng máy 6, loại mới nhất 30"x40" (England made, $250,000). Quí vị sẽ nhìn thấy lại những chi tiết cực nhỏ, màu sắc phân minh, đâu ra đấy rõ ràng.
hòng Graphic Design của chúng tôi với 12 computers, a sĩ của nhiều nước khác nhau, hoạt động liên tục suốt g đồng hồ mỗi ngày, sẵn sàng cung ứng cho quí vị các design bắt mắt, hợp với thị trường của quí vị nhất.

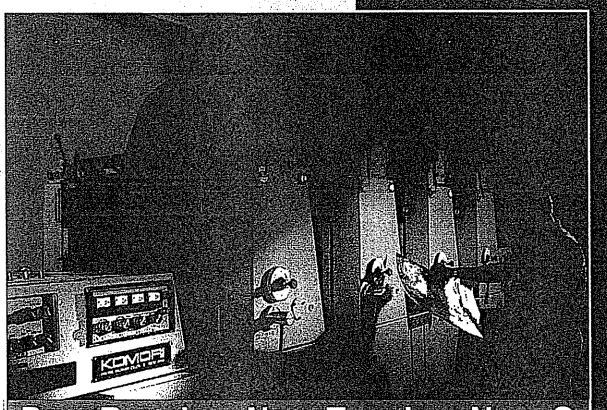

PRINTING

ào máy nấy, chúng tôi dùng máy 1 đầu để in sách báo, ầu để in văn phòng phẩm, và máy 4 đầu dành cho hàng ng mại cấp cao. Bìa băng cassette-CD, bìa băng video, áo, bìa sách, brochures, posters, Karaoke Laser Disc... là các mặt hàng thường ngày của chúng tôi.
Quí vị có hàng 4 màu, cần in cho đẹp, cho chính xác, hữ nghĩa của một khách hàng khó tính ở Little Saigon) quí vị không thể không đến PRECISION.

ẩm này rất lạ lùng. Chỉ cần vài trăm bạc là bạn có thể hoàng khuân về nhà một bức poster to bằng cánh cửa (3 feet x 6 feet).
hật, party, đại nhạc hội, trade shows...là những nơi mà một tấm poster thuộc loại "impression maker" như thế này không có không xong.

POSTER

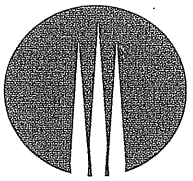

VNCR
VIETNAM CALIFORNIA RADIO
106.3 FM

PHÁT THANH 7 NGÀY MỘT TUẦN:

□ THỨ HAI, BA, TƯ, NĂM ,SÁU: từ 12 giờ trưa đến 4 giờ chiều

□ THỨ BẢY: từ 6 giờ chiều đến 7 giờ tối

□ CHỦ NHẬT: từ 1 giờ trưa đến 3 giờ chiều

Đài có công suất mạnh nghe được rất rõ tại các quận hạt ORANGE, LOS ANGELES, VENTURA, SAN BERNARDINO, RIVERSIDE

TIN TỨC THỜI SỰ NHANH, CHÍNH XÁC & PHONG PHÚ

VĂN NGHỆ CHỌN LỌC

GIẢI TRÍ THOẢI MÁI, THANH LỊCH

HỘI THOẠI, PHỎNG VẤN ĐỀ TÀI THIẾT THỰC

QUẢNG CÁO VUI TƯƠI HẤP DẪN & HỮU HIỆU

VNCR Phone: (714) 534-9430 (714) 534-9431 (714) 534-9432
Fax: (714) 534-9433 E-mail: 75504.3510@compuserve.com
Web page: http://kicon.com/VNCR
11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

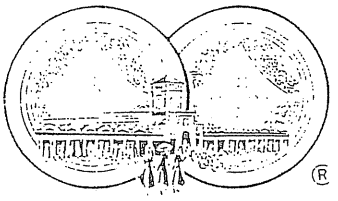

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME VISA ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

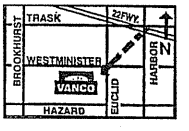

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999

MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

1.	*Bến Xuân*	**Văn Cao** *lời* **Phạm Duy**
2.	*Mộng Du*	**Phạm Duy**
3.	*Đêm Thu*	**Đặng Thế Phong**
4.	*Những Lời Ru Cuối*	**Tuấn Khanh** *thơ* **Nguyễn Đình Toàn**
5.	*Kiếp Nào Có Yêu Nhau*	**Phạm Duy** *thơ* **Hoài Trinh**
6.	*Còn Gì Nữa Đâu*	**Phạm Duy**
7.	*Chiều Khúc*	**Hoàng Khai Nhan**
8.	*Vết Chim Bay*	**Cung Tiến** *thơ* **Phạm Thiên Thư**
9.	*Đôi Mắt Người Sơn Tây*	**Phạm Đình Chương** *thơ* **Quang Dũng**
10.	*Áo Anh Sứt Chỉ Đường Tà*	**Phạm Duy** *thơ* **Hữu Loan**

Hòa Âm và Phối Khí: **Duy Cường** • Hòa Âm Cho Vết Chim Bay: **Cung Tiến** • Hòa Âm Cho Bến Xuân: **Lê Ngọc Châu**
Thu tại: **John Tomlinson Recording Studio • Brynley O'Connor & John Tomlinson**
Trình Bày và Tranh: **Khánh Trường** • Digital Imaging: **ar Graphics**

Bích Liên 14265 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92643 Tel: **(714) 531-2773**

Xin nghe thử ở Web Page: http://.icon.com/Bich Lien

© Copyright 1996 All Rights Reserved.